BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

VĂN HỌC 11

TẬP MỘT

PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

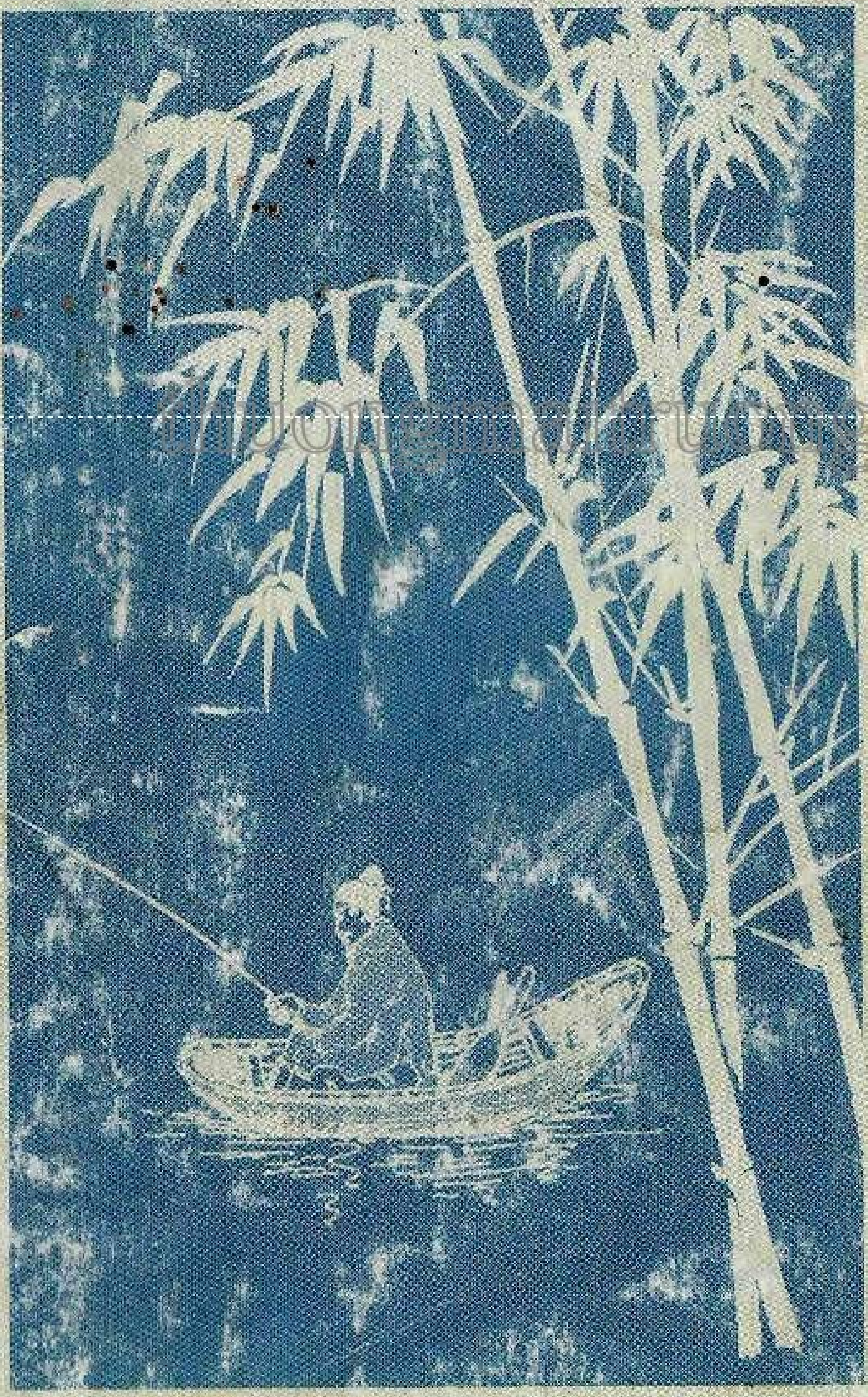

NHÀ XUẤT BẢN
GIÁO DỤC

thuongmai

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

NGUYỄN ĐÌNH CHÚ - TRẦN HỮU TÁ
(chủ biên)
NGUYỄN HOÀNH KHUNG - ĐẶNG THANH LÊ
NGUYỄN LỘC - HOÀNG NHƯ MAI
NGUYỄN ĐĂNG MẠNH - PHẠM VĂN PHÚC

VĂN HỌC 11

TẬP MỘT

PHẦN VĂN HỌC VIỆT NAM

truongxua.vn

Sách chỉnh lí hợp nhất năm 2000

(Tái bản lần thứ năm)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

SÁCH CHỈNH LÍ HỢP NHẤT TRÊN CƠ SỞ
CÁC SÁCH GIÁO KHOA SAU ĐÂY :

1. *Văn 11 – Phần Văn học Việt Nam* do Trường Đại học Sư phạm Hà Nội chủ trì biên soạn. Tác giả :

   NGUYỄN ĐÌNH CHÚ (chủ biên), NGUYỄN HOÀNH KHUNG, ĐẶNG THANH LÊ, NGUYỄN ĐĂNG MẠNH.

2. *Văn học 11 – Tập một* do Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì biên soạn. Tác giả :

   TRẦN HỮU TÁ (chủ biên), NGUYỄN LỘC, HOÀNG NHƯ MAI, NGUYỄN ĐĂNG MẠNH, PHẠM VĂN PHÚC.

thuongmaitr

8(V)(075) / GD – 05 1374/471-04 Mã số: 3H101T5

8XN 8.018.0

PHẦN HAI

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX

(Tiếp theo chương trình lớp 10)

KIÊU BINH NỔI LOẠN

(Trích *Hoàng Lê nhất thống chí*)

NGÔ GIA VĂN PHÁI

truongxua.vn

Tiểu dẫn

Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm chữ Hán viết theo hình thức thể loại tiểu thuyết chương hồi như kiểu *Tam quốc diễn nghĩa* của văn học Trung Quốc.

Đây là tác phẩm của một tập thể tác giả thuộc dòng họ Ngô Thời ở Thanh Oai (nay thuộc huyện Thanh Trì, Hà Nội), trong đó có Ngô Thời Chí (? – ?), Ngô Thời Du (1772 – 1840). Nội dung tác phẩm phản ánh thời điểm lịch sử 30 năm cuối cùng của thế kỉ XVIII khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa năm 1768 đến lúc Gia Long lên ngôi vua năm 1802. Trình bày và miêu tả những sự kiện lịch sử qua một quy mô số lượng lớn lao những hình tượng nhân vật lịch sử, *Hoàng Lê nhất thống chí* tuy mang ý nghĩa tôn phù sự nhất thống của nhà Lê, nhưng thực tế phản ánh phong phú, sinh động diện mạo thời đại : sự thối nát và khủng hoảng triền miên đi đến sụp đổ của các tập đoàn phong kiến Lê – Trịnh và khí thế quật khởi quyết liệt chống thù trong giặc ngoài của phong trào nông dân khởi nghĩa Tây Sơn.

Đoạn *Kiêu binh nổi loạn* được trích từ Hồi thứ hai của *Hoàng Lê nhất thống chí* nói đến sự kiện nổi dậy chống lại tập đoàn chúa Trịnh Cán, đặc biệt là chống lại đại thần quận Huy Hoàng Đình Bảo. Đây là sự biến đầu tiên bộc lộ cuộc khủng hoảng trong nội bộ giai cấp thống trị đương thời sau khi chúa Trịnh Sâm chết.

*

* *

... Lại nói về thế tử cũ[1], từ khi chúa mới[2] lên ngôi, Thị Huệ[3] vẫn muốn ngầm hại thế tử, nhưng Thùy trung hầu thường tìm lời khôn khéo để che chở cho. Thị Huệ bị lời lẽ Thùy trung hầu giằng giữ, nên không dám quả quyết hành động. Ả bèn bắt Tông ra ở tại nhà Tả Xuyên, rồi giao cho bốn đội : Nội khuông, Nội dực, Nội nhưng, Nội kiệu[4] giám sát. Mỗi ngày chỉ có ba bữa cúng cha, thế tử mới được vào phủ đường, lễ xong lại về sở giam. Vì vậy, thế tử ngày đêm lo lắng, sợ rằng không giữ được tính mạng.

Mẹ thế tử là thái phi họ Dương nhờ người chị là quận phu nhân họ Dương kêu van với quận Huy rằng :

– Em thiếp là cung tần Dương thị mỗ và con út chúa là vương tử mỗ xin gửi lời lạy trình quan lớn xét cho : Đứa con út đó có tội, gạt bỏ là phải, không dám phàn nàn. Nhưng nay nó ở vào cảnh ngộ hiềm nghi, tình thế cấp bách, khôn xiết nguy hiểm sợ hãi. Vậy muôn vàn lần mong mỏi quan lớn hãy rủ lòng thương, che chở cho nó được toàn vẹn; công ơn cứu sống của ngài, mẹ con nó xin ghi xương tạc dạ.

thuongmaitr

Quận Huy vừa khóc vừa trả lời :

– Tôi thờ tiên chúa, được chịu ơn huệ đã nhiều, nghĩa tuy là vua tôi, nhưng tình là cha con. Thế tử cũ cũng là con của chúa tôi, tôi có lòng nào, thì xin trời đất tru diệt. Phu nhân trở về, cho tôi gửi lời trình trước màn tang của vương tử và quý cung tần rằng, xin cứ yên lòng, tôi sẽ hết sức giúp đỡ, không có điều gì phải lo ngại.

Rồi Huy bí mật sức cho bốn đội quan quân, ra lệnh phải lỏng lẻo bớt trong việc giam giữ thế tử. Từ đó các gia thần và các người thân tín cũ của thế tử mới được ra vào dễ dàng, không ai xét hỏi.

Thế tử có người đầu bếp tên là Dự Vũ, vốn là người cơ trí, nói năng rành mạch. Một hôm, thế tử hỏi bên ngoài lòng người ra sao, Dự Vũ đáp :

– Nhà chúa bỏ con cả lập con út, thiên hạ đều căm ghét, nhất là quân lính lại càng bất bình lắm. Hôm nọ trong khi tân chúa lên ngôi, theo lệ có ban tiền bạc cho các quân sĩ, nhưng trong quân nhao nhao,

có kẻ không chịu nhận tiền ấy. Sau, quận Huy phải ra lệnh nghiêm cấm, họ mới miễn cưỡng nghe theo, mà trong lòng vẫn còn hậm hực.

Thế tử mừng thầm, đem chuyện ấy bàn với một viên gia thần tên Gia Thọ.

Thọ người làng Bát Tràng, huyện Gia Lâm, cũng là kẻ tinh khôn; hắn nói với thế tử :

– Lòng người như thế, nếu lấy nghĩa khí mà khích động, khiến cho họ một lòng tôn phù, thì việc lớn ắt thành.

Thế tử mừng lắm, bèn sai Dự Vũ làm cơm rượu, mời bọn biện lại trong đám thân quân tới đánh chén, rồi nói với họ rằng :

– Thế tử chẳng có tội gì, nhưng bị mụ đàn bà ác nghiệt họ Đặng làm mê hoặc tiên chúa vu tội hãm hại thế tử để cướp ngôi. Còn quận Huy vốn có chí phản nghịch, lợi dụng vương tử Cán bé dại dễ kiềm chế, nên hắn mới vào hùa với mụ mà gây ra việc bỏ người này lập người kia, để hắn làm phụ chính cho tiện cái mưu cướp nước của mình. Nay tân chúa bị bệnh nặng, sự nguy biến chỉ trong sớm tối. Không biết rồi đây cơ nghiệp nhà chúa sẽ do ai làm chủ ? Ba quân đều là người ở đất "thang mộc"[5] và là binh lính ứng nghĩa, làm nanh vuốt của nhà nước, ai cũng sẵn lòng trung nghĩa. Nếu anh em còn nghĩ đến cái ơn của nhà chúa nuôi nấng trong hai trăm năm, thì hãy nên một lòng giúp đỡ nhà chúa. Mai đây nếu trời cho xong việc, tất nhiên sẽ có sách son, khoán sắt[6] lưu truyền muôn đời.

truongxua.vn

Mọi người đều nói :

– Chúng tôi vẫn có bụng đó, nhưng chưa biết ý vương tử ra sao. Sợ đến lúc ấy nhỡ có điều gì kinh động, người lại quở trách chúng tôi gây việc. Nay vương tử đã ngỏ ý cho biết như thế, thì việc này chắc không khó gì.

Sau đó, họ bèn ngầm đi báo cho nhau, hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn[7].

Lúc quân lính đến hội họp, bàn về việc ấy không ai là không hăng hái. Nhưng họ còn sợ thanh thế quận Huy, nên chưa biết khởi sự như thế nào cho ổn thỏa.

Giữa lúc đang bàn bạc như thế, thì bỗng một người đứng phắt lên nói :

– Chỉ sợ anh em không cùng một bụng thôi. Chứ nếu ba quân đồng lòng, thì bất quá chỉ thừa dịp cúng cơm sáng[8] xong, đánh một hồi trống trong phủ làm hiệu, rồi kéo ùa cả vào, nắm cẳng hắn, vứt chỏng gọng xuống dưới thềm một cái là xong thôi mà !

Mọi người đều reo mừng hưởng ứng, và cùng nhìn về phía kẻ mới nói, thì ra đó là viên biện lại của đội Tiệp bảo[9] tên là Bằng Vũ.

Gã Bằng Vũ này là người huyện Thanh Chương, xứ Nghệ An, ông cha vốn là công thần đời Lê trung hưng. Về sau tập ấm[10] đã hết, con cháu trở nên nghèo nàn, Bằng Vũ được người làng thuê đi lính thay. Gã người thấp bé, thanh nhã như dáng học trò. Sau khi vào đội Tiệp bảo, nhờ biết dăm ba chữ, gã được làm chân biện lại. Ở kinh, gã thường làm mướn đơn kiện cho người ta, vẫn lừng tiếng là tay điêu toa trong việc xui nguyên giục bị.

Lúc này Bằng Vũ thủ xướng ra lời bàn đó, cả bọn liền bầu ngay gã làm chủ mưu, giao cho gã đánh trống trước để thúc giục ba quân.

Bằng Vũ mạnh bạo nhận lời. Rồi cả bọn cùng nhau uống máu ăn thề. Nhưng họ không dự định ngày nào, chỉ hẹn nhau hễ nghe theo hiệu trống của Bằng Vũ thì cùng kéo đến để khởi sự.

Mưu toan bí mật đã bàn định xong. Chợt lại có người nói :

– Việc này hết sức quan hệ, nên nhờ quốc cữu tâu với thánh mẫu[11], xin lĩnh ý chỉ của thánh mẫu mà làm. Vạn nhất quận Huy có biết, mình còn có mật lệnh làm cớ để mà nói, tỏ rằng mình vẫn làm việc minh bạch. Như thế mới là kế vạn toàn !

Người ấy là Bùi Bật Trực, quán làng An Toàn, huyện La Sơn, một tay danh sĩ xứ Nghệ. Bật Trực trước đã từng làm chức viên ngoại lang[12], hồi này vì bị mất quan vẫn nương nhờ ở trong nhà quốc cữu Viêm quận công[13]. Khi bọn biện lại hẹn quân sĩ đến tụ tập ở chùa Khán Sơn, Bật Trực cũng đã nghe phong thanh. Gã liền đem mưu mô của bọn quân sĩ nói nhỏ với Chiêu lĩnh bá, con Viêm quận công, và

thuongmaitr

khuyên nên nhập bọn để hớt lấy công ấy. Còn bản thân gã thì đứng ra làm người manh mối giữa Chiếu lĩnh bá và bọn quân sĩ. Vì thế, nên gã mới đến dự cuộc họp để nói với bọn họ như vậy.

Quân sĩ vốn không cần chỉ của thánh mẫu, nhưng thấy người nhà quốc cữu cũng có mặt trong cuộc hội họp, khước từ sợ sẽ lộ chuyện. Vả lại, lời của Bật Trực nghe cũng có lí, họ bèn cùng đi với Bật Trực đến gặp quận Viêm.

Lúc quân sĩ chưa đến, Chiếu lĩnh bá đã đem chuyện nói trước với cha. Cha hắn ta vốn là người tầm thường nghe thấy chuyện đó thì sợ lắm, bèn nói :

– Lũ lính tráng này là đồ thô lỗ, khinh suất, nên mới làm việc ấy; mình can dự vào làm gì ? "Con vua thì lại làm vua". Ai làm chúa ta cũng vẫn không mất cái chân là quốc cữu tiền triều. Nay lại muốn cầu công trạng; nếu việc thành, ta cũng không thể giàu sang hơn thế này nữa; mà ngộ nhỡ công việc vỡ lở, hẳn là chết không có đất chôn !

truongxua.vn

Chiếu lĩnh bá đáp :

– Bọn họ bàn bạc, ước hẹn với nhau đã đâu vào đấy rồi. Thế nào nay mai họ cũng ra tay, mà đã ra tay là phải xong việc. Cự tuyệt họ tức là bỏ uổng cơ hội. Vả chăng sự giàu sang của cha dẫu đã đầy đủ rồi thật, nhưng cha cũng nên để cho chúng con nhân dịp mà lập công danh. Hơn nữa con đã trót hứa với họ, bây giờ dù có muốn thoái thác cũng không thể được.

Một lát, quân sĩ kéo đến. Quận Viêm bất đắc dĩ phải ra tiếp.

Sau khi nghe họ nói, quận Viêm trả lời :

– Các anh em còn có lòng vì nước, tôi đây há lại dám có bụng dạ nào khác. Có điều anh em muốn xin ý chỉ của thánh mẫu, thì nên đến nhà cháu tôi là viên phó tri binh phiên Nguyễn Kiêm mà bảo viên ấy vào bẩm với thánh mẫu. Viên ấy giữ chức tri lệnh sử, nên ra vào cung Huỳnh người ta sẽ không nghi ngờ. Còn tôi, tôi cũng xin gửi lời trình thêm với thánh mẫu nữa.

Quân sĩ nghe lời, lại kéo cả sang nhà Nguyễn Kiêm.

Kiêm vốn là hạng hèn nhát, nghe quân sĩ nói thì hoảng hốt chối đây đẩy. Nhưng bọn người vẫn cố nèo :

– Việc này cũng đã bẩm với quốc cữu và người đã dạy như thế.

Rồi họ thúc ép Kiêm phải đến nhà quận Viêm để nhận lời dặn mà vào tâu với thánh mẫu.

Nguyên việc bỏ con lớn lập con nhỏ, thánh mẫu vốn không hài lòng, vì vậy khi được nghe mưu toan ấy, thánh mẫu đã thấy hợp ý ngay. Nhưng, dẫu sao cũng chưa thoát khỏi chí khí đàn bà, thánh mẫu sợ nhỡ công việc bại lộ, quốc cữu sẽ bị vạ lây; nên muốn hãy ngầm dỗ dành quận Huy để hắn đưa thế tử Tông lên quyền ngôi chúa, cho khỏi sinh biến. Lại nghĩ trong bọn bảy viên phụ chính, chỉ có quận Hoàn vừa là thầy học của chúa trước vừa là bố vợ Kiêm, bụng dạ có thể tin được, mà lại là bậc lão nho có nhiều mưu trí, có thể cùng bàn mọi việc với ông ta. Thánh mẫu bèn bảo Nguyễn Kiêm một mặt báo cho bọn quân sĩ hãy chậm khởi sự lại vài ngày, còn một mặt thì tới bàn mưu với quận Hoàn.

thuongmaitr

Quận Hoàn nói :

– Nếu ba quân làm như thế, tất sẽ gây ra rất nhiều việc lôi thôi. Nay thánh mẫu quyết đoán sáng suốt như vậy, thực là phúc cho xã tắc. Lão thần đây cũng không thể nghĩ hơn thế được. Nhưng xin thánh mẫu hãy hạ chỉ dụ quận Huy, còn tôi ở trong sẽ nói thêm vào.

Kiêm đem lời ấy tâu với thánh mẫu. Thánh mẫu bèn sai người bảo quận Huy rằng : "Nay tân chúa bị đau, trong nước đang lo lắng, nghi ngờ. Tướng quân nếu còn coi xã tắc là trọng, thì hãy nên tạm để cho vương tử Tông lên quyền ngôi chúa để yên lòng người. Đợi khi nào tân chúa trưởng thành, vương tử Tông sẽ lại trao trả chính quyền và lui về giữ trọn đạo làm tôi. Tướng quân nên đem ý đó bày tỏ với Tuyên phi và để vương tử Tông nhận Tuyên phi làm mẹ nuôi, lấy tướng quân làm a bảo(14). Mong rằng tướng quân hãy hết sức giúp đỡ cho được chu toàn !".

Quận Huy đáp lại rằng : "Lí tôi gửi lạy dưới cửa thánh mẫu. Thánh mẫu đã lo đến việc lớn của xã tắc, tôi đâu dám chẳng vâng mệnh.

Nhưng có điều việc này không phải ý của tiên vương. Tôi được tiên vương trao gửi con bồ côi, ngài đã dặn dò rất cặn kẽ. Nay tử cung[15] còn quàn tại đây mà đã thay đổi mệnh ngài, lòng tôi tự thấy không yên. Vậy chuyện này xin hãy để liệu sau. Vả tiên vương cũng không còn người con nào khác, chỉ có tân chúa và vương tử Tông mà thôi. Nếu tân chúa không gánh vác nổi công việc, thì sau đó tất là phải đến vương tử Tông. Lúc đó vương tử Tông cứ việc đường hoàng mà thay thế, há chẳng tốt đẹp hơn sao, cần gì mà phải vội vã hấp tấp, làm việc trái với lẽ thường như vậy ? Còn như kẻ lo lắng, thì lâu rồi họ khắc yên lòng; kẻ nghi ngờ, lâu rồi họ khắc tin tưởng. Dám xin thánh mẫu cứ yên tâm...".

Sứ giả chưa ra khỏi cửa, quận Huy đã hằn học :

– Việc này dẫu có đánh chết ta cũng chẳng nghe !

Sứ giả về thuật với thánh mẫu. Thánh mẫu biết chí của Huy không thể lay chuyển, bèn đem lời Huy nói với Nguyễn Kiêm.

Kiêm sợ việc lộ, vạ lây, lại đến bàn với quận Hoàn.

truongxua.vn

Quận Hoàn nói :

– Bây giờ sự thể đã như vậy, thôi thì mặc cho ba quân họ muốn làm gì thì làm !

Tình cờ có một tên lính ở xã Vạn Lộc, huyện Đông Sơn, đem các công việc báo với người cùng làng là viên Thiêm tri binh phiên Trần Hữu Cầu. Cầu vốn tính hiếu sự, lại giỏi làm văn, tức thì soạn ngay bài hịch *Ba quân phò chính*, rồi ngầm đem dán ở khắp các đường phố. Do đó, trong kinh kì nôn nao cả lên.

Thấy chuyện đã vỡ lở như vậy, bọn Bằng Vũ cho là thế không thể dừng được, bèn quyết định ngay ngày hôm sau khởi sự, không cần phải tâu với thánh mẫu. Hôm ấy là ngày 24 tháng 10 năm Nhâm Dần (1782).

Bấy giờ quận Huy cũng biết tai họa sắp xảy ra, liền nói toạc ra ở trong triều rằng :

– Ngày mai có biến, tôi sẽ chết. Nhưng tôi chết cũng phải có năm ba mạng đi theo.

Các quan nói :

– Lẽ nào lại có chuyện ấy ?

Quận Huy bèn đưa ra một tờ khải[16] nói là Huy Bá tố cáo quận Viêm đang âm mưu làm phản và xin các quan hãy tra xét để trừng trị.

Gặp lúc trời sắp tối, người nhà quận Huy có kẻ khuyên hắn nên bế tân chúa đi trốn, rồi gọi quân bên ngoài vào bắt bọn gian; có kẻ khuyên hắn nên đưa nghĩa sĩ vào trong phủ để tự vệ... Nhưng quận Huy đều gạt đi mà rằng :

– Xưa nay thói đời vẫn hay phao nhảm, chưa chắc việc đó đã có thật. Mà dù có đi nữa thì cứ để thong thả rồi cũng tra ra, chúng nó trốn đi đằng nào được. Nếu việc gấp quá không thể trị nổi bọn chúng, thì ta đây vâng mệnh của đấng tiên vương, sống thác cũng cam, cần gì mà phải hốt hoảng !

Đêm ấy quận Huy ngủ ở trong phủ, cũng chỉ đem theo vài người hầu như mọi ngày, không hề phòng bị gì hết.

thuongmaitr

Sáng mai, lễ cúng cơm bữa sáng vừa xong, các quan đang sắp lui trào, Bằng Vũ vào trong phủ, đánh luôn ba hồi chín tiếng trống.

Các quan ngơ ngác nhìn nhau. Quận Huy sai người đóng chặt cửa các, bắt trói Bằng Vũ đem chém. Khi Bằng Vũ đã bị trói rồi, Thùy trung hầu bảo quận Huy rằng :

– Bọn chúng lập mưu này không phải chỉ có một đứa, nếu chém Bằng Vũ thì đảng gian sẽ lọt lưới hết. Chi bằng hãy giam nó lại, để tra xét thêm cho tiệt hết mầm loạn.

Quận Huy cho là phải, thế là Bằng Vũ không bị giết chết.

Lại nói, quân lính nghe thấy tiếng trống tức thì người nào cũng nhảy nhót hăng hái, cùng cầm binh khí xô lấn nhau mà vào trong phủ.

Lúc ấy cửa các đã đóng, quân lính ở bên ngoài không vào được, họ cứ đứng hò reo quát tháo long trời lở đất.

Quận Huy gọi quận Châu ra bảo :

– Cậu giữ chức binh phiên, làm sao không biết răn đe chúng nó ?

Quận Châu sợ hãi, vâng dạ mà ra.

Quận Huy tự làm tờ khải rằng :

"Lí tôi kính khải như sau : Tôi được tiên vương giao cho giúp đỡ nhà chúa. Nay đám ba quân nổi loạn, làm cho kinh khuyết náo động. Tôi xin vâng lĩnh mệnh chúa đem quân giết chúng. Nếu dẹp được, ấy là nhờ về oai linh của chúa, nhược bằng không dẹp được, tôi cũng xin liều chết để xuống ra mắt tiên vương ở dưới âm cung".

Khải làm xong, quận Huy giao cho quan xuất nạp dâng trình, và xin lấy thanh bảo kiếm của chúa để ra đánh giặc.

Khi bảo kiếm đưa tới, quận Huy quỳ gối lĩnh nhận, rồi lập tức truyền lấy voi để ra trận.

Lúc ấy quận Châu đang đứng ở phía trái trong cửa các, cách quân lính một bức tường, lên tiếng dụ họ rằng :

truongxua.vn

– Làm lính phải biết lễ phép. Nay tử cung còn quàn ở đây, các người không được làm ồn ào như vậy. Nếu có điều gì muốn nói, cứ về viết một tờ khải đem lại, ta sẽ trình bày giúp.

Quân lính thét lớn :

– Cậu cũng định theo quận Huy làm phản à ? Nếu cậu không mở ngay cửa ra, chúng tôi trèo tường mà vào, thì xác cậu sẽ nát như cám !

Quận Châu run sợ, phải mở cửa. Quân lính chen vai xông vào.

Quận Huy chống kiếm lên voi, cưỡi ra giữa sân phủ, trỏ ba quân quát :

– Bớ ba quân ! Các người phải đâu về đấy ngay, không được làm ầm ĩ, ta sẽ chém đầu chúng mày !

Quân lính vốn sợ Huy, thấy hắn cưỡi voi, lại càng khiếp đảm, đến ngồi sụp xuống nghe lệnh, không dám lên tiếng, cũng không dám xông tới.

Nhưng chỉ được một lát, bao nhiêu người đang ngồi lại nhao nhao đứng dậy, kéo ập vào trước đầu voi.

Voi vươn đầu ra húc, quân lính chạy quanh chân voi để tránh cặp ngà. Rồi họ lấy khí giới đâm chém túi bụi, có kẻ cạy gạch ngói ở phủ ném ra tới tấp, voi co vòi mà gầm không dám húc nữa. Quận Huy giương cung định bắn, chẳng may cung bị đứt dây; lại vớ lấy súng để nạp đạn, nhưng mồi lửa tịt không cháy. Quân lính thừa dịp dùng luôn câu liêm lôi viên quản tượng xuống đất mà chém. Voi bước lùi trở lại. Quân lính xúm đến vây kín dưới chân voi. Quận Huy lấy mũi lao phóng xuống, làm bị thương vài người. Quân lính hăng máu kéo đến càng đông. Lại có một toán ở cửa Tuyên Vũ xông vào, đứng chắn ở đằng sau voi, khiến voi phải đứng im không thể nhúc nhích. Họ bèn dùng câu liêm móc cổ quận Huy kéo xuống, rồi đánh đấm túi bụi giết chết ngay tại chỗ.

Sau đó, họ phanh bụng quận Huy lấy gan ăn sống, còn thây chết thì lôi ra ngoài cửa Tuyên Vũ.

thuongmaitr

Em ruột quận Huy là Lí vũ hầu Hoàng Lương nghe tin có biến, vội vàng chạy bổ vào phủ đường. Nhưng mới đi đến cửa chùa Báo Thiên thì bị quân lính quát đứng lại, rồi họ vớ luôn gạch đá trên đường đập cho vỡ đầu và vứt xác xuống hồ Thủy Quân[17].

Anh em quận Huy chết rồi, quân lính vui mừng reo hò như sấm. Họ kéo nhau vào nhà Tả Xuyên phò thế tử Tông lên phủ đường. Họ kiệu thế tử lên vai, rồi đứng xúm chung quanh, gào lên vui sướng :

– Xin ngồi cao thêm nữa để thiên hạ đều được thấy mặt rồng cho thỏa lòng vui của mọi người !

Trong lúc gấp vội không có kỉ sập, họ phải dùng tạm chiếc mâm vẫn bày cỗ lộc làm ghế, đặt thế tử ngồi lên, rồi tám người kề vai vào khiêng. Chốc chốc họ lại nâng bổng chiếc mâm lên trên đầu mà đội; đầu mỏi lại hạ xuống vai, rồi vai mỏi lại nâng lên đầu. Cứ thế lên lên xuống xuống y như người ta dỡn quả cầu hoặc rước pho tượng Phật. Mỗi lần thế tử được nhô lên cao, quân lính lại vỗ tay reo hò

vang lên một chặp. Những kẻ buôn bán ở các phố phường, chợ búa đều tranh nhau kéo đến xem chúa, sân phủ đông như họp chợ.

Quận Châu phải đem ngọn cờ đuôi báo phất ở giữa sân, rồi khua chiêng thu quân, mãi đến hơn một trống canh mới yên.

Mấy hôm trước, ngày nào trời cũng u ám. Hôm ấy tự dưng bầu trời lại trong sáng, mọi người đều cho đó là cái điềm thái bình, thánh chúa. Kẻ qua người lại trên đường đều hí hửng nói : "Chúa ta lập rồi !". Thế rồi họ truyền miệng nhau mà reo mừng, kinh kì(18) hôm ấy vì thế phải nghỉ phiên chợ.

Quân lính đặt chiếc sập ngự ở ngoài phủ đường, các quan đều dìu thế tử(19) lên ngôi chúa. Cuộc lễ mừng xong rồi, các quan mới đem đạo sắc của nhà vua và tờ chỉ của thánh mẫu dụ ba quân về việc phò lập chúa, tới dán ở cửa các. Những tờ ấy đều là tạm thời thảo ra, nhưng được gọi là mệnh lệnh định sẵn.

Hôm ấy, việc biến xảy ra, Thị Huệ khiếp sợ vô cùng, phải thay đổi quần áo, nấp ở hậu cung. Các gia thần của vị chúa nhỏ cũng đều chạy trốn hết cả. Riêng quận Diễm bế chúa lánh đi ở một nơi khác, từ sớm đến tối không được miếng gì vào mồm, chúa gào khóc nheo nhéo. Quận Diễm phải dọa : "Không được khóc to, kẻo quân lính nghe tiếng, chúng nó kéo đến đánh chết !". Chúa nhỏ sợ hãi, mới không khóc nữa.

Đến đêm, thánh mẫu sai người đi tìm Thị Huệ cùng chúa nhỏ về cung, cho thay quần áo và ăn uống. Chúa nhỏ vì quá sợ hãi, không ăn uống gì được, bệnh càng thêm nguy kịch.

Chúa mới (Trịnh Tông) bèn treo giải hễ người nào chữa khỏi bệnh cho chúa nhỏ, thì thưởng một trăm lạng vàng và phong cho tước hầu. Nhưng rốt cuộc không có ai nhận chữa.

Hôm sau, chúa mới ra lệnh cho quan tham tụng Tứ Xuyên hầu thay chúa nhỏ làm một tờ khải xin tự lui xuống làm vương đệ. Tờ khải làm xong, chúa mới giao xuống cho các đình thần bàn bạc. Các quan xin giáng phong chúa nhỏ làm Cung quốc công. Được ít lâu sau thì Cung quốc công qua đời.

ruongxua.vn

Lại nói, bọn quân lính tuy đã giết chết anh em quận Huy, nhưng cơn giận vẫn chưa hả. Phò lập thế tử Tông lên ngôi chúa xong xuôi, họ lại kéo đến quỳ ở trước mặt chúa xin phá tất cả dinh cơ của quận Huy.

Chúa ưng lời ngay. Ba quân liền reo lớn :

– Quan cứ lệnh, lính cứ truyền, mau đi phá hủy dinh quận Huy anh em ơi !

Chỉ trong chốc lát, nhà cửa của quận Huy bị phá tan tành, một mảnh ngói cũng không còn. Rồi bọn quân lính càng thừa thế hoành hành. Phàm các quan văn võ, hễ ai thuộc bè đảng Thị Huệ và quận Huy, cùng những người dự vào việc tố giác vụ án năm Canh Tí, những viên quan hầu mọi ngày có tính nghiệt ngã mà quân lính vẫn ghét, lúc ấy cũng đều bị phá nhà hàng loạt và bị lùng bắt đem giết chết.

Luôn trong mấy ngày, họ làm náo động cả kinh thành. Tông phải hạ chỉ ngăn cấm mà họ vẫn không thôi.

Sau, chúa phải sai người dò xét trong kinh kì, lén đến chỗ họ tụ họp, rồi bắt phứa lấy một người thường dân ở gần đó đem chém để ra oai. Từ đó về sau việc phá phách nhà cửa mới tạm ngừng, nhưng việc lùng bắt người để giết thì vẫn chưa dứt...

NGUYỄN ĐỨC VÂN và KIỀU THU HOẠCH dịch
(*Hoàng Lê nhất thống chí*, NXB Văn học,
Hà Nội, 1964, trang 39 đến 52)

Chú thích

(1), (2), (3) Trịnh Tông, con trai cả của chúa Trịnh Sâm, mẹ là Thái phi Dương Ngọc Hoan. Đáng lẽ Trịnh Tông được làm thế tử nối ngôi chúa nhưng Trịnh Sâm yêu chuộng Tuyên phi Đặng Thị Huệ nên lập Trịnh Cán làm thế tử. Năm 1782 Trịnh Sâm chết, Trịnh Cán lên ngôi mới khoảng 5, 6 tuổi. Triều đình chia làm hai phe : phe Trịnh Cán do Đặng Thị Huệ và quận Huy Hoàng Đình Bảo cầm đầu, còn Trịnh Tông được Thùy trung hầu và một số đại thần quan lại che chở. Trịnh Tông dựa vào một số gia thần để mưu việc nổi lên chống phe Trịnh Cán, cướp lại ngôi chúa. (4) Bốn đội quân ở trong cung vua phủ chúa. *Nội khuông, Nội dực :* hai đội phò tá (*khuông, dực* có nghĩa là phò tá); *Nội nhung :* đội ưu binh trong cung phủ; *Nội kiệu :* đội phụ trách xe kiệu trong cung. (5) *Thang mộc :* nghĩa đen là tắm gội. Đất "thang mộc" là đất thiên tử phong cho các chư hầu để làm nơi phục dịch việc tắm gội hoặc việc ăn

ngũ trước khi vào chầu thiên tử. Do đó, đất "thang mộc" cũng có nghĩa là quê hương của vua chúa. Ở đây, đất "thang mộc" là chỉ Thanh Hóa, quê hương của vua Lê. (6) *Sách son, khoán sắt* : văn thư viết bằng son, khế ước chế bằng sắt vua ban cho bầy tôi có công để tỏ ý cùng hưởng phú quý lâu dài với nhà vua. (7) *Chùa Khán Sơn* : xưa ở trên núi đất (núi đất còn lại trong vườn Bách Thảo ngày nay); chùa bị phá từ cuối đời Cảnh Hưng. (8) Theo tang lễ ngày xưa, người chết khi chưa chôn thì gia đình mỗi ngày cúng hai lần cơm sáng, chiều. (9) *Đội Tiệp bảo* : đội thân binh hầu hạ. (10) *Tập ấm : ấm* : bóng mát; *tập ấm* : theo nhờ bóng mát. Trong thời đại phong kiến, con cháu những người làm quan đều được hưởng ưu đãi nhất định trong thi cử, quan tước gọi là tập ấm. (11) *Thánh mẫu* : ở đây là mẹ của Trịnh Sâm (gọi theo kiểu tôn xưng bậc thánh). (12) *Viên ngoại lang* : chức quan giữ việc sổ sách tại các bộ. (13) *Quốc cữu* : cậu của quốc vương. Quận Viêm là cậu của chúa. Quận Viêm cũng như quận Châu (trong đoạn sau) là họ hàng bên ngoại của chúa nên được gọi là cậu. (14) *A bảo* : người bảo trợ, giúp đỡ hoàng tử hoặc vua chúa trẻ tuổi. (15) *Tử cung* : ở đây chỉ quan tài của vua chúa. (16) *Khải* : trình bày, thuật lại. (17) *Hồ Thủy Quân* : hồ Hoàn Kiếm bây giờ. (18) *Kinh kì* : vùng trong *(kinh)* và vùng ngoài *(kì)* của kinh đô (gần như nội, ngoại thành của thủ đô). (19) *Thế tử* : con trưởng của vua hoặc chúa. Ở đây nối ngôi chúa cũng được gọi là thế tử vì uy thế của chúa Trịnh còn lấn át cả vua Lê.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

ruongxua.vn

Đoạn trích trình bày sự kiện "Kiêu binh nổi loạn" có quá trình diễn biến như sau :

a) Thế tử Trịnh Tông chuẩn bị cho công việc cướp lại quyền bính (Từ đầu đến "... hẹn ngày tụ họp ở chùa Khán Sơn").

b) Quân sĩ hưởng ứng và chuẩn bị khởi sự. Phản ứng khác nhau của các phe phái và các cá nhân trong triều đình (Từ "Lúc quân lính đến hội họp..." đến "...không hề phòng bị gì hết").

c) Kiêu binh nổi loạn tôn phò Trịnh Tông, giết quận Huy và phe cánh (đoạn còn lại).

1. Qua một số tình tiết nghệ thuật (như việc Trịnh Tông mời cơm rượu, ngôn ngữ của Dự Vũ và một số nhân vật khác, một số hành động của kiêu binh, v.v...), hãy phân tích lí do, mục đích nổi dậy của kiêu binh.

2. Phân tích sức mạnh của kiêu binh và sự khủng hoảng của các tập đoàn phong kiến.

– Tìm những dẫn chứng về vai trò, tác động của kiêu binh đối với công việc triều chính đương thời.

– Qua bút pháp chân thực trình bày kết cục thảm hại của quận Huy và hình ảnh, ngôn ngữ có tính chất trào phúng miêu tả sự kiện "lên ngôi chúa" của Trịnh Tông, hãy phân tích sự khủng hoảng của giai cấp phong kiến đương thời (chú ý ở đây là hai phe – phe thất bại và phe thắng thế).

BÀI CA NGẤT NGƯỞNG

NGUYỄN CÔNG TRỨ

Tiểu dẫn

thuongmaitr

Nguyễn Công Trứ (1778 - 1858) người làng Uy Viễn, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Ông xuất thân trong một gia đình quan lại quen nề nếp nho phong. Cha là tri phủ Nguyễn Công Tấn từng xướng nghĩa phò vua Lê chống lại phong trào Tây Sơn. Nguyễn Công Trứ học hành cần cù, say mê và mặc dầu thi cử lận đận, nhiều lần bị đánh hỏng, ông vẫn theo đuổi khoa cử đến tận năm 42 tuổi mới đỗ được giải nguyên. Sau đó, Nguyễn Công Trứ là một bầy tôi trung thành của nhà Nguyễn. Cuộc đời làm quan lên xuống đảo điên : khi làm đến thị lang bộ Hình và đại tướng, lúc bị cách tuột làm lính thú ở biên thùy, nhưng bao giờ Nguyễn Công Trứ cũng năng nổ thi hành chức trách, nhiều lần tham gia đánh dẹp nông dân khởi nghĩa.

Mặt khác, Nguyễn Công Trứ tiếp thu được những yếu tố tích cực của nhà nho chân chính : yêu nước, thương dân. Nguyễn Công Trứ nổi tiếng thanh liêm khi làm quan. Trong việc khai khẩn ruộng đất, chiêu mộ dân lưu vong để ổn định, củng cố trật tự phong kiến đương thời, Nguyễn Công Trứ cũng đã đem lại lợi ích cho nhân dân các vùng Kim Sơn, Tiền Hải. Ngày nay, ở những nơi đó vẫn còn nhiều đền thờ khẳng định công ơn của Nguyễn Công Trứ. Năm 1858, Nguyễn Công Trứ đã 80 tuổi, khi tiếng súng xâm lược của thực dân Pháp bùng nổ, ông vẫn dâng sớ xin cầm quân đánh giặc (nhưng không được chấp nhận vì đã quá già yếu). Cũng năm đó, ông mất.

Nguyễn Công Trứ còn để lại khoảng trên 50 bài thơ, trên 60 bài ca trù và một bài phú nổi tiếng *Hàn nho phong vị phú*, đều viết bằng chữ Nôm. Ngoài ra, còn có

một số bài thơ chữ Hán, một số câu đối Nôm. Nguyễn Công Trứ và Cao Bá Quát là hai thi sĩ nổi tiếng nhất của nửa đầu thế kỉ XIX.

Bài ca ngất ngưởng là tác phẩm kiệt xuất của Nguyễn Công Trứ, được làm vào sau năm 1848 là năm ông cáo quan về hưu. Bài thơ làm theo thể ca trù, một thể thơ vận luật tương đối tự do, phóng khoáng kết hợp song thất lục bát, lục bát với kiểu nói lối của hát chèo.

*

* *

Vũ trụ nội mạc phi phận sự[1],
Ông Hi Văn[2] tài bộ[3] đã vào lồng[4].
Khi Thủ khoa, khi Tham tán, khi Tổng đốc Đông[5],
Gồm thao lược[6] đã nên tay ngất ngưởng.
Lúc bình Tây[7], cờ đại tướng,
Có khi về Phủ doãn Thừa Thiên.
Đô môn giải tổ chi niên[8],
Đạc ngựa bò vàng đeo ngất ngưởng[9].
Kìa núi nọ[10] phau phau mây trắng,
Tay kiếm cung mà nên dạng từ bi.
Gót tiên theo đủng đỉnh một đôi dì[11],
Bụt cũng nực cười ông ngất ngưởng.
Được mất dương dương người tái thượng[12],
Khen chê phơi phới ngọn đông phong[13].
Khi ca, khi tửu, khi cắc, khi tùng,
Không Phật, không tiên, không vướng tục.
Chẳng Trái, Nhạc cũng vào phường Hàn, Phú[14],
Nghĩa vua tôi cho vẹn đạo sơ chung[15].
Trong triều ai ngất ngưởng như ông !

(*Thơ văn Nguyễn Công Trứ*.
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

truongxua.vn

Chú thích

(1) Mọi việc trong trời đất chẳng có việc nào không phải là phận sự của ta. (2) *Hi Văn :* biệt hiệu của Nguyễn Công Trứ. (3) *Tài bộ :* tài năng lớn (đã bộc lộ thành phong cách, bộ dạng). (4) *Vào lồng :* ý nói đã ra làm quan là bị bó buộc như bị giam hãm trong lồng. (5) Việc đỗ đạt và các chức quan Nguyễn Công Trứ đã làm. (6) *Thao lược :* tài dùng binh (*Tam lược* và *Lục thao* là hai bộ sách về binh pháp xưa kia). (7) *Bình Tây :* bình định Trấn Tây, miền biên giới tây nam nước ta. (8) *Đô môn :* kinh đô. *Giải tổ chi niên :* năm cởi áo mũ, có nghĩa là năm cáo quan về hưu. (9) Lúc về hưu ông thường cưỡi bò vàng có đeo nhạc ngựa (thiên hạ cưỡi ngựa, riêng Nguyễn Công Trứ cưỡi bò). Ông còn đem một mo cau buộc chỗ đuôi bò và nói là để che miệng thế gian. (10) *Núi nọ :* núi Đại Nại gần thị xã Hà Tĩnh. (11) Đi chơi chùa nhưng Nguyễn Công Trứ lại đem cô đầu đi theo. (12) *Người tái thượng :* người ở trên cửa ải. Điển "Tái ông thất mã" : Một ông già ở biên ải mất ngựa. Hàng xóm đến chia buồn. Ông nói : "Biết đâu mất ngựa không phải là điều may ?". Ít lâu sau, quả nhiên ngựa về lại dẫn thêm một ngựa khác tốt hơn cùng về. Hàng xóm đến chia vui. Ông nói : "Biết đâu được ngựa lại không phải là điều rủi ?". Quả nhiên, sau đó con trai ông già cưỡi ngựa mới bị ngã què chân. Hàng xóm lại đến chia buồn. Ông già lại nói : "Què biết đâu không phải là điều may ?". Quả nhiên, ít lâu sau giặc đến cướp, mọi người phải ra trận. Riêng con ông già bị què nên được miễn. Người xưa thường dùng điển "Tái ông thất mã" để nói : ở đời sự may rủi, được mất là như nhau. (13) Ý cả câu : ai khen ai chê cũng mặc, cứ vui phơi phới như ngọn gió xuân (*đông phong :* gió từ phương đông tới). (14) Những danh tướng đời Hán và đời Tống của Trung Quốc : Trái Tuân, Nhạc Phi, Hàn Kì, Phú Bật. (15) *Đạo sơ chung* (*sơ :* bắt đầu; *chung :* kết thúc) : nghĩa thủy chung, trước sau như một.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nhận xét về cách dùng từ "ngất ngưởng" trong bài thơ (số lượng, vị trí của từ trong bài thơ và câu thơ). Hãy giải thích nội dung, ý nghĩa của từ "ngất ngưởng" ở đây.

2. Phân tích cách dùng từ, cách ngắt nhịp của Nguyễn Công Trứ qua sáu câu thơ đầu và bảy câu thơ cuối cùng để chứng minh nhà thơ là người có ý thức về tài năng và phẩm chất giá trị của bản thân, từ đó đi đến thái độ "ngất ngưởng".

3. Tính chất "ngất ngưởng" của Nguyễn Công Trứ biểu hiện qua những chi tiết nói về phong cách sống. Hãy chỉ ra những chi tiết đó.

DƯƠNG PHỤ HÀNH

(Bài hành về người thiếu phụ phương Tây)

CAO BÁ QUÁT

Tiểu dẫn

Cao Bá Quát (1809 - 1854) người làng Phú Thị, huyện Gia Lâm, tỉnh Bắc Ninh (nay là ngoại thành Hà Nội). Thân sinh Cao Bá Quát không đỗ đạt gì, nhưng là một nhà nho danh tiếng.

Cao Bá Quát là một người có tài năng, đức độ và lớn lên trong những mối quan hệ tốt đẹp với gia đình, bè bạn, quê hương, nhân dân và đất nước.

Là người có tài nhưng bị sự đố kị của quan trường, Cao Bá Quát chỉ đỗ cử nhân. Có nhân cách cứng cỏi và phóng khoáng, nên sau một thời gian ra làm quan với triều Nguyễn, Cao Bá Quát bị đẩy ra khỏi kinh đô để nhận chức giáo thụ ở phủ Quốc Oai, Sơn Tây.

Bất bình với triều đình về nhiều mặt, năm 1854, Cao Bá Quát tham gia lãnh đạo phong trào nông dân khởi nghĩa do Lê Duy Cự làm minh chủ nổi dậy ở Mĩ Lương[1]. Cuộc khởi nghĩa bị thất bại. Cao Bá Quát hi sinh trong khi khởi nghĩa chống triều đình. Triều đình nhà Nguyễn thực hiện lệnh "tru di tam tộc" hết sức tàn bạo, khắc nghiệt với dòng họ Cao.

uongxua.vn

Cao Bá Quát là một nhà thơ lớn. Riêng về số lượng, dù thơ văn ông đã bị cấm đoán và thủ tiêu một phần, nhưng di sản còn lại vẫn rất lớn : về chữ Hán có 1353 bài thơ, 21 bài văn[2]. Thơ Cao Bá Quát phong phú trong nội dung cảm hứng : tình cảm thiết tha gắn bó với quê hương xứ sở, với người thân, sự đồng cảm nhân ái với những con người lao khổ, niềm tự hào với quá khứ lịch sử dân tộc và thái độ phê phán mạnh mẽ đối với triều chính đương thời. Đặc biệt qua thơ văn, Cao Bá Quát còn bộc lộ một tâm hồn phóng khoáng và một trí tuệ sáng suốt tiếp nhận những hương vị, những màu sắc xa lạ với cái nhìn truyền thống.

Dương phụ hành được sáng tác trong dịp Cao Bá Quát đi theo một phái đoàn của triều Nguyễn sang Inđônêxia. Trên hải trình công cán, Cao Bá Quát đã có dịp tiếp xúc với những người châu Âu, với một nền văn minh xa lạ, từ đó mở rộng tầm mắt và tâm hồn.

*

* *

Phiên âm :

Tây dương thiếu phụ y như tuyết,
Độc bằng lang kiên tọa thanh nguyệt.
Khước vọng Nam thuyền đăng hỏa minh,
Bá duệ nâm nâm hướng lang thuyết.

Nhất uyển đề hồ thủ lãn trì,
Dạ hàn vô ná hải phong xuy.
Phiên thân cánh sảnh lang phù khởi,
Khởi thức Nam nhân hữu biệt li.

Dịch nghĩa :

Người thiếu phụ Tây dương áo trắng như tuyết,
Dựa vai chồng dưới bóng trăng thanh.
Nhìn thuyền người Nam thấy đèn lửa sáng,
Kéo áo nói rì rầm với chàng.

Một cốc sữa hững hờ trên tay,
Gió bể thổi hơi lạnh ban đêm không chịu nổi.
Nghiêng mình đòi chồng nâng dậy,
Há có biết người Nam đang ở cảnh biệt li.

Dịch thơ :

Thiếu phụ Tây dương áo trắng phau,
Tựa vai chồng dưới bóng trăng thâu.
Ngó thuyền Nam thấy đèn le lói,
Kéo áo rầm rì nói với nhau.

Hững hờ cốc sữa biếng cầm tay,
Gió bể, đêm sương thổi lạnh thay !
Uốn éo đòi chồng nâng đỡ dậy,
Biết đâu nỗi khách biệt li này !

LÊ TƯ THỤC dịch

(*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập III,
NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Mĩ Lương* : nay thuộc huyện Chương Mĩ, tỉnh Hà Tây. (2) Nhiều tác giả. *Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*, NXB Văn học, Hà Nội, 1970.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Qua bài thơ, tác giả đã vẽ nên những nét đặc sắc gì trong hình ảnh người đàn bà xa lạ (trang phục, cử chỉ, điệu bộ, ngôn ngữ...). Những nét khắc họa hình ảnh người thiếu phụ phương Tây ở đây có khả năng biểu hiện những cảm xúc nào của một con người phương Đông và của một nhà thơ ?

2. Qua toàn bộ bài thơ và đặc biệt qua câu thơ cuối cùng, hãy nhận xét về đời sống tâm hồn, tình cảm của Cao Bá Quát.

ĐỌC THÊM

truongxua.vn

MỘNG VONG NỮ

(Chiêm bao thấy con gái đã chết)

CAO BÁ QUÁT

Phiên âm :

Thân viễn, ngô đương bệnh,
Tư nhi mỗi tiết ai.
Hốt nhiên trung dạ mộng,
Sậu kiến lệ như thôi.
Y phục hàn nhưng phá,
Dung nhan thảm bất khai.
Thái diêm bần vị khuyết,
Tân khổ nhữ quy lai !

Dịch nghĩa :

Cha ở xa và cha lại đang ốm,
Mỗi lần nhớ con mà cứ phải nén đau thương.
Bỗng nhiên nửa đêm nằm mơ,
Nhác thấy con mà nước mắt giàn giụa.

Áo quần đã không đủ ấm lại rách,
Nét mặt con buồn bã không tươi.
Nhà ta nghèo nhưng dưa muối không thiếu đâu,
Dù cay đắng mấy, con cũng cứ trở về, con nhé !

Dịch thơ :

Nhà xa bệnh lại giày vò,
Nhớ con hằng nén xót đau nghẹn ngào.
Đêm qua bỗng thấy chiêm bao,
Gặp con, giọt lệ tuôn dào như mưa.
Áo đơn lạnh lẽo xác xơ,
Ủ ê nét mặt, bơ phờ hình dung.
Tuy nghèo dưa muối đủ dùng,
Đắng cay con hãy về cùng với cha.

NGUYỄN VĂN BÁCH dịch
(*Thơ chữ Hán Cao Bá Quát*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1970)

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hình ảnh người con gái đã mất được gợi lên trong bài thơ như thế nào ?

2. Qua hình ảnh đó và cũng qua những lời thơ của tác giả nói với con, ta thấy tình cảm của tác giả đối với con như thế nào ?

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

(1822 - 1888)

I - TIỂU SỬ

Nhân dân Lục tỉnh quen gọi Nguyễn Đình Chiểu một cách thân mật là Đồ Chiểu. Đồ Chiểu sinh ngày 1-7-1822 tại làng Tân Khánh, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh ngày nay). Cụ Nguyễn Đình Huy người Thừa Thiên, vào làm thư lại trong

dinh Lê Văn Duyệt ở Gia Định, lấy bà Trương Thị Thiệt người làng Tân Thới (gần Sài Gòn) sinh ra Nguyễn Đình Chiểu.

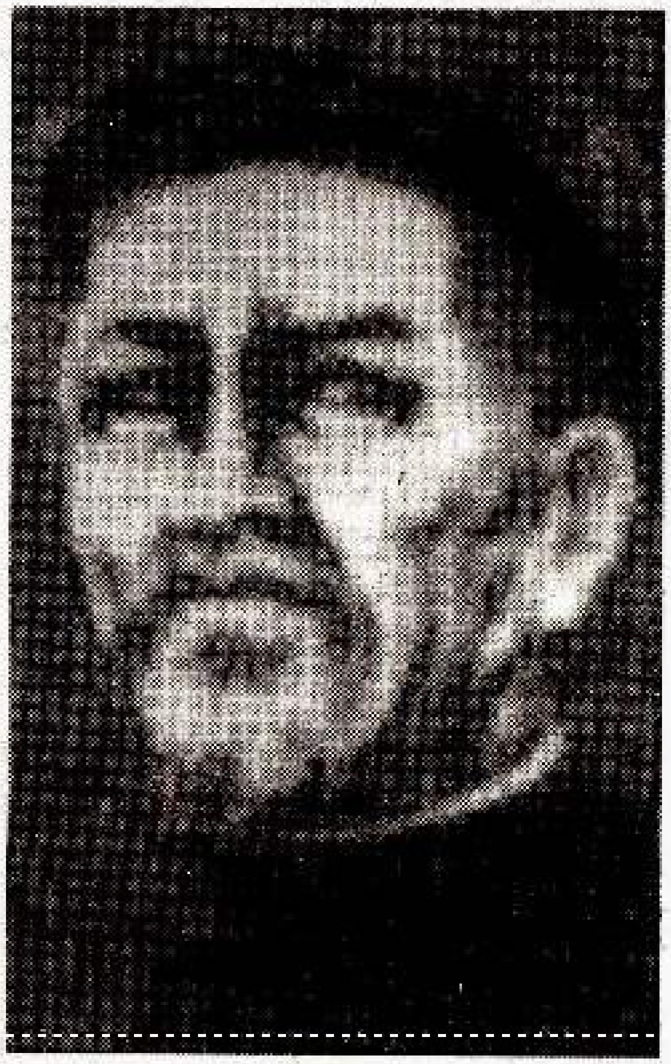

Năm 1833, sau cuộc khởi nghĩa của Lê Văn Khôi, Nguyễn Đình Huy đưa Nguyễn Đình Chiểu về gửi một người bạn ở Huế để ăn học. Khoảng 1840, Nguyễn Đình Chiểu trở về Nam và đến 1843 thi đỗ tú tài. Năm 1846, ông lại ra Huế để chuẩn bị thi tiếp[1]. Nhưng năm 1849, sắp thi thì được tin mẹ mất. Ông bỏ thi để về Nam chịu tang mẹ. Dọc đường vất vả, lại thương mẹ khóc nhiều, ông bị đau nặng và mù cả hai mắt. Sau đó ông vừa dạy học, vừa bốc thuốc, vừa làm thơ, sống giữa tình thương và lòng hâm mộ của bà con, cô bác. Hồi ông mới đậu tú tài, có nhà phú hộ hứa gả con gái cho. Nay ông bị mù lòa, gia đình kia bội ước. Về sau, có người học trò cảm nghĩa thầy đã gả em gái cho.

Năm 1859, thực dân Pháp đánh chiếm Gia Định, Nguyễn Đình Chiểu bị mù, không trực tiếp cầm gươm giết giặc được. Nhưng ông vẫn cùng với các lãnh tụ nghĩa quân như Trương Định, Đốc binh Là bàn mưu định kế. Giặc đánh vào quê ông, ông lui về quê vợ. Giặc cướp ba tỉnh miền Đông, ông lánh về ở Ba Tri. Giặc chiếm hết cả Lục tỉnh, ông sức yếu lại bệnh tật, đành ở lại trong đất giặc chiếm. Biết ông là người có uy tín lớn, giặc Pháp tìm mọi cách mua chuộc, nhưng ông vẫn nêu cao khí tiết, không chịu khuất phục. Năm 1888, ông từ trần. Cánh đồng Ba Tri rợp khăn tang khóc thương Đồ Chiểu.

Cuộc đời Đồ Chiểu là một tấm gương sáng ngời về nghị lực và đạo đức, đặc biệt là về thái độ suốt đời gắn bó và chiến đấu không mệt mỏi cho lẽ phải, cho quyền lợi của nhân dân, đất nước. Trong một Đồ Chiểu có ba con người đáng quý : một nhà giáo mẫu mực, đặt việc dạy người cao hơn dạy chữ, một thầy lang lấy việc chăm lo sức khỏe của nhân dân làm y đức, một nhà văn coi trọng chức năng giáo huấn của văn học trên cơ sở sáng tạo nghệ thuật và là ngọn cờ tiêu biểu của nền văn học yêu nước chống ngoại xâm đầu thời Pháp thuộc.

II - SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

1. Nguyễn Đình Chiểu đã để lại nhiều tác phẩm văn học quý báu. Có ba tác phẩm dài : *Lục Vân Tiên, Dương Từ – Hà Mậu, Ngư Tiều y thuật vấn đáp.* Có một số bài văn tế nổi tiếng như : *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Văn tế Trương Định, Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh...* và nhiều bài thơ Đường luật.

Văn chương của Đồ Chiểu không có loại thuần túy giải sầu. *Văn chương của ông nhằm mục đích chiến đấu, bảo vệ đạo đức của nhân dân và quyền lợi của Tổ quốc :*

Học theo ngòi bút chí công,
Trong thơ cho ngụ tấm lòng Xuân Thu(2).

Hay :

Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm(3),
Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà (4).

Đồ Chiểu còn viết :

Văn chương ai chẳng muốn nghe,
Phun châu nhả ngọc báu khoe tinh thần

nghĩa là văn chương vừa phải có ý đẹp, vừa phải có lời hay.

2. Tác phẩm *Lục Vân Tiên* viết trước khi thực dân Pháp xâm lược, xứng đáng là khúc ca chiến thắng của những người kiên quyết vì chính nghĩa mà chiến đấu. Người đọc xưa nay yêu quý Lục Vân Tiên vì chàng là người con rất mực hiếu thảo, người thanh niên có lí tưởng

cao cả sẵn sàng quên hết mọi lợi ích riêng tư, dũng cảm đánh cướp Phong Lai cứu dân, đánh giặc Ô Qua bảo vệ đất nước; yêu quý Kiều Nguyệt Nga vì nàng có tấm lòng chung thủy son sắt; yêu quý Hớn Minh vì Hớn Minh bất chấp quyền uy, trừng trị thẳng tay hạng người ỷ thế làm càn; yêu quý ông Quán vì ông Quán biết yêu ghét rạch ròi theo lợi ích của nhân dân :

Quán rằng : "Ghét việc tầm phào,
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét đời Kiệt, Trụ mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan,
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần".

(*Lục Vân Tiên*)

Tác phẩm *Lục Vân Tiên* cũng là bản án kết tội những kẻ bất nhân, phi nghĩa : gia đình Võ Công lật lọng đến tàn bạo, viên Thái sư hiểm ác, Trịnh Hâm phản trắc, Bùi Kiệm máu dê...

uongxua.vn

3. *Giặc đánh chiếm quê hương đất nước, thơ văn Đồ Chiểu chuyển từ đề tài đạo đức sang đề tài đánh giặc cứu nước*. Ngọn bút của ông càng hăng hái "chở đạo" và "đâm gian". Trong thơ văn, ông đã phơi bày tất cả thảm họa của đất nước :

Các bậc sĩ nông công cổ, liền mang tai với súng song tâm[5]*;*
Mấy nơi tổng lí xã thôn, đều mắc hại cùng cờ ba sắc[6]*.*

(*Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*)

tố cáo tội ác của giặc ngoại xâm :

Phạt cho đến người hèn kẻ khó, thâu của quay treo. Tội chẳng tha con nít đàn bà, đốt nhà bắt vật.
Kể mười mấy năm trời khốn khổ, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đếm tên;
Đem ba tấc hơi mọn bỏ liều, hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thảy đều rơi nước mắt.

(*Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*)

nguyền rủa bọn người :

... theo quân tả đạo, quăng vùa hương, xô bàn độc,
thấy lại thêm buồn;
...ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì,
nghe càng thêm hổ.

(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

nhiệt liệt biểu dương những bậc anh hùng hi sinh chiến đấu bảo vệ Tổ quốc :

Làm người trung nghĩa đáng bia son,
Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn.
Cơm áo đền bồi ơn đất nước,
Râu mày giữ vẹn phận tôi con.
Tinh thần hai chữ phau sương tuyết,
Khí phách ngàn thu rỡ núi non...

(Thơ điếu Phan Tòng)

đặc biệt ca ngợi những người nông dân vốn "cui cút làm ăn ; toan lo nghèo khó", nhưng khi có giặc thì đã xông lên :

Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà ma ní hồn kinh; bọn hè trước, lũ ó sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

và kêu gọi quyết tâm đánh giặc đến cùng :

Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia...

(Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc)

Sau ngày Nam Kì mất trọn, phải sống trong vòng vây của giặc, ngọn bút của Đồ Chiểu vẫn sáng ngời chủ nghĩa yêu nước. Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, nổi lên hình ảnh đẹp đẽ của Nhân Sư "... chẳng khứng sĩ Liêu, xông hai con mắt bỏ liều cho đui", bởi :

Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi thấy kẻ thù quân thân.

(Ngư Tiều y thuật vấn đáp)

thuongmaitr

Trong những ngày cuối đời, hoàn cảnh đất nước, quê hương càng gặp nhiều đau thương, Đồ Chiểu buồn và thơ Đồ Chiểu ít nhiều cũng buồn theo. Nhưng trong nỗi buồn này đã ánh lên những hi vọng lớn :

Chừng nào thánh đế ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

(Xúc cảnh)

4. Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, mới thoáng đọc, tưởng như nghệ thuật không cao. Nhưng thực ra nó là một loại "vì sao có ánh sáng khác thường... con mắt của chúng ta phải chăm chú nhìn thì mới thấy và càng nhìn càng thấy sáng"[7]. Văn chương Đồ Chiểu không óng mượt, nõn nà mà chân chất, phác thực, có chỗ tưởng như thô kệch. Nó không phải là vẻ đẹp của những cây lúa xanh uốn mình trong gió nhẹ. Nó đẹp vẻ đẹp của đống thóc mẩy vàng. Nó không phải là quả vải thiều của Hải Dương ai ăn cũng thấy ngon miệng. Nó là trái sầu riêng của Nam Bộ, với một số người không dễ gì quen, nhưng chính là "bậc vương giả" trong thế giới trái cây ở đây. Ngôn ngữ và hình tượng nhân vật của Đồ Chiểu có *sắc thái miền Nam* độc đáo. Những nhân vật tích cực ở đây trọng nghĩa khinh tài, cương trực, dứt khoát đến như nóng nảy, nhưng lại rất sâu nặng ân tình. Nguyễn Đình Chiểu làm thơ văn để giáo huấn đạo đức, mà có sự rung động cực độ của cảm xúc. Do đó, ở thơ văn Đồ Chiểu, cái chất *trữ tình – đạo đức* đã trở thành một nét phong cách hiếm có. Nhất là đến phần thơ văn yêu nước, chất *trữ tình – đạo đức* gắn với chất *trữ tình – yêu nước*, kết hợp nhuần nhuyễn với chất hiện thực nóng hổi, tạo ra một sức mạnh nghệ thuật bề thế, vững vàng.

Trong thơ văn Đồ Chiểu, không phải không có ít nhiều hạn chế. Nhưng với những giá trị tư tưởng và nghệ thuật như trên, thơ văn Đồ Chiểu xứng đáng là "ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc"[8], là ngọn cờ tiêu biểu của thơ văn chống thực dân Pháp thời kì nửa sau thế kỉ XIX. Ngày nay, đọc thơ văn Đồ Chiểu, không chỉ thấy tâm huyết và tài nghệ của nhà thơ mà còn thấy lại cả một thời đại lịch sử, thấy lại cả dân tộc ta trong một thời kì đau thương nhưng vĩ đại. Thơ văn của Đồ Chiểu mãi mãi vẫn là món ăn tinh thần quý báu của người Việt Nam.

Chú thích

(1) Nhiều tài liệu nói là thi hội. Nhưng có lẽ không đúng, mà vẫn là thi hương. (2) Khổng Tử san định (sửa lại cho gọn hơn) kinh Xuân thu với ý thức phò đời. (3) *Khẩm* : đầy. (4) *Tà* : xiên xẹo, không đứng thẳng. (5) *Súng song tâm* : súng hai nòng. (6) *Cờ ba sắc* : cờ của nước Pháp có ba vạch màu *xanh, trắng, đỏ.* (7), (8) Phạm Văn Đồng. *Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc, Tạp chí Văn học*, 7 - 1963.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những điểm chính trong cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu và những bài học quý báu rút ra từ cuộc đời đó là gì?

2. Tại sao nói "Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc" ? Để trả lời câu hỏi này, hãy :

a) Phân tích đạo đức nhân nghĩa và lòng yêu nước thiết tha, cao cả trong thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

b) Nêu những nét độc đáo trong giá trị nghệ thuật của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu.

c) Nhận xét về tác dụng của thơ văn Nguyễn Đình Chiểu trong đời sống tinh thần của người Việt Nam từ trước đến nay.

thuongmaitr

LẼ GHÉT THƯƠNG

(Trích *Lục Vân Tiên*)

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Tiểu dẫn

Trong lịch sử văn học Việt Nam, về thể loại truyện thơ, *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng đứng hàng thứ hai sau *Truyện Kiều* của Nguyễn Du. Với người dân Nam Bộ, *Lục Vân Tiên* có ảnh hưởng sâu rộng, tựa như *Truyện Kiều* đối với cả nước. *Lục Vân Tiên* nói chuyện trung hiếu tiết nghĩa có nguồn gốc từ học thuyết nhân nghĩa của Nho giáo, nhưng thực chất là bài ca ca ngợi đạo đức của nhân dân, trong đó điều cốt lõi là khát vọng xây dựng mối quan hệ bè bạn giữa người với người. Trong hệ thống nhân vật lí tưởng của tác phẩm, ông Quán là một nhân vật hấp dẫn.

Nói là ông Quán (người bán quán), nhưng thực chất là một nho sĩ ở ẩn. Đoạn thơ được trích ở đây là lời ông nói về "lẽ ghét thương" sau khi đã chứng kiến cảnh Lục Vân Tiên, Vương Tử Trực, Bùi Kiệm và Trịnh Hâm cùng thi tài xướng họa tại quán của mình cạnh trường thi. Nhan đề đoạn trích là do người biên soạn đặt.

*

* *

Quán rằng: "Ghét việc tầm phào[1],
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm.
Ghét đời Kiệt, Trụ[2] mê dâm,
Để dân đến nỗi sa hầm sẩy hang.
Ghét đời U, Lệ đa đoan[3],
Khiến dân luống chịu lầm than muôn phần.
Ghét đời Ngũ Bá[4] phân vân,
Chuộng bề dối trá làm dân nhọc nhằn.
Ghét đời Thúc Quý phân băng[5],
Sớm đầu[6] tối đánh, lằng nhằng rối dân.
Thương là thương đức thánh nhân[7],
Khi nơi Tống, Vệ, lúc Trần, lúc Khuông[8].
Thương thầy Nhan Tử[9] dở dang,
Ba mươi mốt tuổi, tách đàng công danh.
Thương ông Gia Cát[10] tài lành,
Gặp cơn Hán mạt[11] đã đành phôi pha.
Thương thầy Đổng Tử[12] cao xa,
Chí đà có chí, ngôi mà không ngôi.
Thương người Nguyên Lượng[13] ngùi ngùi,
Lỡ bề giúp nước lại lui về cày.
Thương ông Hàn Dũ[14] chẳng may,
Sớm dâng lời biểu tối đày đi xa.
Thương thầy Liêm, Lạc[15] đã ra,
Bị lời xua đuổi về nhà giáo dân[16].
Xem qua kinh sử mấy lần,
Nửa phần lại ghét, nửa phần lại thương...".

(*Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1971)

truongxua.vn

Chú thích

(1) *Tầm phào :* vu vơ, không có nghĩa lí gì (tiếng thường dùng ở miền Nam). (2) *Kiệt, Trụ :* vua Kiệt đời Hạ, vua Trụ đời Thương, hai vua tàn ác có tiếng, bị dân oán ghét mà mất ngôi. (3) *U, Lệ :* U Vương và Lệ Vương đời nhà Chu làm nhiều việc bạo ngược. *Đa đoan* : nhiều mối, lắm chuyện không hay. (4) *Ngũ Bá :* năm vua chư hầu cuối đời nhà Chu, kéo bè kéo cánh, xui nước này đánh nước kia gây chiến tranh hại dân. (5) *Thúc Quý :* đời suy loạn cuối nhà Đường. *Phân băng :* chia rẽ, đổ nát. (6) *Đầu :* đầu hàng. (7) *Thánh nhân :* Khổng Tử (554 - 479 trước Công nguyên) người nhà Chu, ở nước Lỗ, tên là Khưu (cũng đọc là Khâu), tự Trọng Ni, là ông tổ của Nho giáo, có hơn ba nghìn học trò. (8) *Tống, Vệ, Trần, Khuông :* những nước ở thời Xuân thu Chiến quốc mà Khổng Tử đã đến, hành đạo không được mà còn gặp hoạn nạn. (9) *Nhan Tử :* tức Nhan Uyên, học trò thông minh, hiếu học và đức hạnh bậc nhất của Khổng Tử nhưng chết sớm. (10) *Gia Cát :* tức là Gia Cát Lượng, tên tự là Khổng Minh, làm quân sư cho Lưu Bị, hòng khôi phục cơ nghiệp nhà Hán, nhưng khi chết nước vẫn bị chia ba. (11) *Hán mạt :* cuối đời Hán, ở đây chỉ cả thời kì Tam quốc (Ngụy, Thục, Ngô, ba nước phân tranh). (12) *Đổng Tử :* Đổng Trọng Thư, một nhà đại nho đời Hán có tài đức hơn người, được vua Hán cử làm quan, nhưng rồi bị giáng chức, có lần bị giam, cuối cùng phải cáo quan về. (13) *Nguyên Lượng :* Đào Uyên Minh (còn gọi là Đào Tiềm), tên tự là Nguyên Lượng, một người nổi tiếng về thi tài và khí tiết. Đang làm quan, vì không chịu quỵ lụy quan trên, ông đã bỏ quan về ở ẩn. Ông có bài *Quy khứ lai từ* (Về đi thôi) để tỏ chí mình. (14) *Hàn Dũ :* nhà văn nổi tiếng đời Đường, vì làm biểu can vua đừng mê tín đạo Phật nên bị giáng chức và đày đi xa. (15) *Liêm, Lạc :* Chu Đôn Di ở Liêm Khê và học trò là hai anh em Trình Hiệu, Trình Di ở Lạc Dương, cả ba là triết gia nổi tiếng đời Tống có ra làm quan, nhưng không được đắc dụng, lại quay về dạy học. (16) *Giáo dân :* dạy dân.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy đọc kĩ nội dung các chú thích để từ đó hiểu rõ ông Quán thương ai, ghét ai, thương cái gì và ghét cái gì ? Tính chất nhân dân thể hiện trong "lẽ ghét thương" như thế nào ?

2. Hãy nhận xét về giá trị tu từ của hiện tượng điệp từ "ghét" và "thương" trong bài thơ.

3. Hãy bình giảng hai câu thơ :

Quán rằng : "Ghét việc tầm phào,
Ghét cay, ghét đắng, ghét vào tận tâm".

VĂN TẾ NGHĨA SĨ[1] CẦN GIUỘC[2]

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Tiểu dẫn

1. Năm 1858, giặc Pháp đánh vào Đà Nẵng, bắt đầu xâm lược nước ta. Năm 1859, chúng tấn công Gia Định. Nhân dân Nam Bộ đứng lên chống giặc. Năm 1861, vào đêm 14-12, nghĩa quân tấn công đồn giặc ở Cần Giuộc trên đất Gia Định (tỉnh Long An ngày nay), gây tổn thất cho giặc, nhưng cuối cùng lại thất bại, 21 nghĩa quân (có chỗ nói 15) hi sinh. Theo yêu cầu của tuần phủ Gia Định là Đỗ Quang, Nguyễn Đình Chiểu viết bài văn tế này. Vua Tự Đức đã ra lệnh phổ biến bài văn tế trong nhiều địa phương khác. Nhà thơ Miên Thẩm Tùng Thiện Vương và Mai Am nữ sĩ đã có thơ ca ngợi bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*. Với bài văn tế này, lần đầu tiên trong lịch sử văn học dân tộc có một tượng đài nghệ thuật sừng sững về người nông dân tương xứng với phẩm chất vốn có ngoài đời của họ. Ở đây là người nông dân nghĩa quân chống giặc, cứu nước.

2. Bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* đã được viết theo thể phú luật Đường trong đó có cách hiệp vần độc vận (một vần) hoặc liên vận (nhiều vần), cách đặt câu (gồm các kiểu câu : tứ tự, bát tự, song quan, cách cú và gối hạc) và luật bằng trắc. Mặt khác, nó có bố cục gồm các đoạn : a) *Lung khởi (Mở đầu :* thường nói nỗi đau ban đầu và nêu ấn tượng khái quát về người chết); b) *Thích thực* (hồi tưởng công đức người chết); c) *Ai văn* (than tiếc người chết); d) *Kết* (vừa tiếp tục than tiếc vừa nêu lên ý nghĩ của người đứng tế).

*

* *

Hỡi ôi !

1. Súng giặc đất rền; lòng dân trời tỏ.

2. Mười năm công vỡ ruộng, chưa chắc còn danh nổi tợ phao ; một trận nghĩa đánh Tây, tuy là mất tiếng vang như mõ.

Nhớ linh xưa :

3. Cui cút[3] làm ăn; toan lo nghèo khó.

4. Chưa quen cung ngựa, đâu tới trường nhung[4]; chỉ biết ruộng trâu, ở trong làng bộ[5].

5. Việc cuốc, việc cày, việc bừa, việc cấy, tay vốn quen làm; tập khiên[6], tập súng, tập mác, tập cờ, mắt chưa từng ngó.

6. Tiếng phong hạc[7] phập phồng hơn mươi tháng, trông tin quan như trời hạn trông mưa; mùi tinh chiên[8] vấy vá[9] đã ba năm, ghét thói mọi như nhà nông ghét cỏ.

7. Bữa thấy bòng bong[10] che trắng lốp, muốn tới ăn gan; ngày xem ống khói chạy đen sì, muốn ra cắn cổ.

8. Một mối xa thư[11] đồ sộ, há để ai chém rắn đuổi hươu[12]; hai vầng nhật nguyệt chói lòa, đâu dung lũ treo dê, bán chó.

9. Nào đợi ai đòi, ai bắt, phen này xin ra sức đoạn kình[13]; chẳng thèm trốn ngược trốn xuôi, chuyến này dốc ra tay bộ hổ[14].

Khá thương thay :

10. Vốn chẳng phải quân cơ[15], quân vệ[16], theo dòng[17] ở lính diễn binh[18]; chẳng qua là dân ấp, dân lân, mến nghĩa làm quân chiêu mộ[19].

11. Mười tám ban võ nghệ, nào đợi tập rèn; chín chục trận binh thư, không chờ bày bố.

12. Ngoài cật có một manh áo vải, nào đợi mang bao tấu[20] bầu ngòi[21]; trong tay cầm một ngọn tầm vông, chi nài sắm dao tu[22], nón gõ[23].

13. Hỏa mai[24] đánh bằng rơm con cúi, cũng đốt xong nhà dạy đạo kia; gươm đeo dùng bằng lưỡi dao phay, cũng chém rớt đầu quan hai nọ.

14. Chi nhọc quan quản gióng trống kì, trống giục, đạp rào lướt tới, coi giặc cũng như không; nào sợ thằng Tây bắn đạn nhỏ, đạn to, xô cửa xông vào, liều mình như chẳng có.

15. Kẻ đâm ngang, người chém ngược, làm cho mã tà[25] ma ní[26] hồn kinh; bọn hè trước[27], lũ ó[28] sau, trối kệ tàu thiếc, tàu đồng súng nổ.

Ôi !

16. Những lăm lòng nghĩa lâu dùng; đâu biết xác phàm[29] vội bỏ.

17. Một giấc sa trường rằng chữ hạnh[30], nào hay da ngựa bọc thây; trăm năm âm phủ ấy chữ quy, nào đợi gươm hùm treo mộ[31].

18. Đoái sông Cần Giuộc cỏ cây mấy dặm sầu giăng; nhìn chợ Trường Bình[32], già trẻ hai hàng lụy[33] nhỏ.

19. Chẳng phải án cướp, án gian đày tới, mà vi binh[34] đánh giặc cho cam tâm; vốn không giữ thành, giữ lũy bỏ đi, mà hiệu lực[35] theo quân cho đáng số.

Nhưng nghĩ rằng :

20. Tấc đất ngọn rau ơn Chúa, tài bồi[36] cho nước nhà ta; bát cơm manh áo ở đời, mắc mớ chi ông cha nó.

21. Vì ai khiến quan quân khó nhọc, ăn tuyết nằm sương; vì ai xui đồn lũy tan tành, xiêu mưa ngã gió.

22. Sống làm chi theo quân tả đạo[37], quăng vùa hương[38] xô bàn độc[39], thấy lại thêm buồn; sống làm chi ở lính mã tà, chia rượu lạt, gặm bánh mì, nghe càng thêm hổ.

ruongxua.vn

23. Thà thác mà đặng câu địch khái[40], về theo tổ phụ[41] cũng vinh; hơn còn mà chịu chữ đầu Tây, ở với man di[42] rất khổ.

Ôi thôi thôi !

24. Chùa Tông Thạnh[43] năm canh ưng[44] đóng lạnh, tấm lòng son gửi lại bóng trăng rằm; đồn Lang sa[45] một khắc đặng trả hờn, tủi phận bạc[46] trôi theo dòng nước đổ.

25. Đau đớn bấy, mẹ già ngồi khóc trẻ, ngọn đèn khuya leo lét trong lều; não nùng thay, vợ yếu chạy tìm chồng, cơn bóng xế dật dờ[47] trước ngõ.

Ôi !

26. Một trận khói tan, nghìn năm tiết rỡ.

27. Binh tướng nó hãy đóng sông Bến Nghé, ai làm nên bốn phía mây đen; ông cha ta còn ở đất Đồng Nai, ai cứu đặng một phường con đỏ[48]

28. Thác mà trả nước non rồi nợ, danh thơm đồn sáu tỉnh chúng đều khen; thác mà ưng[49] đình miếu để thờ, tiếng ngay trải muôn đời ai cũng mộ.

29. Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc, linh hồn theo giúp cơ binh, muôn kiếp nguyện được trả thù kia; sống thờ vua, thác cũng thờ vua, lời dụ dạy đã rành rành, một chữ ấm[50] đủ đền công đó.

30. Nước mắt anh hùng[51] lau chẳng ráo, thương vì hai chữ thiên dân[52]; cây hương nghĩa sĩ thắp thêm thơm, cám bởi một câu vương thổ[53].

Hỡi ôi thương thay !

Có linh xin hưởng.

(*Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*,
NXB Văn học Giải phóng,
Thành phố Hồ Chí Minh, 1976)

Chú thích

(1) *Nghĩa sĩ :* người có chí khí, không quản ngại hi sinh làm việc nghĩa như cứu người, cứu nước. (2) *Cần Giuộc :* quận Cần Giuộc, nay thuộc tỉnh Long An. (3) *Cui cút làm ăn* : có nghĩa là làm ăn lẻ loi, thầm lặng một cách tội nghiệp. (4) *Trường nhung :* chỗ đánh nhau. (5) *Làng bộ :* làng xóm (có bản chép : *làng hộ*) (6) *Khiên :* thứ mộc hình tròn đan bằng mây dùng để đỡ mũi giáo của đối phương lúc xung trận. (7) *Phong hạc :* lấy ở câu "Phong thanh hạc lệ, thảo mộc giai binh". Nghĩa gốc là nói sự hồi hộp lo lắng, nghe tiếng gió thổi hạc kêu, thấy cây cỏ cũng tưởng là giặc đuổi đánh. Ở đây, "tiếng phong hạc" có nghĩa là tin kẻ địch đến. (8) *Tinh chiên :* tanh hôi, chỉ bọn thực dân Pháp. (9) *Vấy vá :* dây dính bậy bạ. (10) *Bòng bong :* giống cây dây leo có nhiều râu (tay leo); ở đây chỉ những lều và buồm vải có nhiều dây của quân Pháp. (11) *Xa thư :* cỗ xe và chữ viết, do chữ "xa đồng quỹ, thư đồng văn" nghĩa là xe cộ cùng một đường (*quỹ* : dấu xe đi), sách viết cùng một thứ chữ, ý nói sự thống nhất hoàn toàn. (12) *Chém rắn đuổi hươu* (lấy tích Lưu Bang cướp ngôi nhà Tần) : đến chiếm cướp ; cả vế "Một mối xa thư... chém rắn đuổi hươu" có nghĩa : Đất nước ta là một khối thống nhất vĩ đại... không thể để kẻ nào đến chiếm cướp. (13) *Đoạn kình* : chém cá kình. (14) *Bộ hổ :* bắt hổ. (15), (16) *Cơ, vệ :* các loại đơn vị quân đội thời phong kiến. (17) *Dòng :* dòng dõi cha ông (có bản chép là *vòng*). (18) *Diễn binh :* luyện tập việc binh. (19) *Chiêu mộ : chiêu :* vời, mời; *mộ* : cầu, tìm. Ở đây là tuyển trên cơ sở tự nguyện. (20) *Bao tấu :* bao đựng kiếm. (21) *Bầu ngòi :* bầu đựng ngòi thuốc nổ. (22) *Dao tu :* dao dài lưỡi. (23) *Nón gõ :*nón

thuongmaitr

của lính ngày xưa. (24) *Hỏa mai :* mồi lửa để bắn súng (ngày xưa). (25) *Mã tà :* theo tiếng Malaixia là cảnh sát. (26) *Ma ní :* lính của Tây Ban Nha mộ ở Philippin (*Mani :* Manila, thủ đô của Philippin). (27), (28) *Bọn, lũ :* ngày trước chỉ có nghĩa là nhiều người, ít có nghĩa coi thường. Ở đây chỉ các nghĩa quân. (29) *Xác phàm :* xác của con người trần tục. (30) *Chữ hạnh : hạnh* là may, ý nói may được sống (có bản chép : *Một chắc sa trường...*). *Quy :* về, ở đây là chết. (31) *Gươm hùm treo mộ :* một nghĩa sĩ thời Chiến quốc (ở Trung Quốc) không thỏa được chí mình, trước khi chết, dặn con treo gươm trên mộ để tỏ chí khí. (32) *Trường Bình :* thuộc Cần Giuộc. (33) *Lụy :* lệ (nước mắt). (34) *Vì binh :* làm lính. (35) *Hiệu lực :* (*hiệu :* hết sức) làm hết sức để chuộc tội, hoặc có tội phải đi làm những việc nguy hiểm để chuộc tội. (36) *Tài bồi : tài :* trồng cây; *bồi :* vun thêm, vun đắp (có bản chép : *vun trồng*). (37) *Tả đạo :* đạo bất chính; ở đây chỉ đạo Gia tô. Bấy giờ bọn cướp nước lợi dụng đạo Gia tô để chia rẽ nhân dân ta và mượn cớ đi truyền đạo để do thám. Các chí sĩ của ta chưa nhận rõ đâu là kẻ theo địch, đâu là người theo đạo nên chủ trương bài đạo nói chung (có bản chép : *tà đạo*). (38) *Vùa hương :* bình hương. (39) *Bàn độc :* bàn thờ tổ tiên. (40) *Địch khái :* tinh thần chống lại kẻ mình căm giận. (41) *Tổ phụ :* ông nội, người sinh ra cha. Ở đây chỉ tổ tiên, ông cha nói chung. (42) *Man di :* mọi rợ. Ở đây chỉ bọn giặc Pháp. (43) *Chùa Tông Thạnh :* một ngôi chùa ở Chợ Lớn (có bản chép : *Tân Thạnh* hoặc *Tôn Hạnh*). (44) *Ưng :* phải chịu. (45) *Đồn Lang sa :* đồn Pháp. (46) *Phận bạc :* số phận mỏng manh (*bạc :* mỏng). (47) *Dật dờ :* vất vơ, vất vưởng. (48) *Con đỏ :* chữ Hán là *xích tử*, tức trẻ con mới đẻ còn đỏ hỏn. Nghĩa bóng là nhân dân (cần được chăm sóc như chăm sóc trẻ mới đẻ). (49) *Ưng :* được, muốn được. (50) *Chữ ấm :* xem chú thích (10) ở bài *Kiêu binh nổi loạn*. (51) Phải hiểu là nước mất khóc người anh hùng. (52), (53) *Thiên dân, vương thổ :* dân của trời, đất của vua.

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hình tượng người nghĩa sĩ Cần Giuộc hiện lên trong bài văn này như thế nào ? (Chú ý đến cuộc sống của họ trước khi thực dân Pháp đến cướp nước, và thái độ, tinh thần, hành động của họ khi có giặc xâm lăng). Hãy đánh giá hình tượng đó.

2. Lòng thương tiếc của tác giả đối với những nghĩa sĩ Cần Giuộc biểu hiện như thế nào ? (Chú ý đến sự thông cảm đối với cuộc đời "Cui cút làm ăn, toan lo nghèo khó" trước ngày giặc đến và sự nhiệt tình biểu dương tấm lòng "mến nghĩa làm quân chiêu mộ"). Tình cảm của tác giả còn mở rộng ra đối với gia đình nghĩa sĩ, đối với nhân dân như thế nào ? Hãy đánh giá những tình cảm đó.

*3. Đặc điểm nghệ thuật của bài **Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc** này là gì ? (Chú ý đến kết cấu của bài văn; đến tính chất trữ tình của nó thể hiện trước hết ở giọng điệu, ở cảm xúc; đến khả năng tự sự và tạo hình trong đó có nghệ thuật tương phản : tương phản giữa điều kiện chiến đấu với tinh thần, khí thế chiến đấu của người nghĩa sĩ, tương phản giữa hình ảnh người nghĩa sĩ tay không chống giặc với lũ giặc có "tàu thiếc, tàu đồng súng nổ"; đến việc sử dụng ngôn ngữ có tính chất nhân dân và sự thay đổi phần nào phong cách ngôn ngữ giữa phần thích thực và phần ai văn).*

XÚC CẢNH

(Trích *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*)

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

thuongmaitr

Tiểu dẫn

Ngư Tiều y thuật vấn đáp (Ông Ngư, ông Tiều hỏi đáp về thuật làm thuốc) là một truyện thơ vừa có tính chất y học vừa có tính chất văn học do Nguyễn Đình Chiểu viết trong thời gian cuối đời, lúc Nam Bộ đã mất vào tay giặc Pháp. Tác phẩm viết theo thể lục bát nhưng có xen vào một số bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật do các nhân vật xướng họa. Bài thơ *Xúc cảnh* (có chỗ gọi là *Ngóng gió đông*) là một trường hợp. Nó là bài thơ do nhân vật Đường Nhập Môn đọc lên trong tác phẩm. Bài thơ nói khá rõ tấm lòng yêu nước của tác giả trong hoàn cảnh quê hương Nam Bộ bị giặc chia cắt và chiếm đóng.

*

* *

Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông[1],
Chúa xuân[2] đâu hỡi có hay không ?
Mây giăng ải bắc[3] trông tin nhạn,
Ngày xế non nam bặt tiếng hồng[4].

Bờ cõi xưa đà chia đất khác,
Nắng sương nay há đội trời chung.
Chừng nào Thánh đế(5) ân soi thấu,
Một trận mưa nhuần rửa núi sông.

(*Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*.
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Gió đông* (đông phong) : gió từ phương đông tới, tức gió mùa xuân. (2) *Chúa xuân :* mùa xuân đưa lại sức sống mới cho muôn loài, cho con người. Do đó nó được gọi là chúa xuân. Ở đây ý nói Tổ quốc độc lập (vì Tổ quốc độc lập thì mọi người dân có hạnh phúc). (3) *Ải bắc : ải* vốn có nghĩa là chỗ đất hiểm trở, chật hẹp, quạnh hiu. *Ải* cũng có nghĩa là chỗ giáp giới giữa hai nước. Ở đây, *ải bắc* có nghĩa là phương bắc xa xôi. (4) *Non nam :* núi non ở phương nam. Ở đây, *non nam* là phương nam (cũng có thể nói là Nam Bộ lúc này đã bị chiếm đóng hoàn toàn). *Nhạn :* chim nhạn. *Hồng :* chim hồng (loại nhạn to). Trong văn học, hồng nhạn là loài chim đưa tin. (5) *Thánh đế :* vị vua đáng tôn kính. Trong điều kiện ý thức hệ phong kiến còn thống trị, Nguyễn Đình Chiểu không thể không nói đến thánh đế nhưng đó là vị vua lí tưởng mà ông ước mơ.

tuongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích biện pháp nghệ thuật và ý nghĩa của hai câu thơ đầu : "Hoa cỏ ngùi ngùi ngóng gió đông, Chúa xuân đâu hỡi có hay không ?". Các từ "ngùi ngùi", "ngóng" gợi cảm nghĩ gì ? Có bản chép "ơi hỡi" chứ không phải "đâu hỡi". Nên chọn từ nào ? Lí do ?

2. Cảm nhận về hai câu thơ cuối : "Chừng nào Thánh đế ân soi thấu, Một trận mưa nhuần rửa núi sông" như thế nào ?

3. Bài thơ có mấy lớp nghĩa, là những lớp nghĩa nào ? Riêng lớp nghĩa yêu nước có nội dung như thế nào ?

ĐỌC THÊM

THÀ ĐUI MÀ GIỮ ĐẠO NHÀ

(Trích *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*)

NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

Tiểu dẫn

Trong *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*, nổi lên vẻ đẹp của nhân vật Kì Nhân Sư, một thầy thuốc rất giỏi, vốn người U Yên, khi xứ sở của mình bị nhà Tấn cắt nhường cho rợ Liêu để cầu hòa, đã kiên quyết không hợp tác với giặc, đi ở ẩn và chọc mắt cho mù để vừa khỏi phải chứng kiến những điều đau xót, vừa làm cho kẻ thù không thể lợi dụng được nữa. Nếu nhân vật Lục Vân Tiên là bóng dáng của Đồ Chiểu thời trẻ thì nhân vật Kì Nhân Sư là bóng dáng của ông lúc cuối đời - sau khi giặc Pháp đã chiếm đóng Nam Bộ. Đoạn thơ được trích học ở đây là lời tự bạch (tự nói về mình) của Kì Nhân Sư. Nhan đề đoạn trích là do người biên soạn đặt.

thuongmaitr

*
* *

Thà cho trước mắt mù mù,
Chẳng thà ngồi thấy kẻ thù quân thân[1].
Thà cho trước mắt vô nhân[2],
Chẳng thà ngồi ngó sinh dân nghiêng nghèo[3].
Thà cho trước mắt vắng hiu,
Chẳng thà thấy cảnh trời chiều phân xâm[4].
Thà cho trước mắt tối hầm,
Chẳng thà thấy đất lục trầm can qua[5].
Dù đui mà giữ đạo nhà,
Còn hơn có mắt ông cha không thờ.
Dù đui mà khỏi danh nhơ,
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình.
Dù đui mà đặng trọn mình,
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu.
Sáng chi theo thói chiên cầu[6],
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai.

Sáng chi đắm sắc tham tài,
Lung lòng nhân dục(7), chuốc tai họa trời.
Sáng chi đua nịnh theo đời,
Nay vinh mai nhục mang lời thị phi(8).
Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi,
Thảo ngay chẳng biết, lỗi nghì thiên luân(9).
Thấy rồi muôn việc trong trần(10),
Xin còn hai chữ "tâm thần"(11) ở ta.

(*Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu*.
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Thà* : chịu. *Chẳng thà* : không chịu. *Quân thần* : *quân* là nhà vua, *thần* là cha mẹ; "kẻ thù quân thần" là kẻ thù của nước, của nhà. (2) *Vô nhân* : không (nhìn thấy) người. (3) *Sinh dân* : nhân dân. *Nghiêng nghèo* : lầm than, cơ cực. (4) *Phân xâm* : chia cắt (phân) và chiếm đóng (xâm). (5) *Lục trầm* : chết đuối trên cạn. *Can qua* : *can* là cái mộc, *qua* là cái mác. *Can qua* là binh khí, chiến tranh. (6) *Chiên cầu* : áo bằng da con chiên (cừu). Ý nói : ăn mặc trang sức theo lối nước ngoài một cách lai căng, mất gốc. (7) *Lung* : đầy rẫy. *Nhân dục* : những ham muốn (bất chính) của con người. (8) *Thị phi* : đúng sai, phải trái. *Lời thị phi* : lời khen chê phải trái. (9) *Lỗi nghì thiên luân* : *lỗi* : trái với, *nghì* : nghĩa (tiếng cổ); *thiên luân* (phép tắc của trời định) : trái với đạo lí của trời định. (10) *Trần* : cõi đời. (11) *Tâm thần* : tinh thần chân chính trong cõi lòng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong đoạn thơ này nổi bật lên vẻ đẹp của một thái độ công dân trước vận nước hiểm nghèo (bị kẻ thù ngoại xâm chiếm đóng). Hãy phân tích làm sáng tỏ vẻ đẹp đó.

2. Lời thơ đã sử dụng biện pháp điệp từ : "thà cho", "chẳng thà", "dù đui", "còn hơn", "sáng chi". Hãy phân tích tác dụng của biện pháp điệp từ này trong việc diễn tả thái độ công dân rất đẹp này.

3. Trong bài giới thiệu chung về văn thơ Nguyễn Đình Chiểu có nói : "Ở thơ văn Đồ Chiểu, cái chất trữ tình – đạo đức đã trở thành một nét phong cách". Hãy chứng minh nhận định đó qua đoạn thơ trên đây.

NGUYỄN KHUYẾN
(1835 - 1909)

I - TIỂU SỬ

Nguyễn Khuyến lúc nhỏ tên là Thắng, sinh năm Ất Mùi (1835) ở quê mẹ, làng Hoàng Xá, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định; nhưng ông lớn lên và sống chủ yếu ở quê cha, làng Yên Đổ, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Thủa nhỏ chăm học. Năm 17 tuổi, ông đi thi cùng một khóa với cha, nhưng bị hỏng. Sau đó cha mất, nhà nghèo, Nguyễn Khuyến phải đi dạy học để kiếm sống và nuôi mẹ. Ông nghè Vũ Văn Lí, học trò cũ của ông bác Nguyễn Khuyến thương tình cảnh của Nguyễn Khuyến, đem về nuôi cho ăn học tiếp. Năm 1864, Nguyễn Khuyến thi hương đậu giải nguyên (đậu đầu); năm sau thi hội bị hỏng, ông vào kinh theo học trường Quốc Tử Giám. Năm 1871, ông thi lại lần nữa và đỗ liền cả Hội nguyên, Đình nguyên. Nguyễn Khuyến đậu đầu cả ba kì nên người ta thường gọi ông là Ông Tam nguyên hay Tam nguyên Yên Đổ. Ông Tam nguyên Yên Đổ đã từng làm ở nội các Huế, rồi làm Đốc học Thanh Hóa, Án sát Nghệ An, rồi Biện lí bộ Hộ,... Thời gian Nguyễn Khuyến ra làm quan, thực dân Pháp đã đánh chiếm sáu tỉnh Nam Kì và đang đánh ra miền Bắc. Cuối năm 1883, Nguyễn Khuyến được cử làm quyền Tổng đốc Sơn Tây thay cho Tổng đốc Nguyễn Đình Nhuận đã bỏ Sơn Tây lên Hưng Hóa chống thực dân Pháp, nhưng Nguyễn Khuyến từ chối. Sau đó Hoàng Cao Khải -

Kinh lược sứ Bắc Kì mời ông đến nhà dạy học, rồi Lê Hoan - Tuần phủ Hưng Yên tổ chức thi vịnh *Kiều* cũng mời ông làm giám khảo. Hoàng Cao Khải, Lê Hoan là những kẻ cộng tác với thực dân Pháp. Từ chối lời mời của họ, ông biết sẽ sinh chuyện lôi thôi nên đành miễn cưỡng nhận lời. Nguyễn Khuyến làm quan tất cả hơn 10 năm, rồi từ quan về nhà. Phần lớn cuộc đời của Nguyễn Khuyến là ở thôn quê. Ông mất năm 1909, thọ 75 tuổi.

II – SỰ NGHIỆP THƠ CA

Sáng tác của Nguyễn Khuyến hầu hết được làm sau lúc từ quan, hiện còn khoảng trên 400 bài, gồm thơ, văn, câu đối bằng chữ Hán và chữ Nôm. Có bài ông viết bằng chữ Hán rồi tự dịch ra chữ Nôm, cả hai đều rất điêu luyện. Sáng tác của ông chủ yếu xoay quanh ba nội dung :

– Bộc bạch tâm sự của mình;

– Viết về con người, cảnh vật và cuộc sống ở quê hương – một vùng đồng chiêm nghèo ở Bắc Bộ;

uongxua.vn

– Chế giễu, đả kích những kẻ tham lam, ích kỉ, tùy thời, cơ hội lúc bấy giờ.

1. Nguyễn Khuyến là một nhà thơ được đào tạo theo khuôn mẫu đạo đức của Nho giáo. Đối với ông, con người sinh ra ở đời sau khi học hành, đỗ đạt thì phải ra làm quan để "thờ vua giúp nước", thực hiện nghĩa vụ "trí quân trạch dân" (vừa giúp vua, vừa làm cho dân được nhờ) mà đạo lí nhà nho đã quy định. Trong thời buổi bình thường chắc Nguyễn Khuyến sẽ trở thành một ông quan thanh liêm, mẫu mực. Nhưng thời Nguyễn Khuyến sống, thực dân Pháp đang đánh chiếm nước ta, triều đình vì bạc nhược nên đã lần lượt đầu hàng giặc. Trong bối cảnh như thế, nếu Nguyễn Khuyến cứ làm quan thì không khác nào tiếp tay cho giặc, đó là điều mà các nhà nho chân chính rất sợ. Nguyễn Khuyến lúng túng trong thái độ ứng xử. Nên tiếp tục làm quan hay bỏ quan về nhà ? Cuối cùng ông quyết định từ quan. Trong thơ ông có rất nhiều bài thể hiện cái tâm trạng ấy. Lúc đầu ông do

dự "mình bỏ nước về nhưng bạn bè đâu phải không có người ở lại. Và về như thế chắc gì con cháu đã khen". Về sau ông mới dứt khoát cho rằng lui về là phải, và ông tiếc là một số bạn bè đã không hành động như ông. Có điều thời cuộc thì mỗi ngày một xấu. Thực dân Pháp ngày một lấn tới, bọn cơ hội, tùy thời lúc đầu còn rụt rè, về sau thì công khai ra cộng tác với giặc. Nguyễn Khuyến cảm thấy buồn vô hạn. Ông viết về tiếng con cuốc kêu và đó cũng là tiếng lòng của ông đối với non sông đất nước :

Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.

Và cho đến lúc nghĩ là mình sắp từ giã cuộc đời, trong bài *Di chúc*, ông vẫn nói :

Ơn vua chưa chút báo đền,
Cúi trông hổ đất, ngửa lên thẹn trời !

2. Phần lớn cuộc đời của Nguyễn Khuyến là ở nông thôn. Quê ông là một vùng đồng chiêm nghèo trũng nước. Nguyễn Khuyến sống ở quê và quan hệ thân tình với mọi người. Ông làm thơ tặng bạn bè, tặng anh vợ, tặng ông hàng thịt,... làm câu đối viếng người làng, viếng người thợ rèn, mừng đám cưới, mừng nhà mới,... Nguyễn Khuyến viết nhiều về con người, về thiên nhiên, cảnh vật ở nông thôn. Trước Nguyễn Khuyến, trong văn chương Việt Nam thỉnh thoảng có những tác phẩm viết về nông thôn, nhưng hình ảnh nông thôn trong văn học nói chung còn mờ nhạt. Có thể nói, với Nguyễn Khuyến lần đầu tiên nông thôn Việt Nam mới thực sự đi vào văn học.

Nguyễn Khuyến xứng đáng được gọi là nhà thơ của nông thôn. Dưới ngòi bút của ông, cuộc sống ở nông thôn dường như lúc nào cũng khó khăn, túng thiếu :

Sớm trưa dưa muối cho qua bữa,
Chợ búa trầu cau[1] chẳng dám mua.

(Chốn quê)

Nỗi ám ảnh thường xuyên của người nông dân là lo mất mùa, lụt lội :

Năm nay cày cấy vẫn chân thua,
Chiêm mất đằng chiêm, mùa mất mùa.

(Chốn quê)

Hay :

Quai Mễ Thanh Liêm[2] *đã vỡ rồi,*
Vùng ta thôi cũng lụt mà thôi.

(Nước lụt Hà Nam)

Ngày tết đến, nếu là năm được mùa thì còn có chút vui :

Trong nhà rộn rịp gói bánh chưng,
Ngoài cửa bi bô rủ chung thịt.

(Cảnh tết)

nhưng chẳng may gặp năm mất mùa thì tết nhất lại càng thê thảm :

uongxua.vn

Dở trời mưa bụi còn hơi rét,
Nếm rượu tường đền[3] *được mấy ông?*
Hàng quán người về nghe xáo xác,
Nợ nần năm hết hỏi lung tung.

(Chợ Đồng)

Trong thơ Nguyễn Khuyến, thiên nhiên được miêu tả cũng là một thiên nhiên nông thôn rất rõ. Cảnh mùa thu trong thơ của ông không phải là mùa thu ở miền nào, thời nào, mà là mùa thu ở quê ông, vùng đồng chiêm Bắc Bộ lúc bấy giờ. Ta có thể nhận thấy điều ấy qua cái màu "xanh ngắt" của bầu trời, đến cái nước "trong veo" của ao cá; hay từ cái "Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt, Làn ao lóng lánh bóng trăng loe". Và cũng phải đến Nguyễn Khuyến, trong thơ Việt Nam mới có những buổi trưa đặc biệt nông thôn như :

Chuông trưa vắng tiếng người không biết,
Trâu thả sườn non ngủ gốc cây.

(Nhớ cảnh chùa Đọi)

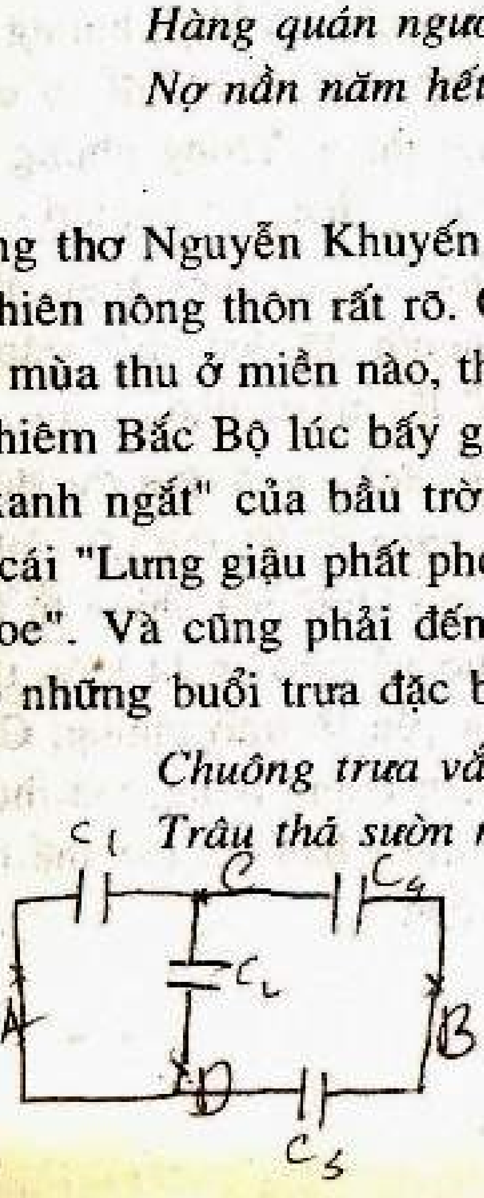

Viết về nông thôn với một tình cảm đằm thắm như thế, không phải trước mà sau Nguyễn Khuyến cũng hiếm có người nào viết được như ông.

3. Một mảng sáng tác khác cũng rất có giá trị của Nguyễn Khuyến là mảng thơ trào phúng, đả kích. Nguyễn Khuyến thấy khá rõ cái xấu của xã hội đương thời. Là một nhà nho đã từng làm quan, ông chú ý trước hết đến cái xấu của đám nho sĩ, của bọn quan lại. Đi thi, làm quan trong thời buổi nước mất nhà tan thì có gì là thực chất, thì làm được việc gì ? Ông gọi họ là "tiến sĩ giấy", là "phỗng đá", là anh hề chèo. Ông vạch trần bọn quan lại chỉ lo cho túi mình đầy ắp và bất chấp tất cả mọi sự khen chê của dư luận. Ông đả kích thói rởm đời, lố lăng, thứ con đẻ của xã hội thực dân. Ngòi bút đả kích của Nguyễn Khuyến trở nên chua xót, cay đắng khi ông thấy chính nhân dân bị bọn thực dân lừa gạt đã tham gia một cách vô ý thức vào những trò chơi làm hạ phẩm giá của mình. Ông tả cảnh ngày "Hội Tây" lúc bấy giờ và kết luận :

Khen ai khéo vẽ trò vui thế,
Vui thế bao nhiêu, nhục bấy nhiêu.

thuongmaitr

Thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến ngoài bộ phận hướng vào cái xấu của xã hội để đả kích, ông còn dành một số bài để tự chế giễu cái bất lực, cái bạc nhược của bản thân mình. Trong những bài thơ này, cái cười của ông thường trở nên chua chát, tội nghiệp.

4. Thơ Nguyễn Khuyến không những có nội dung thâm thúy mà nghệ thuật cũng rất đặc sắc. Ông là người đã đưa chất trào phúng vào thơ chữ Hán, và dùng cả "điển cố" lấy từ ca dao.

Trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, ngôn ngữ dân tộc được nhà thơ sử dụng là thứ ngôn ngữ hằng ngày giản dị, nhưng rất sinh động, tinh tế. Nhà thơ khai thác được giá trị tạo hình của nhiều từ láp láy. Bút pháp của Nguyễn Khuyến trong thơ về cơ bản là hiện thực trữ tình, thỉnh thoảng có điểm xuyết những yếu tố trào phúng. Cái cười trong thơ Nguyễn Khuyến không vang lên thành tiếng, mà thường là cái cười kín đáo, thâm trầm. Ông đã sử dụng hầu hết các thể loại thơ ca cổ mà thể loại nào cũng rất thành công.

Chú thích

(1) Có bản chép là "trầu chè" (*chè* : trà). (2) Con đê quai làng Mễ Tràng thuộc huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. (3) *Tường đền* : chợ Đồng họp ngay bên cạnh một ngôi đền ba gian lợp ngói. Xung quanh đền lại đắp tường đất dày bao bọc, gọi là tường đền.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Cuộc đời và con người Nguyễn Khuyến có những điểm nào đáng chú ý? Tâm sự của nhà thơ trước thời cuộc lúc bấy giờ? Nguyễn Khuyến sáng tác chủ yếu vào giai đoạn nào trong cuộc đời ông?

2. Nguyễn Khuyến đã viết những gì về cuộc sống nông thôn? Do những yếu tố nào mà Nguyễn Khuyến thành công trong những bài thơ viết về nông thôn?

3. Phong cách thơ Nguyễn Khuyến có gì đặc sắc? Ngôn ngữ dân tộc trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến có gì đặc biệt?

4. Đặc điểm nghệ thuật trào phúng trong thơ Nguyễn Khuyến. Hãy phân tích một bài thơ trào phúng của Nguyễn Khuyến để thấy đặc điểm này.

uongxua.vn

KHÓC DƯƠNG KHUÊ(*)

NGUYỄN KHUYẾN

Tiểu dẫn

Dương Khuê (1839 - 1902) là người làng Vân Đình, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông cũ, nay thuộc tỉnh Hà Tây. Đậu cử nhân cùng khoa với Nguyễn Khuyến, và là bạn thân của Nguyễn Khuyến, sau đậu tiến sĩ, làm Tham tá nha Kinh lược Bắc Kì, rồi làm Tổng đốc Nam Định. Dương Khuê cũng là nhà thơ có tên tuổi cuối thế kỉ XIX. Ông mất năm 1902. Bài *Khóc Dương Khuê*, Nguyễn Khuyến viết bằng chữ Hán, sau đó ông dịch ra chữ Nôm; bài thơ Nôm của ông nhiều người cho có phần hay hơn bài thơ chữ Hán.

*

* *

Bác Dương thôi đã thôi rồi,
Nước mây man mác ngậm ngùi lòng ta.
Nhớ từ thuở đăng khoa[1] ngày trước,
Vẫn sớm hôm tôi bác cùng nhau.
Kính yêu từ trước đến sau,
Trong khi gặp gỡ khác đâu duyên trời[2].
Cũng có lúc chơi nơi dặm khách,
Tiếng suối nghe róc rách lưng đèo;
Có khi từng gác cheo leo,
Thú vui con hát lựa chiều cầm xoang[3];
Cũng có lúc rượu ngon cùng nhắp,
Chén quỳnh tương[4] ăm ắp bầu xuân;
Có khi bàn soạn câu văn,
Biết bao đông bích, điển phần[5] trước sau.
Buổi dương cửu[6] cùng nhau hoạn nạn,
Phận đấu thăng[7] chẳng dám tham trời;
Bác già tôi cũng già rồi,
Biết thôi thôi thế thì thôi mới là !
Muốn đi lại tuổi già thêm nhác[8],
Trước ba năm gặp bác một lần;
Cầm tay hỏi hết xa gần,
Mừng rằng bác hãy tinh thần chưa can[9].
Kể tuổi tôi còn hơn tuổi bác,
Tôi lại đau trước bác mấy ngày;
Làm sao bác vội về[10] ngay,
Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời.
Ai chẳng biết chán đời là phải,
Vội vàng chi đã mải lên tiên;
Rượu ngon không có bạn hiền,
Không mua không phải không tiền không mua.
Câu thơ nghĩ đắn đo không viết,
Viết đưa ai, ai biết mà đưa;

thuongmaitr

Giường kia treo[11] cũng hững hờ,
Đàn kia gẩy cũng ngẩn ngơ tiếng đàn[12]
Bác chẳng ở dẫu van chẳng ở,
Tôi tuy thương lấy nhớ làm thương;
Tuổi già hạt lệ như sương,
Hơi đâu ép lấy hai hàng chứa chan!

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1979)

Chú thích

(*) Tác giả tự dịch bài *Văn đồng niên Vân Đình tiến sĩ Dương thượng thư*. Bài này có bản dịch đề là *Khóc bạn* nhưng lâu nay quen gọi là *Khóc Dương Khuê*. (1) *Đăng khoa :* thi đỗ. (2) Câu này ý nói : sự gặp gỡ tự nhiên chẳng khác gì duyên trời xui khiến vậy. (3) *Cầm xoang :* cung đàn và điệu hát. (4) *Quỳnh tương :* rượu ngon. Câu này ý nói : rót đầy chén rượu ngon cùng uống với nhau. (5) *Đông bích :* do câu "Đông bích đồ thư, tây viên hàn mặc", nghĩa là "Vách bên đông để sách vở, vườn bên tây để bút mực". Ý chỉ nơi để sách và chỗ ngồi đọc sách. *Điển phần :* tức "Tam phần ngũ điển". Khổng An Quốc đời Hán nói : "Sách của Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế gọi là tam phần; sách của Thiếu Hiệu, Chuyên Húc, Cao Tân, Đường, Ngu gọi là ngũ điển". Chỉ sách vở xưa. Ý cả câu : khi bàn soạn câu văn có nhiều sách vở xưa để tra cứu. (6) *Buổi dương cửu :* lúc loạn lạc. Theo *Luật lịch chí* thì trong một Nguyên có 4.617 năm; 106 năm đầu là hội "dương cửu" trong đó có 9 năm bị hạn tai nên cũng gọi là "ách hội" (vận hội tai ách). (7) *Đấu thăng :* cái đấu, cái thăng, đơn vị đong thóc gạo ngày xưa, chỉ lương bổng của quan lại. "Phận đấu thăng chẳng dám tham trời" : làm quan là có bổng lộc nhưng không dám quá tham bổng lộc. (8) *Nhác* : lười biếng. (9) *Chưa can :* chưa hề gì, còn khỏe mạnh. (10) *Về* : ở đây nghĩa là chết, do quan niệm sống là ở tạm (*sinh kí*), chết là về (*tử quy*). (11) *Giường kia treo* : Trần Phồn đời Hậu Hán có một người bạn rất thân là Từ Trĩ. Trần Phồn dành cho bạn một cái giường để bạn ngồi, lúc bạn về thì treo giường lên, không cho người khác ngồi. (12) Câu này nhắc lại chuyện Bá Nha và Chung Tử Kì là hai người bạn thân, một người chơi đàn và một người hiểu sâu sắc tiếng đàn của người kia. Khi Tử Kì mất, Bá Nha cho không ai hiểu được tiếng đàn của mình nên đập đàn đi và không chơi nữa.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Trong bài thơ có một đoạn dài từ câu 3 đến câu 22 nhà thơ kể lại những kỉ niệm của mình với bạn. Cách kể chuyện của tác giả

có những điểm gì đáng chú ý và anh (chị) có nhận xét gì về tình bạn của hai người?

2. Cái tin bạn qua đời đối với nhà thơ thật là đột ngột. Nhà thơ đã trình bày điều đó như thế nào? Tại sao nói về sự qua đời của bạn mà nhà thơ lại tránh dùng những từ ngữ nói thẳng về sự qua đời ấy?

3. Niềm đau xót của nhà thơ về sự qua đời của bạn được thể hiện tập trung ở đoạn nào? Những câu thơ nào có yếu tố trùng điệp? Nhà thơ sử dụng nhiều kết cấu trùng điệp với mục đích gì? So sánh đoạn đầu nói về kỉ niệm đẹp của hai người với đoạn cuối nói về sự qua đời của bạn, nhịp điệu câu thơ có gì khác nhau?

CHÙM THƠ THU :
THU VỊNH, THU ĐIẾU, THU ẨM

thuongmaitr

NGUYỄN KHUYẾN

Tiểu dẫn

Mùa thu là bạn muôn đời của thi nhân. Nói riêng, trong lịch sử thơ ca Việt Nam xưa nay, đã có không biết bao nhiêu bài thơ viết về mùa thu mà tựu trung chùm thơ gồm ba bài thơ : *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm* của Nguyễn Khuyến có lẽ là nổi tiếng nhất. Nhà thơ Xuân Diệu từng viết : "Nguyễn Khuyến nổi tiếng nhất trong văn học Việt Nam là về thơ Nôm. Mà trong thơ Nôm của Nguyễn Khuyến, nức danh nhất là ba bài thơ mùa thu : *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm"* (Xem : *Thơ Nguyễn Khuyến* - Tiểu luận, in trong *Thơ văn Nguyễn Khuyến*, NXB Văn học, Hà Nội, 1971).

*
* *

THU VỊNH[1]

Trời thu xanh ngắt mấy từng cao,
Cần trúc[2] lơ phơ gió hắt hiu.
Nước biếc trông như tầng khói phủ,
Song thưa để mặc bóng trăng vào.
Mấy chùm trước giậu hoa năm ngoái[3],
Một tiếng trên không ngỗng nước nào[4]?
Nhân hứng cũng vừa toan cất bút,
Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào[5].

THU ĐIẾU

Ao thu lạnh lẽo nước trong veo,
Một chiếc thuyền câu bé tẻo teo.
Sóng biếc theo làn hơi gợn tí,
Lá vàng trước gió khẽ đưa[6] vèo.
Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt,
Ngõ trúc quanh co khách vắng teo.
Tựa gối, ôm cần lâu chẳng được,
Cá đâu đớp động dưới chân bèo.

uongxua.vn

THU ẨM

Năm gian nhà cỏ[7] thấp le te,
Ngõ tối đêm sâu đóm lập lòe.
Lưng giậu phất phơ màu khói nhạt,
Làn ao lóng lánh bóng trăng loe.
Da trời ai nhuộm mà xanh ngắt?
Mắt lão không vầy[8] cũng đỏ hoe.
Rượu tiếng rằng hay, hay chả mấy,
Độ năm ba chén đã say nhè.

(Thơ văn Nguyễn Khuyến.
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Thu vịnh :* thường được dịch là "Thơ vịnh mùa thu", nhưng trong một chùm ba bài của tác giả là *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm* thì nghĩa của nó phải là "Mùa thu làm thơ", "Mùa thu câu cá", và "Mùa thu uống rượu" mới đúng. (2) *Cần trúc :* cây trúc thanh mảnh giống cần câu nên gọi là cần trúc. (3) *Giậu :* hàng rào. *Hoa năm ngoái* : hoa giống như hoa năm ngoái. Đây là cảnh tả thực. Có người cho rằng câu này Nguyễn Khuyến lấy từ câu thơ : "Xuân lai hoàn phát cựu thời hoa" (Xuân về lại nở những bông hoa thời trước) trong bài *Sơn phòng xuân sự* của Sầm Tham. (4) *Ngỗng nước nào :* loại ngỗng trời không biết ở xứ sở nào thường bay thành từng đàn từ các vùng lạnh đến những vùng khí hậu ấm áp để tránh rét. (5) *Ông Đào :* Đào Tiềm (365 - 427), còn gọi là Đào Uyên Minh, một nhà thơ nổi tiếng của Trung Quốc thời Lục Triều (xem chú thích (13) bài *Lẽ ghét thương*). Nguyễn Khuyến viết "Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào" có thể vì Nguyễn Khuyến thấy thái độ từ quan về nhà của ông không được dứt khoát như Đào Tiềm nên ông thấy thẹn với Đào Tiềm. Cũng có thể do khiêm tốn nghĩ thơ mình viết về thiên nhiên không hay bằng thơ Đào Tiềm, nên ông vừa muốn viết lại vừa "thẹn" với Đào Tiềm. (6) *Khẽ đưa* : đưa nhẹ, đưa khẽ. Có bản chép : *sẽ*. (7) *Nhà cỏ :* nhà lợp bằng cỏ tranh. (8) *Vầy* (tiếng cổ) : giụi, xát.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

thuongmaitr

*1. Với bài **Thu vịnh**, khảo sát kĩ từ câu 1 đến câu 6 để thấy cách cảm nhận thiên nhiên tinh tế của nhà thơ. Cảnh ở đây động hay tĩnh? Do những yếu tố nào? Tiết tấu của câu thơ nhanh hay chậm? Tâm trạng của nhà thơ khi nhìn cảnh.*

*2. Nhận xét gì về vần "eo" trong bài **Thu điếu**? Trong câu "Lá vàng trước gió khẽ đưa vèo" thì "đưa vèo" gợi lên cảm giác nhanh hay chậm? Câu kết của bài thơ "Cá đâu đớp động dưới chân bèo" có ý nghĩa gì, và giữ vai trò như thế nào trong kết cấu chung của toàn bài?*

*3. Những từ ngữ nào trong bài **Thu ẩm** có chất tượng hình cao?*

Đọc bài thơ có cảm giác buồn, nhất là bốn câu cuối có ấn tượng nhà thơ nhìn cảnh vật qua cảm giác của một người say. Anh (chị) có cảm thấy như thế không? Do những yếu tố nào mà có cảm giác ấy?

ĐỌC THÊM

CUỐC KÊU CẢM HỨNG

NGUYỄN KHUYẾN

Khắc khoải sầu đưa giọng lửng lơ,
Ấy hồn Thục đế(1) thác(2) bao giờ?
Năm canh máu chảy đêm hè vắng,
Sáu khắc hồn tan bóng nguyệt mờ.
Có phải tiếc xuân mà đứng gọi,
Hay là nhớ nước vẫn nằm mơ.
Thâu đêm ròng rã kêu ai đó,
Giục khách giang hồ dạ ngẩn ngơ.

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến*.
Sách đã dẫn)

uongxua.vn

Chú thích

(1) *Thục đế* : vua nước Thục, có tên là Đỗ Vũ. Tương truyền sau khi mất nước, vua Thục chết, hồn hóa làm con chim đỗ quyên (còn gọi là chim cuốc), ngày đêm kêu "cuốc, cuốc", tiếng kêu nghe rất ai oán. Chú ý : tiếng chim "cuốc, cuốc" đồng âm với từ Hán "quốc" nghĩa là nước, Tổ quốc, nên tiếng chim cuốc kêu đã gợi người ta nhớ đến nước là vì vậy. (2) *Thác* : chết.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Ở bài này, nhà thơ nhân tiếng chim cuốc kêu ban đêm đã nói lên tình cảm thương nước, thương nhà của mình khi nước nhà rơi vào tay giặc Pháp. Các câu 3, 4 với những hình ảnh "Năm canh máu chảy..." và "Sáu khắc hồn tan..." gây ấn tượng mạnh. Chim cuốc thường kêu vào mùa hè, nên nhà thơ mới hỏi có phải nó kêu vì tiếc mùa xuân đã qua, hay là kêu vì nhớ nước đã mất. Tiếng cuốc kêu thâu đêm ròng rã làm cho nhà thơ xao xuyến, không yên, nhưng ông cũng chẳng biết làm gì hay tìm con đường nào để cứu nước.

Hãy đọc kĩ bài thơ và nghiệm lại những điều vừa nói trên đây.

HỎI THĂM QUAN TUẦN MẤT CƯỚP[1]

NGUYỄN KHUYẾN

Tôi nghe kẻ cướp nó lèn ông,
Nó lại lôi ông đến giữa đồng.
Lấy của đánh người quân tệ nhỉ!
Xương già da cóc có đau không?
Bây giờ trót đã sầy da trán,
Ngày trước đi đâu mất mảy lông.
Thôi cũng đừng nên ki cóp nữa,
Kẻo mang tiếng dại với phường ngông!

(*Thơ văn Nguyễn Khuyến.*
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) Bài này nhà thơ gửi cho ông tuần phủ Đích là bạn học, người làng Thiên Khoán, huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam. Ông Đích vốn có tính keo kiệt bủn xỉn, nên thường bị nhà thơ giễu cợt đả kích. Về sau ông Đích được bổ làm ngự sử ở Kinh, lúc về hưu, ông chỉ lo chí thú làm giàu, rồi bị mất cướp. Nhân đó nhà thơ gửi bài này hỏi thăm.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Đây là một trong những bài thơ thể hiện rõ nét phong cách trào phúng của Nguyễn Khuyến : không đao to búa lớn mà kín đáo, có vẻ như đùa mà thâm trầm, sâu sắc. Nhà thơ không nói là chế giễu đả kích, mà nói là "hỏi thăm". Ý nghĩa trào phúng của bài thơ toát lên ở chỗ nhà thơ đã "hỏi thăm", đã nói những điều lẽ ra theo phép lịch sự thông thường thì không nên hỏi, không nên nói, hay có hỏi, có nói thì phải hỏi, nói một cách tế nhị, đằng này ông lại hỏi thẳng, nói thẳng. Những câu thơ giống như những mũi dao nhọn cứ ngoáy mãi vào một vết thương, nên càng ngoáy lại càng đau. Bốn câu thơ đầu nhà thơ còn nói ỡm ờ để chế giễu, nhưng đến bốn câu cuối thì ông đả kích thật sự. Chú ý hai câu kết biểu hiện thái độ của nhà thơ rất gay gắt.

Hãy đọc kĩ bài thơ và nghiệm lại những điều được nói trên đây.

MỒNG HAI TẾT VIẾNG CÔ KÍ

TRẦN TẾ XƯƠNG

Tiểu dẫn

1. Trần Tế Xương (1870 - 1907) thường gọi là Tú Xương, quê ở làng Vị Xuyên, huyện Mĩ Lộc, tỉnh Nam Định (khi Tây chiếm thành "mở tỉnh", quê ông "làng xoay ra phố", thành ra phố Hàng Nâu của thành phố Nam Định từ đó). Tú Xương có cá tính sắc sảo, phóng túng, khó gò vào khuôn sáo trường quy, nên dù có tài, dù tám lần thi, mà chỉ đỗ tú tài. Tú Xương sống vào giai đoạn giao thời đổ vỡ : xã hội phong kiến già nua đang chuyển thành xã hội lai căng thực dân nửa phong kiến. Thành Nam quê ông lại là nơi diễn ra cuộc sống ấy sớm và khá tập trung. Hằng ngày, hiện thực ấy đập vào mắt ông, gây phản ứng trong tâm trạng, từ đó phản ánh vào sáng tác của ông, tỏa ra hai tố chất, làm nên hai phương diện thơ Tú Xương : *trữ tình* và *trào phúng* - tưởng khác nhau mà thật nhất quán với nhau. Tú Xương chủ yếu làm thơ, gần 150 bài còn lại đến nay đều được viết bằng tiếng Việt (chữ Nôm).

Cuộc sống thị thành buổi giao thời ở xứ thuộc địa, nhất là bộ mặt tinh thần của nó, với bao trái tai gai mắt đã được phản ánh vào thơ Tú Xương, chân thực sâu sắc hiếm có. Trong đó con người nhà thơ của Tú Xương cũng hiện lên rất rõ, từ dáng vẻ đến tâm hồn, từ cá tính đến tâm sự, cả nỗi đau lẫn vẻ đẹp, vừa rất riêng, vừa tiêu biểu cho cả một lớp người, một loại tâm trạng... Tú Xương xuất hiện như một phong cách trào phúng đặc sắc nhiều cung bậc. Nhưng độc đáo hơn cả vẫn là tiếng cười dữ dội và quyết liệt; khác với tiếng cười hóm nhẹ - độ lượng hoặc thâm trầm của Nguyễn Khuyến, một phong cách trào phúng đặc sắc khác, cùng thời, tuy cả hai cùng tâm huyết với nước với dân, cùng cười ra nước mắt. Tú Xương có công phát triển đổi mới tiếng Việt văn học và Việt hóa thể thơ Đường luật thêm một bước dài, góp phần chuẩn bị "hiện đại hóa" nghệ thuật thơ dân tộc. Tú Xương, cùng với Nguyễn Khuyến, tiêu biểu cho khuynh hướng văn học tố cáo hiện thực cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, và là đại biểu xuất sắc cuối cùng của văn học trung đại Việt Nam.

2. Ở Nam Định bấy giờ có người vừa làm kí lục ở sở Tây vừa mở cửa hàng cho thuê xe tay. Cửa hàng phải dưới quyền một viên cảnh sát Tây (cẩm Tây). Thầy Kí cưới thêm cô vợ bé trẻ đẹp, và thường cho đi lại "giao thiệp" với viên cẩm. Nhờ vậy mà cửa hàng phát đạt. Bỗng cô đột ngột lăn ra chết đúng vào mồng hai tết. Hàng phố lo tết nhất nên chẳng để tâm đã đành, mà ngay cả thầy Kí - ông chồng cũng không đoái hoài nốt. Cám cho cảnh ấy, Tú Xương có bài thơ *Mồng hai tết viếng cô Kí* này. Từ một "ca" có vẻ như cá biệt, một thầy Kí, một cô Kí cụ thể, bài thơ đã vươn lên tầm khái quát, lột tả được bản chất của cả một loại người trong thời đại xã hội ấy.

*

* *

Cô Kí sao mà đã chết ngay[1]?
Ô hay, trời chẳng nể ông Tây!
Gái tơ đi lấy làm hai họ[2],
Năm mới vừa sang được một ngày.
Hàng phố khóc bằng câu đối đỏ [3],
Ông chồng thương đến cái xe tay[4].
Gớm ghê cho những cô con gái,
Mà vẫn đua nhau lấy các thầy[5].

(*Thơ văn Trần Tế Xương*,
NXB Giáo dục, Hà Nội, 1984)

Chú thích

(1) *Kí* : tức kí lục, người ghi chép giấy tờ sổ sách trong các sở Tây, thường gọi là thầy Kí, vợ anh ta được gọi là cô Kí. Kí, phán là loại người sản phẩm đặc trưng thời Pháp thuộc. (2) *Gái tơ* : gái mới lớn, chưa chồng (gọi hài hước, mỉa mai). *Làm hai họ* : làm vợ *hai* (vợ bé) người ta (*họ* - người ta, đây chỉ thầy Kí). (3) *Câu đối đỏ* : câu đối viết trên giấy đỏ, tức là câu đối ăn mừng. Đây là câu đối mừng tết, khác câu đối phúng viếng đám ma viết trên giấy (hoặc vải) trắng. (4) *Xe tay* : xe hai bánh do người kéo để chở khách, công dụng như xích lô - thời Pháp thuộc mới có. (5) *Các thầy* : như loại thầy Kí này. Đây là lớp công chức thuộc địa, nặng tính chất thị dân cơ hội, hám lợi một cách vô sỉ.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Bài thơ có nhân vật trào phúng và nhân vật trữ tình, đó là những nhân vật nào?

2. Cái gì là lí do kéo bộ ba nhân vật (ông Tây, thầy Kí, cô Kí) xích lại và gắn bó với nhau?

3. Đằng sau vật môi giới "cái xe tay", và bao trùm lên mọi quan hệ nói trong bài thơ, đích thực là cái gì?

THƯƠNG VỢ

TRẦN TẾ XƯƠNG

Tiểu dẫn

Các nhà thơ nho sĩ ít viết về cuộc sống tình cảm đời tư của mình, càng hiếm khi viết về vợ. Có chăng, khi vợ chết đi rồi, họ mới viết văn tế, làm đối trướng để mà thương mà khóc. Và như vậy, khó tránh ít nhiều sự "làm văn" trong đó... Tú Xương thì khác. Viết về vợ, ông có không chỉ một hai bài. Ông cũng làm văn tế vợ, nhưng là tế... sống ! Không để khóc thương mà để cười thương, để đùa ! Có điều, tiếng cười và giọng đùa vui ở loạt bài này vẫn không che lấp tấm lòng yêu thương, quý mến và quý trọng của Tú Xương đối với vợ. Ấy là nét phong cách (nghệ thuật) mà cũng là nhân cách của hồn thơ Tú Xương.

Trong loạt bài Tú Xương viết về vợ, *Thương vợ* đáng coi là tiêu biểu. Bà Tú là Phạm Thị Mẫn, quê ở Hải Dương, là người vợ hiền thục tảo tần, rất mực yêu chồng thương con, biết trọng tài năng, cá tính của ông. Bài thơ thể hiện được cả hai mặt của thơ Tú Xương : ân tình và hóm hỉnh.

*

* *

Quanh năm buôn bán ở mom sông[1],
Nuôi đủ năm con với một chồng[2].
Lặn lội thân cò khi quãng vắng[3],
Eo sèo mặt nước buổi đò đông[4].
Một duyên hai nợ âu đành phận[5],
Năm nắng mười mưa dám quản công.
Cha mẹ thói đời ăn ở bạc[6],
Có chồng hờ hững cũng như không.

(*Thơ văn Trần Tế Xương*.
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Mom sông* : doi đất nhô ra sông. Đây là doi đất chỗ sông Vị Hoàng (lúc chưa bị lấp) gặp sông Nam Định, ở phía bắc thành phố. Xưa là bến sông buôn bán tấp nập bậc nhất Nam Định, bà Tú thường ra đây buôn gạo. (2) *Năm con* : ông bà được cả thảy tám người con, nhưng lúc này mới có năm (bốn trai, một gái). (3) *Thân cò* : ca dao thường lấy con cò làm biểu tượng về người phụ nữ Việt Nam truyền thống : vất vả, tảo tần, chịu thương chịu khó ("Con cò lặn lội bờ sông..."; "Con cò mà đi ăn

đêm..."). Câu này còn có bản chép "Lặn lội thân cò *nơi* quãng vắng". (4) *Eo sèo* : lời tiếng kì kèo, cáu bẳn, có khi cãi cọ (nơi bến sông bãi chợ đông người). (5) *Duyên nợ :* (căn) *duyên* là khái niệm của nhà Phật, chỉ quan hệ nhân (kiếp trước) quả (kiếp sau) của đời người. Xưa cho rằng vợ chồng lấy nhau là do căn nguyên vô hình nào đó từ trước, nếu tốt đẹp là *duyên* (may mắn), trái lại thì là *nợ* (nợ nần). Chú ý cách nói trong câu thơ : *duyên* có *một* mà *nợ* đến những *hai*. *Âu đành :* thôi đành (tiếng cổ). *Âu đành phận :* thôi đành cam chịu số phận. (6) *Bạc* : mỏng, bạc bẽo. Vợ chồng hoặc trai gái yêu nhau mà xử tệ với nhau thì gọi là *bạc*.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc lại Tiểu dẫn trên đây để hiểu và nắm những nét chính về cuộc đời và thơ Tú Xương. Hoàn cảnh sống của Tú Xương (sống trong xã hội thị thành vào buổi giao thời, chỉ đỗ tú tài, lại đông con...) có ảnh hưởng gì đến sáng tác của ông?

2. Hãy phân tích cái lam lũ vất vả, mà cũng là sự tần tảo đảm đang, chịu thương chịu khó của nhân vật bà Tú trong bài thơ. Nỗi lòng nhà thơ thương vợ được thể hiện trong bài thơ như thế nào?

3. Cách "đếm" trong câu "Nuôi đủ năm con với một chồng" có gì đặc biệt so với cách nói thông thường? Ý nghĩa của điều đó? Hai câu kết rõ ra lời "chửi". Ai chửi? Chửi ai? Chửi cái gì? Hãy bình luận về lời chửi đó.

4. Hãy so sánh và nhận xét về sự gần gũi giữa hình ảnh nhân vật bà Tú trong bài thơ với hình ảnh biểu tượng con cò trong ca dao.

ĐỌC THÊM

ĐẤT VỊ HOÀNG

TRẦN TẾ XƯƠNG

Tiểu dẫn

Vị Hoàng là tên cũ của làng quê Tú Xương, cũng là tên con sông đào chảy qua làng. Sông Vị trước 1894 có vị trí đặc biệt đối với Nam Định và cả vùng đồng bằng Bắc Bộ. Khi chưa có cảng biển Hải Phòng thì Nam Định là đầu mối giao thông lớn

thuongmaitr

nhất nhì miền Bắc, không thể thiếu con sông Vị... Vì vậy, "đất Vị Hoàng" vừa chỉ làng quê Tú Xương vừa chỉ cả thành Nam, tỉnh Nam. Qua sự đổi thay làng quê của mình, Tú Xương như cảm nhận ra số phận chung cả miền, cả nước.

*

* *

Có đất nào như đất ấy không?
Phố phường tiếp giáp với bờ sông(1).
Nhà kia lỗi phép con khinh bố,
Mụ nọ chanh chua vợ chửi chồng.

Keo cú người đâu như cứt sắt (2),
Tham lam chuyện thở rặt hơi đồng(3).
Bắc Nam hỏi khắp người bao tỉnh,
Có đất nào như đất ấy không?

(*Thơ văn Trần Tế Xương*.
Sách đã dẫn)

truongxua.vn

Chú thích

(1) Chiếm Nam Định, thực dân Pháp mở rộng phố cũ, lập phố mới. Con sông Vị bị lấn dần rồi lấp hẳn. Làng Tú Xương bỗng "xoay ra phố", kéo theo bao đổ vỡ về đạo lí, nếp sống và bản chất con người. (2) *Cứt sắt* : tạp chất thải ra khi nung sắt. Nghĩa bóng : chỉ sự keo kiệt bủn xỉn. (3) *Hơi đồng* : hơi hám của đồng tiền đúc bằng đồng ngày trước. Nghĩa bóng : hơi hướng, sức mạnh của đồng tiền, vừa lạnh giá vừa tanh tưởi.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Bài thơ cho thấy những gì đã diễn ra ở đất Vị Hoàng? Những điều đó có liên quan gì đến thời thế chung của đất nước, xã hội?

2. Tâm trạng Tú Xương trước những đổi thay điên đảo đã và đang diễn ra ở "đất Vị Hoàng".

3. Trong bài thơ, câu 1 (đầu) và câu 8 (cuối) giống nhau. Người xưa gọi đó là hình thức thủ (đầu) vĩ (đuôi) ngâm. Ở đây hình thức thủ vĩ lại được

viết dưới dạng vừa tán thán vừa nghi vấn. Hình thức thủ vĩ ngâm và tán thán nghi vấn đó có giá trị gì trong việc gợi cảm xúc, tâm trạng nhà thơ?

4. Luật đối được thực hiện ở hai cặp câu thực (3 –4) và luận (5 –6) có tác dụng gì trong việc diễn tả nội dung?

ÁO BÔNG CHE BẠN

TRẦN TẾ XƯƠNG

Tiểu dẫn

Có một câu chuyện đầy lí thú đã diễn ra với bài thơ *Áo bông che bạn*. Sau vụ lụt lớn 1926, một tối Tản Đà và Nguyễn Công Hoan đi chơi mát bằng xe tay thuê theo giờ. Ngồi trên xe, Tản Đà khen tài thơ Tú Xương và đọc bài thơ này. Tản Đà đọc đến câu "...khăn đầu ai khô" tự nhiên người phu xe đứng dừng lại và lúc Tản Đà đọc xong câu cuối thì quay lại khen : hay quá ! Hỏi ra mới biết người phu xe là một ông đồ, sau trận lụt, đói quá phải ra Hà Nội tạm kéo xe. Tản Đà và Nguyễn Công Hoan đã không dám ngồi xe nữa. Cả ba cùng đi bộ, nói chuyện thơ rồi cùng về tòa báo ở phố Hàng Lọng. Tản Đà mời người phu xe vào nhà chơi, cùng uống rượu và rượu xong, biếu ông một đồng bạc. Chuyện này do Nguyễn Công Hoan kể lại. Ông còn kể : khi nghe bốn tiếng "khăn đầu ai khô" chính ông cũng "thấy như có cái gì nó bò bò ở trong gáy làm tôi thít lên".

*

* *

Ai ơi có nhớ ai không?[1]
Trời mưa một mảnh áo bông che đầu.
Nào ai có tiếc ai đâu,
Áo bông ai ướt khăn đầu ai khô.
Người đi Tam Đảo, Ngũ Hồ[2],
Kẻ về khóc trúc than Ngô một mình[3].
Non non, nước nước, tình tình,
Vì ai lận đận cho mình ngẩn ngơ.

(*Thơ văn Trần Tế Xương*.
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) Bài thơ này có nhiều dị bản : Câu 1 : "Hỡi ai ai có nhớ không?" hoặc "Ai ơi, ai có nhớ không?". Câu 2 : "Đêm mưa... che đầu". Câu 3 : "Vì ai ai có biết đâu". Câu 8 :"Vì ai tươi thắm...". *Ghi chú* : Sự khác biệt về văn bản có liên quan tới cách hiểu khác nhau về nội dung bài thơ : viết cho bạn hay viết cho người tình cũ. Thậm chí có người còn nói là viết cho Phan Bội Châu. Ở đây tạm theo cách hiểu phổ biến là viết cho bạn và với văn bản như trên. (2) *Tam Đảo, Ngũ Hồ* : chỉ những vùng thắng cảnh ở Trung Quốc. Ở đây có nghĩa là cảnh đẹp. Ý cả câu : đi xa tới những nơi đẹp mắt. (3) *Kẻ về khóc trúc than Ngô một mình* : theo điển : Vua Thuấn chết ở đất Thương Ngô, hai bà vợ thương khóc và nhảy xuống sông tự vẫn. Nước mắt hai bà vẩy vào cây trúc thành đốm không phai.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Theo nhà thơ Xuân Diệu thì "Tám câu thơ lục bát* Áo bông che bạn *này đầy một hồn văn trữ tình" và Tú Xương đã viết với "một giọng văn kín đáo hai nghĩa" : tình bạn gái và tình non nước. Hãy làm sáng tỏ những nhận định đó bằng cách phân tích giá trị của hình ảnh thơ : "Trời mưa một mảnh áo bông che đầu"; của cách dùng từ "ai" và các điệp từ : "ai", "non", "nước", "tình", "non non, nước nước, tình tình"; của cách dùng từ vừa sóng đôi vừa nghịch chiều : "người đi", "kẻ về"; của cách dùng từ chéo : "khóc trúc than Ngô", của cách tiểu đối trong một câu : "Áo bông ai ướt, khăn đầu ai khô", "Vì ai lận đận, cho mình ngẩn ngơ"; của thơ lục bát có giọng điệu nhẹ nhàng, êm ái.

HƯƠNG SƠN PHONG CẢNH CA

CHU MẠNH TRINH

Tiểu dẫn

1. Chu Mạnh Trinh (1862 - 1905) tự Cán Thần, hiệu Trúc Vân, quê ở làng Phú Thị, tổng Mễ Sở, huyện Đông Yên, phủ Khoái Châu (nay là xã Mễ Sở, huyện Văn Giang), tỉnh Hưng Yên, đỗ tiến sĩ khoa Nhâm Thìn 1892, làm quan đến Án sát (ở Thái Nguyên, rồi Hưng Yên) thì nghỉ. Ông là người tài hoa, thạo đủ *cầm kì thi họa*, lại giỏi cả nghệ thuật kiến trúc, và đặc biệt say mê cảnh đẹp. Chu Mạnh Trinh nổi tiếng về thơ sau khi đoạt giải nhất thơ Nôm trong cuộc thi vịnh *Kiều* ở Hưng Yên tháng 3 - 1905. Tác phẩm của ông có *Trúc Vân thi tập* (tập thơ chữ Hán), *Thanh Tâm Tài Nhân thi tập* (tập thơ Nôm đoạt giải) và một số bài thơ lẻ. Đóng góp nổi bật của Chu Mạnh Trinh là đã phát hiện rất tinh và diễn tả rất hay một số cảnh đẹp

của đất nước. Mặt khác, cùng với mấy tác giả gần gũi khác, ông còn có công phát triển khả năng diễn đạt nên thơ của tiếng Việt và của các thể thơ dân tộc...

2. *Hương Sơn phong cảnh ca* là một trong ba bài thơ Chu Mạnh Trinh viết về Hương Sơn vào dịp ông đứng trông coi trùng tu tôn tạo quần thể danh thắng này (trong đó có Chùa Ngoài, còn gọi là Thiên Trù – bếp của trời, do chính ông vẽ kiểu, cũng như ông đã từng vẽ kiểu và đứng trùng tu đền Chử Đồng Tử – Tiên Dung ở quê nhà). Hai bài kia theo thể lục bát, bài này theo thể hát nói. Ngoài phần hát nói đã quen thuộc dưới đây, còn có câu "mưỡu đầu" : "Đàn thông phách suối vang lừng, Cá khe lắng kệ, chim rừng nghe kinh" (Có bản chép đến bốn câu, cũng gọi là "mưỡu đầu" nhưng khác hẳn : "Lên chùa chân bước khoan khoan, Khi "Nam vô Phật", khi tang tang tình, Thuyền lan một lá xinh xinh, Non non, nước nước, mình mình, ta ta").

Hương Sơn, còn có tên là Chùa Hương, là một quần thể gần 20 di tích, gồm những suối, chùa, am, động lớn nhỏ khác nhau, thuộc xã Hương Sơn, huyện Mĩ Đức, tỉnh Hà Tây, cách Hà Nội khoảng 60km đường bộ về phía tây nam. Ở đây có chùa Hương Tích(còn gọi là động Hương Tích) thờ Phật Bà Quan Thế Âm. Hương Sơn vừa là danh lam (chùa nổi tiếng) vừa là thắng cảnh (cảnh đẹp) bậc nhất nước ta. Hằng năm, hội Chùa Hương mở từ đầu tháng Giêng đến tháng Ba âm lịch.

*

* *

Bầu trời cảnh bụt[1],
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay.
Kìa non non, nước nước, mây mây...
"Đệ nhất động", hỏi rằng đây có phải[2]?
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái[3],
Lững lờ khe Yến cá nghe kinh[4].
Thoảng bên tai một tiếng chày kình[5],
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng[6].
Này suối Giải Oan, này chùa Cửa Võng[7],
Này am Phật Tích, này động Tuyết Quynh[8].
Nhác trông lên ai khéo họa hình,
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt[9].
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt[10],
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây[11].
Chừng giang sơn còn đợi ai đây,
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt[12]?
Lần tràng hạt, niệm "Nam vô Phật...",[13]
Cửa từ bi công đức xiết là bao[14].
Càng trông phong cảnh càng yêu...

(*Tuyển tập thơ ca trù,*
NXB Văn học, Hà Nội, 1987.
Có tham khảo các bản khác)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Bụt* : từ đồng nghĩa với *Phật*. Đây là cách gọi riêng của người Việt cổ, do chữ Bouddha (but-đa) được phiên âm thẳng từ tiếng Phạn, tiếng gốc của đạo Phật, sang tiếng Việt, chứ chưa phiên qua âm Hán Việt (đọc là *Phật*) như sau này. (2) *"Đệ nhất động"* : trên cửa động Hương Tích (động lớn nhất trong quần thể) còn mấy chữ khắc vào vách đá : "Nam thiên đệ nhất động" (động đẹp nhất trời Nam), tương truyền do Tĩnh Đô vương (chúa Trịnh Sâm, 1767 – 1782) tặng Hương Sơn. (3) *Thỏ thẻ* : tiếng trẻ thơ học nói; đây là tiếng chim kêu, chim gù. *Rừng mai* : một đặc sản của Hương Sơn là rất nhiều cây mai ăn trái (cũng gọi là *mơ*); xưa có chỗ cây mai mọc không chỉ thành vườn mà thành rừng. *Chim cúng trái* : chất liệu thực của câu thơ này là hình ảnh những con chim gật gù mổ ăn trái cây, tưởng đâu nó cũng đang vừa tụng kinh (gù) vừa cúng Phật (gật). (4) *Khe Yến* : cũng gọi là khe Yến Vĩ, tức suối Yến, nay thuộc xã Yến Vĩ. Vào Hương Sơn phải đi đò dọc theo khe (suối) này, từ Bến Đục vào khoảng 6 km. *Kinh* : sách dạy giáo lí tôn giáo; đây là kinh Phật (Câu này có sách chép : "Lửng lơ khe Yến cá nghe kinh"). (5) *Chày kình* : chày (hoặc vồ) nện chuông ở chùa, thường làm bằng gỗ, đẽo hình con cá kình (cá voi). *Tiếng chày kình* : tiếng chuông chùa. (6) *Tang hải* : rút từ thành ngữ Hán Việt "thương hải biến vi tang điền" (biển xanh biến thành ruộng dâu) nói về sự đổi thay của cuộc đời; đó cũng là cõi đời trần tục biến đổi vô thường. Câu này có bản chép là "Khách tang hải giật mình cơn ác mộng". (7) *Suối Giải Oan* : suối trên đường lên động, truyền rằng uống nước suối này sẽ giải được mọi oan khiên. *Chùa Cửa Võng* (có bản chép *đền Cửa Võng*) : chùa trên đường lên động. (8) *Am Phật Tích* (có bản chép *hang Phật Tích*) : nơi lưu vết tích của Phật; tương truyền "Bà Chúa Ba" đã tu và chuyển kiếp thành Phật ở nơi này. *Động Tuyết Quynh* (cũng gọi là *chùa Tuyết*) : một động nhỏ gần động Hương Tích. (9) *Ngũ sắc* : năm màu (xanh, vàng, đỏ, trắng và đen). (10) *Bóng nguyệt* : bóng trăng. (11) *Thang mây* (mây trời) : tả lối lên Hương Sơn, vừa quá cao (như lên đến tận mây) vừa quá gập ghềnh (như uốn tạc bằng mây). (12) *Tạo hóa* : đấng tạo ra vũ trụ, xếp đặt núi non trời đất (theo người xưa quan niệm). (13) *Tràng hạt* : vòng chuỗi hạt gồm những hạt màu đen hoặc nâu mà người tu Phật thường mang, khi tụng niệm thì tay lần lần như đếm từng hạt. *Niệm* : đọc nhỏ, đọc thầm. *"Nam vô Phật"* : người tín ngưỡng đạo Phật (nhất là tông phái Tịnh Độ hay Tịnh Thổ) có lời cửa miệng là "Nam vô A Di Đà Phật" – *A Di Đà* là tên hiệu của một đức Phật. (14) *Từ bi* : hiền lành và thương xót con người. *Cửa từ bi* : cửa nhà Phật. *Công đức* : công lao và đức hạnh tích lũy để lại cho đời.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

*1. Hãy ôn lại bài **Bài ca ngất ngưởng** của Nguyễn Công Trứ để hiểu được thể hát nói là thế nào?*

2. Phân tích những yếu tố diễn tả cái hăm hở như là tiếng reo gặp gỡ ở bốn câu đầu. Cảnh được miêu tả ở sáu câu tiếp theo có nét

tuongxua.vn

gì chung? Thử hình dung tư thế của nhà thơ trước cảnh Hương Sơn. Phân tích suy nghĩ của tác giả ở năm câu cuối, nhất là hai câu : "Chừng giang sơn còn đợi ai đây" và "Càng trông phong cảnh càng yêu" – liên hệ với hoàn cảnh mất nước bấy giờ.

3. Đặc sắc ở đây là nhà thơ đã phát hiện cái độc đáo của vẻ đẹp Hương Sơn. Phân tích cái đẹp độc đáo ấy (Gợi ý : a) Đây là cả một quần thể *nhiều tầng,* thiên tạo *lẫn* nhân tạo ; *b) Đây còn là cái đẹp trong bầu không khí* thần tiên thoát tục).

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

(Văn học Việt Nam thời trung đại – chủ yếu là phần thuộc chương trình lớp 11)

1. Văn học trung đại (gọi tất thời kì văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX) đã tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh xã hội lịch sử như thế nào? Nó có mấy giai đoạn chính, từ đâu đến đâu? (Yêu cầu nhớ lại những nét lớn trong bài khái quát đã học ở SGK *Văn học 10*, tập một - Phần Văn học Việt Nam).

2. Những đặc điểm lớn về nội dung và hình thức của văn học trung đại là gì? (Yêu cầu nhớ lại những nét lớn đã nêu trong bài khái quát, không cần nhiều chi tiết cụ thể).

3. Các tác phẩm của Ngô gia văn phái, Cao Bá Quát, Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Khuyến, Tú Xương, Chu Mạnh Trinh (trong chương trình Văn học lớp 11) đã thể hiện cảm hứng nhân đạo và yêu nước như thế nào?

4. Anh (chị) hãy chọn một tác phẩm cho là hay nhất trong số các tác phẩm được học theo chương trình Văn học lớp 11 (phần trung đại) và viết vài trang bình giảng làm rõ giá trị tư tưởng thẩm mĩ của nó.

5. Anh (chị) hãy kiểm tra lại xem đã thuộc lòng được những câu thơ hay, những đoạn thơ hay, những bài thơ hay nào trong phần văn học trung đại thuộc lớp 11 này? Nếu còn quá ít thì hãy tìm cách học thêm. Đồng thời ghi tiếp danh mục tác phẩm vào bảng thống kê tác phẩm đã ghi ở cuối năm học lớp 10 (phần văn học trung đại).

thuongmaitr

PHẦN BA

VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

KHÁI QUÁT VỀ VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Thời kì văn học này tuy chỉ diễn ra không đầy nửa thế kỉ, nhưng có một vị trí rất quan trọng trong tiến trình phát triển của lịch sử văn học Việt Nam. Ở thời kì này, xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi lớn dẫn đến những biến đổi sâu sắc trong ý thức và tâm lí con người. Mặt khác, nền văn hóa và tâm hồn người Việt, đến thời kì này, có điều kiện vượt được ra ngoài giới hạn của khu vực ảnh hưởng văn hóa Trung Hoa để tiếp xúc với thế giới hiện đại.

Những điều kiện ấy giải thích những đặc điểm và thành tựu mới của thời kì văn học này.

I - NHỮNG ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN CỦA VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Nền văn học được hiện đại hóa

Năm 1858, giặc Pháp nổ súng vào Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Từ 1858 đến hết thế kỉ XIX, thực dân Pháp chủ yếu hoạt động về quân sự. Đến đầu thế kỉ XX chúng mới thực sự tiến hành khai thác thuộc địa về mặt kinh tế. Sau hai cuộc khai thác lần thứ nhất và lần thứ hai (trước và sau Chiến tranh thế giới lần thứ nhất 1914 – 1918), cơ cấu xã hội Việt Nam có những biến đổi sâu sắc.

Từ Nam chí Bắc, nhiều đô thị, thị trấn mọc lên như những trung tâm kinh tế, văn hóa, hành chính của xã hội thực dân. Ở đấy, ra đời

nhiều tầng lớp xã hội mới : tư sản, tiểu tư sản (viên chức, học sinh, dân nghèo thành thị...), công nhân... Những tầng lớp này có nhu cầu văn hóa, thẩm mĩ mới. Họ tạo thành một công chúng văn học ngày càng đông đảo và đòi hỏi một thứ văn chương mới. Nhìn chung văn học thời kì này là văn học của các đô thị.

Nhân vật trung tâm trong đời sống văn hóa thời kì này là tầng lớp trí thức Tây học. Chủ yếu thông qua tầng lớp này, ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng, văn hóa, văn học của thế giới phương Tây hiện đại (đặc biệt là của Pháp) ngày càng thấm sâu vào ý thức người làm văn, đọc sách.

Trong xã hội thương mại, nhu cầu văn hóa tất dẫn đến những hoạt động kinh doanh văn hóa. Vì thế, nghề in, nghề xuất bản, nghề làm báo theo kĩ thuật hiện đại phát triển khá mạnh. Viết văn cũng trở thành một nghề kiếm sống tuy rất chật vật. Nhà văn và công chúng có quan hệ gắn bó hơn. Phê bình văn học ra đời và phát triển trên báo chí. Các quan điểm, các thị hiếu có điều kiện cọ xát với nhau. Đời sống văn học trở nên sôi nổi hơn, khẩn trương hơn.

thuongmaitr

Tất cả những điều kiện kể trên giải thích vì sao nền văn học Việt Nam phải nhanh chóng hiện đại hóa. Đấy là một đòi hỏi tất yếu, khách quan của lịch sử văn học dân tộc ta trong thời đại mới.

Ở đây khái niệm hiện đại hóa được hiểu theo nghĩa : văn học thời kì này thoát ra khỏi hệ thống thi pháp của văn học thời phong kiến trung đại[1].

Quá trình hiện đại hóa nền văn học, kể từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945, về đại thể, diễn ra qua ba bước :

– Từ đầu thế kỉ XX đến khoảng 1920;

– Từ đầu những năm 20 đến khoảng 1930;

– Từ đầu những năm 30 đến 1945.

a) *Bước thứ nhất : từ đầu thế kỉ XX đến khoảng 1920*

Quá trình hiện đại hóa nền văn học nước ta bắt đầu bằng sự hình thành các thể văn xuôi quốc ngữ. Chữ quốc ngữ do một số giáo sĩ

người phương Tây và Việt Nam sáng tạo ra từ thế kỉ XVII. Một thời gian dài thứ văn tự này chủ yếu dùng để phiên dịch các kinh bổn lưu hành trong giáo dân. Đến nửa cuối thế kỉ XIX, từ lĩnh vực tôn giáo, nó mới bước dần sang lĩnh vực văn hóa, văn học. Đến đầu thế kỉ XX, nhận thấy đây là thứ văn tự dễ học, thuận tiện cho việc truyền bá tư tưởng cách mạng và nâng cao dân trí, các sĩ phu trong Duy tân hội và Đông Kinh nghĩa thục bèn ra sức hô hào học chữ quốc ngữ :

Trước hết phải học ngay quốc ngữ,
Khỏi đôi đường tiếng, chữ khác nhau;
Chữ ta, ta đã thuộc làu,
Nói ra nên tiếng, viết câu nên bài.
Sẵn cơ sở để khai tâm trí...

(Thơ Đông Kinh nghĩa thục)

Sự truyền bá rộng rãi chữ quốc ngữ có tác động quan trọng tới sự hình thành tầng lớp công chúng văn học mới và có ảnh hưởng tích cực tới sự ra đời và phát triển nền văn xuôi ở nước ta.

Nhưng điều kiện quan trọng hơn phải kể đến là sự xuất hiện của báo chí và phong trào dịch thuật đầu thế kỉ XX (chủ yếu dịch tiểu thuyết cổ điển Trung Hoa, tiểu thuyết và kịch Pháp).

Từ văn thông tin báo chí, văn dịch thuật, câu văn xuôi nghệ thuật tiếng Việt ra đời, trưởng thành và phát triển.

Khoảng cuối thế kỉ XIX, người ta thấy xuất hiện ở miền Nam một số sáng tác văn xuôi quốc ngữ. Chẳng hạn bài kí *Chuyến đi thăm Bắc Kì năm Ất Hợi* của Trương Vĩnh Kí (1876) hay truyện *Thầy Lazarô Phiền* của Nguyễn Trọng Quản[2] (1887). Nhưng đến đầu thế kỉ XX mới có hẳn một phong trào viết truyện kí văn xuôi quốc ngữ, đặc biệt là ở Sài Gòn. Năm 1910 xuất hiện cuốn tiểu thuyết viết theo lối mới khá chững chạc của Trần Thiện Trung : *Hoàng Tố Anh hàm oan*[3].

Tuy nhiên, những sáng tác nói trên chỉ mới là những thử nghiệm bước đầu, chất lượng nghệ thuật chưa cao. Mặt khác, do điều kiện

giao thông cách trở, ảnh hưởng của nó mới chỉ thu hẹp trong một số đô thị miền Nam.

Nhìn toàn bộ nền văn học đất nước, thì dòng chính vẫn gắn với tên tuổi của những cây bút trong phong trào Duy tân, Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, tiêu biểu là Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Lê Đại... Đây là lớp trí thức có tư tưởng canh tân, nóng lòng muốn đẩy nhanh bánh xe lịch sử của dân tộc tiến lên cho kịp với thời buổi "mưa Âu gió Mĩ". Họ kêu gọi nâng cao dân trí, khai thông dân khí, hô hào thực nghiệp, bỏ hư văn[(4)], học khoa học, phổ biến chữ quốc ngữ, mở báo chí, phát triển công thương nghiệp, khuyên cắt tóc ngắn, v.v... Họ đã tạo ra cả một phong trào sáng tác thơ văn tuyên truyền cổ động cách mạng có nội dung chính trị mới mẻ, mang hơi thở và khí phách của thời đại.

Nhưng bộ phận văn chương yêu nước này chỉ đổi mới rõ rệt về tư tưởng chính trị, xã hội và phần nào tư tưởng học thuật *(Văn minh tân học sách)* chứ chưa có sự đổi mới thật sự về tư tưởng thẩm mĩ. Vốn xuất thân Hán học, tâm hồn được đào luyện và nuôi dưỡng bằng văn chương cổ, các nhà chí sĩ chưa dễ gì thoát khỏi quan niệm mĩ học thời phong kiến. Vì thế, khi sáng tác nghệ thuật, tác phẩm của họ không khác gì lắm (xét về mặt thi pháp) với văn thơ của những thế kỉ đã qua. Đó là chưa nói, họ chủ yếu vẫn viết bằng chữ Hán.

b) *Bước thứ hai : từ đầu những năm 20 đến khoảng 1930*

Quá trình hiện đại hóa nền văn học đến thời kì này đã đạt được nhiều thành tựu. Chẳng những đã ra đời nhiều tác phẩm có giá trị mà còn xuất hiện một số tác giả tự khẳng định được chắc chắn tài năng và sức sáng tạo dồi dào của mình.

Trong văn xuôi, phải kể đến nhà tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh ở trong Nam với hàng chục tác phẩm dày dặn ra đời từ 1913 đến 1930[(5)]. Ngoài Bắc thì có Hoàng Ngọc Phách với tiểu thuyết *Tố Tâm* nổi tiếng và Trọng Khiêm với cuốn *Kim Anh lệ sử*[(6)]. Về truyện ngắn thì trội hơn cả là tác phẩm của Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học, Nhất Linh[(7)].

Về thể bút kí, tùy bút thì có sáng tác của Tương Phố, Đông Hồ, Phạm Quỳnh[8].

Những cây bút trên phần lớn thuộc lớp trí thức Tây học đầu tiên ở nước ta. Tác phẩm của họ thường chịu ảnh hưởng rõ rệt tiểu thuyết, truyện ngắn của Pháp[9].

Thơ thì có Tản Đà, Trần Tuấn Khải. Quá trình hiện đại hóa thơ ca thực chất là sự giải phóng cái Tôi cá nhân ra khỏi hệ thống ước lệ khắt khe và có tính phi ngã[10] của thơ ca thời phong kiến. Cái Tôi ấy đã bắt đầu cựa quậy từ cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX với Phạm Thái, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Công Trứ, v.v... để ra hiện tượng "phản thi pháp văn chương trung đại" khá táo bạo. Nhưng hồi ấy nó chưa có điều kiện và cũng chưa đủ sức phá vỡ được tính quy phạm chặt chẽ của văn chương cổ. Đến Tản Đà, cái Tôi ấy càng tự khẳng định mạnh mẽ hơn với hồn thơ phóng túng và tràn đầy tình cảm, cảm xúc. Tản Đà vẫn chưa sáng tạo nên một hình thức hoàn toàn mới cho thơ. Những cố gắng cách tân của ông chỉ mới dừng ở chỗ khai thác triệt để những thể điệu tự do nhất trong thơ ca cổ bao gồm cả những điệu hát dân gian (lục bát, các thể từ khúc, hát nói, ca dao, hát xẩm, v.v...).

Bước vào đầu những năm 20, người ta còn thấy xuất hiện một loại hình văn học du nhập từ phương Tây hoàn toàn mới đối với nước ta : kịch nói. Những tác phẩm đương thời được chú ý là *Chén thuốc độc, Tòa án lương tâm* của Vũ Đình Long, *Bạn và vợ* của Nguyễn Hữu Kim, *Ông Tây An Nam* của Nam Xương. Nhìn chung, phẩm chất nghệ thuật còn hạn chế : nhà văn đã nói thay nhân vật về đạo lí hơi nhiều, yếu tố ngẫu nhiên bị lạm dụng nên xung đột kịch rất gượng ép, thiếu tính luận lí chặt chẽ.

Ở chặng đường này, những sáng tác có xu hướng hiện đại hóa tạo thành dòng chính của nền văn học. Tuy nhiên, nhiều yếu tố của thời kì văn học cổ vẫn tiếp tục tồn tại trên mọi thể loại : thơ luật Đường, đề tài thơ, hình ảnh thơ cũ kĩ mòn sáo, tiểu thuyết chương hồi, lối văn biền ngẫu, văn xuôi thường pha lẫn văn vần, dùng nhiều chữ Hán cầu kì và tối nghĩa, v.v...

Tóm lại ở bước thứ hai này, nền văn học đã tiến mạnh hơn trên đường hiện đại hóa với nhiều thành tựu đáng kể, nhưng vẫn chưa đổi mới toàn diện và sâu sắc.

Song song với quá trình đổi mới của nền văn học trong nước, những nhà cách mạng Việt Nam đang hoạt động ở nước ngoài cũng có nhiều tác phẩm xuất sắc như *Ngục trung thư* (1914) và *Trùng Quang tâm sử* (khoảng 1913 – 1917) của Phan Bội Châu (khi ông ở Trung Quốc); *Xăngtê thi tập* (1915) của Phan Châu Trinh (trong thời gian ông bị giam giữ tại nhà tù Xăngtê ở Pari)... Đặc biệt đáng chú ý : vào đầu những năm 20, trên đất Pháp, xuất hiện nhà văn cách mạng Nguyễn Ái Quốc với hàng loạt truyện kí, phóng sự, v.v... hiện đại đặc sắc, từ nội dung đến hình thức, viết bằng tiếng Pháp.

c) *Bước thứ ba : từ đầu những năm 30 đến 1945*

Ở bước này, quá trình hiện đại hóa nền văn học được đẩy lên một bước mới với nhiều cuộc cách tân văn học sâu sắc trên các thể loại. Về tiểu thuyết, trước hết phải kể đến những đóng góp của nhóm nhà văn trong Tự Lực văn đoàn với những tiểu thuyết thật sự hiện đại (so với tiểu thuyết của Hồ Biểu Chánh, Hoàng Ngọc Phách...) : *Hồn bướm mơ tiên, Nửa chừng xuân, Đoạn tuyệt,* v.v... Tiếp đó là những sáng tác thành công của Vũ Trọng Phụng *(Giông tố, Số đỏ)*, Ngô Tất Tố *(Tắt đèn)*, Nguyễn Công Hoan *(Bước đường cùng)*, Nguyên Hồng *(Bỉ vỏ)*, Mạnh Phú Tư *(Làm lẽ, Sống nhờ)*, Đỗ Đức Thu *(Đứa con)*, Nam Cao *(Sống mòn)*... Thành tựu về truyện ngắn từ khoảng 1930 đến 1945 càng phong phú với những đóng góp của Nguyễn Công Hoan, Thạch Lam, Nguyễn Tuân, Thanh Tịnh, Tô Hoài, Hồ Dzếnh, Nam Cao, Bùi Hiển. Phóng sự, phải kể đến Tam Lang, Vũ Trọng Phụng... Bút kí, tùy bút thì có Nguyễn Tuân, Xuân Diệu...

Về thơ thì phong trào Thơ mới khởi lên từ 1932 đã đóng vai trò quyết định trong công cuộc hiện đại hóa thơ ca ở Việt Nam. Cá tính sáng tạo được giải phóng, hàng loạt tiếng thơ trẻ trung và tài năng ra đời với màu sắc, giọng điệu khác nhau : Thế Lữ, Lưu Trọng Lư, Xuân Diệu, Huy Cận, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính, Chế Lan Viên...

thuongmaitr

Nhà thơ cách mạng Tố Hữu cũng sáng tác trong hình thức Thơ mới và *Từ ấy* là một thành công xuất sắc của ông, cả về tư tưởng và nghệ thuật.

Kịch nói từ những năm 30 trở đi cũng đổi mới mạnh mẽ với sáng tác của Vi Huyền Đắc, Đoàn Phú Tứ, Nguyễn Huy Tưởng...

Cũng từ những năm 30, phê bình văn học mới thực sự ra đời như một thể văn mới trong đời sống văn học hiện đại.

Tóm lại, nền văn học Việt Nam, đến bước thứ ba này, nhìn tổng thể, đã có tính hiện đại từ nội dung đến hình thức, không còn lạc điệu với tiếng nói văn học của thế giới hiện đại nữa.

Đóng góp cho công cuộc cách tân ở chặng đường cuối cùng này là một thế hệ trí thức Tây học rất trẻ (hầu hết chỉ trên dưới 20 tuổi), một mặt không còn vương vấn gì với những quy phạm, những công thức của văn chương cổ nữa, mặt khác lại kế thừa được những kinh nghiệm cách tân của các thế hệ đi trước.

uongxua.vn

2. Nhịp độ phát triển đặc biệt mau lẹ

Văn học nước ta thời phong kiến không phải không có lúc phát triển mạnh với những thành tựu rực rỡ và những tên tuổi đáng tự hào như Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Khuyến, Tú Xương... Nhưng bước vào thế kỉ XX, nhờ những điều kiện văn hóa lịch sử mới, nhịp độ phát triển của nó càng khẩn trương hơn.

Nhịp độ phát triển nói ở đây bao gồm nhiều nghĩa : nhịp độ phát triển về số lượng, nhịp độ cách tân, nhịp độ trưởng thành, nhịp độ kết tinh ở những cây bút có tài năng.

Chẳng hạn, năm 1917, trên tờ *Nam phong*, Phạm Quỳnh còn than phiền "Có nước mà chưa có văn" (ý nói văn xuôi quốc ngữ). Vậy mà chỉ mươi mười lăm năm sau, chẳng những ta đã có văn mà còn có đủ khả năng tạo nên những kiệt tác nữa. Hoặc như phong trào Thơ mới nổi lên từ 1932, vậy mà đến 1941, trong cuốn *Thi nhân Việt Nam*, Hoài Thanh đã có thể lựa lọc được trong số hàng vạn bài, của hàng trăm nhà thơ, 169 bài của 44 tác giả với nhiều phong cách khác

nhau, trong đó có nhiều tác phẩm và nhiều tên tuổi sẽ sống mãi với thời gian... Chính vì thế, Vũ Ngọc Phan, trong *Nhà văn hiện đại* đã khẳng định: "Ở nước ta, một năm đã có thể kể như 30 năm của người".

Vì sao văn học thời kì này lại có tốc độ phát triển khác thường như thế?

Có thể nói, văn học Việt Nam giống như người chạy đua đường trường, dọc đường, lỡ nghỉ lại và ngủ quên quá lâu trong một thung lũng khuất nẻo của chế độ phong kiến, nay bừng tỉnh dậy, trước sự thôi thúc của thời đại, phải mở nước rút ở độ cao nhất, mong đạt tới đích mà không đến nỗi quá chậm trễ so với mọi người.

Nhưng điều quyết định là ở bản thân tiềm lực chủ quan của nền văn học dân tộc. Dân tộc ta có một sức sống mãnh liệt mà hạt nhân là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc. Tiếng Việt và văn chương Việt là một phương diện biểu hiện của sức sống ấy. Điều đó giải thích vì sao ách thống trị kéo dài của phong kiến Trung Quốc hàng nghìn năm, của thực dân Pháp hàng trăm năm và nhiều cuộc chiến tranh xâm lược dã man, đã không hủy diệt được dân tộc ta, tiếng nói và văn chương của chúng ta. Giờ đây, những cuộc vận động cách mạng sâu sắc, mãnh liệt trên tinh thần dân tộc dân chủ từ đầu thế kỉ, đặc biệt là từ 1930 đến 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đã truyền thêm sức mạnh cho nó. Những cuộc cách tân văn học sâu sắc đã cởi trói và mở đường cho nhiều tài năng. Ngoài ra phải kể đến vai trò của tầng lớp trí thức Tây học (chủ yếu là tiểu tư sản). Do bản chất xã hội, do ảnh hưởng văn hóa phương Tây, họ được thức tỉnh về ý thức cá nhân, vì thế khao khát xây dựng một sự nghiệp để khẳng định sự tồn tại có ý nghĩa của cá nhân mình trong đời sống. Mặt khác, xuất phát từ tinh thần yêu nước, họ cũng muốn đóng góp một cái gì thật sự cho đất nước bằng tài trí của mình. Đóng góp ấy, trong điều kiện lịch sử và khả năng của họ, không gì hơn là hoạt động văn hóa, văn học. Ta hiểu vì sao nhiều người trong tầng lớp này đã lao vào nghề văn như tìm thấy ở đấy lẽ sống và cơ hội để tỏ bày tấm lòng thủy chung của mình với đất nước, tổ tiên. Bao nhiêu tâm huyết họ gửi cả vào tiếng Việt. "Họ yêu vô cùng thứ tiếng trong mấy mươi

thế kỉ đã chia sẻ vui buồn với cha ông". Họ coi đấy "là tấm lụa đã hứng vong hồn những thế hệ qua", và đến lượt họ, họ cũng muốn gửi hồn mình vào đấy[11].

Với nhiệt tình ấy, họ đã góp phần quan trọng đẩy mạnh tốc độ phát triển của văn học thời kì này.

3. Sự phân hóa phức tạp thành nhiều xu hướng trong quá trình phát triển

Nhìn chung, ở thời kì này, giới văn học có ý thức tự giác cao hơn về trách nhiệm ngòi bút, về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ của mình. Sự ra đời của phê bình văn học với nhiều cây bút chuyên nghiệp (Thiếu Sơn, Hoài Thanh, Đặng Thai Mai, Hải Triều, Vũ Ngọc Phan...) đã thể hiện rõ sự phát triển ý thức đó.

Sự khác nhau về quan điểm nghệ thuật và khuynh hướng thẩm mĩ dẫn đến sự phân hóa thành nhiều xu hướng trong nội bộ nền văn học và gây ra những cuộc tranh luận sôi nổi, chẳng hạn như cuộc tranh luận về thơ mới thơ cũ, hay cuộc tranh luận giữa hai phái gọi là "nghệ thuật vị nghệ thuật" (tiêu biểu là Hoài Thanh) và "nghệ thuật vị nhân sinh" (đứng đầu là Hải Triều) kéo dài từ 1935 đến 1939, v.v...

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh chế độ thuộc địa, khi mọi lĩnh vực của đời sống xã hội đều chịu sự tác động mạnh mẽ và sâu sắc của cuộc đấu tranh dân tộc quyết liệt kéo dài suốt 80 năm, sự phân hóa của nền văn học trước hết phải được xem xét ở mặt chính trị của nó, nghĩa là trước hết phải căn cứ ở thái độ chính trị đối với chủ nghĩa thực dân (trực tiếp hay không trực tiếp chống thực dân Pháp) và ở quan niệm về mối quan hệ giữa văn học và chính trị của người cầm bút. Dựa trên cơ sở này, người ta nhận thấy văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến 1945 về đại thể đã hình thành hai bộ phận khác nhau :

a) *Bộ phận phát triển công khai, hợp pháp :* tuy có tính dân tộc và chứa đựng những yếu tố tư tưởng lành mạnh, tiến bộ nhưng nó không có được ý thức cách mạng và tinh thần chống đối trực tiếp chế độ thực dân. Bộ phận này có điều kiện đầu tư công sức vào nghệ

thuật. Nó có những đóng góp mang ý nghĩa quan trọng nhất đối với quá trình hiện đại hóa nền văn học trong thời kì này.

Do sự khác biệt về khuynh hướng nghệ thuật, bộ phận này, tự bản thân nó, cũng có sự phân hóa phức tạp, trong đó nổi lên hai xu hướng chính : xu hướng lãng mạn chủ nghĩa và xu hướng hiện thực chủ nghĩa.

Xu hướng lãng mạn chủ nghĩa thể hiện trực tiếp và sâu sắc cái Tôi trữ tình tràn đầy cảm xúc, đồng thời phát huy cao độ trí tưởng tượng để diễn tả những khát vọng, ước mơ. Nhìn chung, các tác giả đề cập đến những quan hệ riêng tư, đến số phận cá nhân với thái độ bất hòa và bất lực trước chế độ thực dân và môi trường xã hội tầm thường, giả dối, tù túng (thơ của Tản Đà, Trần Tuấn Khải và nhiều nhà Thơ mới ; văn của Hoàng Ngọc Phách, Khái Hưng, Nhất Linh, Thạch Lam, Nguyễn Tuân...).

Xu hướng hiện thực chủ nghĩa chú trọng diễn tả, phân tích, lí giải một cách chân thực, chính xác quá trình khách quan của hiện thực xã hội thông qua những hình tượng điển hình. Xu hướng này cũng có thể hiện ở loại thơ trào phúng (*Dòng nước ngược* của Tú Mỡ, *Thơ ngang* của Đồ Phồn...) nhưng chủ yếu phát triển ở các thể văn xuôi ; tiểu thuyết, truyện ngắn, phóng sự. Chỉ ở các thể văn này, chủ nghĩa hiện thực mới thể hiện được đầy đủ đặc trưng và sức mạnh của nó.

Các nhà văn hiện thực thường đi vào những chủ đề thế sự với thái độ phê phán xã hội trên tinh thần dân chủ và nhân đạo (tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, Bửu Đình; truyện ngắn Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học; kịch của Vũ Đình Long, Vi Huyền Đắc, Nam Xương; phóng sự, truyện ngắn, tiểu thuyết của Tam Lang, Ngô Tất Tố, Nguyễn Công Hoan, Vũ Trọng Phụng, Nguyên Hồng, Nam Cao, Tô Hoài, Bùi Hiển...).

Cũng cần thấy : các xu hướng ấy luôn luôn ở trong quá trình diễn biến, đổi thay. Chúng không cố định và không hề biệt lập với nhau mà thường tác động qua lại sâu sắc, có khi chuyển hóa lẫn nhau.

Nhiều truyện ngắn, tiểu thuyết của Nhất Linh, Khái Hưng, Thạch Lam, Thanh Tịnh, Nguyễn Tuân thuộc xu hướng hiện thực chủ nghĩa chứ không phải lãng mạn chủ nghĩa (*Nhà mẹ Lê* – Thạch Lam, *Am cu li xe* – Thanh Tịnh, *Một vụ bắt rượu lậu* – Nguyễn Tuân...). Ngược lại, một số tiểu thuyết của Vũ Trọng Phụng, Nguyễn Công Hoan lại thuộc xu hướng lãng mạn chứ không phải là hiện thực (*Dứt tình* – Vũ Trọng Phụng, *Tắt lửa lòng* – Nguyễn Công Hoan...).

b) *Bộ phận phát triển bất hợp pháp* (thơ văn cách mạng bí mật, đặc biệt mảng thơ ca trong tù) hoặc *nửa hợp pháp* (văn thơ Đông Kinh nghĩa thục, văn thơ cách mạng vô sản thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương 1936 – 1939, v.v...) là sản phẩm của những nhà văn – chiến sĩ. Những người cầm bút này coi thơ văn trước hết là vũ khí chiến đấu, là phương tiện tuyên truyền vận động cách mạng. Quan niệm này được thể hiện nhất quán từ nhà yêu nước lớn Phan Bội Châu :

Ba tấc lưỡi mà gươm mà súng, nhà cầm quyền trông gió cũng gai ghê;
Một ngòi lông vừa trống vừa chiêng, cửa dân chủ khêu đèn thêm sáng chói.

(Văn tế Phan Châu Trinh)

đến nhà cách mạng vô sản Hồ Chí Minh :

Nay ở trong thơ nên có thép,
Nhà thơ cũng phải biết xung phong.

(Cảm tưởng đọc "Thiên gia thi")

Vì bị bọn thống trị khủng bố ráo riết, bộ phận văn học này thiếu mọi điều kiện vật chất tối thiểu để sáng tác và phổ biến. Điều đó giải thích vì sao nó chủ yếu được sáng tác bằng văn vần (ngắn gọn, dễ nhớ, dễ thuộc, có thể sáng tác cả trong nhà tù của thực dân, ghi vào những mẩu giấy, thậm chí lấy que nhọn viết lên lá cây để phổ biến hay dùng lối truyền miệng). Cũng chính vì thế, nó không có điều kiện được "gọt giũa" nhiều về hình thức nghệ thuật. Tuy nhiên, chính vì hoạt động trong hoàn cảnh bất hợp pháp mà bộ phận văn học này

xuongxua.vn

thật sự tự do. Nó có thể tự giải phóng khỏi mọi điều cấm kị của chế độ thực dân, toàn tâm toàn ý phục vụ lí tưởng đấu tranh cao cả : đánh thẳng vào bọn thống trị thực dân và tay sai, đề cập đến số phận của cộng đồng, thể hiện nhiệt tình vì Tổ quốc, vì nhân dân, nói lên nguyện vọng sống còn của dân tộc là độc lập, tự do. Đây là bộ phận văn học của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh, Tố Hữu, Trần Huy Liệu, Sóng Hồng...

Những sáng tác thuộc bộ phận văn học này đã thể hiện rất xúc động một hình tượng nghệ thuật cao đẹp : người chiến sĩ – con người tiên tiến của thời đại – ở mũi nhọn nóng bỏng của cuộc đấu tranh yêu nước và cách mạng. Có thể phác họa những nét chính của hình tượng trung tâm này : căm thù sôi sục bọn cướp nước và bán nước, yêu thương vô hạn Tổ quốc và nhân dân, ngay cả khi bị tù đày vẫn hiên ngang bất khuất "Những kẻ vá trời khi lỡ bước, Gian nan chi kể việc con con" (*Đập đá ở Côn Lôn* – Phan Châu Trinh). Trong văn học cách mạng vô sản, ngoài những nét trên, ta còn thấy ở con người đó lí tưởng mới của thời đại (lí tưởng cộng sản), nhờ thế mà nắm được quy luật tiến hóa của lịch sử và đấu tranh với tinh thần lạc quan chiến thắng.

Có thể tìm thấy con người ấy rất đậm nét qua những nhân vật của *Trùng Quang tâm sử* (Phan Bội Châu), hình tượng Phan Châu Trinh trong *Xăngtê thi tập* (Phan Châu Trinh), hình tượng Bác Hồ trong *Nhật kí trong tù*, người thanh niên cộng sản trong *Từ ấy* của Tố Hữu, anh Lung, anh Trọng trước mũi súng quân thù trong kí sự *Ngục Kontum* của Lê Văn Hiến...

c) Hai bộ phận văn học nói trên vẫn có ảnh hưởng qua lại. Chẳng hạn, các nhà văn cách mạng có thể tiếp thu ở thành tựu của các cây bút trong bộ phận văn học hợp pháp kinh nghiệm cách tân hiện đại hóa văn học. Ngược lại, các cây bút ở bộ phận văn học hợp pháp có thể tiếp nhận ảnh hưởng tích cực của các nhà văn cách mạng về tư tưởng. Điều này thấy khá rõ trong thời kì Mặt trận Dân chủ Đông Dương (1936 - 1939) và thời kì Mặt trận Việt minh (1941 - 1945), nhất là khi bản *Đề cương văn hóa* của Đảng ra đời (1943).

II – ĐÁNH GIÁ THÀNH TỰU VĂN HỌC TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

1. Truyền thống tư tưởng lớn nhất và sâu sắc nhất của văn học ta là lòng yêu nước, tinh thần nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng

Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 vẫn tiếp tục phát huy những truyền thống ấy. Tuy nhiên, nó đồng thời cũng đem đến cho truyền thống những đóng góp mới của thời đại.

Trước hết văn học thời kì này đem đến cho truyền thống yêu nước trong văn học những thế kỉ trước nội dung dân chủ sâu sắc. Phan Bội Châu quan niệm : "Dân là dân nước, nước là nước dân". Nguyễn Ái Quốc – Hồ Chí Minh và các nhà văn vô sản thì gắn chủ nghĩa yêu nước với lí tưởng xã hội chủ nghĩa. Trong bộ phận văn học hợp pháp, tinh thần yêu nước thường thể hiện một cách kín đáo hơn, trước hết qua tình yêu tiếng Việt. Nó thấm vào các trang viết tạo nên một cái gì như là linh hồn Việt Nam trong những truyền thống đạo lí nhân bản được phát huy, trong những cảnh vật bình dị được mô tả, trong những phong tục ngàn xưa được tái hiện, trong những gương mặt, những dáng nét, những tính cách thân thuộc được khắc họa...

Trên đất nước này, lòng yêu nước, tinh thần dân tộc đã trở thành lẽ sống lớn nhất. Lẽ sống ấy có hàng trăm hàng nghìn cách thể hiện khác nhau trong đời sống xã hội, chính trị cũng như trong văn chương nghệ thuật.

Tinh thần dân chủ cũng đem đến cho truyền thống nhân đạo những khía cạnh nội dung mới. Đối tượng chủ yếu của văn học thời kì này là những con người bình thường trong xã hội. Các nhà tiểu thuyết hiện thực và các nhà thơ cách mạng vô sản thì hướng hẳn về những tầng lớp nhân dân cực khổ, lầm than.

Chủ nghĩa nhân đạo trong văn học thời kì này còn gắn liền với sự thức tỉnh về ý thức cá nhân của người cầm bút. Nhờ nhận thức được ý nghĩa sự tồn tại của mỗi cá nhân trong xã hội, nhiều cây bút thể

hiện sâu sắc khát vọng sống mãnh liệt ở mỗi cá nhân, muốn phát huy cao độ tài năng và phẩm giá trong mỗi con người. Họ đấu tranh chống luân lí, lễ giáo phong kiến để giành quyền hưởng hạnh phúc cá nhân, đặc biệt xung quanh vấn đề tình yêu, hôn nhân, gia đình... Càng hiểu sâu ý nghĩa của cuộc sống cá nhân, nhà văn càng cảm nhận thấm thía hơn nỗi khổ của những sinh mệnh sống vất vưởng trong đói nghèo, tăm tối, không tương lai, những cuộc sống vô nghĩa "mờ mờ nhân ảnh", càng cảm thấy cái không khí bức bối, tù túng của thân phận nô lệ trong xã hội thực dân...

Tinh thần dân chủ cũng đem đến cho chủ nghĩa anh hùng một nội dung mới. Phan Bội Châu khẳng định : "Một nước có anh hùng hay không cũng là do nhân dân trong nước ấy có anh hùng hay không mà thôi (...). Anh hùng cũng không phải làm việc gì kì quái lắm. Muốn làm anh hùng thì được anh hùng thôi" (*Sùng bái giai nhân*). Các cây bút vô sản thì gắn chủ nghĩa anh hùng với lí tưởng cộng sản và kết hợp chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa. Tác phẩm của họ tràn đầy ánh sáng lạc quan cách mạng.

thuongmaitr

2. Thành tựu văn học thời kì này không tách rời với những kết quả của cuộc cách tân văn học trên các thể loại và ngôn ngữ văn học

Nhìn chung, ở thời kì này, người cầm bút không thể thành công nếu không đổi mới cách viết của mình.

Về các thể loại văn xuôi thì phát triển mạnh nhất là tiểu thuyết và truyện ngắn.

Ở nước ta, sự ra đời của tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ, bản thân nó đã là dấu hiệu của công cuộc hiện đại hóa văn học. Nhà tiểu thuyết đầu tiên đứng được là Hồ Biểu Chánh. Tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh có những thành công đáng chú ý về mặt diễn tả cảnh trí, con người, lối sống của các tầng lớp nhân dân Nam Bộ. Nhưng các tác phẩm của ông chưa thoát khỏi lối bố cục chương hồi, cách kết thúc có hậu với quan niệm "thiện ác đáo đầu chung hữu báo" (thiện ác rút cục đều có sự báo ứng)... Ngôn ngữ Hồ Biểu Chánh có tính bình dân và

giàu chất sống thực tế, nhưng chưa đạt tới tính chuẩn mực của ngôn ngữ văn chương. Tiểu thuyết *Tố Tâm* của Hoàng Ngọc Phách mới mẻ, linh hoạt hơn trong cách dựng truyện và diễn tả tâm lí nhân vật. Tuy thế lối dẫn dắt tình tiết chưa thật tự nhiên, hành văn chưa thoát hẳn lối biền ngẫu và tật chêm vào những đoạn văn vần du dương "mùi mẫn".

Một nhược điểm chung của các nhà văn mở đường này là nhiều tác phẩm của họ đã phóng tác hoặc tìm cảm hứng từ các tác phẩm nước ngoài.

Đến đầu những năm 30, nhóm Tự Lực văn đoàn đã đẩy cuộc cách tân tiểu thuyết lên một bước mới. Tính cách nhân vật được xem là trung tâm của tác phẩm. Đời sống nội tâm của nhân vật được phân tích, diễn tả tinh vi từ ý nghĩ, tình cảm, cảm xúc đến những cảm giác mơ hồ nhất. Nghệ thuật hội họa, điêu khắc hiện đại được vận dụng thành công trong việc xây dựng những bức tranh phong cảnh hay chân dung con người. Lối dựng truyện tự nhiên, bố cục linh hoạt...

Tuy nhiên tiểu thuyết Tự Lực văn đoàn (tiêu biểu là các tác phẩm của Nhất Linh, Khái Hưng, Hoàng Đạo) có thiên hướng xa rời đời sống thực tế phong phú, phức tạp, lại thiếu tư tưởng sâu sắc, độc đáo nên nhanh chóng trở nên mòn sáo.

Các nhà tiểu thuyết hiện thực chủ nghĩa có công gắn tiểu thuyết với hiện thực lớn của đời sống nhân dân. Từ hiện thực ấy, nhà văn sáng tạo nên những khái quát nghệ thuật giàu sức sống. Ngôn ngữ tiểu thuyết cũng được chắt lọc từ ngôn ngữ đời sống và nâng lên đến trình độ nghệ thuật. Các nhà tiểu thuyết có đóng góp đáng kể theo khuynh hướng này là Vũ Trọng Phụng, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Nam Cao, Mạnh Phú Tư, Đỗ Đức Thu...

Thành tựu phong phú và vững chắc hơn của văn xuôi thời kì này là truyện ngắn với hàng loạt phong cách độc đáo, nối tiếp nhau đẩy thể văn này đạt đến trình độ nghệ thuật cao. Với những phong cách ấy, một số truyện ngắn Việt Nam thời kì này có thể so sánh với những thành tựu truyện ngắn xuất sắc trên thế giới.

Những cây bút truyện ngắn hiện đại đầu tiên đáng chú ý là Phạm Duy Tốn, Nguyễn Bá Học. Một người có Tây học, câu văn trong sáng, giản dị hơn (Phạm Duy Tốn). Một người xuất thân Hán học, cách diễn đạt cầu kì, rườm rà hơn (Nguyễn Bá Học). Nhưng họ đều có nhược điểm chung : tư tưởng và cách dựng truyện đơn giản, người viết thuyết lí đạo đức lộ liễu và không thoát khỏi lối văn biền ngẫu thiếu tự nhiên.

Từ khoảng 1930 đến 1945, truyện ngắn phát triển mạnh mẽ và liên tục. Mở đầu là lối truyện ngắn trào phúng rất ngắn và rất vui của Nguyễn Công Hoan. Tiếp đó là những truyện "không có truyện" với những trang viết tinh tế và đậm chất thơ trữ tình của Thạch Lam, Thanh Tịnh, Hồ Dzếnh... Nguyễn Tuân có lối truyện vừa cổ điển vừa hiện đại. Từ màu sắc, hình tượng, các chi tiết, đến chữ nghĩa, nhịp văn, giọng văn, những trang viết của Nguyễn Tuân có khả năng gợi lại không khí một thời xưa còn vang bóng (*Vang bóng một thời*). Truyện ngắn của Tô Hoài, Bùi Hiển, Kim Lân đã làm sống lại những phong tục của người dân quê với con mắt quan sát sắc sảo, hóm hỉnh. Truyện ngắn Nam Cao mang tư tưởng sâu sắc, có ý nghĩa khái quát rộng lớn, phân tích tâm lí tinh tế, chính xác, khắc họa nhân vật sinh động, góc cạnh, dựng truyện linh hoạt, giọng văn biến hóa, ngôn ngữ có sức diễn tả phong phú.

Cũng từ đầu những năm 30 trở đi, một thể văn mới ra đời và phát triển mạnh : thể phóng sự. Đây là một thể văn báo chí, có tính tư liệu, nhằm điều tra sự thật về một tình trạng xã hội nào đó. Những cây bút phóng sự đáng chú ý là Vũ Trọng Phụng, Tam Lang, Ngô Tất Tố. Trong số này, Vũ Trọng Phụng được coi là "Ông vua phóng sự Bắc Kì".

Bút kí, tùy bút được xem là loại "khinh binh" trong đội quân văn học hiện đại. Người có chút ít tài năng cũng có thể viết được vài bài bút kí, tùy bút đăng báo. Tuy nhiên, trở thành nhà bút kí, tùy bút thực sự, nghĩa là có khả năng xây dựng cả một sự nghiệp có giá trị bằng các thể văn đó, thì lại không dễ, thậm chí rất khó khăn.

Trong thời kì văn học này, bút kí, tùy bút rất phát triển, nhưng trở thành nhà tùy bút, bút kí có sức viết dồi dào, liên tục thì chỉ có Nguyễn Tuân. Ngoài ra có thể kể đến một số tên tuổi khác, tuy không thật chuyên, nhưng cũng để lại được một vài tác phẩm thành công : Thạch Lam với *Hà Nội băm sáu phố phường*, Xuân Diệu với *Trường ca*, Nguyên Hồng với *Cuộc sống*... Sự ra đời của kịch nói là một thành tựu đáng kể của văn học thời kì này, tuy rằng số lượng tác phẩm chưa nhiều và chất lượng chưa cao. Nổi trội hơn cả là các tác phẩm *Ông Tây An Nam* của Nam Xương, *Kim tiền* của Vi Huyền Đắc, *Vũ Như Tô* của Nguyễn Huy Tưởng, *Ngã ba* của Đoàn Phú Tứ... Nói đến thành tựu của văn học thời kì này, không thể không kể đến phê bình văn học. Từ đầu những năm 30 đến 1945, người ta thấy xuất hiện một số nhà phê bình chuyên nghiệp thực sự có tài năng : Thiếu Sơn, Hoài Thanh, Hải Triều, Vũ Ngọc Phan...

Một trong những thành tựu lớn nhất của văn học thời kì này là thơ ca. Mỗi bước đi của thơ trên đường hiện đại hóa đều để lại những tên tuổi lớn : Tản Đà, Trần Tuấn Khải, Thế Lữ, Xuân Diệu, Hàn Mặc Tử, Nguyễn Bính... Được giải phóng khỏi tính quy phạm chặt chẽ và hệ thống ước lệ có tính phi ngã, mỗi nhà thơ, bằng giác quan của chính mình, như lần đầu tiên khám phá ra thế giới : thế giới muôn màu sắc của ngoại cảnh và thế giới phong phú, tinh vi của nội tâm con người. Họ đã tạo nên nhiều tác phẩm xuất sắc viết về thiên nhiên và tình yêu. Dòng thơ cách mạng cũng có nhiều thành tựu đặc sắc, độc đáo – đặc biệt là mảng thơ làm trong nhà tù đế quốc.

Khi bị bắt giam, các chí sĩ yêu nước cũng như các chiến sĩ cách mạng vô sản đã bình tĩnh, ung dung vượt lên rất cao trên những thử thách gian lao, nguy hiểm : "Thân thể ở trong lao, Tinh thần ở ngoài lao" (Hồ Chí Minh). Họ biến ngục thất thành tao đàn. Thơ yêu nước và cách mạng sáng tác trong tù lại thường có chất lượng nghệ thuật cao hơn, vì chính khi chân bị cùm, tay bị xích, cổ bị gông nhưng với tinh thần tự do, bất khuất, các nhà thơ – chiến sĩ lại có thời giờ "nhàn rỗi" hơn để "làm nghệ thuật" :

truongxua.vn

Vào đây thu mới có ta,
Ngoài kia ta biết chi là có thu.

(TRẦN CUNG)

Chính vì thế những vần thơ yêu nước hay nhất của các nhà cách mạng phần nhiều là những vần thơ làm trong tù (nhiều bài thơ của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Cao Vân, Lương Văn Can, Lê Đại, Hoàng Văn Thụ, Sóng Hồng, Trần Huy Liệu, Đặng Xuân Thiều, Trần Cung, Xuân Thủy, Tố Hữu... Tiêu biểu hơn cả là tập *Nhật kí trong tù* của Hồ Chí Minh và tập *Từ ấy* của Tố Hữu).

*
* *

Thời kì văn học từ đầu thế kỉ XX đến 1945 có một vị trí hết sức quan trọng trong toàn bộ tiến trình lịch sử văn học Việt Nam. Đánh giá thời kì văn học này không nên chỉ căn cứ vào bản thân số lượng cũng như chất lượng những tác phẩm và một loạt tên tuổi đã xuất hiện trong 45 năm ấy. Cần thấy, nó đã thừa kế tinh hoa của truyền thống văn học dân tộc, khép lại sau lưng mình cả chín thế kỉ văn học để mở ra phía trước một thời kì mới với những thành tựu và kinh nghiệm sẽ còn ảnh hưởng lâu dài trong tương lai : thời kì văn học hiện đại trong quan hệ rộng rãi với nhiều nền văn hóa trên thế giới.

thuongmaitr

Tất nhiên, vì ra đời trong một hoàn cảnh xã hội phức tạp, một đất nước đang bị thực dân Pháp thống trị, sự phát triển của văn học gặp không ít khó khăn. Hơn nữa, sản phẩm văn hóa thời kì này không phải chỉ có những gì lành mạnh, tiến bộ, cách mạng. Những kẻ bất tài và bất lương đã tung ra trong thị trường văn hóa không ít những thứ "văn chương" độc hại khá bề bộn. Nhưng thời gian đã và sẽ sàng lọc đi tất cả.

Chú thích

(1) *Thi pháp của văn học thời phong kiến trung đại* : thể hiện thế giới qua một hệ thống ước lệ chặt chẽ có tính uyên bác, cách điệu hóa, sùng cổ và phi ngã; quan niệm con người và trời đất "nhất thể"; đề cao văn đạo lí hơn là văn tình cảm; các thể

văn chưa phân hóa rõ rệt, không phân biệt văn học thuật và văn nghệ thuật do tư duy nguyên hợp (thường gọi theo ước lệ là "văn sử bất phân", v.v...). (2) *Thầy Lazarô Phiền* : truyện khoảng 30 trang in, nội dung là lời sám hối của một người (thầy Lazarô Phiền) vì mắc mưu gian mà sinh ghen tuông, giết oan bạn và vợ. (3) *Hoàng Tố Anh hàm oan*: tiểu thuyết viết về nỗi oan ức của một cô gái dân nghèo tên là Hoàng Tố Anh. (4) *Dân trí :* trình độ hiểu biết của nhân dân. *Dân khí :* sức mạnh tinh thần của nhân dân. *Thực nghiệp :* nghề nghiệp mang lại lợi ích thiết thực cho đời sống. *Hư văn :* văn chương phù phiếm, chuộng hình thức, không thiết thực. (5) Cuốn tiểu thuyết văn xuôi quốc ngữ đầu tiên của Hồ Biểu Chánh xuất bản năm 1913 *(Ai làm được?)*. Từ 1913 đến 1930, ông viết khoảng hơn mười cuốn tiểu thuyết. (6) *Kim Anh lệ sử* : tiểu thuyết hiện thực dựng hàng loạt bức tranh về mặt trái của xã hội thực dân phong kiến được xâu chuỗi lại bằng câu chuyện về cuộc đời luân lạc và đầy bất hạnh của một cô gái tên là Kim Anh. (7) *Sống chết mặc bay* (1918) của Phạm Duy Tốn, *Câu chuyện một tối của người tân hôn* (1922) của Nguyễn Bá Học, *Người quay tơ* (1927) của Nhất Linh... (8) *Giọt lệ thu* của Tương Phố, *Linh Phượng kí* của Đông Hồ, *Ba tháng ở Pari* của Phạm Quỳnh. (9) Chẳng hạn tiểu thuyết *Ngọn cỏ gió đùa* mô phỏng *Những người khốn khổ* của Victo Huygô, *Chúa tàu Kim Quy* dựa theo *Bá tước Môngtơ Crixtô* của Alêcxăng Đuyma. (10) *Phi ngã* : không thể hiện cái Tôi cá nhân. Thực ra ngay từ thời cổ đại và trung đại, ở những nhân cách lỗi lạc, đã có ý thức khẳng định cái Tôi cá nhân của mình. Nhưng ý thức đó không có tính chất phổ biến mà chỉ xuất hiện cá biệt ở những con người phi thường. Nói tính phi ngã của văn học thời trung đại là nói chung. Ở đây không tính đến những trường hợp cá biệt. Ngoài ra cũng cần thấy điều này ở văn học Việt Nam vào cuối thời trung đại : từ khoảng cuối thế kỉ XVIII và sang thế kỉ XIX, do có sự khủng hoảng sâu sắc của chế độ phong kiến, và kéo theo nó là sự khủng hoảng sâu sắc của ý thức hệ phong kiến, tư tưởng mĩ học và thi pháp văn học phong kiến cũng rơi vào tình trạng khủng hoảng. Đây là lí do ra đời của một trào lưu "phản thi pháp văn học trung đại" với sự xuất hiện một loạt cây bút bước đầu có sự thức tỉnh của ý thức cá nhân, như Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, v.v... Tuy nhiên, vẫn chưa thể nói trong văn học thời kì này, cái Tôi cá nhân đã xuất hiện một cách phổ biến, trên cơ sở ý thức sâu sắc và tự giác. (11) Ý nghĩ của Hoài Thanh trong bài *Một thời đại trong thi ca (Thi nhân Việt Nam)*.

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

Dựa theo sách giáo khoa, giải đáp các câu hỏi sau :

Về mục I :

1. Quá trình hiện đại hóa của nền văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 diễn ra qua mấy bước? Trình bày vắn tắt mỗi bước.

2. Vì sao văn học Việt Nam thời kì này phát triển mau lẹ?

3. Phân tích sự phân hóa của nền văn học Việt Nam thời kì này. Tìm dẫn chứng trong những tác phẩm đã học ở THCS.

Về mục II :

4. Thời kì văn học này có những đóng góp gì mới so với thời kì trước về tư tưởng? Dẫn chứng.

5. Thời kì văn học này có những đóng góp gì mới cho sự cách tân các thể loại (chú ý đặc biệt các thể loại tiểu thuyết, truyện ngắn và thơ)? Dẫn chứng.

6. Kết luận. Đánh giá tổng quát vị trí quan trọng của thời kì văn học này trong toàn bộ tiến trình lịch sử văn học Việt Nam mười thế kỉ.

XUẤT DƯƠNG LƯU BIỆT

(Lưu biệt trước khi ra nước ngoài)

PHAN BỘI CHÂU

thuongmaitr

Tiểu dẫn

1. Phan Bội Châu (29-11-1867 – 29-10-1940), người làng Đan Nhiệm, nay thuộc xã Xuân Hòa, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, là một nhân vật kiệt xuất của lịch sử dân tộc trong mấy chục năm đầu của thế kỉ XX. Ông là lãnh tụ của các phong trào Duy tân, Đông du, Việt Nam Quang phục hội. Sự nghiệp cứu nước của ông không thành, nhưng tấm lòng yêu nước thiết tha nồng cháy của ông thì mãi mãi không phai nhòa trong tâm trí của người Việt Nam. Phan Bội Châu còn là một nhà văn lớn, mặc dù ông không hề chủ tâm sẽ làm nhà văn giữa cuộc đời. Các tác phẩm chính của ông là : *Việt Nam vong quốc sử, Hải ngoại huyết thư, Ngục trung thư, Trùng Quang tâm sử, Phan Bội Châu niên biểu, Sào Nam thi tập...* Văn thơ Phan Bội Châu là một thành công rực rỡ của thể loại văn chương tuyên truyền cổ động cách mạng. Ở đây, lí tưởng dân tộc cao cả, tình cảm thương dân, thương nước sâu nặng, phong phú, nhiệt huyết sục sôi cuồn cuộn đã là cội nguồn cảm hứng sáng tạo và cũng trở thành phong cách nghệ thuật văn chương, có sức lay động lòng người Việt Nam trong mấy chục năm đầu thế kỉ tới mức hiếm có. Nhà chí sĩ Huỳnh Thúc Kháng từng viết về văn thơ Phan Bội Châu : "Miệng giọng cuốc vạch trời kêu giật một, giữa tầng không mù cuốn mây tan; Tay ngòi lông vỗ án múa chầu ba, đầy mặt giấy mưa tuôn sấm nổ" (*Văn tế Phan Sào Nam*).

2. Năm 1905, sau khi vận động thành lập Hội Duy tân, và theo chủ trương của hội, Phan Bội Châu ra nước ngoài, tới Trung Hoa, rồi Nhật Bản, mở đầu phong trào Đông du, tranh thủ sự chi viện của lực lượng bên ngoài, trước hết là để đào tạo cốt cán cho phong trào cách mạng trong nước.

Xuất dương lưu biệt đã được sáng tác trong buổi chia tay các đồng chí để lên đường. Bài thơ thể hiện rõ tư thế, quyết tâm hăm hở và những ý nghĩ lớn lao, mới mẻ của nhà lãnh đạo cách mạng Phan Bội Châu trong buổi đầu xuất dương cứu nước. (Trên *Binh sự tạp chí* – Hàng Châu, Trung Quốc, số 34 tháng 2-1917, Phan Bội Châu cho đăng lại bài thơ này với nhan đề : *Đông du kí chư đồng chí* (Gửi các đồng chí khi Đông du) và văn bản cũng có những chỗ khác so với bản in sau đây).

*
* *

Phiên âm :

Sinh vi nam tử yếu hi kì,
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di.
Ư bách niên trung tu hữu ngã,
Khởi thiên tải hậu cánh vô thùy.
Giang sơn tử hĩ sinh đồ nhuế,
Hiền thánh liêu nhiên tụng diệc si.
Nguyện trục trường phong Đông hải khứ,
Thiên trùng bạch lãng nhất tề phi.

Dịch nghĩa :

Đã sinh làm kẻ nam nhi thì cũng phải mong có điều lạ,
Há lại để trời đất tự chuyển vần lấy sao.
Giữa khoảng trăm năm này, phải có ta chứ,
Chẳng nhẽ ngàn năm sau lại không có ai (để lại tên tuổi) ư?
Non sông đã chết, sống chỉ nhục,
Hiền thánh đã vắng thì có đọc sách cũng ngu thôi.
Mong đuổi theo ngọn gió dài để đi ra biển Đông,
Ngàn đợt sóng bạc cùng bay lên.

Dịch thơ :

Làm trai phải lạ ở trên đời[1],
Há để càn khôn[2] *tự chuyển dời.*

Trong khoảng trăm năm cần có tớ,
Sau này muôn thuở, há không ai?
Non sông đã chết sống thêm nhục,
Hiền thánh còn đâu học cũng hoài.
Muốn vượt biển Đông theo cánh gió,
Muôn trùng sóng bạc tiễn ra khơi(3).

TÔN QUANG PHIỆT dịch
(*Văn thơ Phan Bội Châu,*
NXB Văn học, Hà Nội, 1965)

Chú thích

(1) Ý thơ này là dựa theo quan niệm về chí làm trai của các nhà nho xưa (xem lại bài *Thuật hoài* của Phạm Ngũ Lão đã học ở lớp 10). (2) *Càn khôn* : trời (*càn*), đất (*khôn*). (3) Cần so sánh câu thơ dịch này với câu thơ nguyên tác (qua lời dịch nghĩa) để thấy lời ở nguyên tác còn sôi trào hơn trong tư thế ra đi.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy dựa vào kiến thức lịch sử nói về cảnh ngộ của đất nước ta trong những năm đầu thế kỉ XX để từ đó nghĩ về hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

2. Trong hoàn cảnh đó, ý nghĩ, tư thế của Phan Bội Châu trong buổi xuất dương tìm đường cứu nước được thể hiện trong lời thơ như thế nào? Để giải đáp câu hỏi này, hãy dựa theo trình tự bài thơ, trả lời các câu hỏi sau : Nội dung ***Chí làm trai****? Tư thế con người trước vũ trụ? Ý thức về cái Tôi (tớ)? Quan niệm về vinh nhục? Thái độ đối với nền học vấn cũ trước vận mệnh đất nước lầm than? Khát vọng và tư thế trong buổi lên đường ?*

3. Sau khi tìm hiểu các vấn đề trên, anh (chị) hãy đọc lại bài thơ (lời dịch) để lắng nghe giọng điệu hăm hở, quyết tâm và từ đó suy nghĩ chung về giá trị của bài thơ.

BÀI CA CHÚC TẾT THANH NIÊN

PHAN BỘI CHÂU

Tiểu dẫn

Trong lịch sử Việt Nam, có thể nói Phan Bội Châu là người đầu tiên có ý thức quan tâm bồi dưỡng thanh niên một cách sâu sắc nhất. Đặc biệt là sau khi bị bắt và bị giam lỏng ở kinh đô Huế, sống trong cảnh hờn tủi, Phan Bội Châu chỉ còn hi vọng ở thanh niên. Phan Bội Châu từng nói : "Nếu ai nói rằng : thanh niên lay trời, trời phải rung, thanh niên xoay đất, đất phải chuyển, cũng không phải là quá đáng vậy !". Vào các năm 1927, 1928, trong dịp tết đến, "Ông già Bến Ngự" này đã làm thơ chúc tết thanh niên, mục đích là động viên họ lên đường cứu nước. *Bài ca chúc tết thanh niên* được viết vào dịp tết 1927, nhân có học sinh trường Quốc học và trường nhà dòng Huế đến mừng thọ. Đương thời, không ít thanh niên ưu tú của dân tộc đã ra đi cứu nước và sau đó trở thành nhà cách mạng từ ảnh hưởng của bài ca này.

*
* *

Dậy ! Dậy ! Dậy !
Bên án[1] một tiếng gà vừa gáy,
Chim trên cây liền ngỏ ý chào mừng.
Xuân ơi xuân, xuân có biết cho chăng?
Thẹn cùng sông, buồn cùng núi, tủi cùng trăng,
Hai mươi năm lẻ[2] đã từng chua với xót.
Trời đất may còn thân sống sót,
Tháng ngày khuây khỏa lũ đầu xanh[3].
Thưa các cô, các cậu, lại các anh :
Đời đã mới, người càng nên đổi mới.
Mở mắt thấy rõ ràng tân vận hội[4],
Xúm vai vào xốc vác cựu giang sơn[5].
Đi cho êm, đứng cho vững, trụ cho gan,
Dây thành bại quyết ghe phen liên hiệp lại[6].
Ai hữu chí từ nay xin gắng gỏi :
Xếp bút nghiên mà tu dưỡng lấy tinh thần[7].
Đừng ham chơi, đừng ham mặc, đừng ham ăn,
Dựng gan óc[8] lên đánh tan sắt lửa.

truongxua.vn

Xối máu nóng rửa vết nhơ nô lệ,
Mới thế này là mới hởi chư quân[9].
Chữ rằng : nhật nhật tân, hựu nhật tân...[10]

(Báo *Tân thế kỉ*, ngày 3-2-1927)

Chú thích

(1) *Án* : cái bàn để thờ cúng hoặc để sách. Đây là án sách. (2) Thời gian tác giả hoạt động cách mạng ở nước ngoài (1905 – 1925). (3) Trong những năm đầu bị giam lỏng ở Bến Ngự (Huế), tác giả có nuôi và dạy học một số con em của bạn chiến đấu cũ. (4) *Tân vận hội* : vận hội mới. Người xưa quan niệm cuộc đời có vận hội này khác, may hay không may. (5) *Cựu giang sơn* : non sông cũ, tức Tổ quốc bao đời. (6) Có bản chép : *"Dây đoàn thể..."*. (7) *Bút nghiên* : dụng cụ để viết chữ Hán (*bút* : bút lông để viết, *nghiên* : đĩa để mài mực mà viết). Ý cả câu : bỏ lối học cũ để tu dưỡng tinh thần cứu nước (có bản chép: "Cởi lốt xưa mà..."). (8) *Gan óc* : tượng trưng cho lòng quả cảm (gan) và trí tuệ (óc). Hai câu này có bản chép : "Chẳng thèm chơi, chẳng thèm mặc, chẳng thèm ăn, Đúc gan sắt để dời non lấp bể". (9) *Chư quân* : các người. (10) *Nhật nhật tân, hựu nhật tân* : một ngày một mới, lại ngày mới.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Hãy đọc lời Tiểu dẫn và cố hình dung hoàn cảnh, tâm trạng tác giả khi viết bài ca.

2. Hãy đọc bài ca với giọng điệu vừa đau xót vừa thiết tha, giục giã, sôi trào. Từ đó trả lời câu hỏi : Bài ca nói là chúc tết nhưng thực chất là gì? Lời chúc tết này so với lời chúc tết thông thường có gì khác?

3. Phân tích tám câu đầu ("Dậy ! Dậy ! Dậy !... lũ đầu xanh") bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

a) Tiếng gọi đánh thức thanh niên đã cất lên vào thời điểm nào? Ở thời điểm đó, có âm thanh và cảnh vật gì? Âm thanh, cảnh vật đó có ý nghĩa gì đối với tiếng gọi?

b) Cảnh ngộ và tâm trạng của tác giả được gợi lên như thế nào? Gợi lên như thế thì có tác dụng gì đối với tiếng gọi?

4. Phân tích đoạn còn lại bằng cách trả lời các câu hỏi sau :

a) Nội dung chúc tết thanh niên bao gồm những điều gì?

thuongmaitr

b) Nội dung đó đã được diễn đạt bằng cảm hứng trữ tình, hình ảnh nghệ thuật, ngôn ngữ nghệ thuật, cách ngắt nhịp câu, nhạc điệu của lời thơ như thế nào?

<u>ĐỌC THÊM</u>

TỎ MẶT ANH THƯ[1]

(Trích *Trùng Quang tâm sử*)

PHAN BỘI CHÂU

Tiểu dẫn

Để tuyên truyền cách mạng, Phan Bội Châu đã sáng tác văn chương bằng hầu hết thể loại của văn học dân tộc trong đó có tiểu thuyết. *Trùng Quang tâm sử* (Sử lòng ở trại Trùng Quang) được viết theo thể loại tiểu thuyết chương hồi, vốn có truyền thống ở Trung Quốc và Việt Nam xưa. Tác phẩm có thể đã được viết vào khoảng sau 1913 nhưng chính thức được in trên *Binh sự tạp chí* của Trung Quốc năm 1921. Riêng trong nước thì đến năm 1957 mới được sưu tầm và dịch ra tiếng Việt với nhan đề *Hậu Trần dật sử*, sau này tìm được bản gốc và dịch lại mới lấy tên là *Trùng Quang tâm sử*. *Trùng Quang tâm sử* nói chuyện giặc Ngô xâm lược đời Hậu Trần và chuyện Trần Quý Khoáng lãnh đạo cuộc chiến đấu chống ngoại xâm, nhưng thực ra là nhằm thể hiện tư tưởng đường lối chống thực dân Pháp đầu thế kỉ XX. Bởi thế mà học giả Đặng Thai Mai gọi đó là một tiểu thuyết luận đề cách mạng. Một trong những nét đặc sắc của tác phẩm là đã dựng lên được ba gương mặt phụ nữ anh hùng rất đẹp, trong đó tiêu biểu nhất là cô Chí. *Tỏ mặt anh thư* là hồi thứ tư của tác phẩm, nói về sự có mặt của cô Chí ở trại Trùng Quang[2].

*

* *

Chập tối, chim bay về tổ, cành lá la đà, ngọn đèn to lớn đã lơ lửng trong bầu trời, tỏa ánh trăng sáng xuống mặt sơn trại. Chốc lát, các bạn đồng chí đều lục tục đến họp.

Mãi đến gần nửa đêm, điểm danh thì các hội viên đều có mặt, chỉ thiếu anh Phấn. Mọi người chờ cỡ hơn tiếng đồng hồ, thì ở ngoài cửa trại nghe có tiếng chân thình thịch. Bỗng thấy bóng hai người hiện ra, đi trước là một chàng thanh niên vạm vỡ, theo sau là một cô gái đẹp, trạc chừng 18, 19

tuổi, lững thững bước vào. Mọi người ngơ ngác nhìn nhau. Trông kĩ lại thì ra anh Phấn.

Thấy thế ông Khoáng giận lắm, la rằng : "Anh chờ chú đã mỏi mắt, nay chú lại kèm thêm cô ả này đến nữa à? Chú phải biết cuộc hội họp của anh em hôm nay là quan trọng như thế nào chứ?".

Phấn chưa kịp đáp, thì Kiên đã xen vào nói rằng : "Xin các ông hãy bình tĩnh. Phấn nó thà chịu tù tội quyết không quỳ lạy dưới giày giặc Ngô[3], chắc không phải hạng mê sắc để đến hỏng việc đâu. Hãy xin hỏi cô này là ai, vì sao mà đến đây đã".

Mọi người đều bực lắm, kẻ cười, kẻ mắng, kẻ mỉa mai, xôn xao cả hội trường, làm cho chim rừng hoảng sợ, bay kêu lung tung. Tiếng người, tiếng chim huyên náo không phân biệt rõ, chỉ Kiên và Xí không nói gì và mời cô kia ngồi. Kiên nói rằng : "Cô đừng trách anh em tôi lỗ mãng. Vì buổi hội họp này rất quan trọng, không thể nào cho một người khách lạ nghe được, huống gì cô lại là con gái. Nhưng Phấn là một người sắt đá. Người mà anh ấy đã tin thì chúng tôi cũng đều tin. Nay xin cho biết qua lai lịch của cô, và ý định tới đây, để cho mọi người khỏi nghi ngờ, ấy là điều anh em chúng tôi rất muốn nghe".

Cô thiếu nữ tức đỏ cả mặt, nói rằng : "Tôi vẫn tưởng trong đời này, không có ai là đáng làm bạn. Nghe nói các ông đây đều là anh hùng, tôi cho rằng con mắt hẳn không kém, nên tôi mới đánh bạo tới đây. Nay đã vậy, thì tôi xin chết ở đây. Đàn người lúc nhúc kia, đều là tôi tớ của chó Ngô, tôi còn biết sống với ai nữa". Liền đập đầu vào đá.

Xí vội đứng dậy cứu, thì máu trên đầu đã chảy lai láng, nhưng may chưa hề gì.

Khi ấy mọi người đều hết giận. Cuộc họp rất là nghiêm trang. Cô gái lặng lẽ, không nói nửa lời. Mọi người đều giục Phấn nói.

Phấn nói : "Tôi dẫu có nói, anh em chưa chắc đã tin. Tâm sự của cô, cứ để tự cô nói ra là hơn. Nhưng theo ý riêng tôi, thì hai chữ anh hùng không phải chỉ để dành riêng cho bạn trai chúng ta. Anh em chớ vội lấy con mắt hạt đậu[4] ra mà xem người vậy".

Kiên và Xí đứng dậy xin lỗi cô và xin cô trả lời.

Cô nói : "Khi tôi mới gặp anh Phấn cũng như các ông ngày nay. Việc đời nhận lời bừa thì khó giữ lời, mà trước quá dễ dãi thì sau ắt nhiều khó khăn. Các ông làm việc, không khinh suất để cho người ngoài biết, cái đó tôi rất phục. Nhưng lịch sử[5] và tâm sự của tôi thì chỉ một mình tôi tự biết, nếu có nói ra đây, các ông cũng khó mà tin được. Thôi xin các ông cứ hỏi anh Phấn".

Khi ấy mọi người đều xúm lại tranh nhau hỏi anh Phấn.

Phấn nói : "Hôm nay tôi đưa cô lại đây, là đem lại cho anh em thêm một kiện tướng[6]. Nguyên khi tôi mới ở tù ra được vài ngày, hai anh Kiên và Xí gởi tôi ở nhà một bác phường săn làng Mặc Điền[7]. Lúc ấy tôi là một tên tù vượt ngục, nên không dám đi ra nhiều, thường thường chỉ đóng cửa ngồi một mình. Một hôm bỗng có người con gái ăn mày gõ cửa. Tôi trông người ấy mắt sáng, mày sắc, nét mặt lộ rõ khí phách phi thường. Tuy vậy nhìn kĩ thì dung nhan[8] buồn rầu, duy cái dáng buồn thảm vẫn không che được cái vẻ linh lợi, hoạt bát. Tôi thầm lấy làm lạ nên không dám đối đãi như với người ăn xin thường. Tôi gọi vào, lấy ghế mời ngồi. Người ấy ngồi rất tự nhiên, không có vẻ rụt rè. Khi ấy tinh thần tôi rất là luống cuống. Không giấu gì các bạn, bình sinh[9] ở trong óc tôi chỉ chứa có hình ảnh anh hùng và đàn bà đẹp mà thôi. Nay thấy người như hoa, như ngọc thế này lại ngầm có cái tinh thần lẫm liệt như sương[10], rực rỡ như mặt trời thế kia, thì làm sao mà khiến tôi chẳng rung động được. Tôi mới dần dà hỏi cô :

– Cô muốn xin gì?

– Cái tôi định xin là rất quý, nhưng ngay bây giờ thì khó nói với anh quá.

– Tiền phải không?

– Không

– Lúa gạo phải không?

– Không.

– Quần áo phải không?

uongxua.vn

– Không.

Tôi cười và nói rằng : "Cô đi xin, mà những thứ tôi vừa hỏi, những thứ cần cho người xin cả, thì cô đều không cần ! Vậy tôi biết lấy gì cho cô bây giờ?".

Cô ngồi ngẩn người ra như gỗ hồi lâu. Tôi chỉ lẳng lặng ngồi chờ nghe câu trả lời trên môi người ngọc. Dáng điệu cô lại rất trang nghiêm, không phải dễ dàng lả lơi, tôi càng sốt ruột, nhưng cũng không dám hỏi lại. Hồi lâu, cô bỗng buột miệng nói : "Tôi nói thật với anh. Cái tôi muốn xin, trong nhà anh không có".

Tôi hỏi ngay :

– Cái gì?

– Cái đầu Thừa tuyên sứ[11] giặc Ngô.

Tôi hết hồn. Lạ quá ! Lạ quá ! Câu nói này sao lại phát ra được ở miệng một người nữ lưu[12]? Nhưng sự vật trong giời đất biết bao nhiêu điều lạ. Tôi ngẫm nghĩ là cần phải nghiên cứu kĩ nữa.

Tôi nói nhỏ rằng : "Câu nói của cô làm tôi mất cả hồn vía. May trong nhà này không có ai, nếu vách có tai thì tôi với cô sẽ chết cả họ".

Cô ấy nói : "Tôi đây xem chết như chơi nên mới nói vậy. Sao anh lại lấy chết mà dọa tôi?".

Lúc ấy tôi không trả lời được, tự nghĩ rằng chắc trong câu chuyện còn có nhiều thú vị, thì hẵng từ từ chờ xem. Bèn sắp xếp một chiếc giường riêng, mời cô nằm nghỉ. Dọn cơm tối mời ăn. Dần dà tôi mới hỏi rằng : "Sao cô biết tôi? Và biết tôi là người thế nào?".

Cô nói :

"Tôi làm sao biết được anh? Chính đôi giày của giặc Ngô treo ở cổng chợ đã giới thiệu anh với tôi. Tôi là con gái ông Tam, chủ tiệm rượu ở thành Nghệ An. Thừa tuyên sứ nước Ngô thường đến uống rượu ở nhà tôi, thấy tôi có chút nhan sắc, liền bắt cha tôi dâng cho nó làm thị tì. Nó bảo thế lực người Ngô hơn thế lực người Nam thì nó muốn gì là phải như ý. Gươm giáo của chúng là thánh, là thần. Tuy vậy, nói thì dễ, chứ sự thật có phải dễ như nó tưởng đâu. Cha tôi tuy là người buôn nhưng rất hiểu đại nghĩa chủng tộc. Con gái của người thị dân lương thiện há chịu làm tì thiếp cho giặc Ngô sao? Thừa tuyên sứ đã nhiều lần đến hỏi, nhưng cha tôi nhất định không chịu. Nó bèn lấy tội rượu lậu[13] vu cho cha tôi rồi bắt ông cụ bỏ tù, bảo có đưa con gái đến đây thì tha cho, không thì sẽ giết. Tôi sốt ruột, toan nhận lời để cứu cha tôi, nhưng cha tôi biết bụng tôi, liền thắt cổ chết trong lao, để ngăn lòng tôi.

Than ôi ! Cha tôi muốn cho con gái được làm một người dân tự do, nên mới liều mình như thế ! Thật là đau đớn. Tôi khi ấy rất buồn nản, chỉ muốn chết ngay cho xong. Nhưng lại nghĩ thù cha chưa trả, thì dẫu có chết cũng uổng mà thôi. Nên tôi định giết được thằng giặc Ngô thì chết mới nhắm mắt. Nhưng tự xét, tấm thân yếu đuối, một mình vò võ, làm sao mà giết chúng nó bằng võ lực được. Đêm ngày lo nghĩ, chưa có kế gì. Mà dã tâm của giặc Ngô thì vẫn chưa chán. Nó vẫn cho người ép tôi, quyết bắt tôi làm tì thiếp[14] thì nó mới vừa lòng. Vì thế tôi mới bỏ nhà, ăn mặc rách rưới, giả làm ăn mày đi khắp tỉnh, chỉ mong tìm được người "đồng cừu"[15] thì thù cha tôi mới rửa được. Nhưng khắp tỉnh này đầy những tụi chó săn chim mồi; ngoài ra thật là vắng vẻ không có một ai. Phong trần[16] lận đận, biết tìm đâu cho thấy anh hùng !

Năm ngoái, sau khi giặc Ngô hạ cái lệnh "lạy giày"[17], tôi mừng thầm là sẽ có lối tìm người. Than ôi ! Giặc Ngô làm nhục người Nam ta đến thế là cùng, mà người Nam ta hèn hạ đến thế cũng là hết chỗ nói . Địa vị chủ nhà với trâu ngựa, còn biết nói sao? Nếu cả nước An Nam này không có một người trai vĩ đại nào nữa thì nền độc lập của non sông còn mong gì có ngày về? Nếu có mà không xuất hiện hồi này thì còn đợi hồi nào nữa !

Chẳng bao lâu, nghe có ba người bị tội "ngạo hài"[18] mà anh là một. Từ đó, tôi chuyên làm người trinh thám dò các anh. Ngày đêm khấn trời,

nghĩ rằng nếu thần ngục có thiêng thì tất không vùi dập giống tự do của chúng ta. Các anh vào tù; tôi cũng bôi bác cho mặt mày dơ bẩn, ăn mặc rách rưới, lẩn quẩn trước cửa ngục luôn luôn, thỉnh thoảng đến xin trước cửa nhà tù một vài đồng tiền. Phẩm cách đã đê tiện, mặt mũi lại nhem nhuốc, ai còn để ý. Các anh ở tù một ngày, là tôi cũng ăn mày trước cửa ngục một ngày, chỉ khao khát muốn biết kết quả của các anh. Tôi nghĩ rằng, các anh còn đó, thì thân tôi tức là thân các anh.

Đêm hôm lễ đại khánh[19] có một chàng trai thấp nhỏ mạnh khỏe, cùng ngục tốt uống rượu, nhân lúc say mà cướp anh đi. Từ đó, tôi luôn luôn theo sát anh, chỉ mong anh lần này đi được trót lọt. Nhưng lại nghĩ trong lúc anh đang lo thoát nạn, việc không nên để người ngoài biết thì tôi lại không muốn làm cho anh sợ, nên đành xa anh một đoạn đường. Khi vào làng này, thì mất dấu anh nhưng chắc là anh vẫn ở đây. Sao tôi lại biết được thế? Vì tôi thấy anh chàng thấp nhỏ hôm trước vẫn thường đi lại ở đây luôn. Tôi chắc rằng anh vẫn còn nấp náu ở đây thôi, cho nên tôi cứ ăn mày miết ở làng này. Quả nhiên, trước đây vài hôm, tôi trông thấy anh ở trước cửa nhà người phường săn này. Mũi dùi của Mao Toại [20] lâu nay vẫn muốn thoát ra ngoài. Tôi muốn gõ cửa, nhưng lại hiềm hình thù bẩn thỉu, phải tắm rửa chút đã, mới dám ra mắt. Hôm nay anh ở nhà một mình, tôi mới lấy bộ mặt đứa gái ăn mày, đến thử mắt anh, tôi nói thật với anh, cái tôi muốn xin anh, trừ cái đầu chó Ngô ra, không có gì khác nữa. Anh có ừ không?".

tuongxua.vn

Tôi ngần ngừ chưa kịp trả lời. Trong não tôi lúc này hiện ra một tâm trạng muốn tin mà cũng muốn ngờ, có lưỡi không nói ra được, có bút không vẽ ra được. Nghĩ rằng người này quả là thật, mà chốc lát mất đi, thì mình thật đổ tội. Nếu không thế, đây chỉ là thần quỷ quái tinh ranh, đến đánh lừa mình, mà mình mắc phải, thì thật là quá ngu. Nhưng tôi xét kĩ lại, quyết không phải người thường. Song muốn trọng lời ừ của mình, nên chưa thể hứa ngay. Trước hết phải điều tra cái thảm kịch cô ta vừa nói đó có đúng không đã. Ấy là vấn đề thứ nhất mà tôi phải làm. Tôi suy tính xong, bèn trả lời rằng : "Lời cô vừa nói, tôi rất cảm phục, nhưng trước khi ừ, cho tôi nghĩ kĩ chút đã. Vì kẻ đại trượng phu[21] đã hứa với ai một lời rồi thì đầu óc, tính mạng đều không tiếc nữa. Đâu dám dễ dàng mở miệng. Nay mời cô ở đây, tôi sẽ có ngày phơi gan bày ruột, để đáp lại nghĩa của cô". Cô ấy nói : "Phải lắm".

Hôm sau, tôi từ giã cô ta, nói là để đi săn xa ít hôm mới về. Nhưng kì thực tôi lên về tỉnh để điều tra cặn trạng[22] cha con cô con gái quán rượu như thế nào. Người ta bảo tôi rằng : "Rất đáng thương cho nhà ấy, cha thắt cổ chết ở ngục, con gái đi mất tích[23], nhà cửa hoang phế, tai vạ mới phát ra độ năm sáu tháng nay thôi".

Tôi hỏi ai gây ra chuyện ấy.

Người ta đáp : "Người gieo vạ cho nhà này là Thừa tuyên sứ mà cô con gái là cái mầm tai vạ. Cô kia nếu chịu làm thị tì[24] cho quan Ngô thì chẳng những không phải vạ mà lại còn được nhiều phúc phận[25] không ngờ nữa. Ông Tam thì chết rồi, chẳng nói làm gì, chỉ thương cô con gái đẹp mà khôn bây giờ không biết đi đâu. Mà Thừa tuyên sứ thì vẫn cho người đi lùng. Con bé thiệt là người thiểu phúc[26]". Tôi hỏi cô ấy tên gì. Người ta mắng tôi rằng : "Khắp cả tỉnh này, ai chả biết tên cô Chí. Chú sao ngớ ngẩn vậy?". Tôi nói : "Tôi cả đời ít đi lên tỉnh, nên tiếng tăm lừng lẫy của cô ấy hôm nay tôi mới được nghe là lần đầu".

Tôi đã biết được sự thật, nghĩ lại lời nói của cô, nên bao nhiêu lòng ngờ vực trước, nay biến thành lòng kính mến cả. Tôi nghĩ một cô gái xinh đẹp, mà lỗi lạc đến thế thời câu chuyện bà Trưng, bà Triệu quyết cũng không phải nhà làm sử vẽ vời, thêm thắt ra đâu.

Tôi vội vàng về nhà ngụ, thì trời đã sẩm tối. Cô ấy đón vào.

Tôi nói : "Cùng ở đã mấy hôm mà chưa biết tên cô, cô tên là gì nhỉ?". Cô đáp : "Tôi thường có tật điên, hay mắng người ta nên người ta quen gọi là cô Chí Điên. Cô Chí chính là tên thật của tôi".

Tôi mừng lắm. Mời cô ngồi lên, rồi sụp xuống làm lễ hai lạy, xin kết làm chị nuôi. Tôi bảo chị rằng : "Đồng bào ta, nhân dân ta, ai là không thù ghét giặc Ngô. Chúng nó giày xéo lên trên quyền tự do của đồng bào chúng ta như bánh xe lăn trên bùn. Những hoa tươi rực rỡ, tiền nhân ta để lại cho chúng ta thì tay chúng bẻ, những quả đẹp ngon lành tiền nhân ta dành lại cho chúng ta thì miệng chúng ăn. Những của tinh hoa quý báu của chúng ta, chúng đều cướp làm của chúng. Còn nhân dân chúng ta thì chỉ làm bò kéo xe, chở phân, dọn rác cho chúng mà thôi. Điều đáng căm thù ở trên thế gian này, còn gì hơn thế nữa. Chị nói thù nhà, hãy còn nghĩa hẹp. Lúc đã rửa được thì đồng thời sẽ rửa hết cả, xin chị chớ lo. Nếu biết giữ được cái trời đã phú cho, tất trời sẽ giúp. Thời đã đến rồi".

Đó là việc tối hôm qua, tôi thấy đêm đã khuya, vội đi hội nghị. Tôi bèn nói : "Thôi chị đi nghỉ, tôi có việc phải đi ngay". Tôi khoác áo ra đi, ngoảnh bảo chị tôi gài cửa tắt đèn, hẹn đến sáng sớm sẽ về.

Đến sáng tôi về, vừa đến cửa, thấy cửa không đóng, đèn sáng liu hiu rọi ra ngoài cửa. Khi vào nhà, thấy chị tôi ngồi trên giường, buồn thiu không nói một tiếng. Tôi lạ, hỏi rằng : "Chị dậy làm gì sớm vậy?". Chị tôi nói : "Chưa hề ngủ, làm gì có dậy?".

Tôi hỏi lí do, chị tôi nói : "Các anh có kế hoạch lớn như thế, mà bỏ tôi ra ngoài, tôi không phải người sao? Cái lòng thương nước, giữ nòi có phải là độc quyền của nam giới đâu?".

Tôi rất lạ lùng thưa rằng : "Có gì đâu !".

thuongmaitr

Chị tôi nói : "Anh thiệt là dối người quá lắm. Mấy bữa nay, tôi thấy thần sắc anh, biết anh thế nào cũng có việc gì. Tối hôm qua, thấy anh vội vội vàng vàng đi ra, tôi đoán thế nào cũng có cuộc đại hội, nên lúc anh ra, tôi liền lẻn đi theo. Những câu các anh chỉ trời vạch đất nói ở trong trại, đều văng vẳng bên tai tôi. Lúc ấy tôi ngồi núp lắng nghe ngoài trại, như người gác cho các anh. Tôi không muốn vội vàng nhỡ chuyện các anh, nên nín không dám nói. Khi hội sắp tan, tôi lẻn về trước. Bóng tôi và hình anh xa nhau cũng chẳng là bao, anh có biết không? Cả một trang nhật kí ở trong bụng tôi còn có thể giở ra cho anh đọc".

Tôi nghe đến đấy, không thể không phơi bày gan phổi được. Những việc đảng ta định làm, tôi đều đã cho chị biết. Cuộc họp đêm nay lúc đầu tôi tính đi một mình, cố ý trì trệ, đợi chị tôi ngủ, rồi mới ra đi, nhưng chị tôi đòi đi theo. Chị tôi nói rằng : "Nếu các anh đều là anh hùng, thì hẳn không bỏ tôi. Nếu coi tôi là đồ đàn bà mà gạt ra, thì tôi cũng xin cám ơn các anh, tôi cứ tự làm theo chí tôi thôi, thề không làm nhỡ việc các anh".

Phấn nói đến đây, Tinh và Lực đều đứng dậy, vỗ tay kêu lớn rằng : "Xin mời vào đảng ! Xin mời vào đảng ! Chúng ta kết giao, chỉ cốt thần hồn, không cần sắc tướng(27). Nếu ai tán thành đánh giặc, tức là anh em rất yêu rất kính của chúng ta. Xin anh em nhất trí".

Mọi người đều đồng thanh nói : "Nhất trí ! Nhất trí ! Nhất trí". Đứng dậy bắt tay cô kia, xin mời vào đảng và tạ lỗi vừa rồi.

Cô Chi đáp tạ rằng : "Anh em trước đây nhao nhao phản kháng, bây giờ vui cười. Nếu trước không có hoài nghi, thì sau cả tin là giả".

Khi ấy, anh em dự hội tất cả có năm mươi người, lại ngồi bàn nốt những công việc đêm trước còn chưa bàn xong.

TRẦN LÊ HỮU dịch
(*Trùng Quang tâm sử*,
NXB Văn hóa, Hà Nội, 1957)

Chú thích

(1) *Anh thư :* người con gái tốt đẹp (*thư* : mái, khác với *hùng* : trống). (2) *Trùng Quang :* niên hiệu của vua Trần Quý Khoáng thời Hậu Trần. Ở đây, tác giả dùng để đặt tên cho trại (căn cứ địa) của lực lượng kháng chiến chống giặc Ngô do Trần Quý Khoáng lãnh đạo. (3) *Giặc Ngô :* Ngô là từ người Việt Nam xưa dùng để chỉ giặc ngoại xâm phương Bắc nói chung. Cách gọi đó có thể đã có từ thời nhà Ngô xâm lược nước ta. Ở đây là chỉ giặc Minh vì Chu Nguyên Chương, người sáng lập nhà Minh cũng đã từng xưng là Ngô vương. (4) *Con mắt hạt đậu :* con mắt nhỏ bé. Ý nói cách nhìn thiển cận. (5) *Lịch sử :* ở đây có nghĩa như tiểu sử tức là sử của một đời người. (6) *Kiện tướng :* vị tướng mạnh (tướng ở đây không hẳn là vị tướng theo

quân hàm). (7) *Mặc Điền* : thuộc huyện Anh Sơn, Nghệ An. (8) *Dung nhan* : diện mạo, nhan sắc. (9) *Bình sinh* : lúc sống, trong cuộc sống. (10) *Tinh thần lẫm liệt như sương* : ở đây có nghĩa là tinh thần oai nghiêm đến rợn người. (11) *Thừa tuyên sứ* : chức quan đứng đầu việc cai trị một tỉnh do giặc Minh đặt ra. (12) *Nữ lưu* : giới phụ nữ. (13) Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp độc quyền nấu rượu. Rượu do dân ta tự nấu thì bị coi là rượu lậu (gian lậu) và bị phạt rất nặng, kể cả phạt tù. Bọn cường hào ở nông thôn, bọn cai trị, thường giở trò vu cho người này người khác tội nấu rượu lậu để cướp đoạt, vơ vét tài sản của họ. Ở đây, tác giả đã đưa chi tiết đương thời vào chuyện lịch sử. (14) *Tì thiếp* : vợ và cũng là đầy tớ. (15) *Đồng cừu* : cùng chung kẻ thù. (16) *Phong trần* : gió *(phong)* bụi *(trần)*, nói sự vất vả. (17) Ở đây nhắc lại sự việc : Thừa tuyên sứ giặc Ngô tại Nghệ An đã giở trò treo giày, bắt mọi người nước Nam phải luồn dưới giày để vừa làm nhục vừa dò biết người nào là không phục tùng. Có ba thanh niên là Phấn, Tình, Lực không chịu luồn dưới giày đã bị chúng bắt giam. (18) *Ngạo hài* : khinh (*ngạo*) giày (*hài*). (19) *Lễ đại khánh* : lễ mừng lớn. (20) *Mũi dùi của Mao Toại* : Mao Toại người thời Chiến quốc (Trung Hoa xưa) nói với Bình Nguyên Quân rằng : người anh hùng cũng như cái dùi nhọn để trong túi, thế nào rồi cũng đâm thủng túi mà thoát ra. Ý nói muốn thổ lộ chí khí anh hùng. (21) *Đại trượng phu* : người có chí khí lớn hơn người. (22) *Cận trạng* : trạng thái gần đây. (23) *Mất tích* : mất dấu vết *(tích)*. (24) *Thị tì* : đầy tớ gái. (25) *Phúc phận* : phận số có hạnh phúc. (26) *Thiểu phúc* : ít phúc, ít hạnh phúc. (27) *Sắc tướng* : vẻ bên ngoài.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Điều hấp dẫn ở ***Tỏ mặt anh thư*** *là dựng lên được một gương mặt phụ nữ đẹp : cô Chí. Cô Chí đẹp từ hình hài đến tính cách và hành động. Ở cô Chí, vừa có tính truyền thống vừa có tính thời đại. Trong khi xây dựng hình tượng cô Chí, tác giả tỏ ra là người có năng lực viết tiểu thuyết (dĩ nhiên là theo bút pháp tiểu thuyết chương hồi cổ điển) ở nhiều phương diện : tạo tình huống nghệ thuật có vấn đề, có kịch tính (Chí, một cô gái lạ mặt dám xông đến giữa cuộc họp tối mật của đảng Trùng Quang); tạo cốt truyện có nhiều chi tiết nghệ thuật lí thú (cô gái đẹp bị ép làm tì thiếp của Thừa tuyên sứ giặc Ngô, người cha vì phẩm giá và hạnh phúc của con mà tự sát trong ngục, cảnh tượng "ngạo hài", cô gái giả điên đi ăn xin nhưng tiền, gạo đều không cần, cảnh giáp mặt giữa Chí với đảng Trùng Quang...); kết hợp ngòi bút đặc tả và chấm phá trong việc hình thành các tính cách nhân vật; thay đổi thời gian nghệ thuật, không theo trật tự trước sau đơn thuần; mở rộng không gian nghệ thuật (từ trại Trùng Quang, đến làng Mặc Điền, đến thành Nghệ An, rồi trở lại trại Trùng Quang); sử dụng nhiều hình thức ngôn ngữ*

nghệ thuật (dẫn chuyện, đối thoại, độc thoại); tạo những câu nói đích đáng của nhân vật...

*Hãy đọc kĩ chương **Tô mặt anh thư** và phân tích, chứng minh những nhận xét trên theo hướng làm rõ vẻ đẹp của hình tượng cô Chí.*

CÔN LÔN TỨC CẢNH[1]

PHAN CHÂU TRINH

Tiểu dẫn

1. Phan Châu Trinh (1872 – 1926) hiệu Tây Hồ, biệt hiệu Hi Mã, quê ở làng Tây Lộc, huyện Tiên Phước (trước là huyện Hà Đông), tỉnh Quảng Nam. Năm 1900, đậu cử nhân. Năm 1901, đậu phó bảng. Làm quan một thời gian ngắn rồi từ chức để kết liên với các sĩ phu yêu nước, và đã có lần ra Yên Thế tìm gặp Hoàng Hoa Thám. Năm 1905, sang Trung Quốc, rồi đến Nhật Bản gặp Phan Bội Châu trao đổi chính kiến. Năm 1906, gửi thư cho Toàn quyền Pháp ở Đông Dương. Đã có lần đến diễn thuyết ở trường Đông Kinh nghĩa thục tại Hà Nội. Phan Châu Trinh chủ trương đường lối cải cách : xóa bỏ chế độ quân quyền, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp để từ đó mà giành độc lập dân tộc. Năm 1908, nhân phong trào chống sưu thuế dậy lên ở Trung Kì, Phan Châu Trinh bị bắt đày đi Côn Đảo. Năm 1911, được thả ra, sang Pháp sống cho đến 1925 thì về nước. Trong thời gian ở Pháp, Phan Châu Trinh có quan hệ với Nguyễn Ái Quốc, có lúc bị bắt giam ở nhà ngục Xăngtê (1915). Năm 1922, trong dịp vua Khải Định sang Pháp, Phan Châu Trinh đã gửi *Thư thất điều* (Thư bảy điều) kết bảy tội đối với ông vua bù nhìn này. Năm 1926, sau khi về nước, Phan Châu Trinh qua đời. Đám tang Phan Châu Trinh đã trở thành một phong trào ái quốc rộng khắp cả nước.

2. Phan Châu Trinh là một tác gia tiêu biểu trong dòng văn học yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ với những tác phẩm như : *Thư gửi toàn quyền Đông Dương, Tỉnh quốc hồn ca* (I, II), *Giai nhân kì ngộ, Tây Hồ thi tập, Xăngtê thi tập, Thư thất điều, Đạo đức và luân lí Đông Tây, Quân trị và dân trị*...

Riêng trong thời gian bị tù ở Côn Đảo, Phan Châu Trinh đã có một số bài thơ, câu đối, trong đó bài *Côn Lôn tức cảnh* là một bài thơ tiêu biểu.

*

* *

Biển dâu dời đổi mấy thu đông[2],
Cụm núi Côn Lôn đứng vững trông.
Bốn mặt giày vò oai sóng gió,
Một mình che chở tội non sông[3].
Cỏ hoa đất nảy cây trăm thước,
Rồng cá trời riêng biển một vùng.
Nước biếc non xanh thương chẳng nhẽ,
Gian nan xin hộ khách anh hùng.

(*Thi tù tùng thoại*,
Huỳnh Thúc Kháng, NXB Nam Cường,
Sài Gòn, 1951)

Chú thích

(1) *Côn Lôn* : nay thuộc tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, là một quần đảo nằm ở phía Đông Nam của Tổ quốc, cách đất liền chỗ gần nhất 83 cây số. Giặc Pháp, ngay sau khi đánh chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Bộ, đã biến Côn Lôn thành nơi giam cầm những người Việt Nam yêu nước. Và cho đến 1-5-1975, Côn Lôn vẫn là nơi các thế lực ngoại xâm, kẻ thù của dân tộc giam cầm người Việt Nam yêu nước. Nhưng Côn Lôn cũng đã trở thành biểu tượng khí phách anh hùng Việt Nam trong gian khổ đau thương. Phan Châu Trinh bị giam ở Côn Lôn từ năm 1908 đến năm 1911. (2) *Mấy thu đông* : mấy lần thu qua đông tới. Ý nói thời gian hết năm này đến năm khác. (3) Ý cả câu : một mình Côn Lôn che chở cho những người vì non sông mà bị kẻ thù kết tội.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Trong hồn thơ của Phan Châu Trinh ở đây, hình ảnh Côn Lôn hiện lên đẹp đẽ, oai hùng và có không khí thiêng liêng như thế nào?

2. Tư thế, khí phách của nhà ái quốc Phan Châu Trinh trong cảnh ngục tù Côn Lôn có gì hấp dẫn?

ĐIẾU DƯƠNG TRƯỜNG ĐÌNH

PHAN CHÂU TRINH

Tiểu dẫn

Dương Trường Đình hoạt động trong phong trào Duy tân ở Trung Kì, bị đày đi Côn Lôn rồi ốm chết. Các chí sĩ thương tiếc, dựng mộ chí kỉ niệm. Lúc này, Phan Châu Trinh cũng đang bị giam ở đây và đã làm bài thơ này.

*

* *

Phiên âm :

Thanh sơn bích thủy ủng cô phần,
Phong vũ thiên nhai khấp cố nhân.
Vị cảm tận tình quyên huyết lệ,
Hồi đầu quốc thổ chứng trầm luân.

Dịch nghĩa :

Non xanh nước biếc ôm lấy nấm mồ côi,
Nơi chân trời mưa gió khóc người cố nhân[1].
Chưa dám hết lòng dốc hết lệ máu,
Nhìn lại đất nước đang bị đắm chìm.

Dịch thơ :

Non xanh nước biếc nấm mồ côi[2],
Mưa gió thương ai một góc trời.
Chưa dám hết lòng tuôn nước mắt,
Ngoảnh về nước cũ vẫn chơi vơi.

HUỲNH THÚC KHÁNG dịch

(*Hợp tuyển thơ văn yêu nước và cách mạng đầu thế kỉ XX (1900 – 1930),*
NXB Văn học, Hà Nội, 1972)

truongxua.vn

Chú thích

(1) *Cố nhân* : người xưa, đây là người bạn từng thân quen lâu năm. (2) Ý câu này : mồ Dương Trường Đình chôn ở Côn Lôn là nơi có cảnh non xanh nước biếc.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đây là một bài khóc đồng chí có giọng điệu nhẹ nhàng mà thấm thía. Hãy đọc lại bài thơ và nghiệm lại điều đó.

2. Hãy giải thích, tìm ý nghĩa của câu thơ thứ ba. Tại sao nói : "Chưa dám hết lòng tuôn nước mắt" trong khi đáng ra là phải tuôn hết nước mắt?

BÀI CA LƯU BIỆT

HUỲNH THÚC KHÁNG

thuongmaitr

Tiểu dẫn

1. Huỳnh Thúc Kháng (1875 – 1947), hiệu Minh Viên, quê làng Thạnh Bình, huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam, đậu tiến sĩ, không làm quan, là một trong những người cầm đầu phong trào Duy tân tự cường đầu thế kỉ ở Trung Kì. Năm 1908, bị thực dân Pháp bắt, kết án "trảm giam hậu" (chém nhưng còn giam đã) sau chuyển thành án chung thân và "bất đắc ân xá" (không được ân xá) đày đi Côn Đảo. Đến năm 1921 thì được tha về, làm Nghị trưởng Viện dân biểu Trung Kì một thời gian ngắn rồi cáo từ để làm báo *Tiếng Dân* với cương vị chủ bút. Báo *Tiếng Dân* là một tờ báo yêu nước tiến bộ, có uy tín lớn trong nhân dân. Sau Cách mạng tháng Tám, theo lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Huỳnh Thúc Kháng làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, có lúc là quyền Chủ tịch nước.

2. *Bài ca lưu biệt* (Bài ca chia tay) được viết năm 1908, trong hoàn cảnh trước khi bị đày đi Côn Đảo và có cuộc tiễn đưa của các chiến hữu trong tù. Bài thơ đã được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân miền Trung thời Pháp thuộc và xứng đáng là một bông hoa tươi thắm trong vườn thơ ca yêu nước và cách mạng Việt Nam ở thế kỉ XX.

*

* *

Trăng trên trời có khi tròn khi khuyết[1],
Người ở đời đâu khỏi tiết[2] gian nan.
Đấng trượng phu tùy ngộ nhi an,
Tố hoạn nạn hành hồ hoạn nạn[3].
Tiền lộ định tri thiên hữu nhãn,
Thâm tiêu do hứa mộng hoàn gia[4].
Bấy nhiêu năm cũng vẫn chưa già,
Nọ núi Ấn, này sông Đà[5],
Non sông ấy còn chờ ta thêu dệt.
Kìa tụ tán chẳng qua là tiểu biệt[6],
Ngựa Tái ông[7] họa phúc biết về đâu?
Một mai kia con tạo khéo cơ cầu[8],
Thấy bốn biển cũng trong vòng trời đất cả.
Ư bách niên trung tu hữu ngã[9],
Dẫu đến lúc núi sụp, biển lồi, trời nghiêng, đất ngả.
Tấm lòng vàng, tạc đá vẫn chưa mòn,
Trăng kia khuyết đó lại tròn.

truongxua.vn

(*Hợp tuyển thơ văn Việt Nam*, tập IV,
NXB Văn hóa, Hà Nội, 1963)

Chú thích

(1) Ý thơ này là dựa theo quan niệm "thiên địa tuần hoàn, chung nhi phục thủy" (trời đất xoay vần, hết vòng này lại bắt đầu vòng khác). (2) *Tiết* : đốt, từng vận hội. (3) Ý cả câu : người tài giỏi gặp cảnh ngộ nào cũng xử trí được. Gặp cảnh hoạn nạn sẽ xử trí theo cảnh hoạn nạn, không để hoàn cảnh đó đè bẹp mình. (4) Ý cả hai câu : con đường trước mắt, biết chắc trời còn soi xét đến. Đêm khuya mộng thấy được về nhà. Ý muốn nói : hôm nay bị đày chung thân nhưng trời có mắt, thế nào mình cũng về với gia đình. (5) *Núi Ấn* : núi Ấn Sơn, còn gọi là núi Chúa hay núi Mỏ Diều nằm giữa hai huyện Quế Sơn và Duy Xuyên (Quảng Nam). *Sông Đà* : con sông chảy qua Đà Nẵng, tức sông Cẩm Lệ. *Núi Ấn, sông Đà* : còn tượng trưng cho đất nước. (6) *Tụ tán* : *tụ* là họp lại; *tán* là tan ra. Ý nói gặp gỡ và chia li. *Tiểu biệt* : chia li nhất thời. (7) *Ngựa Tái ông* : xem chú thích (12) ở *Bài ca ngất ngưởng* của Nguyễn Công Trứ. (8) *Cơ cầu* : nghĩa gốc là việc uốn nắn chỗ này chỗ khác để cạp thúng. Nghĩa thông thường là sắp xếp. (9) Nghĩa cả câu : trong cuộc sống trăm năm, cần có ta.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Hãy tìm hiểu lại thể loại hát nói để nhận diện bài ca.

2. Hãy đọc to, đọc thầm và tìm giọng điệu cứng cỏi, sảng khoái của bài ca (Chú ý : cần dựa vào các kiểu câu của hát nói).

3. Tìm hiểu tư thế hào hùng của nhà thơ chiến sĩ giữa cảnh tù tội nặng nề thể hiện trong bài ca. Mối quan hệ giữa tư thế đó với giọng điệu lời ca là gì ? Tư thế đó đã dựa trên cơ sở tư tưởng và triết lí nào ? Ý trong hai câu 3 – 4 và điển "Tái ông thất mã" có liên quan như thế nào với tư thế đó ?

THỀ NON NƯỚC

TẢN ĐÀ

Tiểu dẫn

1. Tản Đà tên khai sinh là Nguyễn Khắc Hiếu (1889 – 1939). Ông sinh ở làng Khê Thượng, bên núi Tản sông Đà, huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây (nay là xã Sơn Đà, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây); nhưng gốc là dòng họ Nguyễn danh tiếng triều Hậu Lê, ở làng Kim Lũ (làng Lủ), huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội. Tản Đà theo nghiệp khoa cử, nhưng thi không đỗ. Kịp với đẩy đưa của thời thế, ông quay sang làm thơ viết văn đăng báo "Nôm na phá nghiệp kiếm ăn xoàng". Tản Đà là "người thứ nhất có can đảm làm thi sĩ"[1](Xuân Diệu, 1939), và cũng là thi sĩ đầu tiên dám lấy thi ca làm nghề nghiệp, và cam sống chết với nghề. Mà có lẽ, như vậy mới đúng với cốt cách Tản Đà, vì chỉ cái cốt cách ấy thôi đã "chính là cái tác phẩm tuyệt xảo, một bài thơ hay nhất"(Lưu Trọng Lư, 1939). Song, đời ông vui ít buồn nhiều, càng về cuối càng chật vật. Có điều, đáng quý là, trước sau Tản Đà vẫn giữ được mình trong sạch.

Ông viết và thành công ở nhiều thể loại; nhưng làm nên một Tản Đà danh tiếng, trước hết là thơ. Những tác phẩm chính là : *Khối tình con* (thơ, ba tập : 1916, 1918, 1932), *Còn chơi* (tập thơ, 1921), *Thơ Tản Đà* (tập thơ, 1925), *Nhàn tưởng* (kiểu thơ văn xuôi, 1928), *Giấc mộng con* (truyện giả tưởng, hai tập : 1917, 1927-1928), *Giấc mộng lớn* (tự truyện kiểu hồi kí, 1929), *Thề non nước* (tập truyện, 1932), *Tản Đà văn tập* (tập hợp thơ lẫn văn xuôi, 1932)... "Sinh vào lúc (...) thơ cổ tàn và thơ kim đang phôi thai" (Xuân Diệu, 1939), nhà thơ Tản Đà, một mặt là đại biểu xuất sắc nhất của thơ ca theo lối truyền thống hồi đầu thế kỉ XX; nhưng mặt khác, cũng ở Tản Đà đã xuất hiện nhiều dấu hiệu mới lạ của thơ – nhất là về một cái Tôi lãng

thuongmaitr

mạn đang ấp ủ, báo hiệu chỉ nay mai nó sẽ làm đứt tung cái chật chội lề luật của thơ lối cũ... Tản Đà chính là cầu nối giữa hai thời đại văn học dân tộc : từ trung đại sang hiện đại; hoặc nói như Hoài Thanh (1941), Tản Đà là "người của hai thế kỉ". Trên văn đàn công khai bị thực dân Pháp kiểm duyệt, thơ văn Tản Đà vẫn ẩn hiện một tấm lòng thắm thiết với đất nước, nhân dân – đó lại là bình diện đáng quý khác mà hồn thơ, đời thơ của nhà thơ núi Tản sông Đà gửi lại.

2. Bài thơ *Thề non nước* ban đầu có 12 câu (*dòng*) lục bát, được làm vào đầu năm 1920, kết quả chuyến đi đầu tiên của nhà thơ theo chiều dài đất nước[2]. Đến 1922 ông sửa lại và viết thêm 10 câu để đưa vào truyện ngắn cùng tên[3], làm một tình tiết truyện. Về sau, khi công bố bài thơ như một tác phẩm độc lập (1925, 1938), Tản Đà lấy lại hầu như nguyên vẹn bài thơ trong truyện. *Nước – non* là hình tượng thơ nhiều tầng nghĩa, và *Thề non nước* là bài thơ nhiều tầng ý nghĩa. Có *non nước – thiên nhiên* với chuyện vịnh cảnh (cảnh mà nhà thơ gặp trong chuyến đi dài; và cảnh trong bức tranh của truyện); có *non nước – tình yêu* đã thành giọng điệu riêng khó lẫn của thơ Tản Đà (giữa Tản Đà với "nữ sĩ" nào đó, như nhà thơ thổ lộ trong thư cho bạn; và giữa Vân Anh với ông khách, hai nhân vật truyện); và sâu kín bên trong chính là *nước non – Tổ quốc* với tình cảm yêu nước của nhà thơ, dẫu bóng gió nhưng không kém thắm thiết chân thành.

*

* *

Nước non nặng một lời thề[4],
Nước đi, đi mãi không về cùng non.
Nhớ lời nguyện nước thề non,
Nước đi chưa lại non còn đứng không.
Non cao những ngóng cùng trông[5],
Suối khô dòng lệ chờ mong tháng ngày[6].
Xương mai một nắm hao gầy[7],
Tóc mây một mái đã đầy tuyết sương[8].
Trời tây ngả bóng tà dương[9],
Càng phơi vẻ ngọc nét vàng phôi pha.
Non cao tuổi vẫn chưa già,
Non thời nhớ nước, nước mà quên non !
Dù cho sông cạn đá mòn[10],
Còn non còn nước vẫn còn thề xưa.
Non cao đã biết hay chưa,
Nước đi ra bể lại mưa về nguồn.

Nước non hội ngộ còn luôn[11],
Bảo cho non chớ có buồn làm chi.
Nước kia dù hãy còn đi,
Ngàn dâu xanh tốt non thì cứ vui.
Nghìn năm giao ước kết đôi,
Non non nước nước không nguôi lời thề.

1920 - 1922

(*Tuyển tập Tản Đà*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986.
Có tham khảo các bản khác)

Chú thích

(1) Ý nói cái Tôi lãng mạn. Xuân Diệu còn viết "Tản Đà là người thứ nhất (...) dám giữ một bản ngã, dám có một cái Tôi" (*Công của thi sĩ Tản Đà, Ngày nay*, số 167, 1939). (2) Trong hồi kí tự truyện *Giấc mộng lớn*, Tản Đà viết về ý nghĩa chuyến đi này : "Cái lợi ích trong sự đi chơi ấy, được ở dọc đường về phần nhiều. Rộng mắt nhận sơn hải mà nặng lòng chủng tộc giang san. Trèo lên đỉnh Hoành Sơn mà trông quanh ngoài bể trong non, có hơn như phục dưới đèn xanh, đọc một thiên luận thuyết tự tôn vậy". (3) Tóm tắt truyện *Thề non nước* : Vân Anh vốn con nhà, đã đẹp nết đẹp người lại biết chữ, biết làm thơ, nhưng nghèo. Nàng phải mở hàng cô đầu để nuôi mẹ, nuôi thân. Tình cờ một ông khách tới cửa hàng và nhận ra vẻ đẹp tâm hồn cô chủ, họ thành tri kỉ văn chương. Vân Anh có bức tranh *Thề non nước* là "gia bảo" (của quý trong nhà), bèn đem ra nhờ khách đề thơ. Nhìn cảnh trong tranh, hai người *liên ngâm* nối nhau đề vịnh (khách mở bốn câu, Vân Anh nối tám câu; còn mười câu sau : Vân Anh làm hai câu trên và hai câu dưới, khách làm sáu câu giữa) và mượn luôn tên bức tranh đặt cho bài thơ. Rồi họ chia tay, không hẹn ngày gặp lại, nhưng tình tri kỉ họ giữ mãi bên nhau... Truyện ba hồi, bài thơ thuộc hồi đầu. (4) *Thề non nước : thề*, một phong tục lâu đời, là lời của một người với một người hoặc của nhiều người với nhau, lấy trời đất, quỷ thần, hoặc lấy chính lòng mình làm chứng; cùng giao hẹn về một việc một điều gì đấy, thường là thiêng liêng hệ trọng. Người xưa có thành ngữ "thệ hải minh sơn" ("Để lời thệ hải minh sơn" – *Truyện Kiều*) hoặc "chỉ non thề biển"... nói việc trai gái yêu nhau lấy non lấy biển mà thề nguyền chung thủy với nhau. Tản Đà chọn nhan đề bài thơ này là *Thề non nước* với ba lớp nghĩa và ba tầng ý nghĩa như Tiểu dẫn đã nói (ý 2). (5) *Ngóng* : trông mong chờ đợi một cái gì đấy xa xôi. (6) Bức tranh trong truyện ngắn *Thề non nước* vẽ trái núi, mà "trên núi thời như mây như tuyết, như mấy cây mai già, như bóng tà dương, đều là để tả cái tình cảnh thê thảm (...) cái tình thương nhớ của dãy núi (...) cảm nỗi tang thương", và "một ngàn dâu ở chân núi này, ý tức là sông nước khi xưa mà tang thương đã biến

đổi". Đó là bức tranh *non nước tang thương*, bức tranh về cái tàn khốc của sự "bể dâu" (biển xanh hóa nương dâu). (7) *Xương mai :* cây mai vốn gầy, mảnh; thẩm mĩ xưa thường ví với dáng người con gái đẹp. (8) *Tuyết sương :* xưa dùng để nói về sức tàn phá ghê gớm của thời gian đối với con người, tuổi trẻ. (9) *Tà dương :* mặt trời xế chiều (ngả về phương tây). (10) *Sông cạn đá mòn :* thành ngữ, nói về sự hao mòn thay đổi ở những cái tưởng đâu không thể thay đổi hao mòn. Liền mạch với câu thơ sau, có ý so sánh làm nổi lên sự bền vững của *thề xưa* giữa *non* và *nước*. (11) *Hội ngộ :* gặp gỡ, sum họp sau những ngày xa cách, ngóng trông.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc lại Tiểu dẫn 2 và chú thích 1 để hình dung ra "bức tranh non nước tang thương". Chia đoạn bài thơ, chỉ ra mối liên hệ giữa các đoạn để tìm hiểu cấu tứ của bài. Đọc kĩ bài thơ nghiệm ra ba lớp nghĩa của cặp hình tượng Nước – Non, từ đó nghiệm ra ba tầng ý nghĩa của ***Thề non nước****.*

uongxua.vn

2. Đoạn từ câu 3 đến câu 12 chủ yếu nói về hình tượng nào, "Non" hay "Nước"? Ấn tượng về hình tượng trung tâm của đoạn thơ?

3. Phân tích để thấy rằng tám câu (13 –20) là lời nhắn nhủ và niềm tin son sắt. So sánh, nhận xét về sự giống và khác nhau giữa câu mở đầu "Nước non nặng một lời thề" và hai câu kết thúc "Nghìn năm giao ước kết đôi, Non non nước nước không nguôi lời thề". Tại sao nói đó là sự lặp lại, nâng cao? Và lặp lại, nâng cao cái gì?

4. Ấn tượng sâu đậm nhất mà bài thơ gợi lên cho người đọc là sự gắn bó thiết tha giữa non và nước. Hãy chọn phân tích những yếu tố hoặc những câu thơ tiêu biểu trong bài đã diễn tả được điều đó (Gợi ý : Thống kê những cặp từ ***non nước*** *và những kiểu kết hợp* ***non và nước*** *trong bài, chỉ ra sự tương đồng và dị biệt về ý nghĩa giữa các kiểu kết hợp khác nhau đó. Tập trung phân tích một số câu, chẳng hạn 1, 2, 3, 4 hoặc 11, 12, 13, 14).*

ĐỌC THÊM

TỐNG BIỆT

TẢN ĐÀ

Tiểu dẫn

Bài thơ trích từ vở chèo *Thiên Thai* (một trong bốn vở ca kịch của Tản Đà, viết và dàn dựng; công diễn ở Hà Nội – Hải Phòng khoảng 1915 – 1917), còn gọi là *Thiên Thai tống biệt*. Tích chèo viết theo một tiên thoại Trung Quốc : Lưu Thần và Nguyễn Triệu đời Hán, nhân tiết Đoan dương 5-5 âm lịch, vào núi Thiên Thai hái thuốc, bị lạc lối về. Hai người gặp tiên nữ, kết vợ chồng. Được nửa năm "hương lửa đương nồng" hai chàng nhớ quê đòi về thăm. Các tiên nữ cho biết đây là cõi tiên, đã về trần là không thể trở lại, song vẫn không giữ được hai chàng. Lưu, Nguyễn về quê thấy khác hẳn xưa, thì ra họ xa nhà đã bảy đời. Buồn bã, hai người trở lại Thiên Thai tìm tiên thì không còn thấy nữa... Bài thơ trích ở đoạn hai người vợ tiên đưa tiễn hai chàng ngoài cửa động, do hai tiên nữ *ngâm*(1) theo điệu từ(2) "Hoa phong lạc". Về sau Tản Đà trích ra in vào tập thơ *Khối tình con* II như một bài thơ độc lập.

*

* *

thuongmaitr

Lá đào rơi rắc lối Thiên Thai(3),
Suối tiễn oanh đưa luống ngậm ngùi(4)!
  Nửa năm tiên cảnh(5),
  Một bước trần ai(6),
Ước cũ duyên thừa có thế thôi.
  Đá mòn, rêu nhạt,
  Nước chảy huê trôi(7),
Cái hạc bay lên vút tận trời(8)!
Trời đất từ đây xa cách mãi.
  Cửa động,
  Đầu non,
  Đường lối cũ,
Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng chơi...

(*Tuyển tập Tản Đà*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1986.
Có tham khảo các bản khác)

Chú thích

(1) Trích thêm một đoạn trước bài *Tống biệt* để rõ thêm : "Lưu, Nguyễn xin về, hai tiên nữ tống biệt. Hai tiên nữ nói : Hai chàng nay đà nhớ đến quê hương mà muốn về. Chúng tôi nghĩ giữ lại làm sao cho tiện. Vậy xin kính đưa ra tới cửa động này mà có nhời thưa rằng : Hai chàng, bởi tiên thế nhiều phần phúc đức, nên ngày nay kết bạn tiên cung. Nhưng nợ trần vương vấn gỡ chưa xong, xui cõi tục mơ mòng còn tưởng nhớ. Này đến lúc kẻ đi người ở, thôi từ đây vĩnh cách tràng li; ngãi trăm năm còn một khúc ca thi, dâng quân tải để làm ghi tống biệt". (2) *Từ* : thể loại gần với thơ, nhưng gồm những câu dài ngắn khác nhau nên còn gọi là "trường đoản cú thi". Giống *hát nói* của ta, *từ* là thể thơ bắt nguồn từ dân ca Trung Quốc, gắn với âm nhạc các làn điệu. *Từ* xuất hiện vào thời Đường – Ngũ đại, và phát triển vào đời Tống. (3) *Thiên Thai :* tên núi ở tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc. Tương truyền có tiên ở đấy. (4) *Oanh :* chim oanh, loài chim này hót rất hay. (5) *Tiên cảnh :* cảnh tiên, cõi tiên, nơi tiên ở. (6) *Trần ai :* bụi bặm, chỉ cõi đời của con người (cõi trần, cõi phàm) phân biệt với cõi tiên. (7) *Huê trôi :* hoa trôi (hoa cũng đọc là *huê*). (8) *Hạc :* chim hạc. Có nhiều loại, quý nhất tương truyền là thứ hạc cao đến ba thước, trắng muốt, kêu rất vang, sống đến nghìn năm. Tiên thoại thường nói tiên cưỡi hạc xuống trần hoặc hóa làm hạc bay lên trời là nói loại hạc này. Trong các ngôi đình cổ, thường có tượng hạc đứng trên lưng rùa đúc bằng đồng (hoặc tạc bằng gỗ) để thờ.

truongxua.vn

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

Bình bài thơ này, Xuân Diệu cho rằng "có thể coi đây là một bài toàn bích. Đây là vĩnh biệt, "từ đây xa cách mãi" (...), cho nên bài thơ có nhịp chân bước quyến luyến mà chậm rãi, dường như là ung dung, không khí tiên cảnh rải một ánh sáng không có sắc màu như ở ngoài thời gian, và chỉ có không gian" (***Tìm hiểu Tản Đà***).

1. Đọc bài thơ thành tiếng, tự lắng nghe để cảm nhận, và chỉ ra cái nhịp chân bước ấy như Xuân Diệu nói.

2. Phân tích cái "không khí tiên cảnh", "như ở ngoài thời gian, và chỉ có không gian" trong bài thơ. Có bản chép câu cuối là "Nghìn năm thơ thẩn bóng trăng soi". Câu thơ như vậy có gì khác với câu thơ trong văn bản trên đây? Tại sao?

3. Có thể đồng ý với Xuân Diệu rằng đây là bài thơ "toàn bích" được không? Tại sao?

THĂM MẢ CŨ BÊN ĐƯỜNG

TẢN ĐÀ

Tiểu dẫn

• Sau một lần xa quê dài ngày, Tản Đà về Khê Thượng. Trên chuyến ô tô từ Hà Nội về, qua dốc Ghè[1] bấy giờ còn rất hoang vắng, Tản Đà nhìn thấy nấm đất bên đường trơ trọi. Một ngôi mả cũ hoang tàn vô chủ đó chăng?... Trên cái nền tâm trạng bồi hồi của người xa quê lâu ngày, sắp được gặp lại quê nhà, Tản Đà chạnh tưởng đến *ai ai đó* bơ vơ dưới nấm mồ kia mà trào lên cảm xúc... Bài thơ hé lộ phương diện đáng quý khác của tâm hồn thi sĩ : một hồn thơ đa cảm và nhân hậu bao la đối với con người, kiếp người, nhất là với những kiếp tài tình mà bất hạnh. Hồn thơ ấy thật gần hồn thơ vĩ đại Nguyễn Du.

*

* *

1. Chơi lâu nhớ quê về thăm nhà,
Đường xa, người vắng, bóng chiều tà.
Một dãy lau cao, làn gió chạy,
Mấy cây thưa lá, sắc vàng pha.

5. Ngoài xe trơ một đống đất đỏ,
Hang hốc đùn lên đám cỏ gà.
Người nằm dưới mả, ai ai đó?
Biết có quê đây, hay vùng xa?

9. Hay là thuở trước kẻ cung đao[2]?
Hám đạn, liều tên, quyết mũi dao;
Cửa nhà xa cách, vợ con khuất,
Da ngựa gói bỏ[3] lâu ngày cao.

13. Hay là thuở trước kẻ văn chương[4]?
Chen hội công danh nhỡ lạc đường;
Tài cao phận thấp, chí khí uất,
Giang hồ[5] mê chơi quên quê hương.

thuongmaitr

17. Hay là thuở trước khách hồng nhan[6] ?
Sắc sảo khôn ngoan trời đất ghen;
Phong trần xui gặp bước lưu lạc[7],
Đầu xanh theo một chuyến xuân tàn.

21. Hay là thuở trước khách phong lưu[8] ?
Vợ con đàn hạc để huề theo[9];
Quan san[10] xa lạ đường lối khó,
Ma thiêng, nước độc, phong sương nhiều[11].

25. Hay là thuở trước bạc tài danh[12] ?
Đôi đôi lứa lứa cũng linh tinh;
Giận duyên tủi phận hờn ân ái,
Đất khách nhờ chôn một khối tình.

29. Suối vàng sâu thẳm, biết là ai,
Mả cũ không ai kẻ đoái hoài[13].
Trải bao ngày tháng trơ trơ đó,
Mưa dầu, nắng dãi, trăng mờ soi.

33. Ấy thực quê hương con người ta,
Dặn bảo trên đường những khách qua :
Có tiếng khóc oe thời có thế[14],
Trăm năm ai lại biết ai mà[15] !

truongxua.vn

(*Thơ Tản Đà*, Nghiêm Hàm ấn quán
xuất bản, Hà Nội, 1925 (?))

Chú thích

(1) *Dốc Ghè :* nay thuộc xã Phú Sơn, huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. (2) *Kẻ cung đao :* chỉ người lập thân theo nghiệp võ, quyết lập nên sự nghiệp ở chiến trường. (3) *Da ngựa gói bỏ :* một danh tướng xưa nói câu nổi tiếng : "Kẻ trượng phu nên lấy da ngựa bọc thây" (Chết ở chiến trường, lột da ngựa chiến bọc thây mà chôn), ý nói làm trai phải hiến thân cho công danh hiển hách "Chí làm trai dặm nghìn da ngựa" (*Chinh phụ ngâm*)... (4) *Kẻ văn chương :* người lập thân theo nghiệp văn, chỉ các nho sĩ trên đường lều chõng. (5) *Giang hồ :* sông hồ. Gốc từ tích "Phạm Lãi cưỡi thuyền nhỏ chơi phiếm trên giang hồ". Chỉ người phủi nợ công danh, phiêu lưu đi nay đây mai đó. (6) *Hồng nhan :* gương mặt hồng. Chỉ người con gái đẹp, có nhan sắc. (7) *Phong trần :* gió bụi. Chỉ sự gian nan vất vả bất an. *Lưu lạc :* trôi dạt, không

nơi nương tựa. (8) *Khách phong lưu :* chỉ người có lối sống và cuộc sống sung sướng, nhàn hạ thanh cao. (9) *Đàn hạc* (hay *cầm hạc*) : cây đàn và con chim hạc. Đời Tống có ông quan họ Triệu mỗi khi nhậm bổ nơi nào chỉ đem theo chiếc đàn và con hạc. Ý nói sự ung dung, thanh nhàn. *Đề huề :* đem theo, dắt theo. Còn có nghĩa là đàng hoàng, đầy đủ. (10) *Quan san :* cửa ải, quan ải *(quan)* có núi non *(san)*. Ý nói sự hiểm trở, xa cách. (11) *Ma thiêng, nước độc :* ngày trước cho rằng miền rừng núi là nơi xa xôi, bí hiểm, dữ dằn. *Phong sương :* gió và sương. Chỉ sự khắc nghiệt hiểm nguy của thủy thổ. (12) *Bậc tài danh :* người có tài có tiếng, hoặc nổi tiếng về tài. (13) *Đoái hoài :* quan tâm, tưởng nhớ. Cả câu : không có ai hương khói, viếng thăm, săn sóc. (14) *Khóc oe :* tiếng khóc lọt lòng. Cả câu : ai đã có sinh thì có tử, thầy đều vùi thây xuống mả. (15) *Trăm năm :* giới hạn thông thường một đời người. Cả câu : đến chết, ai chắc hơn ai, ai dám chắc khác gì số phận những kẻ dưới ngôi mả cũ kia, như bài thơ vừa giả định?

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Lí luận văn học thường nhấn mạnh khả năng tưởng tượng ở các nhà thơ (và văn nghệ sĩ nói chung) như một năng lực đặc biệt không thể thiếu. Có thể nói gì để minh họa điều đó qua bài thơ này ? (Gợi ý : Đọc lại Tiểu dẫn và đọc kĩ bài thơ để trả lời).

2. Bài thơ nói đến những hạng người khác nhau, nhưng giữa họ có gì chung? Có thể nói gì về niềm cảm thương của Tản Đà ở đây, nếu so sánh với tấm lòng Nguyễn Du (qua ***Truyện Kiều, Độc Tiểu Thanh kí,*** *và nhất là* ***Văn chiêu hồn****)?*

3. Trong bài thơ có những câu rất được bạn đọc và nhiều thế hệ nhà phê bình văn học tán thưởng, ngợi ca, như là minh chứng cho thi tài trác việt của Tản Đà. Tìm xem đó là những câu thơ nào? Tại sao?

CHA CON NGHĨA NẶNG

(Trích)

HỒ BIỂU CHÁNH

Tiểu dẫn

1. Hồ Biểu Chánh (1885 – 1958), tên khai sinh là Hồ Văn Trung, quê ở xã Bình Thành, huyện Kiến Hòa, tỉnh Định Tường (nay là tỉnh Tiền Giang). Thuở nhỏ học chữ Nho, sau học chữ quốc ngữ. Từ 1905, sau khi tốt nghiệp bậc trung học, ông làm viên chức, ngạch kí lục. Hồ Biểu Chánh làm việc ở nhiều nơi (Sài Gòn, Bạc Liêu, Cà Mau, Long Xuyên, ...) nên có điều kiện hiểu kĩ cuộc sống và con người Nam Bộ. Năm 1936 giữ chức Đốc phủ sứ (tỉnh trưởng). Năm 1941, làm nghị viên Hội đồng liên bang Đông Dương kiêm chức phó Đốc lí, thành phố Sài Gòn. Sau Cách mạng tháng Tám, ông nhận lời làm cố vấn cho "chính phủ Nam Kì tự trị" của Nguyễn Văn Thinh – một công cụ bù nhìn do thực dân Pháp nặn ra. Đây là bước đi đáng trách của ông. Song chỉ sau mấy tháng chính phủ này thất bại, ông lui về quê chuyên viết văn và mất tại Sài Gòn ngày 4-11-1958.

2. Hồ Biểu Chánh viết văn từ sớm. Năm 1909, viết truyện dài đầu tay *U tình lục* bằng thể thơ lục bát. Ông sáng tác đều đặn cần mẫn đến khi mất. Trong suốt non năm mươi năm ấy, ông đã để lại một khối lượng tác phẩm khá lớn. Ông thử sức trong nhiều lĩnh vực (khảo cứu, phê bình, làm thơ, viết tuồng hát, ...) nhưng nổi tiếng hơn cả trong lĩnh vực tiểu thuyết. Trong số 64 tập tiểu thuyết của ông, không ít cuốn còn bị hạn chế về tư tưởng cũng như nghệ thuật, nhưng nhìn chung ông đã đóng góp công sức tích cực vào việc hình thành thể loại tiểu thuyết của dân tộc ta trong chặng đường phôi thai đầu tiên. Cảnh trí, con người, phong tục tập quán, lời ăn tiếng nói... tất cả đều thấm đượm sắc thái Nam Bộ. Nhiều nhân vật trong các tác phẩm của ông đã là những tính cách văn học. Số phận của họ đã làm rõ quan điểm nhân đạo đáng quý của tác giả. Cái ác, cái xấu luôn bị phê phán nghiêm khắc và nhà văn luôn tỏ ra thông cảm sâu sắc với những người bị đọa đày, bất hạnh. Có thể coi ông là nhà văn của nông thôn Nam Bộ.

3. *Cha con nghĩa nặng* là tác phẩm thứ 15 của Hồ Biểu Chánh, xuất bản năm 1929. Trần Văn Sửu là một nông dân hiền lành, chăm chỉ. Sửu lấy Thị Lựu, sinh được ba người con : Tí, Quyên, Sung. Anh thương vợ, yêu con; nhưng không may gặp phải người vợ lăng loàn, đàng điếm. Một hôm, Sửu bắt gặp vợ ngoại tình với hương hào Hội. Thị Lựu không biết hối lỗi, còn ăn nói láo xược, rồi níu giữ chồng cho tình nhân chạy thoát. Tức giận, Sửu xô vợ ngã, không may vợ bị chết. Sửu phải bỏ trốn. Mọi người tưởng anh đã nhảy xuống sông tự tử.

Anh em thằng Tí về ở với ông ngoại. Sung đau bệnh mà chết. Tí xin ông cho ở giữ trâu cho bà hương quản Tồn để lấy tiền nuôi em. Hương quản Tồn thương, mướn cả hai anh em. Cả hai được chủ rất mến vì chăm chỉ, tốt nết. Ba Giai, con bà hương

truongxua.vn

quản xin cưới Quyên làm vợ và được mẹ ưng thuận. Sau mười mấy năm trốn tránh, Trần Văn Sửu lén về quê thăm con. Đoạn trích dưới đây kể lại chuyện Sửu về thăm con. Sau đó, Trần Văn Sửu được xóa án và cha con đoàn tụ.

*

* *

... Trời chạng vạng tối, hương thị Tào[1] với thằng Tí về tới Giồng Ké. Khi quẹo[2] vô sân, hương thị Tào ngó ra ngoài lộ, thì thấy người Thổ[4] đó đi đường ngang, mà còn liếc mắt ngó vô nhà. Ông lấy làm kì, nên đứng lại mà ngó, thì người ấy bươn bả[5] đi tuốt.

Thằng Tí mở dây đôi trâu buộc giữa sân mà dắt về chuồng. Hương thị Tào vô nhà đốt đèn lên, rồi leo lên võng nằm đưa trèo trẹo[6]. Thằng Tí nhốt trâu xong rồi, nó mới vô nhà. Hai ông cháu nói chuyện với nhau, mà chẳng nói chuyện chi khác là chuyện cậu Ba Giai sửa soạn cưới con Quyên.

Gần hết canh một, trăng đã mọc lên, chói bầu trời sáng quắc, bầy chó trong xóm đua sủa tiếng vang dậy. Thằng Tí nằm trên ván mà nói chuyện một hồi rồi nó ngủ khò. Hương thị Tào mừng vì sự may mắn mới xảy ra cho hai cháu, ngủ không được, nên nằm trên võng mà đưa cọt kẹt hoài.

Cách một hồi, hương thị Tào nghe bầy vịt ngủ trước sân nó rộ lên, ông nghi có người vô sân, nên ông mở cửa bước ra mà coi. Trăng tỏ rạng như ban ngày, ông thấy người Thổ hồi chiều đương xăm xăm bước đi về cửa. Ông liền hỏi : "Ai đó?". Người ấy đáp rằng : "Tôi" mà cũng cứ đi tới, xong lột nón xuống mà cầm trên tay. Ông chờ người ấy lại gần, ông dòm tạt trong mặt, rồi lùi một bước và nói lớn rằng : "Ừm ! Sửu !".

Người ấy đáp nho nhỏ rằng :

– Thưa tía[7], phải. Con là Sửu đây.

– Mầy chưa chết hay sao?

– Thưa, chưa. Con muốn chết lắm, mà vì con thương sắp nhỏ[8] quá, nên con chết không được.

thuongmaitr

– Mầy sống mà báo hại con mầy, chớ sống làm gì.

Người hình dạng như Thổ đấy, thiệt quả là Trần Văn Sửu, chớ không ai đâu lạ. Anh nghe cha vợ nói như vậy thì cúi mặt ngó xuống đất, hai hàng nước mắt chảy ròng ròng, anh ta thở dài mà hỏi rằng :

– Phải thằng Tí đi với tía hồi chiều đó hôn[9]?

– Phải.

– Còn con Quyên với thằng Sung còn ở đây hôn? Hồi chiều con nghe tía nói chuyện con Quyên sao đó?

– Thôi, đừng có hỏi nhiều chuyện. Mấy năm nay tao tưởng mầy đã chết rồi. Sống làm chi, rồi quan làng họ bắt, dây sinh chuyện ra nữa. Mầy thiệt là khốn nạn lắm. Đi liền bây giờ đi. Vô Rạch Giá, Cà Mau mà trốn cho biệt tích, đừng có về đây nữa.

– Thưa tía, đi thì con đi, chớ con đâu dám cãi. Song tía làm phước cho con thăm sắp nhỏ một chút rồi con sẽ đi. Mười mấy năm con thương nhớ chúng nó quá tía ơi !

Trần Văn Sửu nói tới đó rồi khóc rấm rứt[10]. Hương thị Tào thấy vậy cũng động lòng, nên ông đứng ngơ ngẩn một hồi, rồi ông nắm cánh tay Trần Văn Sửu mà kéo đi ra cho xa cửa. Ra gần mút cái sân, ông mới biểu ngồi xuống, rồi ông cùng ngồi chồm hỗm một bên mà nói rằng : "Con Lựu nó hư, nên mầy giết nó, bởi vậy tao không có phiền mầy. Chớ chi tao phiền, thì nãy giờ tao la làng cho họ bắt họ còng mầy rồi !".

Trần Văn Sửu nói bệu bạo[11] rằng :

– Con thương vợ con lắm. Tại nó làm quá, con giận xô nó té nó chết, chớ không phải con cố ý giết nó. Xin tía thương thân con.

– Thôi, chuyện cũ bỏ đi. Trong xứ nầy ai cũng tưởng mầy chết trôi rồi. Họ tưởng như vậy là may cho mầy lắm. Mầy đi xứ khác làm ăn êm quá, khỏi ai tìm kiếm nữa, về đây làm gì?

– Con nhớ sắp nhỏ quá. Để con thăm chúng nó một chút, con cắt nghĩa sự con làm hồi trước cho chúng nó hiểu rồi con đi liền. Thân con cực khổ lung lắm[12], không biết sống chết bữa nào. Con sợ con chết

bất thình lình, sắp nhỏ nó không hiểu, nó tưởng con hung bạo, khi không mà giết mẹ nó, rồi nó oán con, thì nỗi niềm[13] cho con lắm.

– Chúng nó biết hết. Thằng Tí có nói với tao.

– Thiệt như vậy hay sao?

– Ừ. Tuy hai đứa không nói ra, song, tao biết chúng nó thương mầy lắm; mà chúng nó tưởng mầy chết rồi; nên mầy thăm mà không ở với chúng nó được thì làm buồn cho chúng nó, chớ không ích gì. Tao biểu mầy phải đi đi.

Trần Văn Sửu ngồi khóc mà than rằng :

– Mười một năm nay cực khổ hết sức, song ráng mà sống, là vì trông mong có ngày thấy được mặt con. Nay về đến đây, chưa gặp được con mà phải đi, thì làm sao được, trời đất ơi !

Hương thị Tào nghe mấy lời thảm thiết ấy thì cảm động quá, chịu không nổi, nên ông cũng khóc. Tuy ông khóc mà ông nói rằng :

– Tao cũng biết tao đuổi mầy đi thì tội nghiệp cho mầy lắm. Ngặt vì mầy gặp mặt con mầy thì lộn xộn, chắc là hư việc lớn, nên tao không muốn cho mầy thấy mặt thằng Tí với con Quyên.

– Con hứa với tía rằng hễ con thấy mặt chúng nó một chút rồi, con đi liền. Con không nói con là ai cho chúng nó biết đâu mà tía sợ. Cách biệt nhau mười một năm rồi, đã vậy mà chúng nó lại tưởng con chết rồi, nên thấy mặt con, chắc là chúng không nhìn được. Con giả làm người đi đường ghé nghỉ chân thì chúng nó có biết đâu.

– Không có được. Để tao nói cho mầy nghe. Bà hương quản Tồn tưởng mầy chết rồi, nên bà thương con Quyên với thằng Tí lắm. Mới hồi xế này bà cho kêu tao với thằng Tí xuống nhà, bà tính sửa soạn cưới con Quyên cho con bà. Còn phần thằng Tí, thì bà tính đứng làm mai mà cưới con gái của hương giáo Cần cho nó.

Trần Văn Sửu vùng đứng dậy, nói rằng : "Trời nhiều phước cho con tôi được như vậy lận[14] sao?".

Hương thị Tào gật đầu đáp rằng :

thuongmaitr

– Thiệt như vậy, bởi vậy mầy dần dà ở đây, rủi làng tổng họ bắt được, rồi tùm lum, hư việc của con mầy hết.

– Nếu vậy tôi đi. Tía nói phải lắm. Tôi chẳng nên gặp chúng nó. Tôi phải chịu đau đớn cực khổ buồn rầu, con tôi mới nên được. Tôi vui lòng mà lãnh các sự đau đớn, cực khổ, buồn rầu đó, miễn là con được giàu có, sung sướng thì thôi. Thưa, tía ở lại mạnh giỏi, con đi. Chuyến này đi biệt không về nữa đâu !

Trần Văn Sửu chấp tay xá(15) cha vợ rồi đội nón lên và bươn bả bước ra lộ. Hương thị Tào vừa xây lưng đặng trở về nhà, thì thằng Tí ở trong nhà dò cửa chui ra. Nó thấy có một mình ông ngoại nó đứng giữa sân thì nó hỏi rằng :

– Cha tôi đi đâu rồi ông ngoại?

– Cha nào ở đâu?

– Tôi nghe hết. Nãy giờ tôi đứng tôi rình trong cửa. Ông ngoại giấu tôi làm chi? Sao đuổi cha tôi đi?

ruongxua.vn

Hương thị Tào đứng chưng hửng. Thằng Tí bỏ chạy ra lộ, ông ngoại nó muốn níu lại không kịp. Nhờ trời sáng trăng, nên thằng Tí dòm theo lộ xuống Phú Tiên, thì nó thấy có dạng một người đi. Nó đâm đầu chạy riết theo. Trần Văn Sửu ngó ngoái lại, thấy có người chạy theo mình, không biết có phải làng tổng rượt theo bắt hay không, nên anh ta sợ, anh ta cũng co giò mà chạy.

Cha chạy trước, con chạy sau, nhưng vì cha sợ chúng bắt, phải chạy đặng thoát thân, nên chạy mau quá, con theo không kịp. Qua khỏi cánh đồng Phú Tiên rồi, Trần Văn Sửu ngó lại, thì không thấy dạng người ta rượt nữa. Anh ta mừng thầm, song cũng còn chạy, chớ chưa dám dừng lại.

Xuống tới cầu Mê Tức, phần thì mệt, phần thì mỏi cẳng, nên Trần Văn Sửu ngồi dựa cầu mà nghỉ. Trên trời trăng thanh vằng vặc; dưới sông dòng bích(16) nao nao. Cảnh im lìm, mà lòng lại bồi hồi; con vui sướng còn cha thì sầu não.

Trần Văn Sửu ngồi khoanh tay ngó dòng nước chảy một hồi rồi nói trong trí rằng : "Bây giờ mình còn sống nữa làm gì ! Bấy lâu nay mình lăn lóc chịu cực khổ mà sống, ấy là vì mình thương con, mình sợ nó không hiểu việc xưa rồi nó trở oán mình, mình sợ nó bơ vơ đói rách, mà tội nghiệp thân nó. Bây giờ mình biết rõ nó thương mình, nó còn kính trọng mình, mà nó lại gần được giàu có sung sướng hết thảy nữa, vậy thì nên chết rồi, chết mới quên hết việc cũ được, chết đặng hết buồn rầu cực khổ nữa".

Anh ta nghĩ như vậy rồi nhắm mắt lại. Anh ta thấy thị Lựu nằm ngay đơ trên bộ ván, miệng nhểu[17] mấy giọt máu đỏ lòm, mắt hết thần mà còn mở trao tráo[18]. Anh ta lại thấy buổi chiều anh ta ở ngoài ruộng đi về, con Quyên thằng Tí chạy ra, đứa níu áo đứa nắm tay mà nói dỏ dẻ[19]. Anh ta thấy cái cảnh gia đình ngày trước rõ ràng trước mắt, thì anh ta đau đớn trong lòng quá, chịu không được, nên vùng đứng dậy và nói lớn lên rằng : "Mấy con ơi ! Cha chết nhé. Mấy con ở lại mạnh giỏi, để cha theo mẹ con cho rồi". Anh ta vừa nói vừa chui qua lan can cầu. Anh ta vừa mới đút đầu, bỗng có người chạy lên cầu và hỏi rằng : "Ai đó? Phải cha đó không cha?".

thuongmaitr

Trần Văn Sửu giật mình, tháo đầu trở vô, rồi day[20] mà ngó. Thằng Tí chạy riết lại nắm tay cha nó, dòm sát trong mặt mà nhìn, rồi ôm cứng trong lòng mà nói : "Cha ôi ! Cha ! Cha chạy đi đâu dữ vậy". Lúc ấy Trần Văn Sửu mất trí khôn, hết nghị lực, máu trong tim chảy thình thịch, nước trong con mắt tuôn ròng ròng, đứng xui xị xui lơ[21], không nói được một tiếng chi hết.

Cha con ôm nhau mà khóc một hồi rồi buông ra. Trần Văn Sửu ngồi trên dọc dựa lan can cầu, rồi nói rằng : "Thôi con về đi". Thằng Tí lắc đầu nói rằng :

– Con về không được. Bấy lâu nay con tưởng cha đã chết rồi, té ra cha còn sống. Vậy thì bây giờ cha đi đâu con theo đó.

– Con đừng có cãi cha. Con phải về đặng lo cưới vợ.

– Cưới vợ làm gì? Cưới vợ đặng báo hại như má báo hại cha hồi trước đó sao?

– Con không nên phiền trách[22] má con. Má con có quấy là quấy với cha, chứ không quấy với con. Mà cha đã quên cái lỗi của má con rồi, sao con còn nhớ làm chi?

– Quên sao cho được !

– Phải quên đi, đừng có nhớ nữa. Tại mạng số của cha vậy, chớ không phải tại má con đâu. Mà má con làm quấy, thì sự chết đó đã chuộc cái quấy[23] hết rồi; bây giờ quấy về phần cha, chớ má con hết quấy nữa.

– Cha nói vậy thì con xin nghe lời cha. Thôi, cha trở về nhà với con.

– Húy ! Về sao được?

– Sao vậy?

– Về rồi làng tổng họ đến bắt còn gì?

Thằng Tí nghe nói như vậy thì nó tỉnh ngộ, nên ngồi lặng thinh mà suy nghĩ. Cách một hồi nó mới nói rằng :

– Bây giờ làm sao?

– Để cha đi. Cha đi cho biệt tích, đặng[24] con lấy vợ, và con Quyên cưới chồng mới tử tế được.

– Cha đi đâu?

– Đi đâu cũng được.

– Hễ cha đi thì con đi theo.

– Để làm gì?

– Đi theo đặng làm mà nuôi cha; chừng nào cha chết rồi con sẽ về.

– Con đừng có tính bậy. Con phải ở nhà làm mà nuôi ông ngoại.

– Có trâu, có lúa sẵn đó, ông ngoại làm mà ăn, cần gì con nuôi nữa. Lại có con Quyên ở nhà đó. Cậu Ba Giai cưới nó đấy, nó giàu có, thiếu gì tiền bạc, nó giúp đỡ ông ngoại được rồi. Bây giờ có một mình cha nghèo khổ, vậy con phải làm mà nuôi cha chứ.

Trần Văn Sửu nghe con nói mấy điều hiếu nghĩa ấy thì anh ta cảm xúc quá, nên ngồi khóc nữa. Lúc ấy anh ta lấy làm bối rối, không

biết liệu lẽ nào cho xuôi. Thấy con bịn rịn, muốn ở lại đặng cha con sum hiệp, thì sợ làng tổng bắt; nghĩ đến con nên trốn ra đi đặng biệt tích cho rồi, thì đau đớn đi không đành. Hai cha con ngồi khít một bên nhau, cha thì lo, con thì tính, cả hai đều lặng thinh; song một lát thằng Tí đụng cánh tay nó vào cánh tay cha nó một cái, dường như nó thăm chừng coi cha nó còn ngồi đó không.

Cha con dan díu bịn rịn cho đến sao mai mọc, Trần Văn Sửu mới nói rằng :

– Cha tính như vầy, để cha nói cho con nghe thử coi được hay không. Cha lấy giấy thuế thân theo dân Thổ, tên cha là Sơn Rùm, bây giờ cha nói tiếng Thổ giỏi lắm. Cha tính thôi để cha xuống Láng Thó hoặc Ba Si, cha vô Sóc kiếm chỗ ở đậu mà làm mướn. Có như vậy mới khỏi lo ai bắt được, mà lâu lâu con lén đến thăm cha.

– Theo lời cha tính đó thì cha còn sống mà cũng như cha chết. Phải giấu tên giấu họ hoài, con đến thăm cũng phải núp lén, không dám đến chán chường.

– Phải vậy mới yên được.

– Tính sao cũng được, miễn là con có thể gần cha được thôi. Mà cha ở với Thổ, thì cực khổ tội nghiệp cho cha lắm.

– Có sao đâu mà tội nghiệp. Hơn mười năm nay cha đau lòng cực xác không biết chừng nào mà kể cho xiết. Bây giờ cha được vui lòng rồi, dầu lao khổ tấm thân lại nệ gì. Cha tính phải làm như vậy mới xong, con phải nghe lời cha mà trở về đi.

Thằng Tí ngồi ngẫm nghĩ mà nói rằng :

– Con không đành để cha đi một mình. Con muốn theo cha mà kiếm chỗ cho cha ăn ở yên nơi rồi con sẽ về.

– Con đi như vậy, ông ngoại không biết con đi đâu, ông ngoại lo sợ, thêm cực lòng cho ông ngoại nữa.

– Thôi, cha trở về nhà với con một chút đặng con thưa với ông ngoại hay, rồi con đi với cha.

– Trở về rồi con Quyên nó thấy nó càng khó lòng nữa.

thuongmaitr

– Nó ở dưới nhà bà hương quản, chớ có ở nhà đâu mà thấy.

– Trời gần sáng rồi, trở về Giồng Ké, họ gặp cha rồi làm sao? Không được đâu. Con trở về, để cha đi một mình, trong ít bữa cha kiếm chỗ ăn ở xong rồi cha sẽ lén về mà cho con hay.

– Con không muốn để cha đi một mình. Như cha sợ họ gặp thôi thì cha lên chòi ruộng của con ở trong làng Phú Tiên, cha nằm đó mà chờ con. Con chạy về Giồng Ké thưa với ông ngoại một chút xíu rồi con trở lại liền.

Trần Văn Sửu ban đầu còn dục dặc(25), mà bị con thôi thúc quá, anh ta không thể không làm vừa lòng nó được, nên phải đứng dậy mà đi với nó trở lên Phú Tiên...

(*Cha con nghĩa nặng*,
NXB Đức Lưu Phương, Sài Gòn, 1938)

Chú thích

(1) *Hương thị Tào : Tào* là tên người. *Hương thị* là một chức danh thấp của làng. (2) *Quẹo* (phương ngữ Nam Bộ) : rẽ (theo lối đi nào đó). (3) *Lộ :* đường đi. (4) *Thổ* (phương ngữ) : chỉ người dân thiểu số (ở đây là người Khơ Me). (5) *Bươn bả :* đi nhanh, như bứt mà đi. (6) *Trèo trẹo :* từ mô tả động tác và âm thanh của võng lúc đưa đi đưa lại. (7) *Tía* (phương ngữ Nam Bộ) : cha. (8) *Sắp nhỏ :* đám nhỏ, chỉ lũ con. (9) *Hôn :* không. (10) *Khóc rấm rứt :* khóc thút thít, không thành tiếng. (11) *Bệu bạo* (phương ngữ) : mếu máo. (12) *Lung lắm :* nhiều lắm. (13) *Nỗi niềm :* ở đây nói đau đớn trong lòng. (14) *Lận* (phương ngữ Nam Bộ): như thế, đến như thế (biểu thị sự ngạc nhiên). (15) *Xá :* vái. (16) *Dòng bích :* dòng sông nước biếc. (17) *Nhểu :* ứa ra. (18) *Mở trao tráo :* mở thao láo, mở to. (19) *Nói dỏ dẻ :* nói nhỏ nhẹ. (20) *Day :* quay lại. (21) *Đứng xui xị xui lơ :* đứng ngẩn ra. (22) *Phiền trách :* phàn nàn chê trách. (23) *Quấy :* sai trái. (24) *Đặng :* để. (25) *Dục dặc :* trù trừ, ngần ngại.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc kĩ đoạn văn trích và các chú thích để hiểu nội dung câu chuyện và nghĩa của các phương ngữ.

2. Phân tích, làm rõ tình nghĩa cha con trong đoạn văn (tình cha đối với con và tình con đối với cha).

3. Để thể hiện chủ đề "cha con nghĩa nặng", tác giả đã tạo ra những tình huống nghệ thuật có kịch tính cao (mâu thuẫn giữa tình cha thương con và hạnh phúc của con, giữa hạnh phúc của con với tình con thương cha). Hãy tìm hiểu và làm rõ tình huống nghệ thuật có kịch tính đó.

4. Nhận xét đặc điểm ngôn ngữ nghệ thuật của đoạn văn (ưu điểm, nhược điểm).

XUÂN DIỆU
(1916 - 1985)

I – TIỂU SỬ

1. Cuộc đời

Xuân Diệu là bút danh. Họ tên nhà thơ là Ngô Xuân Diệu. Ông sinh ngày 2 tháng 2 năm 1916 (năm Bính Thìn). Cha ông là Ngô Xuân Thọ, vốn quê ở xã Trảo Nha (vì thế có khi Xuân Diệu kí dưới bài viết là Trảo Nha), nay là thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh, đỗ tú tài kép Hán học, vào Bình Định dạy học, lấy vợ là Nguyễn Thị Hiệp, sinh ra Xuân Diệu tại vạn Gò Bồi, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định.

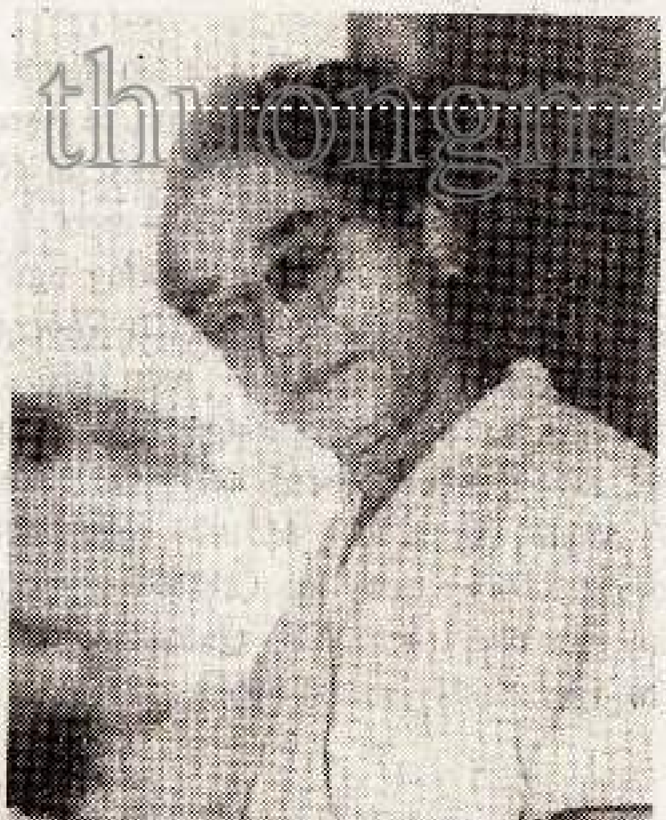

Xuân Diệu thuở nhỏ học chữ Nho và chữ quốc ngữ với cha, rồi đi học ở Quy Nhơn, trường Bưởi (Hà Nội), trường Khải Định (Huế).

Năm 1940, Xuân Diệu đỗ tham tá nha Thương chính vào làm ở ti Thương chính Mĩ Tho (nay thuộc tỉnh Tiền Giang).

Sau 4 năm làm công chức, Xuân Diệu thôi việc, ra Hà Nội sống bằng nghề viết văn.

Ngày 19 tháng 8 năm 1945, Cách mạng thành công, Xuân Diệu hăng hái hoạt động văn nghệ phục vụ hai cuộc kháng chiến giành độc lập thống nhất Tổ quốc. Năm 1948, Xuân Diệu được bầu làm Ủy viên ban chấp hành Hội Văn nghệ Việt Nam. Sau đó ông là Ủy viên ban chấp hành Hội Nhà văn Việt Nam các khóa 1, 2, 3 (1957 – 1985). Ông được Viện Hàn lâm nghệ thuật nước Cộng hòa dân chủ Đức bầu làm Viện sĩ thông tấn (1983).

Ngày 18 tháng 12 năm 1985, Xuân Diệu từ trần sau một cơn đau tim đột ngột. Lao động nghệ thuật suốt một nửa thế kỉ, không lúc nào ngừng bút, nhà thơ làm đúng điều ông từng nói : "Sự sống chẳng bao giờ chán nản". Xuân Diệu đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I – năm 1996).

2. Con người

tuongxua.vn

""Cha đàng ngoài, mẹ ở đàng trong ; Ông đồ Nghệ đeo khăn gói đỏ". Xuân Diệu trước hết học được ở cha – ông đồ Nghệ – đức tính cần cù, kiên nhẫn trong học tập, rèn luyện tài năng và lao động nghệ thuật. Ở Xuân Diệu, học tập, rèn luyện và lao động sáng tạo vừa là một quyết tâm khắc khổ, vừa là một lẽ sống, một niềm say mê lớn.

Sinh ra và lớn lên ở quê mẹ, Xuân Diệu thường nói đến tác động của thiên nhiên nơi đây (Quy Nhơn) đối với hồn thơ nồng nàn, sôi nổi của ông, đặc biệt là những ngọn gió nồm ("Quê mẹ gió nồm thổi lên tươi mát") và những con sóng biển ("Như hôn mãi ngàn năm không thỏa, Bởi yêu bờ lắm lắm, em ơi !"). Người ta còn nghĩ tới một lí do khác : ông là con vợ lẽ, phải xa mẹ từ nhỏ và thường bị hắt hủi. Hoàn cảnh ấy khiến ông luôn luôn khao khát tình thương và sự cảm thông của người đời.

Về quá trình đào tạo, Xuân Diệu một mặt là trí thức Tây học, đã hấp thụ ảnh hưởng của tư tưởng và văn hóa Pháp một cách có hệ

thống trên ghế nhà trường, mặt khác, do xuất thân từ một gia đình nhà nho (con một ông tú kép, tức hai lần đỗ tú tài Hán học), lại tiếp thụ được một cách tự nhiên ảnh hưởng của nền văn hóa truyền thống. Vì thế có thể tìm thấy ở nhà thơ sự kết hợp hai yếu tố cổ điển và hiện đại, Đông và Tây trong tư tưởng và tình cảm thẩm mĩ. Tất nhiên, Tây học vẫn có ảnh hưởng sâu đậm hơn.

Xuân Diệu là một tài năng nhiều mặt : làm thơ, viết văn, nghiên cứu phê bình văn học, dịch thuật. Tất nhiên, ông trước hết vẫn là một nhà thơ – một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam hiện đại" (Nguyễn Đăng Mạnh).

II – SỰ NGHIỆP THƠ VĂN

1. Xuân Diệu sáng tác thơ, văn xuôi (truyện, phóng sự, bút kí), phê bình, tiểu luận, nói chuyện thơ với công chúng. Hoạt động văn nghệ của ông phong phú, đa dạng. Thành tựu xuất sắc nhất, được độc giả trong và ngoài nước yêu chuộng là thơ. Mười lăm tập thơ (đã in) khẳng định ông là một nhà thơ lớn.

thuongmaitr

Trong *Trường ca* (thơ - văn xuôi, 1945) cũng như trong tập truyện ngắn *Phấn thông vàng* (1939) mà một số nhà phê bình muốn xem là thơ - văn xuôi, Xuân Diệu viết văn xuôi ngọt ngào giàu âm thanh, màu sắc.

Ngòi bút nghiên cứu phê bình của Xuân Diệu phát hiện, khám phá nhiều điều độc đáo, sâu sắc (trong các bài nghiên cứu thơ văn cổ điển về Nguyễn Trãi, Hồ Xuân Hương, Nguyễn Du, Trần Tế Xương, Nguyễn Khuyến...) và có những nhận xét chính xác, tinh tế (tập *Tiếng thơ, Phê bình giới thiệu thơ, Dao có mài mới sắc...*).

2. Thơ Xuân Diệu

Trong *Những bước đường tư tưởng của tôi*, Xuân Diệu cho ta thấy cuộc hành trình sáng tác nửa thế kỉ của ông.

Từ bài thơ đầu tiên Xuân Diệu gửi đăng báo *Phong hóa*, Thế Lữ đã thấy ở Xuân Diệu "Một tâm hồn đầm thấm và rất dễ cảm xúc". Sau

này nhà thơ tự nói về mình : "Tôi chỉ là một cây kim bé nhỏ, Mà vạn vật là muôn đá nam châm", nghĩa là : cuộc sống với tất cả những sự kiện, sự vật của nó thu hút nhà thơ rất dễ dàng. Chỉ một cảm xúc nhẹ cũng làm cho : "Tất cả tôi run rẩy tựa dây đàn".

Cách mạng tháng Tám 1945 là một cuộc thay đổi hết sức quan trọng trong xã hội, nó đã tạo ra ở Xuân Diệu một sự chuyển biến rõ rệt khiến ta có thể phân ra hai giai đoạn sáng tác của ông.

a) Thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám 1945

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Xuân Diệu sáng tác thơ là chính. Đọc thơ ông trong giai đoạn này dường như ta gặp hai tâm trạng trái ngược : nhà thơ rất yêu đời, rất thiết tha với cuộc sống; nhưng đồng thời lại cũng rất chán nản, hoài nghi, cô đơn. Thực ra hai tâm trạng ấy có mối liên quan nhân quả với nhau.

Xuân Diệu rất yêu đời, rất thiết tha với cuộc sống. Trong bài *Giã từ tuổi nhỏ* (trường ca), Xuân Diệu viết : "Em mười lăm tuổi, em tuổi hai mươi ! Đừng để mất một cái gì mà không hưởng". Xuân Diệu biết hưởng thụ, thèm hưởng thụ mọi cái đẹp, cái vui trong cuộc sống và, qua thơ, tặng cho độc giả những thứ ấy.

Cảnh vật trong thơ Xuân Diệu đầy sức lôi cuốn. Ai mà có thể thờ ơ với "Khí trời quanh tôi làm bằng tơ, Khí trời quanh tôi làm bằng thơ" *(Nhị hồ)*; với trăng "Dịu dàng đàn những ánh tơ xanh, Cho gió du dương điệu múa cành..." *(Trăng)*; với "Hoa nhài xanh dưới ánh nguyệt tuôn trời, Ánh nguyệt trắng trên hoa nhài đúc sữa" *(Hoa đêm)*.

Tình yêu trong thơ Xuân Diệu là khu vườn đủ mọi hương sắc, là bản nhạc đủ mọi thanh âm : từ tình yêu ngây thơ, e ấp đến đằm thắm, dịu ngọt, từ nồng nàn say đắm đến si mê điên dại.

Thơ Xuân Diệu giúp độc giả khám phá những giá trị quý báu mà nếu chỉ sống hời hợt, nông nổi, ta khó nhận thấy :

Này lắng nghe em khúc nhạc thơm
Say người như rượu tối tân hôn;
...

Hãy tự buông cho khúc nhạc hường
Dẫn vào thế giới của Du dương;
...
Hãy uống thơ tan trong khúc nhạc...

(Huyền diệu)

Cuộc sống trong thơ Xuân Diệu thật là phong phú, tuyệt diệu; thế giới này, vũ trụ này được phản ánh vào thơ Xuân Diệu là một thế giới, một vũ trụ tràn đầy hoan lạc, rất đáng sống.

Thơ Xuân Diệu cũng nói lên quá nhiều chán nản, hoài nghi, nhân vật trữ tình hiện diện trong thơ hết sức cô đơn.

Xuân Diệu là nhà thơ, là nghệ sĩ, hơn nữa, một nghệ sĩ theo khuynh hướng lãng mạn. Người nghệ sĩ thường hay đòi hỏi cái hoàn mĩ, cái tuyệt đích; tự nuôi mình bằng ảo tưởng, ảo vọng. Mà người nghệ sĩ Xuân Diệu lại mang thân phận người dân mất nước, sống trong hoàn cảnh không có tự do, quyền sống của con người bị hạn chế trong điều kiện sống mòn mỏi, tù túng. Cho nên cuộc sống đầy lạc thú ấy, Xuân Diệu muốn hưởng thụ trọn vẹn, tùy thích nhưng đâu có được. Bước vào thực tế, nhà thơ vỡ mộng, cảm thấy bơ vơ, bất lực. Tâm trạng chán nản, hoài nghi và mặc cảm cô đơn nảy sinh, phát triển, thành một ám ảnh : "Tôi là con nai bị chiều đánh lưới, Không biết đi đâu đứng sầu bóng tối" *(Khi chiều giăng lưới)*, "Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề" *(Nguyệt cầm)*. Trong vòng trói chặt cứng của sự cô đơn, Xuân Diệu nhìn ra xung quanh và thấy cái gì cũng là thê lương ảo não : tiếng nhị hồ và mùa thu, viễn khách ra đi và kĩ nữ ở lại, trăng trên trời và hoa trong rừng thẳm...

thuongmaitr

Nỗi ám ảnh về thời gian đi nhanh, tuổi trẻ qua mau khiến Xuân Diệu tự đề ra cho mình một quan niệm : sống gấp gáp, tham lam; yêu hốt hoảng, liều lĩnh :

– Mau đi thôi ! mùa chưa ngả chiều hôm
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn...

(Vội vàng)

– Mau với chứ, vội vàng lên với chứ !
Em, em ơi ! tình non sắp già rồi...

(Giục giã)

Trước Cách mạng tháng Tám 1945, Xuân Diệu là "ông hoàng" của thơ tình yêu, thứ tình yêu thất vọng, không đưa tới hạnh phúc, chỉ mang lại đau buồn :

Yêu là chết ở trong lòng một ít
Vì mấy khi yêu mà chắc được yêu
Cho rất nhiều song nhận chẳng bao nhiêu.

(Yêu)

Nghệ thuật thơ Xuân Diệu :

Sự đóng góp độc đáo của Xuân Diệu vào văn học không phải ở đề tài. Các đề tài như trăng, hoa, chiều, mùa thu, tình yêu, nỗi buồn hiu quạnh, v.v... nhiều tác giả trước và đồng thời với Xuân Diệu cũng đã viết. Nhưng đặc sắc của Xuân Diệu là ở cảm hứng, thi tứ, bút pháp.

Cô đơn, trước nay chỉ là thiếu vắng một con người, thiếu vắng một cái gì bầu bạn. Ví dụ : Tản Đà cô đơn vì "Suông rượu, suông tình, bạn cũng suông", Nguyễn Bính thì "... cô đơn buồn lại thêm buồn, Tạnh mưa bươm bướm biết còn sang chơi".

truongxua.vn

Còn với Xuân Diệu thì dù có người, có vật, có cảnh bên mình nhưng nhà thơ vẫn cứ là "hòn đảo cô đơn" :

Dù tin tưởng chung một đời một mộng
Em là em, anh vẫn cứ là anh
Có thể nào qua Vạn lí trường thành
Của hai vũ trụ chứa đầy bí mật.

(Xa cách)

Tình yêu trong thơ Xuân Diệu không bị diễn tả một cách bóng gió, ước lệ tượng trưng như trước kia, mà cụ thể, đầy đủ với ý nghĩa tình yêu bao gồm cả tâm hồn và thân xác. Đến Xuân Diệu, xuất hiện trong thơ những hình ảnh nhục thể : "... đây gối lả, Tay em đây, mời khách ngả đầu say", "Mình em không được quấn chân anh", "...sát đôi đầu ...kề đôi ngực", "...trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài".

Thiên nhiên trong thơ xưa thường chỉ được tiếp nhận bằng thị giác, ít nhiều bằng thính giác (suối reo, chim kêu, vượn hót...) rất ít bằng khứu giác (hương hoa), Xuân Diệu thưởng thức thiên nhiên cả bằng xúc giác, vị giác :

– Tôi để da tay ý dịu tràn
Gửi vào cây cỏ chút mơn man
Chân trần sung sướng nghe da đất
Tôi nhận xa xôi của dặm ngàn.

(Đi dạo)

– Hương hiu hiu, nên gió cũng ngọt ngào.

(Hoa đêm)

Đặc biệt Xuân Diệu nhân hóa thiên nhiên, cho thiên nhiên những tâm tư, hành động rất "người" một cách tự nhiên, chân thật, hợp lí. Trước nay, chưa ai có một cách nhìn, cách tả thiên nhiên táo bạo đến như vậy :

– Bữa nay lạnh, mặt trời đi ngủ sớm
– Gió lướt thướt kéo mình qua cỏ rối
Đêm bâng khuâng đôi miếng lẩn trong cành.

(Tương tư, chiều...)

– Chen lá lục, những búp nhài mở nửa
Hớp bóng trăng đầy miệng nhỏ xinh xinh.
– Miệng thở ra hương, hương tỏa tình ngầm...

(Hoa đêm)

Có nhà phê bình nhận xét : nhiều câu thơ của Xuân Diệu "Tây" quá. Nói thế có phần đúng. Những người làm Thơ mới chịu ảnh hưởng của thơ Pháp thế kỉ XIX. Nhưng nếu phần lớn chỉ kịp nhận sự viện trợ về cảm hứng đề tài thì Xuân Diệu còn đón nhận cả những biện pháp nghệ thuật : xây dựng hình ảnh, cú pháp, nhịp điệu... Quả thật đôi khi Xuân Diệu viết những câu quá "mới" đối với người Việt Nam, ví dụ : "Hôm nay tôi đã chết trong người, Xưa hẹn nghìn năm yêu mến tôi" (*Ý thu*). Nhưng phải công nhận là Xuân Diệu đã là "bình

thuongmaitr

thu hợp trí muôn hương", là "vườn chim nhả hạt mười phương" đã cung cấp nhiều vật liệu mới để xây cao nền thi ca Việt Nam. Không bằng lòng diễn tả những cảm giác, cảm xúc của mình với những từ quen dùng, Xuân Diệu lục tìm, tận dụng, sáng chế những từ mới, những cách đặt câu, gieo vần mới. Ông tỏ ra táo bạo và được độc giả tán thưởng.

Những chữ, những câu như : "khúc nhạc thơm", "khúc nhạc hường", "Con gió xinh thì thào trong lá biếc", "Tình thổi gió màu yêu lên phấp phới", "Cành biếc run run chân ý nhi", "Em vui đi răng nở ánh trăng rằm", "Từng mảnh biếc hồn tôi trăng đã lấy, Gió đem buồn đi tận tháng năm nào"... có giá trị gợi ý, gợi cảm rất mạnh mẽ.

b) Thơ Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám 1945

Cách mạng tháng Tám 1945 rồi tiếp đó hai cuộc kháng chiến oanh liệt đã giải phóng toàn dân ra khỏi ách nô lệ đồng thời cũng đem lại cho Xuân Diệu một cuộc sống mới : một đất nước có chủ quyền, một xã hội xây dựng trên nguyên tắc dân chủ, công bằng, tôn trọng con người. Là người rất yêu đời, Xuân Diệu đón nhận cuộc sống mới với tất cả sự chân thành và niềm vui sướng.

truongxua.vn

Hòa vào dòng thác nhân dân ào ào vùng lên giành chính quyền, giữ nhà, giữ nước và xây dựng cuộc sống mới, nhà thơ không một lúc nào có mặc cảm riêng lẻ, hiu quạnh. Trước kia giữa thành thị, Xuân Diệu cảm thấy mình như con nai lạc trong bóng tối. Bây giờ, giữa rừng sâu, Xuân Diệu vẫn thấy ấm áp :

Nhưng cũng lạ, giữa mưa ngàn thác lũ
Bốn bề cây sao chẳng thấy bơ vơ.

(Lệ)

Sự kì diệu đã diễn ra : "Những đảo cô đơn, Đảng nối nhịp cầu" (*Lệ* - Xuân Diệu). Nhà thơ được yêu và được mọi người đáp lại bằng tình yêu đằm ấm. Nguồn cảm hứng mới "Ào ào tới như mùa xuân đổ suối" *(Lệ)* lôi cuốn Xuân Diệu nhập cuộc.

Ngọn quốc kì (1945) và *Hội nghị non sông* (1946) là hai bài tráng ca mà Xuân Diệu viết ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công; bài thứ nhất ca ngợi phong trào cách mạng, bài thứ hai chào mừng Quốc hội đầu tiên.

Tấm lòng nhà thơ mở ra với những người nông dân nghèo khổ mà hiền hậu trong *Mẹ con* (1950) và *Ngôi sao* (1954).

Tập thơ *Riêng chung* (1960), như cái tên của nó, là một nỗ lực của Xuân Diệu để hòa cái riêng vào cái chung của đất nước. Từ sau Cách mạng tháng Tám, cái Tôi rất ít được xuất hiện trong thơ, các tác giả ngại nói đến cái Tôi vì cái Tôi bị hiểu là cá nhân chủ nghĩa. Trong *Riêng chung*, Xuân Diệu trả lại chỗ đứng cho cái Tôi chân chính.

Cứ thế, Xuân Diệu hòa mình vào trong công cuộc xây dựng xã hội mới và cuộc kháng chiến giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta mà ông rất mực yêu thương như "tình nhân" (lời Xuân Diệu). Bản thân nhà thơ thấy mình phải lao động cật lực để đóng góp vào cuộc sống, và đều đặn cho ra đời các tập *Mũi Cà Mau – Cầm tay* (1962), *Một khối hồng* (1964), *Hai đợt sóng* (1967), *Tôi giàu đôi mắt* (1970), *Hồn tôi đôi cánh* (1976), *Thanh ca* (1982), v.v...

thuongmaitr

Thơ Xuân Diệu sau Cách mạng tháng Tám hầu như luôn luôn có mặt trên mọi nẻo đường chiến đấu, mỗi công trường xây dựng.

Cảm hứng mới, đề tài mới, nội dung mới đòi hỏi cách thể hiện mới. Ngòi bút của Xuân Diệu không thể đi theo lối cũ đường quen. Xuân Diệu không ngần ngại, luyến tiếc những gì đã xây dựng đài vinh quang cho ông trước kia và cần mẫn mài luyện ngòi bút mới.

Tất nhiên trên chặng đường sáng tác này, Xuân Diệu còn có những lời thơ vụng về, dễ dãi, nhưng cũng không thể phủ nhận những thành tựu mới của nhà thơ. Từ giã những kiểu viết cầu kì không cần thiết, ông khai thác, chọn lọc, nâng lời ăn tiếng nói của nhân dân thành tiếng nói thơ ca mộc mạc, tươi mát và kì thú. Ví dụ :

Anh không xứng là biển xanh
Nhưng anh muốn em là bờ cát trắng

Bờ cát dài phẳng lặng
Soi ánh nắng pha lê...
Bờ đẹp đẽ cát vàng
– Thoai thoải hàng thông đứng –
Như lặng lẽ mơ màng
Suốt ngàn năm bên sóng...

(Biển)

Thơ Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám thuần là thơ trữ tình. Sau Cách mạng, bút pháp của ông phong phú về giọng, vẻ. Ví dụ :

Trong tráng ca *Ngọn quốc kì* có chất trầm hùng cổ kính của sử ca :

Việt Nam ! Việt Nam ! Cờ đỏ sao vàng !
Những ngực nén hít thở Ngày Độc Lập !
Nguồn lực mới bốn phương lên tới tấp !
Nếp cờ bay chen vỗ sóng bài ca...
– Bốn nghìn năm, trông Mặt Mẹ không già
Chúng con vẫn sẵn một lòng trẻ ấy
Ngắm từng biếc, chúng con mừng biết mấy
Thấy còn dư máu đỏ để trang hoàng !

Bài *Lệ* mang hơi thở triết lí :

Máu của linh hồn là nước mắt
Còn rơi biết đến thuở nào thôi.

Giọng thơ trong bài *Hỏi* là giọng trai gái hát đối đáp giao duyên :

Ai làm cách trở đôi ta
Vì anh vụng ngượng hay là vì em?
Trăng còn đợi gió chưa lên
Hay là trăng đã tròn trên mái rồi.

Ta còn gặp ở thơ Xuân Diệu sau Cách mạng giọng thơ chính luận, giọng thơ tự sự trữ tình, giọng thơ trào phúng đả kích.

Nhìn chung, từ sau Cách mạng tháng Tám, thơ Xuân Diệu đã có một bước phát triển mới, đã có những đóng góp phong

phú, nhiều mặt, tích cực vào phong trào sáng tác và từ đó, vào cuộc sống mới.

III – KẾT LUẬN

Xuân Diệu là nhà thơ lớn trong văn học hiện đại, nhà thơ lớn của dân tộc. Bài học Xuân Diệu đã để lại cho đời là tinh thần lao động nghệ thuật cần cù, không biết mỏi, là niềm tin yêu tha thiết đối với con người, là ý thức chân thành đối với văn chương như ông đã giãi bày trong bài thơ *Cảm xúc* : "Là thi sĩ, nghĩa là (...) để linh hồn ràng buộc bởi muôn dây, Hay chia sẻ bởi trăm tình yêu mến".

Nếu trong giai đoạn văn học 1930 – 1945, Thơ mới mà Thế Lữ đề xướng chỉ thực sự thành Thơ mới từ lúc Xuân Diệu góp mặt vào "Làng thơ", thì sau ngày Cách mạng tháng Tám thắng lợi, Xuân Diệu cũng là một trong những người đi tiên phong và cống hiến tài sức nhiều nhất để xây dựng nền văn học mới.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những nhân tố nào đã ảnh hưởng đến con người và thơ Xuân Diệu?

2. Đọc thơ Xuân Diệu người ta thấy có những bài, những câu rất yêu đời, nhưng cũng lại có những bài, những câu rất u sầu, cô đơn. Có đúng như vậy không? Tại sao lại có hai mặt trái ngược nhau như vậy?

3. Xuân Diệu là một tài năng đa dạng, viết nhiều thể loại bằng nhiều bút pháp đặc sắc. Hãy tìm những dẫn chứng.

4. Xuân Diệu được coi như nhà thơ lớn của tình yêu. Anh (chị) có tán thành nhận định ấy không?

5. Thơ Xuân Diệu sau 1945 có gì kế thừa và có gì phát triển so với trước 1945?

6. Xuân Diệu đã đem những cái mới vào thơ Việt Nam (cách dùng từ, đặt câu gieo vần, ngắt nhịp). Hãy tìm dẫn chứng.

THƠ DUYÊN

XUÂN DIỆU

Tiểu dẫn

Thơ duyên : *duyên* ở đây có thể hiểu là quan hệ hòa hợp, tương giao và hài hòa với nhau. *Thơ duyên* là bài thơ về mối quan hệ hòa hợp ấy giữa người với người, giữa người với vũ trụ, với đất trời, cây cỏ, chim muông...

*

* *

Chiều mộng hòa thơ trên nhánh duyên,
Cây me ríu rít cặp chim chuyền.
Đổ trời xanh ngọc qua muôn lá,
Thu đến – nơi nơi động tiếng huyền.

Con đường nhỏ nhỏ gió xiêu xiêu,
Lả lả cành hoang nắng trở chiều.
Buổi ấy lòng ta nghe ý bạn,
Lần đầu rung động nỗi thương yêu.

Em bước điềm nhiên không vướng chân,
Anh đi lững đững chẳng theo gần.
Vô tâm – nhưng giữa bài thơ dịu,
Anh với em như một cặp vần.

Mây biếc về đâu bay gấp gấp,
Con cò trên ruộng cánh phân vân.
Chim nghe trời rộng giang thêm cánh,
Hoa lạnh chiều thưa sương xuống dần.

Ai hay tuy lặng bước thu êm,
Tuy chẳng băng nhân[1] gạ tỏ niềm.
Trông thấy chiều hôm ngơ ngẩn vậy,
Lòng anh thôi đã cưới lòng em.

(*Tổng tập văn học Việt Nam*, tập 27,
NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990)

ruongxua.vn

Chú thích

(1) *Băng nhân* : người làm mai (làm mối) trong việc cưới vợ gả chồng.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc bằng giọng trong trẻo, vui.

2. Đây là một trong số rất ít bài thơ của Xuân Diệu vui tươi, trong sáng trọn vẹn từ đầu đến cuối. Hãy tìm những nét vui tươi, trong sáng trong bài thơ (có thể so sánh với bài ***Đây mùa thu tới*** *và bài* ***Vội vàng*** *để nói cho rõ).*

3. Những hình ảnh nào trong bài thơ được anh (chị) thích nhất? Tại sao? Giữa cảnh vật và lòng người (tình yêu) có sự giao hòa không? Chứng minh.

4. Hãy điểm những từ ngữ rất gợi cảm trong bài thơ.

5. Thái độ của nhà thơ Xuân Diệu (người xưng "ta", "anh") trong bài thơ đối với tình yêu, đối với người yêu như thế nào? Sao có lúc Xuân Diệu lại nói : "Yêu là chết ở trong lòng một ít"? Tại sao lại có hai Xuân Diệu như vậy?

thuongmaitr

ĐÂY MÙA THU TỚI

XUÂN DIỆU

Tiểu dẫn

Bài thơ *Đây mùa thu tới* rút từ tập *Thơ thơ* xuất bản năm 1938. Đây là tập thơ đầu của Xuân Diệu.

Trong *Lời đưa duyên*, giới thiệu tập thơ, Xuân Diệu viết : "Đây là lòng tôi đương thời sôi nổi, đây là hồn tôi vừa lúc vang ngân và đây là tuổi xuân của tôi, và đây là sự sống của tôi nữa(...). Tập thơ đầu của tôi đây, bạn chớ bắt chước những người khôn ngoan, họ không biết quý phần ngon nhất của đời : tình yêu và tuổi trẻ (...). Tôi gửi hồn tôi cho những người trẻ tuổi và nhất là trẻ lòng !".

*

* *

Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang,
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng :
Đây mùa thu tới – mùa thu tới,
Với áo mơ phai[1] dệt lá vàng.

Hơn một loài hoa đã rụng cành,
Trong vườn sắc đỏ rủa[2] màu xanh;
Những luồng run rẩy rung rinh lá...
Đôi nhánh khô gầy xương mỏng manh.

Thỉnh thoảng nàng trăng tự[3] ngẩn ngơ...
Non xa khởi sự[4] nhạt sương mờ...
Đã nghe rét mướt luồn trong gió...
Đã vắng người sang những chuyến đò...

Mây vẩn từng không, chim bay đi,
Khí trời u uất hận chia li.
Ít nhiều thiếu nữ buồn không nói,
Tựa cửa nhìn xa, nghĩ ngợi gì.

ruongxua.vn

(*Thi nhân Việt Nam*, NXB Văn học,
Hội Nghiên cứu và Giảng dạy văn học
Thành phố Hồ Chí Minh, tái bản, 1988)

Chú thích

(1) *Mơ phai :* màu vàng mơ, màu vàng phai. (2) *Rủa :* sắc đỏ xung đột với màu xanh (Xuân Diệu mượn cách diễn đạt của văn chương Pháp). Có bản in là *rũa*, hiểu là sắc đỏ (tức là lá đã bắt đầu úa vàng) lấn át màu xanh tươi. (3) *Tự :* tự mình. (4) *Khởi sự :* bắt đầu.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Nhà thơ dùng những chi tiết gì để nói về mùa thu? So sánh những hình ảnh về mùa thu của Xuân Diệu với những hình ảnh mùa thu trong thơ cổ.

2. Trong bài thơ, tác giả đã sử dụng phương pháp nhân hóa. Hãy tìm những hình ảnh nhân hóa. Nhân hóa như vậy có hiệu quả thẩm mĩ gì?

3. Hãy chú ý đến những cụm từ : "hơn một loài hoa...", "nàng trăng tự ngẩn ngơ", "non xa khởi sự...". Những cách nói ấy có gì lạ khác với cách nói bình thường? Và nói như vậy có giá trị thẩm mĩ gì không?

Hãy nhận xét về thủ pháp láy âm trong các câu : "Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang", "Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng", "Những luồng run rẩy rung rinh lá...".

VỘI VÀNG

XUÂN DIỆU

Tiểu dẫn

Vội vàng là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của Xuân Diệu trước Cách mạng tháng Tám. Tác phẩm được rút ra từ tập *Thơ thơ*. Đây là tiếng nói của một tâm hồn yêu đời, yêu sống đến cuồng nhiệt. Nhưng đằng sau những tình cảm ấy có cả một quan niệm nhân sinh mới chưa thấy trong thơ ca truyền thống.

thuongmaitr

*

* *

Tôi muốn tắt nắng đi,
Cho màu đừng nhạt mất;
Tôi muốn buộc gió lại,
Cho hương đừng bay đi.

Của ong bướm này đây tuần tháng mật[1],
Này đây hoa của đồng nội xanh rì,
Này đây lá của cành tơ phơ phất;
Của yến anh này đây khúc tình si,
Và này đây ánh sáng chớp hàng mi[2].
Mỗi sáng sớm thần Vui hằng gõ cửa;
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần;
Tôi sung sướng. Nhưng vội vàng một nửa;
Tôi không chờ nắng hạ mới hoài xuân[3].

Xuân đương tới, nghĩa là xuân đương qua,
Xuân còn non, nghĩa là xuân sẽ già,
Mà xuân hết, nghĩa là tôi cũng mất;
Lòng tôi rộng, nhưng lượng trời cứ chật.
Không cho dài thời trẻ của nhân gian,
Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,
Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại!
Còn trời đất nhưng chẳng còn tôi mãi,
Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;
Mùi tháng năm đều rớm vị chia phôi,
Khắp sông núi vẫn than thầm tiễn biệt...
Con gió xinh thì thào trong lá biếc,
Phải chăng hờn vì nỗi phải bay đi?
Chim rộn ràng bỗng đứt tiếng reo thi(4),
Phải chăng sợ độ phai tàn sắp sửa?

Chẳng bao giờ, ôi ! chẳng bao giờ nữa...
Mau đi thôi ! mùa chưa ngả chiều hôm,
tuongxua.vn
Ta muốn ôm
Cả sự sống mới bắt đầu mơn mởn;
Ta muốn riết mây đưa và gió lượn,
Ta muốn say cánh bướm với tình yêu,
Ta muốn thâu trong một cái hôn nhiều;
Và non nước, và cây, và cỏ rạng,
Cho chuếnh choáng mùi thơm, cho đã đầy ánh sáng,
Cho no nê thanh sắc của thời tươi ;
– Hỡi xuân hồng, ta muốn cắn vào ngươi !

(*Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Tuần tháng mật* : người phương Tây, sau ngày cưới, dành một thời gian để đôi vợ chồng đi chơi với nhau, vui hưởng hạnh phúc tân hôn. Người ta gọi thời kì ấy là thời kì trăng mật. Xuân Diệu dùng cụm từ *tuần tháng mật* với hai nghĩa : nghĩa thứ nhất là trăng mật ("trăng" chữ Hán là *nguyệt, nguyệt* cũng có nghĩa là tháng) ; nghĩa thứ hai là mùa xuân hoa nở nhiều, ong bướm đi hút nhụy hoa, ong hút nhụy

hoa để làm mặt. Cả hai nghĩa đều nói ý vui sống. (2) *Chớp hàng mi* : nháy mắt, chớp mắt. Ánh sáng rực rỡ làm người ta chớp mắt. (3) *Hoài xuân* : nhớ mùa xuân. (4) *Reo thi* : đua nhau hót.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Diễn biến tâm trạng nhà thơ mỗi lúc một khác, khi đọc phải diễn tả các diễn biến ấy.

Bốn câu đầu : đọc gấp để diễn tả sự vội vã của nhà thơ muốn níu giữ thời gian lại.

Từ câu 5 đến câu 11 : đọc với giọng vui thích.

Từ câu 12 đến câu 30 : đọc với giọng chậm, buồn.

Từ câu 31 đến hết bài : đọc với giọng sôi nổi.

2. Cảnh vật miêu tả trong đoạn thơ (từ câu 5 đến câu 11) hiện ra như thế nào? Đem lại những cảm tưởng gì?

3. Cảnh vật được miêu tả trong đoạn thơ (từ câu 24 đến câu 29) lại khác hẳn. Cảnh vật trong đoạn này đem lại những cảm tưởng gì? Tại sao nhà thơ lại làm như vậy?

4. Đoạn thơ (từ câu 31 đến hết bài) cho thấy thái độ của nhà thơ đối với cuộc sống thế nào?

5. Hãy nhận xét về đặc điểm của hình ảnh, ngôn từ, nhịp điệu trong bài thơ. Nhà thơ dùng những biện pháp nghệ thuật ấy nhằm hiệu quả gì?

6. Nên chú ý : mở đầu bài thơ, tác giả dùng đại từ "tôi", đến phần cuối, tác giả dùng đại từ "ta", vì sao có sự thay đổi ấy?

ĐỌC THÊM

NGUYỆT CẦM[1]

XUÂN DIỆU

Trăng nhập vào dây cung nguyệt lạnh,
Trăng thương, trăng nhớ, hỡi trăng ngần !

thuongmaitr

Đàn buồn, đàn lặng, ôi đàn chậm,
Mỗi giọt rơi tàn như lệ ngân.

Mây vắng, trời trong, đêm thủy tinh,
Linh lung bóng sáng bỗng rung mình,
Vì nghe nương tử trong câu hát,
Đã chết đêm rằm theo nước xanh.

Thu lạnh, càng thêm nguyệt tỏ ngời;
Đàn ghê như nước, lạnh, trời ơi.
Long lanh tiếng sỏi vang vang hận :
Trăng nhớ Tầm Dương[2], nhạc nhớ người...

Bốn bề ánh nhạc : biển pha lê;
Chiếc đảo hồn tôi rợn bốn bề...
Sương bạc làm thinh, khuya nín thở,
Nghe sầu âm nhạc đến sao Khuê[3].

(*Thi nhân Việt Nam*. Sách đã dẫn)

truongxua.vn

Chú thích

(1) *Nguyệt cầm* : cây đàn nguyệt, gọi thế vì mặt đàn có hình tròn như mặt trăng. (2) *Tầm Dương* : tên một con sông ở tỉnh Giang Tây (Trung Quốc), được nhà thơ Bạch Cư Dị đời Đường nói đến trong bài thơ *Tì bà hành* nổi tiếng. Bài thơ viết về tâm trạng cô đơn của một người kĩ nữ đánh đàn rất hay. Nhà thơ Xuân Diệu liên tưởng đến điển tích ấy. (3) *Sao Khuê* : tên một vì sao thường được coi là biểu tượng tài năng văn học, đức độ cao nhã.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Nghe tiếng đàn, nhà thơ cảm thấy cô đơn. Cảm tưởng này có thể do tiếng đàn một phần nhưng chủ yếu là do tâm trạng sẵn có ở nhà thơ. Nên tìm hiểu tâm trạng nhà thơ hơn là tìm hiểu tiếng đàn.

2. Nhà thơ sử dụng phương pháp liên tưởng (từ sự vật, hiện tượng này bắc cầu sang sự vật, hiện tượng kia, ví dụ từ cây đàn nguyệt nhà thơ liên tưởng đến vầng trăng, từ vầng trăng liên tưởng đến mùa thu, v.v...). Hãy

tìm tất cả những liên tưởng ấy trong bài thơ. Biện pháp nghệ thuật này kích thích trí tưởng tượng, gây ấn tượng, cảm xúc mạnh hơn.

3. Trong bài thơ, nhà thơ không dùng những từ ngữ người ta thường dùng để miêu tả một sự vật mà lại dùng những từ ngữ khác để nói về sự vật đó, ví dụ không nói "tiếng đàn" mà nói "giọt đàn" ("mỗi giọt rơi tàn"...), không nói "mây quang" mà "mây vắng", v.v... Hãy tìm thêm một số ví dụ. Cách viết này là thay những từ ngữ đã quen dùng bằng những từ ngữ mới và có tác dụng kích thích tâm trí người đọc hơn. Những tiếng đàn rơi vào không trung giống như những giọt nước cho nên có thể nói "giọt đàn" (nhưng phải là những tiếng đàn như đàn nguyệt, đàn bầu chứ nếu là nhị hay vĩ cầm thì không thể nói "giọt đàn" được). Hoặc giả, nhà thơ nói "ánh nhạc" ("bốn bề ánh nhạc") vì tiếng đàn hòa vào trong ánh trăng.

TỎA NHỊ KIỀU

Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều

XUÂN DIỆU

thuongmaitr

Tiểu dẫn

Tỏa nhị Kiều : truyện ngắn rút từ tập *Phấn thông vàng* (tập truyện ngắn và bút kí), xuất bản năm 1939. Câu đề từ của Xuân Diệu cho truyện ngắn này là thơ của Đỗ Mục, thời nhà Đường ở Trung Quốc : "Đông phong bất dữ Chu lang tiện, Đồng Tước xuân thâm tỏa nhị Kiều", nghĩa là : Ngọn gió đông nếu không giúp Chu Du (phóng hỏa phá trận Xích Bích của Tào Tháo), thì cảnh xuân thâm nghiêm của đài Đồng Tước (tên một tòa lâu đài do Tào Tháo dựng lên với ý định nếu chiếm được đất Giang Nam (Đông Ngô) nơi Chu Du làm chủ tướng, sẽ bắt hai chị em Đại Kiều, Tiểu Kiều có sắc đẹp nổi tiếng - là vợ Tôn Sách và Chu Du - đem về ở đó) sẽ là nơi giam hai nàng Kiều.

*

* *

Mỗi lần đến chơi nhà Phan, một cái gác thuê ở một phố hẻo lánh, tôi phải đi qua "nhà dưới", qua một mảnh sân nhỏ, trèo một cái cầu thang, đi một đoạn nữa, rồi mới tới lầu ngà[1] của anh bạn âm thầm.

Giá Phan ồn ào, nghịch ngợm, ranh mãnh lên như người ta thì hơn. Để mà được một chút vui tươi chứ ! Đằng này Phan lại rất nhịp nhàng với tất cả chỗ anh ở, khiến cho tôi bùi ngùi quá, mỗi khi đến thăm anh.

Tôi biết nói cái gì trước bây giờ? Cái gì cũng buồn như nhau : con đường sắc xanh không rải nhựa, dãy phố lặng lẽ, gian nhà không chút đặc biệt của ông chủ, căn phòng không sáng sủa của bạn tôi, và nhất là ở tầng dưới, nơi tôi thường đi qua, có hai cô gái thế nào ấy. Và cái gì cũng lỡ cỡ[2]; chúng nó xấu hẳn đi, buồn hẳn đi có được không? Mọi vật đều buồn một cách lưng chừng, xui lòng tôi cũng không đủ cớ mà buồn nữa kia, phải chịu ngùi ngùi một cách vô lí.

Đoạn đường chạy qua đó không đủ rộng để làm một đường phố, cũng không đủ hẹp để làm một ngõ hẻm : đá không chịu lởm chởm mà chỉ hơi gập ghềnh. Nhà không chịu xấu, không chịu tồi, mà lại trưng một vẻ phong lưu nghèo nghèo một ít. Ánh sáng không chịu sáng; giữa hai dãy lầu khéo đứng để ngăn mặt trời, cả ngày chỉ là một buổi chiều dài. Ở chợ Hàng Da đương náo nhiệt bao nhiêu, thế mà vừa đi một trăm bước để vào con đường này, cuộc đời bỗng quạnh hiu làm cho nhà cửa ngơ ngẩn.

*

* *

ruongxua.vn

Và nhất là hai cô gái con ông chủ nhà dưới. Nhất là hai nàng Kiều không kiều diễm[3], mà người ta cũng chẳng chịu khóa hẳn để tôi thương xót cho được vẹn toàn.

Hai cô ở trong một gian nhà có đủ sập gụ, tủ chè, câu đối, hoành phi[4], có đủ cả bộ bàn ghế Vân Nam chạm chim trái và nạm cẩm thạch. Nhưng tôi chỉ trông qua cũng biết không phải là giàu.

Quỳnh và Giao, hai tên ngọc đặt cho hai người hiền. Họ ngây ngây thơ thơ (chứ không được là ngây thơ), họ lặng lẽ và ngơ ngác, ấy là hai hột cơm.

Mỗi lần đi ngang qua, tôi nhanh chân như lủi trốn, nhưng tôi vẫn đủ thì giờ thấy hai cô gái. Màu áo họ rất thanh đạm[5] vì nhạt nhẽo nên buồn buồn. Cô Quỳnh trẻ hơn, áo mới hơn cô Giao một chút - tôi quên không nói rằng tôi biết tên hai cô là nhờ bạn tôi.

Phan, cái anh chàng khó hiểu làm sao ! Anh rất ít nói, và cũng ít làm. Kiểu mặt Á Đông, mắt nhỏ và dài, không biết chứa những gì trong vẻ mập mờ kín hẹp ấy. Tôi lạ cho anh hết sức. Sự lặng lẽ của anh là một thứ hư vô, và tôi cảm như không có anh Phan.

Đôi khi Phan lên cầu thang, tôi gặp được nơi khóe môi của anh một chút nhíu da giống như một phần sáu của nụ cười. Thấy thế, tôi vui vui, và hơi nghĩ ngợi.

Tôi nghĩ đến Quỳnh, cô em hiền lành quá, với đôi mắt yên ổn và như không. Cô hơi hơi xinh. Mặt cô tròn. Hay nhíu đôi mày cong, cô có vẻ trẻ con lắm. Cô hiền lành đến nỗi tôi thấy xót thương. Tôi không nghe cô nói một câu gì, có lẽ chỉ vì tôi không có dịp nghe cô nói.

Biết đâu Phan chẳng đồng điệu với Quỳnh, hai sự "như không" gặp nhau. Chắc cái khóe môi hơi nhích kia biểu hiện một cảm tình kín đáo.

Rồi nhân đó, tôi nghĩ đến cô chị. Dường như cô có một tật nhỏ nơi chân : bước của cô cao thấp không đều. Và dường như cô mang một nỗi buồn không ngớt. Cô giống cha cô, mà cha cô thì chẳng khôi ngô[6] chút nào. Trái lại, mắt ông tròn như hai chấm mực, miệng ông hơi quạu, đôi môi giơ tới trước như kình với ai. Ông thường ngồi chéo chân trên sập giữa nhà, và tôi hằng gặp ông đeo kính, tuy không thấy ông cầm sách. Một lần ông đã cự tôi, vì tôi gấp rút vào gác trong, không kịp xin phép ông. Và từ đó, tôi càng thương ông lắm.

Cô Giao giống con người đứng tuổi ấy, thực bất lợi cho cô. Vì cô không dữ - tôi xem qua thì biết - mà mặt cô lại mang những nét không hiền.

Ấy đó, Quỳnh và Giao, hai Kiều rất dửng dưng không e lệ nép vào dưới bụi hoa nào cả, và cũng không đẹp một chút, nhưng bởi một ý tiêu tao[7], đã khiến tôi nghĩ ngay đến câu thơ phong tỏa của người xưa.

*

* *

Bởi vì hai cô ngồi trong một buổi chiều rất đỗi ngẩn ngơ, một buổi chiều triền miên của sự vật và của linh hồn, một buổi chiều trong nhà và trong tâm lí. Lạ quá ! Tôi như cảm nghe sự mờ nhạt của cuộc đời, khi trông hai cô.

Dầu tôi vui đến đâu khi bước vào nhà ấy, tôi cũng nghiêm nét mặt, bước khẽ, sợ động không khí. Hễ vào nhà thì phải cất mũ, tuy thế, trong cử chỉ thường lệ ấy, tôi tưởng như đương chào ai, đương chào một cái gì, một đám tang hay một nỗi đau thương.

Tôi không thấy có một người đàn bà đứng tuổi, nên tôi nghĩ rằng ông chủ góa vợ, hai cô mồ côi. Nhưng một lần, tôi bỗng gặp bà chủ. Và tôi chỉ quen được thấy hai người con gái, nên tôi nghĩ rằng ông chủ không có con trai; nhưng tôi lại nhầm to : gặp hai người thiếu niên đi với Phan, tôi hỏi ra mới biết đó là anh của hai Kiều.

Và hỏi thêm ra, tôi hay rằng ông chủ nhà là một người làm việc nhà nước đã về hưu. Ông còn mấy cậu bé gửi học ở Nam Định. Gia đình họ

đông đúc thế, và chắc cũng khá đủ tiền bạc; sao tôi lại bày những cớ rất gở, lại giả sử trong trí tôi những điều nhầm tưởng, những chuyện không lành?

*

* *

Nhưng sao nhà ấy lại bao trùm trong một bầu không khí nhạt tẻ, không ánh nắng, chẳng hương người? Sao lại có hai nàng con gái kia, ngơ ngác kia như không biết sống?

Tôi biết hai cô không có việc gì làm. Họ chẳng mấy lúc đi chơi. Họ để cho ngày tháng qua. Họ là hai cái cây – họ lại còn thua hai cái cây, bởi cây còn ra hoa, ra trái, chứ đời con gái của họ, họ biết làm gì? Không sắc, không duyên, và cũng không tiền; chỉ có hiền lành.

Giá họ đừng hiền lành như thế thì hơn, giá họ đàng điếm, hung dữ, trơ trẽn, lẳng lơ tôi sẽ được vui vì thấy họ có việc. Tôi sẽ được cười nếu thấy họ đi đua xe đạp, tôi sẽ được thản nhiên, nếu thấy họ đỏm dáng chòng ghẹo bất cứ người nào.

Tôi ước được gặp họ chửi mắng người ở, đánh đập con sen, tôi mong họ ngoa mồm lên, lay động hai cặp môi đắp son đỏ choét. Tôi muốn mặt họ bự phấn, tôi cầu cho họ làm bộ làm tịch, lố lăng bao nhiêu cũng được; thà họ làm cho tôi ghét còn hơn làm cho tôi thương.

Nhưng không ! Hai cô buồn buồn ngồi đó, trên trường kỉ, chờ đợi một sự gì xảy đến. Phố vắng, nhà cũng vắng : hai người anh đi chơi luôn, bà mẹ về nhà quê, ông cha lặng lờ hết ra lại vào. Hai cô cũng hết vào lại ra.

Cô em có một chờ đợi : là chồng. Nhưng có lẽ cô cũng hơi biết rằng nỗi mong mỏi ấy gần với một viễn vọng. Còn cô chị? Tôi nghe bạn tôi bảo rằng cô đã có một đời chồng : chồng cô đã li dị với cô. Hỡi ôi ! Cô Giao còn biết gì để mà trông ngóng.

Tôi thương hai cô như hai con vật ngẩn ngơ trong rừng lạnh, khi chiều giăng lưới qua muôn gốc cây[8]. Buổi chiều của hai cô mờ nhạt và kéo dài; hai cô lẫn trong mù sương. Đáng tội nghiệp nhất là hai cô không sầu tư, không có một nỗi chán nản gớm ghê, nó xui ta cầu xin cái chết. Không, hai cô là hai cô gái, chỉ biết buồn mờ, buồn lặng, nhưng buồn lâu. Hai cô là hai cánh đồng...

Nhiều lần, theo một liên tưởng mau chóng, tôi nghĩ đến những cụ già còn đôi chút sức lực, ngày ngày quanh quất giữa bàn ghế trong nhà. Cứ tự nhiên im im như thế, các cụ ăn, ngủ và may thay ! trong lúc ấy, thì giờ qua... Cho đến khi các cụ hết ở trong nhà với sự buồn tẻ. Cái chết đã nhận những linh hồn kia, cái chết đã là một mục đích.

Tôi lại rất nhớ những khi xế trưa, nắng ngả vào bếp nhà tôi. Lửa tắt, than lạnh, chỉ đôi con ruồi lơ thơ đậu dưới đất thỉnh thoảng bay lên kêu vo vo. Nắng vàng phai lặng, chán nản làm sao ! Lúc ấy, mọi người đều cảm thấy mơ hồ nỗi nhạt nhẽo của ngày này tiếp theo ngày nọ. Đến nỗi một người đơn giản như mẹ tôi cũng buột mồm nói : "Cơm mai rồi cơm chiều, rút cục mỗi ngày hai bữa cơm".

Mà nhà ai lại chẳng thế ! Đứa nào mộc mạc nhất cũng đã từng buồn bã khi làm bữa cơm chiều. Ai lại không nghe, ít ra là một lần, nỗi đìu hiu của cái Ao Đời bằng phẳng. Chúng ta nhảy múa, gào khóc quay cuồng để cho có việc; nếu không, ta sẽ thấy một sự vắng vẻ vô cùng thê lương. Và dù siêng năng đến đâu, đôi lúc ta cũng bắt gặp ở đáy hồn ta một nỗi trống không rất tuyệt vọng.

Có phải vì vậy mà tôi thương hai cô gái kia chăng? Không biết. Tôi không thấy rõ duyên cớ; tôi chỉ thương mà thôi, thương một cách thành thực và dễ dàng. Tôi đã cảm giùm cho hai kẻ ngơ ngác, và lặng thinh ngắm một cảnh tà dương.

*

* *

Bởi vậy tôi đã nảy ra một ý : đến nói chuyện với hai Kiều. Ít nữa tôi cũng là một viên sỏi, một cục đá đến rơi xuống trên mặt nước phẳng lì của ngày nọ. Tôi định tâm làm cho hai cô tức, cáu, đem tặng hai cô cái hạnh phúc thấy mình cũng xẳng xớm rầy la một người khác. Tôi bèn ra vẻ láu táu, ráng lấy một bộ mặt bướng bỉnh. Tôi giả sử tôi là một người đến chọc ghẹo hai cô, và sự kém giáo dục của tôi để tôi vô lễ.

Tôi đã quên với lời và cử chỉ của tôi lúc ngừng lại nơi nhà dưới, khều cho hai cô nói chuyện với tôi. Nhưng tôi rất nhớ sự vồn vã của hai người, trả lời lại như đối với một vị cứu tinh. Hai cô có bao nhiêu ngọt ngào của lòng mình thì đem cả ra ngoài, lời hai cô hiền lành hơn trẻ nhỏ. Cái duyên dáng mà hai cô có thể có, hai cô đều phô bày ra hết để tiếp chuyện với tôi. Tôi đã thấy mắt cô em ướt hơn ngày thường...

Thế là thất vọng ! Tôi muốn họ hung tợn, họ lại thêm hiền lành, cái hiền hậu nó làm tôi khó chịu quá. Tôi sợ sự tự biết mình không thể an ủi được cảnh trống không của đời họ. Công việc ấy tôi không dám làm ; tôi chỉ có lòng thương, mà họ, họ cần tình yêu.

Tôi mong ở Phan, anh bạn "như không" của tôi, nguyền ước cho cái khóe cười của Phan hằng nở vì cô thiếu nữ : một lần nọ tôi sung sướng thấy Phan đi xem diễn kịch, và Quỳnh và Giao cũng đi...

Nhưng từ cái chiều xảy ra cuộc nói chuyện, tôi ngại ngùng, lành lạnh trong cảm giác, không đến thăm Phan để khỏi qua nhà hai cô. Sau hai tuần, khi đến tìm Phan, tôi ngẩn ngơ hay tin rằng Phan đã đổi chỗ ở.

(Trích *Phấn thông vàng*,
NXB Đời nay, Hà Nội, 1939)

Chú thích

(1) *Lầu ngà* (hay *tháp ngà*) : nơi tĩnh mịch, biệt lập để nhà văn ngồi sáng tác. Đây chỉ có nghĩa là nơi ở và học tập của Phan (giọng mỉa mai nhẹ nhàng). (2) *Lỡ cỡ* : dở dang. (3) *Kiều diễm* : đẹp – sắc đẹp mềm mại của phụ nữ. (4) *Hoành phi* : vật trang trí theo lối cổ treo ngang nhà, phía trên (thường treo phía trước bàn thờ tổ tiên) có chạm trổ và sơn son thếp vàng, ở giữa viết chữ lớn (chữ Hán), nội dung thường ca ngợi truyền thống đạo đức của gia đình chủ nhân. (5) *Thanh đạm* : ở đây có nghĩa là màu nhạt (đối nghĩa với rực rỡ, lộng lẫy). (6) *Khôi ngô* : cao lớn, đẹp đẽ. (7) *Tiêu tao* : buồn bã ("Lựa chi những khúc tiêu tao, Dột lòng mình cũng nao nao lòng người" – *Truyện Kiều*). (8) *Khi chiều giăng lưới qua muôn gốc cây* : một câu thơ của Xuân Diệu trong bài *Khi chiều giăng lưới (Gửi hương cho gió)* có hình ảnh con nai ngơ ngác trong rừng chiều.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

tuongxua.vn

*1. Chủ đề của truyện **Tỏa nhị Kiều** rất sâu sắc nhưng không dễ lĩnh hội. Cần nhận thức : do thức tỉnh sâu sắc về ý thức cá nhân, nghĩa là khao khát được sống mãnh liệt, sống có ý nghĩa, tác giả thương cho những kiếp người sống vô danh, vô nghĩa, sống bằng phẳng, quẩn quanh, không biết làm gì, không chờ đợi gì, những con người sống mà "như không hề" tồn tại trên đời.*

Thương người nhưng thực ra cũng là thương mình "Ai lại không nghe, ít ra là một lần, nỗi đìu hiu của cái Ao Đời bằng phẳng (...). Và dù siêng năng đến đâu, đôi lúc ta cũng bắt gặp ở đáy hồn ta một nỗi trống không rất tuyệt vọng".

Tác phẩm kích thích ta sống cho ra sống, phải làm sao cho sự tồn tại của cá nhân mình trên đời thực sự có ý nghĩa, nghĩa là có đóng góp cho đời bằng một hoạt động nào đó có ích, để không đến nỗi phải thương mình sống mà "như không".

*2. Phân tích truyện **Tỏa nhị Kiều** cần chú ý đến đặc điểm về mặt thể loại của nó. Tác giả gọi tác phẩm của mình là truyện ý tưởng. Nội dung truyện chỉ là những cảm nghĩ của tác giả phát biểu qua nhân vật người kể chuyện đứng ngôi thứ nhất : nhân vật Tôi. Truyện cũng có ngoại cảnh, cũng có các nhân vật khác có tên hay không tên. Nhưng xét ra đấy chỉ là những cái cớ để khơi gợi những cảm nghĩ của nhân vật Tôi mà thôi.*

Vậy phân tích truyện này, thực chất là phân tích tâm trạng, cảm nghĩ, hay nói như tác giả, phân tích những "ý tưởng" của nhân vật Tôi.

3. Câu hỏi hướng dẫn phân tích tác phẩm :

a) Nỗi buồn thương của nhân vật Tôi ở đây mang nội dung gì? Theo nhân vật Tôi, hai chị em Giao, Quỳnh đáng thương ở chỗ nào? Xét đến cùng, cái gốc của nỗi buồn thương của nhân vật Tôi là ở đâu?

b) Ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm?

c) Xuân Diệu gọi những truyện trong ***Phấn thông vàng*** *là loại "truyện ý tưởng". Đọc* ***Tóa nhị Kiều****, anh (chị) hiểu "truyện ý tưởng" có nghĩa là gì? Ai là nhân vật chủ chốt của loại truyện này?*

TRÀNG GIANG

HUY CẬN

Tiểu dẫn

Huy Cận tên khai sinh là Cù Huy Cận. Ông sinh năm 1919, trong một gia đình nhà nho nghèo gốc nông dân ở làng Ân Phú, huyện Hương Sơn (nay là xã Đức Ân, huyện Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh. Huy Cận lúc nhỏ học ở quê, sau vào Huế học trung học, rồi ra Hà Nội học trường Cao đẳng Canh nông. Từ 1942, ông tham gia phong trào sinh viên yêu nước và Mặt trận Việt minh, Huy Cận đã tham dự Quốc dân đại hội ở Tân Trào (8 - 1945) và được bầu vào Ủy ban dân tộc giải phóng (tức Chính phủ Cách mạng lâm thời sau đó). Sau Tổng khởi nghĩa tháng Tám 1945, ông là Bộ trưởng, Thứ trưởng trong chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Từ 1984, ông là Chủ tịch (rồi Phó chủ tịch) Ủy ban Trung ương Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam. Huy Cận đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - năm 1996). Tháng 6 năm 2001, Huy Cận được bầu là Viện sĩ Viện Hàn lâm thơ thế giới.

Huy Cận có thơ đăng báo từ 1936, cho in tập thơ đầu *Lửa thiêng* năm 1940 (gồm những bài đã đăng báo, khoảng 1936 - 1940) và trở thành một tên tuổi hàng đầu của phong trào Thơ mới lúc bấy giờ. Bao trùm *Lửa thiêng* là một nỗi buồn mênh mang da diết. Thiên nhiên trong tập thơ thường bao la, hiu quạnh, đẹp nhưng thường buồn. Nỗi buồn đó dường như vô cớ, siêu hình, nhưng xét đến cùng, chủ yếu là buồn thương về cuộc đời, kiếp người, về quê hương đất nước. Hồn thơ "ảo não", bơ vơ đó vẫn cố tìm được sự hài hòa và mạch sống âm thầm trong tạo vật và cuộc đời. Trong *Kinh cầu tự* (1942, văn xuôi triết lí) và *Vũ trụ ca* (thơ đăng báo 1940 – 1942), Huy Cận đã tìm đến ca ngợi niềm vui, sự sống trong vũ trụ vô biên song vẫn chưa thoát khỏi bế tắc.

thuongmaitr

Sau Cách mạng tháng Tám - nhất là từ 1958 – hồn thơ Huy Cận được khơi nguồn từ cuộc sống chiến đấu và lao động xây dựng của nhân dân, trở nên dồi dào, tràn đầy lạc quan. Các tập thơ của Huy Cận sau Cách mạng : *Trời mỗi ngày lại sáng* (1958), *Đất nở hoa* (1960), *Bài thơ cuộc đời* (1963), *Hai bàn tay em* (thơ thiếu nhi, 1967), *Những năm sáu mươi* (1968), *Chiến trường gần đến chiến trường xa* (1973), *Họp mặt thiếu niên anh hùng* (1973), *Những người mẹ, những người vợ* (1974), *Ngày hằng sống ngày hằng thơ* (1975), *Ngôi nhà giữa nắng* (1978), *Hạt lại gieo* (1984)...

Bài *Tràng giang* trích trong tập thơ *Lửa thiêng* là một trong những bài tiêu biểu và nổi tiếng nhất của Huy Cận trước Cách mạng tháng Tám 1945.

*

* *

Bâng khuâng trời rộng nhớ sông dài
H.C

Sóng gợn tràng giang[1] buồn điệp điệp,
Con thuyền xuôi mái nước song song.
Thuyền về nước lại, sầu trăm ngả;
Củi một cành khô lạc mấy dòng.

Lơ thơ cồn[2] nhỏ gió đìu hiu,
Đâu tiếng làng xa vãn chợ chiều.
Nắng xuống, trời lên sâu chót vót;
Sông dài, trời rộng, bến cô liêu[3].

truongxua.vn

Bèo dạt về đâu, hàng nối hàng,
Mênh mông không một chuyến đò ngang.
Không cầu gợi chút niềm thân mật,
Lặng lẽ bờ xanh tiếp bãi vàng.

Lớp lớp mây cao đùn núi bạc,
Chim nghiêng cánh nhỏ : bóng chiều sa.
Lòng quê dợn dợn vời con nước,
Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà[4].

(*Lửa thiêng*, NXB Đời nay, Hà Nội, 1940)

Chú thích

(1) *Tràng giang* : sông dài, cũng là sông lớn. (2) *Cồn* : gò đất hoặc cát ; đám đất (cát) nổi cao. (3) *Cô liêu* : trơ trọi, vắng vẻ. (4) Câu thơ này được gợi ra từ hai câu

thơ trong bài *Hoàng Hạc lâu* (Lầu Hoàng Hạc) của Thôi Hiệu (704-754), một nhà thơ đời Đường (Trung Quốc):

Nhật mộ hương quan hà xứ thị
Yên ba giang thượng sử nhân sầu.

Tản Đà dịch là :

Quê hương khuất bóng hoàng hôn
Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc diễn cảm bài thơ và phát biểu cảm tưởng chung về bức tranh thiên nhiên được miêu tả trong đó và về giọng điệu chung của bài thơ.

2. Có người nhận xét : cảnh sông dài trời rộng lúc chiều tà trong bài thơ vừa có dáng dấp cổ kính thường gặp trong thơ Đường, vừa gần gũi thân thuộc đối với người Việt Nam. Anh (chị) có chia sẻ với nhận xét đó không? Hãy chứng minh.

3. Qua bài thơ, ta thấy tác giả có tâm trạng như thế nào và có tâm sự gì?

thuongmaitr

4. Bài thơ có những nét đặc sắc nghệ thuật gì nổi bật?

5. Hãy chọn và phân tích một khổ thơ mà anh (chị) cảm thấy tâm đắc nhất trong bài thơ.

ĐÂY THÔN VĨ DẠ

HÀN MẶC TỬ

Tiểu dẫn

1. Hàn Mặc Tử (1912 - 1940) là một trong những nhà thơ lớn của phong trào Thơ mới (1932 - 1945). Tên khai sinh là Nguyễn Trọng Trí, người làng Lệ Mĩ, thị xã Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Gia đình công giáo nghèo, cha mất sớm. Học ở Huế chừng hai năm – trường Pelơranh (Pèlerin, 1928 - 1930). Sống nhiều ở Quy Nhơn. Một thời gian làm ở Sở đạc điền Bình Định. Sau đó vào Sài Gòn làm báo. Trở lại

Quy Nhơn khoảng 1936, khi bắt đầu mắc bệnh phong. Ông mất tại trại phong Quy Hòa, Quy Nhơn. Hàn Mặc Tử làm thơ từ 16 tuổi. Các bút danh : Phong Trần, Lệ Thanh. Từ 1936 mới lấy tên là Hàn Mặc Tử. Hàn Mặc Tử là một hồn thơ mãnh liệt nhưng luôn luôn quằn quại, đau đớn, dường như có một cuộc vật lộn và giằng xé dữ dội giữa linh hồn và xác thịt. Linh hồn muốn thoát khỏi xác phàm để bay tới cõi siêu nhiên sáng láng, thơm tho, tinh khiết, nhưng thực ra vẫn gắn bó với cuộc đời, với con người mà ông tha thiết yêu thương bằng một tình yêu trần thế. Ông tạo ra cho mình một thế giới nghệ thuật điên loạn, ma quái, xa lạ với đời thực. Trong thế giới đó có hai hình tượng sống động như hai nhân vật : hồn và trăng – cũng biết cười, biết khóc, biết gào thét, và cũng quằn quại, đau đớn. Bên cạnh những vần thơ điên loạn, thi sĩ nhiều khi lại sáng tạo nên những hình ảnh tuyệt mĩ và hồn nhiên, trong trẻo lạ thường (*Mùa xuân chín*, *Đây thôn Vĩ Dạ* là những ví dụ). Các tác phẩm của Hàn Mặc Tử : *Gái quê*, *Thơ Điên*, *Thượng thanh khí*, *Cẩm Châu duyên*, *Duyên kì ngộ* và *Quần tiên hội* (hai tác phẩm *Duyên kì ngộ* và *Quần tiên hội* là kịch thơ).

2. Thôn Vĩ Dạ (từ gốc là "vĩ dã", nghĩa là cánh đồng lau sậy) là một làng kề sát thành phố Huế, bên bờ sông Hương. Những quan lại, viên chức về hưu thường ở đây. Làng có những ngôi nhà xinh xắn ẩn hiện giữa những vườn cảnh, cây trái sum suê và đẹp. Hồi làm nhân viên Sở đạc điền Quy Nhơn, Hàn Mặc Tử có thầm yêu trộm nhớ một cô gái tên là Hoàng Thị Kim Cúc (một mối tình đơn phương), con ông chủ Sở đạc điền, người Huế. Một thời gian sau, Hàn Mặc Tử vào Sài Gòn làm báo, khi trở lại Quy Nhơn thì Hoàng Cúc đã theo gia đình về ở Vĩ Dạ. Một buổi kia, cô gái Huế do sự gợi ý của một người em thúc bá, bạn của Hàn Mặc Tử, gửi vào cho nhà thơ một tấm bưu ảnh chụp một phong cảnh sông nước có thuyền và bến, kèm theo mấy lời thăm hỏi để an ủi nhà thơ lúc này đã mắc bệnh hiểm nghèo – thăm hỏi nhưng không kí tên (theo thư của Hoàng Thị Kim Cúc gửi nhà thơ Quách Tấn đề ngày 15-4-1971). Bức bưu ảnh mà trí tưởng tượng của Hàn Mặc Tử gán cho là bến Vĩ Dạ, và dòng chữ của Hoàng Thị Kim Cúc đã gợi cảm hứng cho nhà thơ và gọi dậy những kỉ niệm ngày xưa của ông về Huế. Ông viết bài thơ *Đây thôn Vĩ Dạ* với câu mở đầu : "Sao anh không về chơi thôn Vĩ". Mối tình Hàn Mặc Tử – Hoàng Thị Kim Cúc tất nhiên có ảnh hưởng tới bài thơ. Tuy nhiên, không nên bám riết lấy câu chuyện ấy mà suy diễn về bài thơ một cách tùy tiện. Căn cứ chủ yếu để cảm, hiểu và đánh giá đúng bài thơ vẫn là chính văn bản thơ.

Đây thôn Vĩ Dạ (lúc đầu có tên : *Ở đây thôn Vĩ Dạ*) rút từ tập *Thơ Điên*.

*

* *

Sao anh không về chơi thôn Vĩ?
Nhìn nắng hàng cau nắng mới lên
Vườn ai mướt quá xanh như ngọc
Lá trúc che ngang mặt chữ điền?(1)

truongxua.vn

Gió theo lối gió, mây đường mây
Dòng nước buồn thiu, hoa bắp lay
Thuyền ai đậu bến sông trăng đó
Có chở trăng về kịp tối nay?

Mơ khách đường xa, khách đường xa
Áo em trắng quá nhìn không ra
Ở đây sương khói mờ nhân ảnh(2)
Ai biết tình ai có đậm đà?

Chú thích

(1) *Lá trúc che ngang mặt chữ điền :* tướng mạo người ta có một dạng được gọi là mặt (vuông) chữ điền. Đây là một loại tướng đẹp của những người có bản chất tốt, phúc hậu. Cần hiểu câu thơ trên theo nghĩa cách điệu hóa chứ không phải tả thực, tuy cách điệu hóa cũng xuất phát từ hiện thực. Cách điệu hóa thường chỉ giữ lại cái dáng điệu, cái đường nét chung của một sự thật, từ đó sáng tạo nên một hình tượng có ý nghĩa biểu trưng cho vẻ đẹp của sự thật ấy. Ở đây có lẽ nhà thơ muốn diễn tả những gương mặt hiền lành, phúc hậu thấp thoáng sau tre trúc nơi những vườn cây cảnh, cây trái xinh đẹp ở thôn Vĩ Dạ mỗi buổi sớm mai. (2) *Nhân ảnh* : bóng người. Trong *Cung oán ngâm khúc* của Nguyễn Gia Thiều có câu : "Mờ mờ nhân ảnh như người đi đêm".

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Những kỉ niệm đẹp, thơ mộng về Huế được diễn tả qua tâm hồn giàu tưởng tượng và cũng đầy thơ mộng của nhà thơ như thế nào? Phân tích từng đoạn thơ theo hướng này.

2. Mối tình xa xăm và vô vọng của nhà thơ đối với cô gái thôn Vĩ Dạ được gửi gắm một cách kín đáo như thế nào qua bài thơ?

3. Anh (chị) thích nhất hình ảnh nào, câu thơ nào trong bài thơ? Vì sao?

TỐNG BIỆT HÀNH

THÂM TÂM

Tiểu dẫn

Thâm Tâm (12-5-1917 – 18-8-1950) tên khai sinh là Nguyễn Tuấn Trình, sinh tại thị xã Hải Dương (nay là thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương) trong một gia đình nhà giáo nghèo. Khoảng năm 1938, Thâm Tâm cùng gia đình lên Hà Nội kiếm sống bằng vẽ tranh và bắt đầu làm thơ, viết văn (kịch, truyện ngắn, truyện dài). Thâm Tâm viết không nhiều nhưng sáng tác nào cũng độc đáo, mang dấu ấn riêng. Đặc biệt độc giả thích thơ Thâm Tâm vì cái hơi thơ trầm hùng, bi tráng.

Sau Cách mạng tháng Tám, Thâm Tâm hăng hái hoạt động văn nghệ cách mạng, và khi nổ ra cuộc kháng chiến toàn quốc, Thâm Tâm gia nhập bộ đội, làm thư kí tòa soạn báo *Vệ quốc quân*. Trên đường hành quân đi chiến dịch Cao - Bắc - Lạng, Thâm Tâm ngã bệnh nặng qua đời.

Tống biệt hành(1) là một bài thơ rất nổi tiếng. Một số bạn cũ của Thâm Tâm cho biết Thâm Tâm làm bài thơ này để tiễn một người bạn đi chiến khu.

*
* *

ruongxua.vn

Đưa người, ta không đưa qua sông(2),
Sao có tiếng sóng ở trong lòng?
Bóng chiều không thắm, không vàng vọt,
Sao đầy hoàng hôn trong mắt trong?
Đưa người, ta chỉ đưa người ấy,
Một giã(3) gia đình, một dửng dưng...

- Li khách(4)! Li khách ! Con đường nhỏ,
Chí nhớn chưa về bàn tay không,
Thì không bao giờ nói trở lại !
Ba năm, mẹ già cũng đừng mong.

Ta biết người buồn chiều hôm trước :
Bây giờ mùa hạ sen nở nốt,
Một chị, hai chị, cũng như sen,
Khuyên nốt em trai dòng lệ sót.

Ta biết người buồn sáng hôm nay :
Giời chưa mùa thu, tươi lắm thay,
Em nhỏ ngây thơ, đôi mắt biếc,
Gói tròn thương tiếc chiếc khăn tay...
Người đi? Ừ nhỉ, người đi thực !
Mẹ thà coi như chiếc lá bay,
Chị thà coi như là hạt bụi,
Em thà coi như hơi rượu say.

(*Thi nhân Việt Nam*.
Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Hành :* một thể thơ Trung Quốc cổ, viết khá tự do, phóng khoáng. Với các nhà thơ Thâm Tâm, Nguyễn Bính, các bài *hành* thường được sử dụng để diễn tả một tâm trạng bi phẫn, bi hùng (ví dụ *Tống biệt hành, Hành phương nam, Vọng nhân hành*). (2) *Không đưa qua sông :* Thâm Tâm gợi lại điển tích Kinh Kha, người kiếm khách thời Chiến quốc. Kinh Kha tự nguyện đi hành thích vua Tần Thủy Hoàng để trừ khử một tên bạo chúa. Những người đưa tiễn Kinh Kha đến sông Dịch. Kinh Kha ngâm câu thơ : "Gió đìu hiu sông Dịch lạnh lùng ghê, Tráng sĩ một đi không trở về" và khẳng khái vượt sông. Nhưng việc hành thích không thành, Kinh Kha bị băm nát thây ở trong cung của Tần Thủy Hoàng. (3) *Giã :* từ giã. (4) *Li khách :* người ra đi.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Đọc bằng giọng trầm hùng cảm khái nhấn vào từng từ, nêu bật giá trị âm điệu của bài thơ.

2. "Có tiếng sóng ở trong lòng", "đầy hoàng hôn trong mắt trong" – hai chi tiết ấy diễn tả những tâm trạng gì? Tại sao lại có những tâm trạng ấy ở người đưa tiễn? Những tâm trạng ấy có mâu thuẫn với nhau không?

3. Người ra đi thì thế nào? Có ngần ngại không? Có quyết tâm không? Tại sao?

4. Trong bài thơ có những câu đọc lên nghe không êm tai (Ví dụ : "Ta biết người buồn chiều hôm trước, Bây giờ mùa hạ sen nở nốt"...).

Có thể dẫn ra một số câu khác. Tác giả có dụng ý gì trong việc viết những câu thơ này? Để gây hiệu quả nghệ thuật gì?

5. Hãy nêu cảm tưởng về thế hệ thanh niên cùng thời với nhân vật mà nhà thơ gọi là "người".

ĐỌC THÊM

TIẾNG SÁO THIÊN THAI

THẾ LỮ

Tiểu dẫn

Thế Lữ (1907 – 1989) tên khai sinh là Nguyễn Thứ Lễ, quê ở xã Phù Đổng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội). Học hết bậc thành chung (bậc học tương đương với trung học cơ sở hiện nay), Thế Lữ vào Cao đẳng mĩ thuật Đông Dương một năm, rồi bỏ học. Từ năm 1932, Thế Lữ tham gia nhóm Tự Lực văn đoàn viết trên các tờ *Phong hóa, Ngày nay*. Ông làm thơ, viết tiểu thuyết. Với bút hiệu khác là Lê Ta, Thế Lữ còn viết văn châm biếm, đả kích.

truongxua.vn

Thế Lữ vẫn được xem là người mở đầu phong trào Thơ mới. Ông tự nhận mình là "cây đàn muôn điệu". Điều ấy đúng, sáng tác của ông khá đa dạng. Về thơ, ông có những bài ý và lời thật hiện đại, nhưng bên cạnh đó không ít bài mà cảm hứng và ngôn ngữ có phần "cổ", những bài này lại được truyền tụng rộng rãi (Ví dụ : *Giây phút chạnh lòng*). Sáng tác thơ của Thế Lữ được xuất bản thành hai tập : *Mấy vần thơ* (1935) và *Mấy vần thơ – tập mới* (1940). Tập đầu gồm những bài có khuynh hướng tìm cái Đẹp, ca ngợi cái Đẹp "Vẻ đẹp u trầm, đắm đuối, hay ngây thơ, Cũng như vẻ đẹp cao siêu, hùng tráng" *(Cây đàn muôn điệu)*. Nhìn chung, đó là những bài thơ lành mạnh tuy mang nhiều chất mơ mộng. Tập sau hơi nặng tư tưởng bi quan, yếm thế và nghệ thuật "có phần kém trước" (*Thi nhân Việt Nam* – Hoài Thanh và Hoài Chân). Từ 1937, ông chuyển sang sân khấu (làm soạn giả, đạo diễn, diễn viên và chủ gánh kịch). Ông dàn dựng những vở kịch vui, có giá trị hiện thực phê phán *(Lọ vàng, Ông kí cóp)* hoặc lãng mạn một cách nhẹ nhàng, duyên dáng *(Tục lụy)*. Sau Cách mạng tháng Tám, Thế Lữ sáng tác, dịch và dàn dựng nhiều vở kịch dài, ngắn có nội dung yêu nước và cách mạng. Ông là Chủ tịch Hội nghệ sĩ sân khấu và được tặng danh hiệu Nghệ sĩ Nhân dân. Năm 2000, Thế Lữ được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt II).

Thế Lữ còn viết các tiểu thuyết về đề tài "đường rừng", "kinh dị", trinh thám : *Vàng và máu* (1934), *Bên đường thiên lôi* (1936), *Lê Phong phóng viên* (1937), *Gói thuốc lá* (1940).

Bài thơ *Tiếng sáo Thiên Thai* là một bài thơ tiêu biểu cho thời kì đầu sáng tác của Thế Lữ.

*

* *

Ánh xuân lướt cỏ xuân tươi,
Bên rừng thổi sáo một hai Kim Đồng[1].
Tiếng đưa hiu hắt bên lòng,
Buồn ơi ! Xa vắng, mênh mông là buồn...
Tiên nga tóc xõa bên nguồn,
Hàng tùng rủ rỉ trên cồn đìu hiu;
Mây hồng ngừng lại sau đèo,
Mình cây nắng nhuộm, bóng chiều không đi.
Trời cao, xanh ngắt – Ô kìa !
Hai con hạc trắng bay về Bồng Lai[2].
Theo chim, tiếng sáo lên khơi,
Lại theo dòng suối bên người Tiên Nga;
Khi cao, vút tận mây mờ,
Khi gần, vắt vẻo bên bờ cây xanh;
Êm như lọt tiếng tơ tình,
Đẹp như Ngọc Nữ uốn mình trong không.
Thiên Thai thoảng gió mơ mòng,
Ngọc Chân[3] buồn tưởng tiếng lòng xa bay...

(*Thi nhân Việt Nam.* Sách đã dẫn)

Chú thích

(1) *Kim Đồng :* theo truyền thuyết, Kim Đồng và Ngọc Nữ là đôi thiếu niên trai gái rất xinh đẹp đứng hầu hai bên Phật Bà Quan Âm ; về sau mở rộng nghĩa nói về các thiếu niên khôi ngô, xinh xắn. (2) *Bồng Lai :* theo truyền thuyết là một hòn đảo tiên ở ngoài biển. (3) *Ngọc Chân :* tên một nàng tiên trong truyền thuyết.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc bài thơ, với những cảnh miêu tả, nhất là với những cái tên Thiên Thai, Bồng Lai, Kim Đồng, Ngọc Nữ, Ngọc Chân,... ta có cảm tưởng đây là cảnh tiên. Có những nét đẹp kì thú và thanh khiết của núi rừng, sự sinh hoạt và tâm lí giản dị hồn nhiên của người miền núi (tắm suối, thổi sáo).

2. Trong khung cảnh ấy, nhà thơ thả hồn vào cõi mộng mơ, hòa mình vào cuộc sống ấy, nhưng bỗng lại cảm thấy buồn. Đây là mâu thuẫn trong

thuongmaitr

*còn người Thế Lữ : muốn nhưng không thoát li được khỏi cuộc sống bon chen, phức tạp. Trong bài **Mấy vần ngây thơ**, Thế Lữ viết :*

"Ở đây mây núi, cây rừng,
Nước non thanh sạch cách chừng phồn hoa.
...
Thân tuy muốn thoát duyên trần,
Nhưng còn vướng mối nợ trần muôn năm".

*3. Thử so sánh cách tả tiếng sáo ở đây với cách tả tiếng đàn trong bài **Nguyệt cầm** (Xuân Diệu) để thấy sự giống và khác nhau.*

TƯƠNG TƯ

NGUYỄN BÍNH

Tiểu dẫn

Nguyễn Bính (1918 - 1966) tên khai sinh là Nguyễn Trọng Bính. Năm 1943 khi mới lưu lạc ở Nam Bộ, ông lấy tên là Nguyễn Bính Thuyết. Nguyễn Bính sinh năm 1918 tại làng Thiện Vịnh (nay thuộc xã Cộng Hòa), huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định, trong một gia đình nhà nho nghèo. Mẹ mất sớm, Nguyễn Bính theo anh (nhà thơ Trúc Đường) ra Hà Nội kiếm sống.

Nguyễn Bính làm thơ rất sớm, từ năm 14, 15 tuổi. *Cô hái mơ* là bài thơ đăng báo đầu tiên. Năm 1937, được Tự Lực văn đoàn tặng giải thưởng về tập thơ *Tâm hồn tôi*. Ông liên tiếp cho in nhiều tập thơ : *Lỡ bước sang ngang* (1940), *Hương cố nhân*, *Một nghìn cửa sổ* (1941), *Người con gái ở lầu hoa*, *Mây Tần*, *Mười hai bến nước* (1942)... Nhiều bài được đông đảo độc giả nữ giới mến mộ, truyền tụng. Ông tham gia kháng chiến chống thực dân Pháp ở Nam Bộ. Năm 1954, tập kết ra Bắc. Ông mất đột ngột ngày 20-1-1966 ở Nam Định. Nguyễn Bính đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt II - năm 2000).

Những tác phẩm sau Cách mạng : *Ông lão mài gươm* (1947), *Đồng Tháp Mười*, *Gửi người vợ miền Nam* (1955), *Cô Son* (chèo – 1961), *Đêm sao sáng* (1962), *Người lái đò sông Vị* (chèo – 1964), v.v...

Trong khi hầu hết các thi sĩ trong phong trào Thơ mới chịu ảnh hưởng của thơ phương Tây, Nguyễn Bính vẫn gắn bó và hấp thụ tinh hoa ca dao, dân ca, truyện thơ dân gian. Ông trở thành một trong vài ba nhà thơ được đại chúng biết đến nhiều nhất chính vì trong những bài thơ thành công hơn cả của ông hiển hiện cảnh quê, thấm đượm tình quê, hồn quê nước Việt. Thơ ông gợi lên những hình ảnh bình dị thân quen như hàng cau, giàn trầu, rặng mùng tơi, thôn Đoài, thôn Đông... ; những nam

tuongxua.vn

nữ thanh niên hồn nhiên chất phác, yêu đời ; những mối tình trong sáng nhưng trắc trở, chua xót, phải "lỡ bước sang ngang". Nguyễn Bính sử dụng rất nhuyễn thể thơ lục bát, vì vậy thơ ông càng dễ phổ cập.

Bài *Tương tư*[1] in trong tập thơ *Lỡ bước sang ngang* (1940).

*

* *

Thôn Đoài[2] ngồi nhớ thôn Đông,
Một người chín nhớ mười mong một người.
Gió mưa là bệnh của giời,
Tương tư là bệnh của tôi yêu nàng.
Hai thôn chung lại một làng,
Cớ sao bên ấy chẳng sang bên này?
Ngày qua ngày lại qua ngày,
Lá xanh nhuộm đã thành cây lá vàng.
Bảo rằng cách trở đò giang[3],
Không sang là chẳng đường sang đã đành.
Nhưng đây cách một đầu đình,
Có xa xôi mấy mà tình xa xôi...

Tương tư thức mấy đêm rồi,
Biết cho ai, hỏi ai người biết cho!
Bao giờ bến mới gặp đò?
Hoa khuê các[4] bướm giang hồ[5] gặp nhau?

Nhà em có một giàn giầu,
Nhà anh có một hàng cau liên phòng[6].
Thôn Đoài thì nhớ thôn Đông,
Cau thôn Đoài nhớ giầu không thôn nào?

(*Lỡ bước sang ngang*,
NXB Hương Sơn, Hà Nội, 1940)

Chú thích

(1) *Tương tư* : nhớ nhau. Thường dùng cho trai gái khi yêu nhau. (2) *Thôn Đoài* : thôn phía Tây. (3) *Cách trở đò giang* : cách sông, cách đò. (4) *Khuê các* : là nơi ở của phụ nữ quý phái, giàu sang. *Hoa khuê các* : ý nói người con gái nơi khuê các như hoa trong vườn quý. (5) *Giang hồ* : là sông hồ, chỉ người sống phiêu bạt, nay đây mai đó. *Bướm giang hồ* : ý nói người con trai có máu giang hồ như con bướm bay lượn đó đây. (6) *Cau liên phòng* : loại cau thấp, ra quả quanh năm. Tên khác dân dã hơn : *cau lợn cọ* (ý nói buồng cau thấp đến mức lợn có thể cọ vào).

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Tương tư là nhớ nhau. Nhưng ở đây có thật cả hai bên nhớ nhau hay chỉ có một bên nhớ mà thôi?

2. Nỗi nhớ mong của người con trai thì dễ hiểu, nhưng lời trách móc của anh thì có lí hay vô lí? Nỗi nhớ và lời trách ấy khiến ta có nhận xét gì về quy luật của tình yêu?

3. Hình ảnh mến thương của làng quê Việt Nam qua bài thơ.

4. Bài thơ đã tiếp nhận những nét đặc sắc nào của nghệ thuật thơ ca dân gian? (giọng điệu thơ, hệ thống hình ảnh, cách ví von).

HAI ĐỨA TRẺ

THẠCH LAM

Tiểu dẫn

truongxua.vn

1. Thạch Lam (1910 – 1942) tên khai sinh là Nguyễn Tường Vinh, sau đổi thành Nguyễn Tường Lân. Bút danh khác : Việt Sinh. Ông sinh và mất tại Hà Nội, nhưng có một thời gian lúc còn thơ ấu, Thạch Lam sống với gia đình ở huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Ông là em ruột hai nhà văn Nhất Linh và Hoàng Đạo. Sau khi đỗ tú tài phần thứ nhất, ông làm báo viết văn cùng các anh và trở thành một trong những cây bút chủ chốt của hai tờ tuần báo *Phong hóa*, *Ngày nay* – cơ quan ngôn luận của nhóm Tự Lực văn đoàn. Ông mất vì bệnh lao, ngày 28 - 6 - 1942.

2. Thạch Lam không thành công trong tiểu thuyết nhưng là cây bút viết truyện ngắn tài hoa xuất sắc. Có những truyện nghiêng về cuộc sống vất vả, cơ cực, bế tắc của nông dân, tiểu tư sản, thị dân nghèo *(Nhà mẹ Lê, Đói, Người bạn trẻ, Người học trò, Tối ba mươi...)*. Nhiều truyện khác lại tập trung khai thác những khía cạnh bình thường mà nên thơ trong cuộc sống *(Gió lạnh đầu mùa, Tiếng chim kêu, Đứa con đầu lòng...)*.

Truyện ngắn của Thạch Lam thường không có cốt truyện đặc biệt. Mỗi truyện là một bài thơ trữ tình đượm buồn. Nhà thơ đi sâu khai thác thế giới nội tâm nhân vật với những cảm xúc, cảm giác mơ hồ, mong manh, tinh tế. Hai yếu tố "hiện thực" và "thi vị, trữ tình" luôn đan cài, xen kẽ vào nhau, tạo nên nét đặc thù, đặc sắc khó lẫn trong phong cách nghệ thuật của ông.

3. Tác phẩm chính của Thạch Lam : *Gió đầu mùa* (tập truyện ngắn – 1937), *Nắng trong vườn* (tập truyện ngắn – 1938), *Ngày mới* (tiểu thuyết – 1939), *Theo dòng*

(bình luận văn học – 1941), *Sợi tóc* (tập truyện ngắn – 1942), *Hà Nội băm sáu phố phường* (bút kí – 1943) và hai phóng sự dài *Hà Nội ban đêm (Phong hóa*, 1936), *Một tháng ở nhà thương (Phong hóa*, 1937).

Truyện *Hai đứa trẻ* in trong tập *Nắng trong vườn.*

*

* *

Tiếng trống thu không(1) trên cái chòi của huyện nhỏ; từng tiếng một vang ra để gọi buổi chiều. Phương tây, đỏ rực như lửa cháy và những đám mây ánh hồng như hòn than sắp tàn. Dãy tre làng trước mặt đen lại và cắt hình rõ rệt trên nền trời.

Chiều, chiều rồi. Một chiều êm ả như ru, văng vẳng tiếng ếch nhái kêu ran ngoài đồng ruộng theo gió nhẹ đưa vào. Trong cửa hàng hơi tối, muỗi đã bắt đầu vo ve. Liên ngồi yên lặng bên mấy quả thuốc sơn đen; đôi mắt chị bóng tối ngập đầy dần và cái buồn của buổi chiều quê thấm thía vào tâm hồn ngây thơ của chị ; Liên không hiểu sao, nhưng chị thấy lòng buồn man mác trước cái giờ khắc của ngày tàn.

– Em thắp đèn lên chị Liên nhé?

Nghe tiếng An, Liên đứng dậy trả lời :

– Hẵng thong thả một lát nữa cũng được. Em ra ngồi đây với chị kẻo ở trong ấy muỗi.

An bỏ bao diêm xuống bàn cùng chị ra ngoài chõng ngồi, chiếc chõng nan lún xuống và kêu cót két.

– Cái chõng này sắp gãy rồi chị nhỉ?

– Ừ để rồi chị bảo mẹ mua cái khác thay vào.

Hai chị em gượng nhẹ ngồi yên nhìn ra phố. Các nhà đã lên đèn cả rồi, đèn treo trong nhà bác phở Mĩ, đèn hoa kì leo lét trong nhà ông Cửu, và đèn dây sáng xanh trong hiệu khách... Những nguồn sáng ấy đều chiếu ra ngoài phố khiến cát lấp lánh từng chỗ và đường mấp mô thêm vì những hòn đá nhỏ một bên sáng, một bên tối.

thuongmaitr

Chợ họp giữa phố vãn từ lâu. Người về hết và tiếng ồn ào cũng mất. Trên đất chỉ còn rác rưởi, vỏ bưởi, vỏ thị, lá nhãn và lá mía. Một mùi âm ẩm bốc lên, hơi nóng của ban ngày lẫn mùi cát bụi quen thuộc quá, khiến chị em Liên tưởng là mùi riêng của đất, của quê hương này. Một vài người bán hàng về muộn đang thu xếp hàng hóa, đòn gánh đã xỏ sẵn vào quang rồi, họ còn đứng nói chuyện với nhau ít câu nữa.

Mấy đứa trẻ con nhà nghèo ở ven chợ cúi lom khom trên mặt đất đi lại tìm tòi. Chúng nhặt nhạnh thanh nứa, thanh tre, hay bất cứ cái gì có thể dùng được của các người bán hàng để lại. Liên trông thấy động lòng thương nhưng chính chị cũng không có tiền để mà cho chúng nó.

Trời nhá nhem tối, bây giờ chị em Liên mới thấy thằng cu bé xách điếu đóm và khiêng hai cái ghế trên lưng ở trong ngõ đi ra; chị Tí, mẹ nó, theo sau, đội cái chõng trên đầu và tay mang không biết bao nhiêu là đồ đạc : tất cả cái cửa hàng của chị.

– Sao hôm nay chị dọn hàng muộn thế?

truongxua.vn

Chị Tí để chõng xuống đất, bày biện các bát uống nước mãi rồi mới chép miệng trả lời Liên :

– Ối chao, sớm với muộn mà có ăn thua gì.

Ngày, chị đi mò cua bắt tép; tối đến chị mới dọn cái hàng nước này dưới gốc cây bàng, bên cạnh cái mốc gạch. Để bán cho ai? Mấy người phu gạo hay phu xe, thỉnh thoảng mấy chú lính lệ[2] trong huyện hay người nhà thầy thừa[3] đi gọi chân tổ tôm, cao hứng vào hàng chị uống bát nước chè tươi và hút điếu thuốc lào. Chị Tí chả kiếm được bao nhiêu, nhưng chiều nào chị cũng dọn hàng, từ chập tối cho đến đêm.

Chị kê xong chõng, ghế, dịch ngọn đèn hoa kì lại ngồi têm trầu, còn thằng cu thì loay hoay nhóm lửa để nấu nồi nước chè. Lúc bấy giờ chị mới ngẩng đầu lên nói chuyện với Liên :

– Còn cô chưa dọn hàng à?

Liên giật mình, kêu khẽ : "Chết chửa !". Rồi đứng dậy giục em :

– Vào đóng cửa hàng thôi, không mẹ ra mắng chết.

An đáp :

– Hôm nay chưa chắc mẹ có ra không, chị ạ. Mẹ còn bận làm gạo cơ mà.

Ngày nào, cứ chập tối, mẹ Liên lại tạt ra thăm hàng một lần, và bà dặn cứ trống thu không là phải đóng cửa hàng lại. Thế mà Liên mải nhìn phố quên mất ! Bây giờ Liên vội vàng vào thắp đèn, xếp những quả[4] sơn đen lại, trong lúc An đi tìm then để cài cửa cho chắc chắn. Cái cửa hàng hai chị em trông coi là một cửa hàng tạp hóa nhỏ xíu, mẹ Liên dọn ngay từ khi cả nhà bỏ Hà Nội về quê ở, vì thầy Liên mất việc. Một gian hàng bé thuê lại của bà lão móm, ngăn ra bằng một tấm phên nứa dán giấy nhật trình[5]. Mẹ Liên giao cho Liên trông coi – bà còn bận làm hàng xáo[6] – và buổi tối thì hai chị em cùng ngủ ở đây để trông hàng.

Liên đếm lại những phong thuốc lào, xếp vào hòm những bánh xà phòng còn lại, vừa lẩm nhẩm tính tiền hàng. Hôm nay, ngày phiên[7] mà bán hàng cũng chẳng ăn thua gì.

– Có phải buổi trưa em bán cho bà Lực hai bánh xà phòng không?

An ngẫm nghĩ rồi đáp :

– Vâng, bà ta mua hai bánh còn cụ Chi lấy nửa bánh nữa.

Liên với cái bàn tính để cộng số tiền. Nhưng trong hàng nóng và muỗi quá, chị ngần ngại rồi xếp tất cả tiền vào tráp[8], không tính nữa.

– Thôi, để mai tính một thể.

An nhìn chị, chỉ đợi lúc ấy. Hai chị em cũng vội muốn đóng cửa hàng để ra ngoài kia, ngồi trên chõng ngắm nhìn phong cảnh ngoài phố. Liên khóa vội tráp tiền với một chiếc khóa chị đeo vào cái dây xà tích bạc ở thắt lưng, chiếc xà tích[9] và cái khóa chị quý mến và hãnh diện, vì nó tỏ ra chị là người con gái lớn và đảm đang.

– A, cô bé làm gì thế?

Nghe câu nói tiếp theo một tiếng cười khanh khách, chị em Liên không cần ngoảnh mặt ra cũng biết là ai đã vào hàng. Đó là cụ Thi một bà già hơi điên vẫn mua rượu ở hàng Liên. Liên đã biết tính bà, chị lẳng lặng rót một cút rượu ti[10] đầy đưa cho cụ; chị không dám nhìn mặt cụ, và trong lòng hơi run sợ, chị mong cho cụ chóng đi. Cụ cầm cút rượu soi lên cười rồi giòn giã nói :

– A, em Liên thảo[11] nhỉ. Hôm nay lại rót đầy cho chị đây.

Cụ ngửa cổ ra đằng sau, uống một hơi cạn sạch, rồi vừa chép miệng vừa lần ruột tượng trả tiền. Cụ để ba đồng xu vào tay Liên, xoa đầu chị một cái rồi lảo đảo bước ra ngoài. Hai chị em Liên đứng sững nhìn theo cụ đi lần vào bóng tối, tiếng cười khanh khách nhỏ dần về phía làng.

Trời đã bắt đầu đêm, một đêm mùa hạ êm như nhung và thoảng qua gió mát. Đường phố và các ngõ con dần dần chứa đầy bóng tối. Các nhà đã đóng cửa im ỉm, trừ một vài cửa hàng còn thức, nhưng cửa chỉ để hé ra một khe ánh sáng. Trẻ con tụ họp nhau ở thềm hè, tiếng cười nói vui vẻ, khiến An thèm muốn nhập bọn với chúng để nô đùa, nhưng sợ trái lời mẹ dặn phải coi hàng, nên hai chị em đành ngồi yên trên chõng, đưa mắt theo dõi những người về muộn, từ từ đi trong đêm.

Vòm trời hàng ngàn ngôi sao ganh nhau lấp lánh, lẫn với vệt sáng của những con đom đóm bay là là trên mặt đất hay len vào những cành cây. An và Liên lặng ngước mắt lên nhìn các vì sao để tìm sông Ngân Hà và con vịt theo sau ông Thần Nông[12]. Vũ trụ thăm thẳm bao la đối với tâm hồn hai đứa trẻ như đầy bí mật và xa lạ và làm mỏi trí nghĩ, nên chỉ một lát hai chị em lại chúi nhìn về mặt đất, về quầng sáng thân mật xung quanh ngọn đèn lay động trên chõng hàng của chị Tí. Về phía huyện, một chấm lửa khác nhỏ và vàng lơ lửng đi trong đêm tối, mất đi, rồi lại hiện ra...

An trỏ tay bảo chị :

– Kìa, hàng phở của bác Siêu đến kia rồi.

Tiếng đòn gánh kĩu kịt nghe rõ rệt, khói theo gió tạt lại chỗ hai chị em. Bác Siêu đã tới gần, đặt gánh phở xuống đường. Bác cúi xuống nhóm lại lửa, thổi vào cái ống nứa con. Bóng bác mênh mang ngả xuống đất một vùng và kéo dài đến tận hàng rào hai bên ngõ. An và Liên ngửi thấy mùi phở thơm, nhưng ở cái huyện nhỏ này, quà bác Siêu là một thứ quà xa xỉ, nhiều tiền, hai chị em không bao giờ mua được. Liên nhớ lại khi ở Hà Nội chị được hưởng những thức quà ngon, lạ – bấy giờ mẹ Liên nhiều tiền, được đi chơi bờ Hồ [13] uống những cốc nước lạnh xanh đỏ. Ngoài ra, kỉ niệm còn nhớ lại không rõ rệt gì, chỉ là một vùng sáng rực và lấp lánh. Hà Nội nhiều đèn quá, từ khi nhà Liên dọn về đây, từ khi có cái cửa hàng này, đêm nào Liên và em cũng phải ngồi trên chiếc chõng tre dưới gốc cây bàng với cái tối của quang cảnh phố chung quanh.

Đêm tối đối với Liên quen lắm, chị không sợ nó nữa. Tối hết cả, con đường thăm thẳm ra sông, con đường qua chợ về nhà, các ngõ vào làng lại càng sẫm đen hơn nữa. Giờ chỉ còn ngọn đèn con của chị Tí và cả cái bếp lửa của bác Siêu, chiếu sáng một vùng đất cát, trong cửa hàng, ngọn đèn của Liên, ngọn đèn vặn nhỏ, thưa thớt từng hột sáng lọt qua phên nứa. Tất cả phố xá trong huyện bây giờ đều thu nhỏ lại, nơi hàng nước của chị Tí. Thêm được một gia đình bác xẩm[14] ngồi trên manh chiếu, cái thau sắt trắng để trước mặt, nhưng bác chưa hát vì chưa có khách nghe.

Chị Tí phe phẩy cành chuối khô đuổi ruồi bò trên mấy thức hàng, chậm rãi nói :

– Giờ muộn thế này mà họ chưa ra nhỉ?

Chị muốn nói mấy chú lính trong huyện, mấy người nhà của cụ thừa, cụ lục [15] là những khách hàng quen của chị. Bác Siêu đáp vẩn vơ :

– Hôm nay trong ông giáo cũng có tổ tôm. Dễ họ không phải đi gọi đâu.

Vợ chồng bác xẩm góp chuyện bằng mấy tiếng đàn bầu bật trong yên lặng. Thằng con bò ra đất, ngoài manh chiếu, nghịch nhặt những

rác bẩn vùi trong cát bên đường. Chừng ấy người trong bóng tối mong đợi một cái gì tươi sáng cho sự sống nghèo khổ hằng ngày của họ.

An và Liên đã buồn ngủ ríu cả mắt. Tuy vậy hai chị em vẫn gượng để thức khuya chút nữa, trước khi vào hàng đóng cửa đi ngủ. Mẹ vẫn dặn phải thức đến khi tàu xuống – đường sắt đi ngang qua ngay trước mặt phố – để bán hàng, may ra còn có một vài người mua. Nhưng cũng như mọi đêm, Liên không trông mong còn ai đến mua nữa. Với lại, đêm họ chỉ mua cho bao diêm hay gói thuốc là cùng. Liên và em cố thức là vì cớ khác, vì muốn được nhìn chuyến tàu, đó là sự hoạt động cuối cùng của đêm khuya.

An đã nằm xuống gối đầu lên đùi chị, mi mắt sắp sửa rơi xuống còn dặn với :

– Tàu đến chị đánh thức em dậy nhé.

– Ừ, em cứ ngủ đi.

Liên khẽ quạt cho An, vuốt lại mái tóc tơ. Đầu em bé nặng dần trên người Liên, chị ngồi yên không động đậy. Qua kẽ lá của cành bàng, ngàn sao vẫn lấp lánh; một con đom đóm bám vào dưới mặt lá, vùng sáng nhỏ xanh nhấp nháy rồi hoa bàng rụng xuống vai Liên khe khẽ, thỉnh thoảng từng loạt một. Tâm hồn Liên yên tĩnh hẳn, có những cảm giác mơ hồ không hiểu.

Trống cầm canh[16] ở huyện đánh tung lên một tiếng ngắn khô khan, không vang động ra xa, rồi chìm ngay vào bóng tối. Người vắng mãi, trên hàng ghế chị Tí mới có hai, ba bác phu ngồi uống nước và hút thuốc lào. Nhưng một lát từ phố huyện đi ra, hai ba người cầm đèn lồng lung lay các bóng dài : mấy người làm công ở hiệu khách đi đón bà chủ ở tỉnh về. Bác Siêu nghển cổ nhìn ra phía ga, lên tiếng :

– Đèn ghi[17] đã ra kia rồi.

Liên cũng trông thấy ngọn lửa xanh biếc, sát mặt đất như ma trơi. Rồi tiếng còi xe lửa ở đâu vang lại, trong đêm khuya kéo dài ra theo ngọn gió xa xôi. Liên đánh thức em :

– Dậy đi, An. Tàu đến rồi.

An nhỏm dậy, lấy tay dụi mắt cho tỉnh hẳn. Hai chị em nghe thấy tiếng dồn dập, tiếng xe rít mạnh vào ghi. Một làn khói bừng sáng trắng lên đằng xa, tiếp đến tiếng hành khách ồn ào khe khẽ. Mấy năm nay buôn bán kém nên người lên xuống ít, có khi hai chị em đợi chờ chẳng thấy ai. Trước kia, ở sân ga, có mấy hàng cơm mở đón khách, đèn sáng cho đến nửa đêm. Nhưng bây giờ họ đóng cửa cả rồi, cũng im lặng tối đen như ngoài phố.

Hai chị em chờ không lâu. Tiếng còi đã rít lên, và tàu rầm rộ đi tới. Liên dắt em đứng dậy để nhìn đoàn xe vụt qua, các toa đèn sáng trưng, chiếu ánh cả xuống đường. Liên chỉ thoáng trông thấy những toa hạng trên sang trọng lố nhố những người, đồng và kền lấp lánh, và các cửa kính sáng. Rồi chiếc tàu đi vào đêm tối, để lại những đốm than đỏ bay tung trên đường sắt. Hai chị em còn nhìn theo cái chấm nhỏ của chiếc đèn xanh treo trên toa sau cùng, xa xa mãi rồi khuất sau rặng tre.

– Tàu hôm nay không đông, chị nhỉ.

thuongmaitr

Liên cầm tay em không đáp. Chuyến tàu đêm nay không đông như mọi khi, thưa vắng người và hình như kém sáng hơn. Nhưng họ ở Hà Nội về ! Liên lặng theo mơ tưởng. Hà Nội xa xăm, Hà Nội sáng rực vui vẻ và huyên náo. Con tàu như đã đem một chút thế giới khác đi qua. Một thế giới khác hẳn, đối với Liên, khác hẳn các vầng sáng ngọn đèn của chị Tí và ánh lửa của bác Siêu. Đêm tối vẫn bao bọc chung quanh, đêm của đất quê, và ngoài kia, đồng ruộng mênh mang và yên lặng.

– Thôi đi ngủ đi chị.

Liên vỗ vai em ngồi xuống chõng. An cũng ngồi xuống và ngả đầu vào vai Liên. Tiếng vang động của xe hỏa đã nhỏ rồi, và mất dần trong bóng tối, lắng tai cũng không nghe thấy nữa. Sao trên trời vẫn lấp lánh. Cả phố huyện bây giờ mới thật là hết náo động, chỉ còn đêm khuya, tiếng trống cầm canh và tiếng chó cắn. Từ phía ga, bóng đèn lồng với bóng người đi về; chị Tí đương sửa soạn đồ đạc

và bác Siêu đã gánh hàng đi vào trong làng, còn vợ chồng bác xẩm ngủ gục trên manh chiếu tự bao giờ.

Liên quay lại nhìn em, thấy An cũng đã ngủ say tay nắm chặt tà áo chị và đầu vẫn dựa vào vai. Liên nhìn quanh đêm tối, gió đã thoáng lạnh và đom đóm không còn nữa. Chị cúi xuống vực em vào trong hàng, mắt cũng ríu lại. Chị gài cẩn thận và vặn nhỏ ngọn đèn đặt trên cái quả thuốc sơn đen. Rồi Liên đến bên em nằm xuống. Chị gối đầu lên tay nhắm mắt lại. Những cảm giác ban ngày lắng đi trong tâm hồn Liên và hình ảnh thế giới quanh mình, mờ mờ đi trong mắt chị. Liên thấy mình sống giữa bao nhiêu sự xa xôi không biết như chiếc đèn con của chị Tí chỉ chiếu sáng một vùng đất nhỏ. Nhưng Liên không nghĩ được lâu, mắt chị nặng dần, rồi sau Liên ngập vào giấc ngủ yên tĩnh, cũng yên tĩnh như đêm ở trong phố, tịch mịch và đầy bóng tối.

(*Tuyển tập Thạch Lam*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1988)

luongxua.vn

Chú thích

(1) *Thu không* : ở kinh thành hay tỉnh, huyện ngày xưa, đến gần tối có quân lính hộ thành đi tuần tra, khi xong việc thì đánh trống báo hiệu để đóng cổng thành, như thế gọi là thu không, ý là trong thành an toàn, không có gì đáng ngại cả. (2) *Lính lệ* : lính không vũ trang chuyên làm các việc tạp dịch, hầu hạ quan lại thời kì trước Cách mạng. (3) *Thầy thừa* : thừa phái. Một loại viên chức làm việc bàn giấy giúp việc cho các tri phủ, tri huyện. (4) *Quả* : dụng cụ để đựng hàng khô; hình hộp tròn, có nắp; bên trong chia nhiều ngăn. Quả làm bằng gỗ hoặc bằng tre đan, bên ngoài phủ sơn ta màu đen, nâu hoặc đỏ. (5) *Nhật trình* : báo hằng ngày. (6) *Hàng xáo* : nghề xay thóc giã gạo, kiếm lời bằng cách bán gạo và thu các sản phẩm phụ như tấm, cám. (7) *Ngày phiên* : ngày họp chợ chính, đông người mua kẻ bán hơn ngày thường. (8) *Tráp* : đồ dùng hình hộp tròn hoặc chữ nhật bằng gỗ, thời trước dùng để đựng các vật quý hay giấy tờ, trầu cau. Tráp nhỏ hơn quả. (9) *Xà tích* : sợi dây bằng bạc hay mạ bạc, có kèm theo chìa khóa, hộp đựng vôi ăn trầu, phụ nữ thời trước thường đeo ở thắt lưng làm đồ trang sức. (10) *Rượu ti* : rượu do công ti rượu được chính quyền bảo hộ Pháp cho phép bán rộng rãi, hợp pháp (trái với *rượu ti* là rượu lậu). (11) *Thảo* : có lòng tốt, hay chia sẻ, nhường nhịn người khác. (12) *Thần Nông* : theo truyền thuyết, đó là một vị hoàng đế của Trung Hoa cổ đại, trước cả Nghiêu - Thuấn, dạy dân làm ruộng, họp chợ và bày cách bốc thuốc trị bệnh. Tên ông được đặt cho một chòm sao. (13) *Bờ Hồ* : chỉ bờ hồ Hoàn Kiếm, ở trung tâm Hà Nội.

(14) *Bác xẩm* : nghệ nhân mù, kiếm ăn bằng nghề hát rong. (15) *Cụ lục* : lục sự, một loại viên chức nhỏ, chuyên lo về hồ sơ tố tụng ở các phủ huyện. (16) *Trống cầm canh* : trước đây, một đêm được chia làm năm canh. Đầu mỗi canh có trống báo. (17) *Đèn ghi : ghi :* thiết bị dùng để chuyển đường chạy của xe lửa; *đèn ghi* : đèn báo hiệu cho việc chuyển đường chạy của xe lửa.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tác giả đã đề cập đến những nhân vật nào trong thế giới nhỏ bé của phố huyện? Họ có nét gì chung đáng chú ý về cảnh sống và tâm trạng?

2. Phân tích diễn biến tâm trạng buồn của Liên.

3. Chi tiết hai chị em Liên – An chờ đợi cảnh tàu đêm chạy qua phố huyện giúp ta hiểu gì thêm về tâm trạng của họ?

4. Những nét đặc sắc trong nghệ thuật tả của Thạch Lam. Tả cảnh (cảnh sinh hoạt của một phố huyện nghèo, sự vận động của thời gian từ chiều hôm tới đêm khuya...). Tả tình (cảm giác buồn buồn, hiu hắt, nỗi đợi chờ khi chiều dần buông...). Hình ảnh bóng đêm xuống dần bao trùm lên hai chị em và trùm lên phố huyện có ý nghĩa gì?

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

DƯỚI BÓNG HOÀNG LAN

THẠCH LAM

Tiểu dẫn

Dưới bóng hoàng lan [1] in trong tập *Gió đầu mùa* (1937) - tập truyện ngắn đầu tay của Thạch Lam. Có thể coi đây là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, chứng tỏ nhà văn có một tâm hồn nhân hậu, nhạy cảm với những biến thái tinh tế của lòng người, cũng như có một văn phong riêng – trong sáng, giản dị mà sâu sắc, thâm trầm.

*

* *

Thanh lách cánh cửa gỗ để khép, nhẹ nhàng bước vào. Chàng thấy mát hẳn cả người : trên con đường gạch Bát Tràng[2] rêu phủ, những vòng ánh sáng lọt qua vòm cây xuống nhảy múa theo chiều gió. Một mùi lá tươi non phảng phất trong không khí. Thanh rút khăn lau mồ hôi trên trán – bên ngoài trời nắng gắt – rồi thong thả đi bên bức tường hoa thấp chạy thẳng đến đầu nhà. Yên tĩnh quá, không một tiếng động nhỏ trong căn vườn, tựa như bao nhiêu sự ồn ào ở ngoài kia đều ngừng lại trên bực cửa.

Thanh bước lên thềm, đặt va li trên chiếc trường kỉ[3] rồi ngó đầu nhìn vào trong nhà : bóng tối dịu và man mát loáng qua những màu sắc rực rỡ chàng đem ở ngoài trời vào; Thanh chưa nhìn rõ thấy gì cả; một lát, quen bóng tối, chàng mới nhận thấy cảnh tượng gian nhà cũ không có gì thay đổi, cũng y nguyên như ngày chàng đi xưa. Sự yên lặng trầm tịch[4] đến nỗi Thanh trở nên nghẹn họng, mãi mãi chàng mới cất được tiếng lên gọi khẽ :

– Bà ơi !

Một cái bóng lẹ làng từ trong vụt ra, rơi xuống mặt bàn. Thanh định thần nhìn rõ : con mèo của bà chàng, con mèo già vẫn chơi đùa với chàng ngày trước. Con vật nép chân vào mình khẽ phe phẩy cái đuôi, rồi hai mắt ngọc thạch xanh giương lên nhìn người. Thanh mỉm cười lại gần vuốt ve con mèo :

– Bà mày đâu?

truongxua.vn

Thanh bước xuống dưới giàn thiên lí[5]. Có tiếng người đi, rồi bà chàng, mái tóc bạc phơ, chống gậy trúc, ở ngoài vườn vào. Thanh cảm động và mừng rỡ, chạy lại gần.

– Cháu đã về đấy ư?

Bà cụ thôi nhai trầu, đôi mắt hiền từ dưới làn tóc trắng đưa lên nhìn cháu, âu yếm và mến thương.

– Đi vào trong nhà không nắng cháu.

Thanh đi bên bà, người thẳng, mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ.

– Nhà không có ai ư bà?

– Vẫn có thằng Nhân, hôm nay nó đi đong thóc bên kia xóm. Dễ chốc nó về. Con đã ăn cơm chưa?

– Dạ chưa. Con ở tàu về đây ngay. Nhưng con không thấy đói.

Bà nhìn cháu giục :

– Con rửa mặt đi, rồi đi nghỉ không mệt. Trời nắng thế này mà con không đi xe ư?

Thanh cười :

– Có một tí đường đất, cần gì phải xe. Con đi bộ hàng ngày cũng được.

Nhưng Thanh cũng vẫn theo lời bà. Chàng đến bên bể múc nước vào thau rửa mặt. Nước mát rượi và Thanh cúi nhìn bóng chàng lay động trong lòng bể với những mảnh trời xanh tan tác.

Tất cả những ngày thuở nhỏ trở lại với chàng.

Thanh vắng nhà đã gần hai năm nay, vậy mà chàng có cảm giác như vẫn ở nhà tự bao giờ. Phong cảnh vẫn y nguyên, gian nhà vẫn tịch mịch[6] và bà chàng vẫn tóc bạc phơ và hiền từ.

Trên trường kỉ, ngọn đèn con và cái điếu cũ kĩ. Con mèo già tròn mình nằm bên cạnh, mắt lim dim trong sự bình yên và nhàn nhã. Thanh trông thấy cảnh ấy đã nhiều lần. Lần nào trở về với bà chàng, Thanh cũng thấy bình yên và thong thả như thế. Căn nhà với thửa vườn này đối với chàng như một nơi mát mẻ và hiền lành, ở đấy bà chàng lúc nào cũng sẵn sàng chờ đợi để mến yêu chàng.

– Ấy bà làm gì thế? Bà để mặc cháu...

Bà cụ vẫn không thôi phẩy chiếc phất trần lên đầu giường :

– Đã lâu không có ai nằm nên bụi bám đầy tất cả.

Thanh phải để mặc cho bà sửa chiếu và xếp lại gối. Chàng thấy mình bé quá.

– Cháu đi nghỉ chẳng mệt. Để bà hái mấy lá rau nấu canh ăn cho mát.

Bà cụ đi ra, Thanh bỗng thấy mệt mỏi. Chàng lặng nằm xuống giường duỗi chân tay, khoan khoái. Ngoài khung cửa sổ, trời xanh ngắt ánh sáng; lá cây rung động dưới làn gió nhẹ. Một thân cây vút cao lên trước mặt. Cùng một lúc, chàng lẩm bẩm : "Cây hoàng lan", mùi hương thơm thoang thoảng đưa vào. Thanh nhắm mắt ngửi hương thơm và nhớ đến cái cây ấy chàng thường hay chơi dưới gốc nhặt hoa. Đã từ lâu lắm, ngày mới có căn nhà này, ngày cha mẹ chàng hãy còn. Rồi đến ngày một bà một cháu quấn quýt nhau. Thanh ra tỉnh làm rồi đi về hằng năm, các ngày nghỉ. Bây giờ cây đã lớn.

Thanh thấy tâm hồn nhẹ nhõm, tươi mát như vừa tắm ở suối. Chàng tắm trong cái không khí tươi mát này. Những ngày bận rộn ở tỉnh giờ xa quá. Khu vườn với các cây quen đã nhận biết chàng rồi.

Nghe tiếng bà đi vào, Thanh nằm yên giả vờ ngủ. Bà lại gần săn sóc buông màn, nhìn cháu và xua đuổi muỗi. Gió quạt đưa nhẹ trên mái tóc chàng. Thanh vẫn nằm yên, nhắm mắt nhưng biết bà ở bên mình. Chàng không dám động đậy, yên lặng chờ cho bà lại đi ra. Bà xuống bếp làm cơm hẳn. Tiếng dép nhỏ dần.

Chàng cảm động gần ứa nước mắt. Bà yêu thương cháu quá, giờ chỉ có mình cháu, với mình bà. Mà bà làm bếp có một mình thôi ư? Không, hình

như có tiếng người khác nữa, tiếng trong và mau hơn. Thanh lắng nghe : một tiếng cười sẽ đưa lên. Tiếng ai? Nghe quen quá mà Thanh không nhớ được.

Chàng lẳng lặng ngồi dậy, từ trên cửa sổ, cúi mình nhìn ra phía ao. Bóng cây hoàng lan lay động cả một vùng. Chàng chợt nhớ, chạy vùng xuống nhà ngang, gọi vui vẻ :

– Cô Nga...

Người thiếu nữ đương nhặt rau nghe tiếng gọi vội ngửng đầu : một nụ cười, đôi mắt trong sáng lên; rồi tiếng nhẹ nhàng :

– Anh Thanh ! Anh đã về đấy à?

Thanh đứng tựa bên cột, chưa trả lời. Chàng nhìn cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh buông trên cổ nhỏ bên cạnh mái tóc bạc trắng của bà chàng. Cô Nga, cô bé hàng xóm vẫn sang chơi với chàng trong vườn, và mỗi lần về, chàng lại gặp ở nhà như một người thân mật.

Một lát cô Nga nói :

– Anh Thanh độ này khác hẳn trước. Anh chóng nhớn quá.

– Tôi vẫn thế đấy chứ.

Bà cụ cúi trên rổ rau, không nhìn cháu, đáp :

– Cô trông em có phải gầy đi không? Không bằng độ còn ở nhà.

Nga ngừng nhìn Thanh, cười :

– Đấy em nói có sai đâu. Anh trông lại đen đi nữa.

Lá rau tươi xanh ngắt bên bàn tay trắng hồng nhỏ nhắn. Thanh cũng ngồi ghé xuống. Thế là lại như lúc còn ở nhà, ngày ngày chàng cũng vẫn với Nga xuống bếp xem bà làm cơm. Câu chuyện vẫn vui và vẫn đậm, có lúc chàng lầm tưởng Nga chính là em gái ruột của mình.

Lúc Nhân bưng cơm đặt trên bàn, bà cụ bảo cô thiếu nữ :

– Ở đây ăn cơm một thể, cháu ạ.

Thanh nhìn lên :

– Ăn cho vui. Cô Nga.

– Xin phép cụ và anh thôi, em vừa mới ăn cơm xong ở nhà. Em đứng đây cũng được chứ gì.

Thanh ra vẻ không bằng lòng :

– Không, cô phải ngồi ăn cơ. Cô làm khách mãi.

Nga sợ, vén áo ngồi bên cạnh bà cụ, nhưng nàng chỉ ăn nhỏ nhẹ, cầm chừng, và buông đũa luôn để xới cơm cho Thanh. Bữa cơm vui quá. Thanh ăn rất ngon miệng, lòng thư thái và sung sướng. Thỉnh thoảng chàng nhìn

đôi môi thắm của Nga, hai má hồng. Và nụ cười tươi nở, nàng nhìn lại Thanh, một chút thôi nhưng biết bao nhiêu âu yếm...

Ngoài vườn, trời vẫn nắng. Giàn thiên lí pha xanh một bên tà áo trắng của Nga. Những búp hoa lí non và thơm rủ liền trong giàn, lẫn vào đám lá. Gạch mát và phủ rêu khiến Thanh nhớ lại hai bàn chân xinh xắn của Nga ngày nào, đi trên đó. Hai bàn chân nhỏ, lấm tấm cát, để dấu tự ngoài ao trở về... Chàng đột nhiên mỉm cười, rồi hỏi :

– Cô Nga có còn hay đi nhặt hoàng lan rơi nữa không?

Nga cũng cười hơi thẹn :

– Vẫn nhặt đấy. Nhưng không có ai tranh nữa.

Nàng nhìn Thanh, mắt như tụ lại những hình ảnh tự bao giờ, và sẽ vuốt mấy sợi tóc mai ra một bên. Thanh thấy quả tim đập nhẹ nhàng.

Bà cụ thì mải nhìn cháu. Bác Nhân khoanh tay đứng dựa bên cột nghe; bác cũng vui mừng vì thấy cậu về, vẫn mạnh khỏe và xinh trai như ngày trước, còn cô Nga vẫn xinh đẹp và vui vẻ như thế. Có cô nhà cũng đỡ vắng, và bà cụ cũng đỡ buồn : hằng ngày cô chạy sang chơi giúp đỡ bà cụ giã cối trầu và nói chuyện đến người đi vắng ở trên tỉnh lâu không về thăm nhà.

Bữa ăn xong, Thanh với Nga đã trở lại thân mật như khi còn nhỏ. Thanh dắt nàng đi xem vườn : cây hoàng lan cao vút, cành lá rủ xuống như chào đón hai người. Có lúc gần nhau, Thanh thấy mái tóc Nga thoang thoảng thơm như có giắt hoàng lan, nhưng hoa lan chưa rụng, vẫn còn tươi xanh ở trên cành. Nga bảo Thanh :

– Những ngày em đến đây hái hoa, em nhớ anh quá.

Thanh chẳng biết nói gì : chàng vít một cành lan xuống giữ trong tay để Nga tìm hoa, rồi nhẹ nhàng buông ra cho cành lại cong lên. Nắng soi vào vai hai người, nhưng dưới chân đất vẫn mát như xưa.

– Bao giờ anh lên tỉnh?

– Ngày mai thôi. Kì này được nghỉ ít. Nhưng mai kia tôi sẽ về ở đây lâu hơn.

Lòng Thanh dịu lại, Nga đến bên bể múc nước rửa hoa, rồi xếp bày trên quả trầu. Bà cụ nhìn cô, âu yếm :

– Hoa hãy còn non lắm, sao hái sớm thế, con?

Nga thưa :

– "Anh con hái đấy ạ" và nàng nhìn Thanh mỉm cười.

Đêm ấy, một bà một cháu với một cô láng giềng chuyện trò dưới bóng đèn mãi tới khuya, khi trăng lên. Qua vườn, Thanh tiễn Nga ra đến cổng, đi qua hai bên bờ lá đã ướt sương. Mùi hoàng lan thoang thoảng bay trong

gió ngát. Không lưỡng lự, Thanh cầm lấy bàn tay Nga, để yên trong tay mình. Nga cũng đứng yên lặng. Lâu lâu, Nga rút tay sẽ nói :

– Thôi, em về.

Thanh đi trở vào rất thong thả. Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải. Chàng đến trường kỉ ngồi ở bên đèn.

Sáng hôm sau, Thanh đã phải lên tỉnh. Chiếc va li chàng nặng những thức quà bà chàng đã ban cho. Thanh cầm mũ đứng nghe lời khuyên bảo ân cần của bà già dưới giàn hoa thiên lí. Chàng vẫn bé quá và lại đi xa.

Tới cổng, Thanh còn đứng lại nhìn cây hoàng lan và các cây khác trong vườn. Bác Nhân nhanh nhảu cầm đỡ va li cho chàng. Thanh dặn khẽ :

– Bảo tôi có nhời chào cô Nga nhé.

Rồi chàng bước ra đi nửa buồn lại nửa vui.

Thanh nghĩ đến căn nhà như một nơi mát mẻ và sung sướng để chàng thường về nghỉ sau việc làm. Và Thanh biết rằng Nga sẽ vẫn đợi chàng, vẫn nhớ mong chàng như ngày trước. Mỗi mùa, cô lại giắt hoàng lan trong mái tóc để tưởng nhớ mùi hương.

(Tập truyện ngắn *Gió đầu mùa*,
NXB Đời nay, Hà Nội, 1937)

uongxua.vn

Chú thích

(1) *Hoàng lan* : một loại lan, cây cao, hoa có nhiều cánh nhỏ dài, màu vàng có hương thơm thanh khiết. (2) *Bát Tràng* : một làng ven sông Hồng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội, nổi tiếng lâu đời về nghề làm gạch và đồ gốm. (3) *Trường kỉ* : ghế dài có tựa. (4) *Trầm tịch* : sâu và im lặng. (5) *Thiên lí* : một loại dây leo mọc trên giàn, lá nhỏ và xanh; hoa mọc thành chùm thơm nhẹ, màu vàng nhạt, có thể nấu canh để ăn. (6) *Tịch mịch* : vắng lặng, không có tiếng động.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. ***Dưới bóng hoàng lan*** *thể hiện khá rõ đặc trưng truyện ngắn Thạch Lam. Đó là loại truyện ngắn tâm tình. Sự xúc động của người thanh niên khi gặp lại những gì mình thương mến ở quê hương sau hai năm xa cách : căn nhà cũ tịch mịch, con đường lát gạch Bát Tràng rêu phủ, bể nước mưa trong vắt và mát rượi, thửa vườn xanh thẳm với giàn thiên lí đong đưa và cây hoàng lan cao vút với mùi hương thoang thoảng... chỉ ngần ấy thứ đã đủ để Thanh – anh thanh niên xa quê ấy – như "trở nên nghẹn họng", mãi mới cất được nên lời. Quan trọng hơn, Thanh được gặp lại những người thân thiết : bà nội hiền từ, già yếu. Lạ thay, "Thanh đi bên bà, người thẳng,*

mạnh, cạnh bà cụ gầy còng. Tuy vậy chàng cảm thấy chính bà che chở cho chàng, cũng như những ngày chàng còn nhỏ".

Chưa hết. Thanh gặp lại cô bạn láng giềng. Cô bé từng tha thẩn chơi với chàng trong vườn thời niên thiếu, giờ đây đã là "cô thiếu nữ xinh xắn trong tà áo trắng, mái tóc đen lánh", "đôi môi thắm", "hai má hồng. Và nụ cười tươi nở"... Người con gái ấy lâu nay vẫn nhớ Thanh âm thầm, lặng lẽ và da diết.

Tất cả hội tụ, tượng hình lên, và đó là hạnh phúc. Thứ hạnh phúc đơn sơ, giản dị nhưng đậm đà tính truyền thống giúp ta hiểu thế nào là tình yêu quê hương. Vì thế, tiễn người bạn gái trở về "Có cái gì dịu ngọt chăng tơ ở đâu đây, khiến chàng vương phải".

*Chất trữ tình và cảm hứng lãng mạn trong sáng đã thấm đượm từng trang **Dưới bóng hoàng lan**.*

*2. Qua hai tác phẩm **Dưới bóng hoàng lan** và **Hai đứa trẻ**, hãy nêu nhận xét về đặc điểm truyện ngắn Thạch Lam.*

CHỮ NGƯỜI TỬ TÙ

NGUYỄN TUÂN

thuongmaitr

Tiểu dẫn

1. Nguyễn Tuân (1910 – 1987) là nhà văn nổi tiếng của nền văn xuôi Việt Nam hiện đại. Ông quê ở làng Nhân Mục (thường gọi là làng Mọc), huyện Từ Liêm (nay thuộc quận Thanh Xuân), Hà Nội. Trong cả hai giai đoạn sáng tác trước và sau Cách mạng tháng Tám, ông đều có những tác phẩm xuất sắc, đặc biệt là tùy bút, truyện ngắn. Nguyễn Tuân đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I - năm 1996). Tập truyện ngắn *Vang bóng một thời* là tác phẩm in thành sách đầu tiên (1940) tiêu biểu cho giai đoạn sáng tác thứ nhất của ông. Những tác phẩm chính khác : *Một chuyến đi* (1941), *Tùy bút* I (1941), *Tùy bút* II (1943), *Thiếu quê hương* (tiểu thuyết, 1943), *Đường vui* (tùy bút, 1949), *Tùy bút kháng chiến* (1945), *Sông Đà* (tùy bút, 1960), *Hà Nội ta đánh Mĩ giỏi* (tùy bút, 1972), *Kí* (1960), v.v...

2. *Vang bóng một thời* gồm 11 truyện ngắn viết về một thời đã xa, chỉ còn vang bóng : thời nhà Nguyễn suy tàn, thực dân Pháp xâm lược nước ta, những nhà nho "dự khoa thi cuối cùng" trong không khí đầy âu lo, không ổn định. Những nhà nho tài hoa ấy gặp "buổi Tây Tàu nhố nhăng, làm lạc mất cả quan niệm cũ, làm tiêu hao mất bao giá trị tinh thần", tự cảm thấy "phẫn uất với buổi giao thời". Họ giữ lại vẻ đẹp xưa : thưởng hoa, uống rượu "thạch lan hương"; họ nhấm nháp chén trà buổi sớm

với tất cả nghi lễ thiêng liêng. Ngay đánh bạc họ cũng chơi một cách nho nhã : đánh bạc bằng thơ. Thông qua những nhân vật này, nhà văn đã bày tỏ thái độ bất hòa sâu sắc với xã hội đương thời, không chịu vứt bỏ lương tâm, chạy theo danh lợi, cố giữ "thiên lương" và "sự trong sạch của tâm hồn". Trong số đó hình tượng ông Huấn Cao *(Chữ người tử tù)* là một thành công đặc sắc. Con người này vừa là một nghệ sĩ tài hoa vừa là một trang anh hùng dũng liệt, mặc dù chí lớn không thành nhưng bao giờ tư thế cũng hiên ngang bất khuất.

*

* *

Nhận được phiến trát[1] của Sơn Hưng Tuyên[2] đốc bộ đường[3], viên quan coi ngục quay lại hỏi thầy thơ lại[4] giúp việc trong đề lao :

– Này, thầy bát[5], cứ công văn này, thì chúng ta sắp nhận được sáu tên tù án chém. Trong đó, tôi nhận thấy tên người đứng đầu bọn phản nghịch là Huấn Cao[6]. Tôi nghe ngờ ngợ. Huấn Cao? Hay là cái người mà vùng tỉnh Sơn ta vẫn khen cái tài viết chữ rất nhanh và rất đẹp đó không?

Thầy thơ lại xin phép đọc công văn.

uongxua.vn

– Dạ, bẩm chính y đó. Dạ bẩm có chuyện chi vậy?

– Không, tôi nghe tên quen quen và thấy nhiều người nhắc nhỏm đến cái danh đó luôn, thì tôi cũng hỏi thế thôi. Thôi, cho thầy lui. A, nhưng mà thong thả. Thầy bảo ngục tốt[7] nó quét dọn lại cái buồng trong cùng. Có việc dùng đến. Thầy liệu cái buồng giam đó có cầm giữ nổi một tên tù có tiếng là nguy hiểm không? Thầy có nghe người ta đồn Huấn Cao ngoài cái tài viết chữ tốt, lại còn có tài bẻ khóa và vượt ngục nữa không?

– Dạ bẩm, thế ra y văn võ đều có tài cả. Chà chà !

– Ờ, cũng gần như vậy. Sao thầy lại chặc lưỡi?

– Tôi thấy những người có tài thế mà đi làm giặc thì đáng buồn lắm. Dạ bẩm, giả thử tôi là đao phủ, phải chém những người như vậy, tôi nghĩ mà thấy tiêng tiếc.

– Chuyện triều đình quốc gia, chúng ta biết gì mà bàn bạc cho thêm lời. Nhỡ ra lại vạ miệng thì khốn. Thôi, thầy lui về mà trông

nom việc dưới trại giam. Mai chúng ta phải dậy sớm để cho có mặt ở cửa trại trước khi lính tỉnh trao tù cho mình lĩnh nhận. Đêm nay, thầy bắt đầu lấy thêm lính canh. Mỗi chòi canh, đều đặt hai lính. Chòi nào bỏ canh, hễ mỗi vọng canh ngủ quên không đánh kiểng, đánh mõ, thầy nhớ biên cho rõ, cho đúng để mai tôi phạt nặng. Chớ cho mấy thằng thập[8] nó đánh bạc nghe !

Thầy thơ lại rút chiếc hèo hoa[9] ở giá gươm, phe phẩy roi, đi xuống phía trại giam tối om. Nơi góc chiếc án thư[10] cũ đã nhợt màu vàng son, một cây đèn đế leo lét rọi vào một khuôn mặt nghĩ ngợi. Ngục quan băn khoăn ngồi bóp thái dương. Tiếng trống thành phủ gần đấy đã bắt đầu thu không[11]. Trên bốn chòi canh, ngục tốt cũng bắt đầu điểm vào cái quạnh quẽ của trời tối mịt, những tiếng kiểng và mõ đều đặn thưa thớt. Lướt qua cái thăm thẳm của nội cỏ đẫm sương, vẳng từ một làng xa đưa lại mấy tiếng chó cắn ma. Trong khung cửa sổ có nhiều con song kẻ những nét đen thẳng lên nền trời lốm đốm tinh tú, một ngôi sao Hôm nhấp nháy như muốn trụt xuống phía chân giời không định. Tiếng dội chó sủa ma, tiếng trống thành phủ, tiếng kiểng mõ canh nổi lên nhiều nhiều. Bấy nhiêu thanh âm phức tạp bay cao lần lên khỏi mặt đất tối, nâng đỡ lấy một ngôi sao chính vị muốn từ biệt vũ trụ.

Nơi góc án thư vàng đã nhợt, son đã mờ, đĩa dầu sở[12] trên cây đèn nến vơi lần mực dầu. Hai ngọn bấc lép bép nổ, rụng tàn đèn xuống tập giấy bản đóng dấu son ti Niết[13]. Viên quan coi ngục ngấc đầu, lấy que hương khêu thêm một con bấc. Ba cái tim bấc được chụm nhau lại, cháy bùng to lên, soi tỏ mặt người ngồi đấy:

Người ngồi đấy, đầu đã điểm hoa râm, râu đã ngả màu. Những đường nhăn nheo của một bộ mặt tư lự[14], bây giờ đã biến mất hẳn. Ở đấy, giờ chỉ còn là mặt nước ao xuân, bằng lặng, kín đáo và êm nhẹ.

Trong hoàn cảnh đề lao, người ta sống bằng tàn nhẫn, bằng lừa lọc, tính cách dịu dàng và lòng biết giá người, biết trọng người ngay của viên quan coi ngục này là một thanh âm trong trẻo chen vào giữa một bản đàn mà nhạc luật đều hỗn loạn xô bồ.

Ông trời nhiều khi chơi ác đem đày ải những cái thuần khiết[15] vào giữa một đống cặn bã. Và những người thẳng thắn, lại phải ăn đời ở kiếp với lũ quay quắt.

Ngục quan lấy làm nghĩ ngợi về câu nói ban chiều của thầy thơ lại : "Có lẽ lão bát này, cũng là một người khá đây. Có lẽ hắn cũng như mình, chọn nhầm nghề mất rồi. Một kẻ biết kính mến khí phách, một kẻ biết tiếc, biết trọng người có tài, hẳn không phải là kẻ xấu hay là vô tình. Ta muốn biệt đãi[16] ông Huấn Cao, ta muốn cho ông ta đỡ cực trong những ngày cuối cùng còn lại, nhưng chỉ sợ tên bát phẩm thơ lại này đem cáo giác[17] với quan trên thì khó mà ở yên. Để mai ta dò ý tứ hắn lần nữa xem sao rồi sẽ liệu".

Sớm hôm sau, lính tỉnh dẫn đến cửa ngục thất sáu tên tù mà công văn chiều hôm qua đã báo trước cho ngục quan biết rõ tên tuổi, làng xóm và tội hình. Sáu phạm nhân mang chung một chiếc gông[18] dài tám thước[19]. Cái thang dài ấy đặt ngang trên sáu bộ vai gầy. Cái thang gỗ lim nặng, đóng khung lấy sáu cái cổ phiến loạn, nếu đem bắc lên mỏ cân, có thể nặng đến bảy tám tạ. Thật là một cái gông xứng đáng với tội án sáu người tử tù. Gỗ thân gông đã cũ và mồ hôi cổ, mồ hôi tay kẻ phải đeo nó đã phủ lên một lớp quang dầu bóng nhoáng. Những đoạn gông đã bóng thì loáng như có người đánh lá chuối khô. Những đoạn không bóng thì lại sỉn lại những chất ghét đen sánh. Trong khi chờ đợi cửa ngục mở rộng, Huấn Cao, đứng đầu gông, quay cổ lại bảo mấy bạn đồng chí :

– Rệp cắn tôi, đỏ cả cổ lên rồi. Phải rỗ gông đi.

Sáu người đều quỳ cả xuống đất, hai tay ôm lấy thành gông đều cúi cả về phía trước. Một tên lính áp giải đùa một câu :

– Các người chả phải tập nữa. Mai mốt chi đây sẽ có người sành sỏi dẫn các người ra làm trò ở pháp trường. Bấy giờ tha hồ mà tập. Đứng dậy không ông lại phết cho mấy hèo bây giờ.

Huấn Cao, lạnh lùng, chúc mũi gông nặng, khom mình thúc mạnh đầu thang gông xuống thềm đá tảng đánh thuỳnh một cái. Then ngang chiếc gông bị giật mạnh, đập vào cổ năm người sau, làm họ nhăn

tongxua.vn

mặt. Một trận mưa rệp đã làm nền đá xanh nhạt lấm tấm những điểm nâu đen.

Cánh cửa đề lao mở rộng.

Sáu người né mình tiến vào như một bọn thợ nề, thận trọng khiêng cái thang gỗ đặt ngang trên vai.

Trái với phong tục nhận tù mọi ngày, hôm nay viên quan coi ngục nhìn sáu tên tù mới vào với cặp mắt hiền lành. Lòng kiêng nể, tuy cố giữ kín đáo mà cũng đã rõ quá rồi. Khi kiểm điểm phạm nhân, ngục quan lại còn có biệt nhỡn đối riêng với Huấn Cao. Bọn lính lấy làm lạ, đều nhắc lại :

– Bẩm thầy, tên ấy chính là thủ xướng[20]. Xin thầy để tâm cho. Hắn ngạo ngược[21] và nguy hiểm nhất trong bọn.

Mấy tên lính, khi nói đến tiếng "để tâm" có ý nhắc viên quan coi ngục còn chờ đợi gì mà không giở những mánh khóe hành hạ thường lệ ra. Ngục quan ung dung :

– Ta biết rồi, việc quan ta đã có phép nước. Các chú chớ nhiều lời.

thuongmaitr

Bọn lính dãn cả ra, nhìn nhau và không hiểu. Sáu tên tử tù có vẻ ngạc nhiên về thái độ quản ngục.

Suốt nửa tháng, ở trong buồng tối, ông Huấn Cao vẫn thấy một người thơ lại gầy gò, đem rượu đến cho mình uống trước giờ ăn bữa cơm tù. Mỗi lúc dâng rượu với đồ nhắm, người thơ lại lễ phép nói :

– Thầy quản chúng tôi có ít quà mọn này biếu ngài dùng cho ấm bụng. Trong buồng đây, lạnh lắm.

Ông Huấn Cao vẫn thản nhiên nhận rượu thịt, coi như đó là một việc vẫn làm trong cái hứng sinh bình[22] lúc chưa bị giam cầm. Rồi đến một hôm, quản ngục mở khóa cửa buồng kín, khép nép hỏi ông Huấn :

– Đối với những người như ngài, phép nước ngặt lắm. Nhưng biết ngài là một người có nghĩa khí, tôi muốn châm chước ít nhiều. Miễn là ngài giữ kín cho. Sợ đến tai lính tráng họ biết, thì phiền lụy riêng

cho tôi nhiều lắm. Vậy ngài có cần thêm gì nữa xin cho biết. Tôi sẽ cố gắng chu tất.

Ông đã trả lời quản ngục :

– Ngươi hỏi ta muốn gì? Ta chỉ muốn có một điều. Là nhà ngươi đừng đặt chân vào đây.

Khi nói câu mà ông cố ý làm ra khinh bạc[23] đến điều, ông Huấn đã đợi một trận lôi đình báo thù và những thủ đoạn tàn bạo của quan ngục bị sỉ nhục. Đến cái cảnh chết chém, ông còn chẳng sợ nữa là những trò tiểu nhân[24] thị oai này. Ngục quan đã làm cho ông Huấn bực mình thêm, khi nghe xong câu trả lời, y chỉ lễ phép lui ra với một câu : "Xin lĩnh ý"[25]. Và từ hôm ấy, cơm rượu lại vẫn đưa đến đều đều và có phần hậu hơn trước nữa; duy chỉ có y là không để chân vào buồng giam ông Huấn. Ông Huấn càng ngạc nhiên nữa : năm bạn đồng chí của ông cũng đều được biệt đãi như thế cả.

Có nhiều đêm, ngoài việc nghĩ đến chí lớn không thành, ông Huấn Cao còn phải bận tâm nghĩ đến sự tươm tất của quản ngục : "Hay là hắn muốn dò đến những điều bí mật của ta?". "Không, không phải thế, vì bao nhiêu điều quan trọng, ta đã khai bên ti Niết cả rồi. Ta đã nhận cả. Lời cung[26] ta kí rồi. Còn có gì nữa mà dò cho thêm bận".

Trong đề lao, ngày đêm của tử tù đợi phút cuối cùng, đúng như lời thơ xưa vẫn đằng đẵng như nghìn năm ở ngoài. Viên quản ngục, không lấy làm oán thù thái độ khinh bạc của ông Huấn. Y cũng thừa hiểu những người chọc trời quấy nước, đến trên đầu người ta, người ta cũng còn chẳng biết có ai nữa, huống chi cái thứ mình chỉ là một kẻ tiểu lại[27] giữ tù.

Quản ngục mong mỏi một ngày gần đây ông Huấn sẽ dịu bớt tính nết, thì y sẽ nhờ ông viết, ông viết cho... cho mấy chữ trên chục vuông lụa trắng đã mua sẵn và can lại kia. Thế là y mãn nguyện.[28]

Biết đọc vỡ nghĩa sách thánh hiền[29], từ những ngày nào, cái sở nguyện[30] của viên quan coi ngục này là có một ngày kia được treo ở nhà riêng mình một đôi câu đối do tay ông Huấn Cao viết. Chữ ông Huấn Cao đẹp lắm, vuông lắm. Tính ông vốn khoảnh[31], trừ chỗ

tri kỉ[32], ông ít chịu cho chữ. Có được chữ ông Huấn mà treo là có một báu vật trên đời. Viên quản ngục khổ tâm nhất là có một ông Huấn Cao trong tay mình, dưới quyền mình mà không biết làm thế nào mà xin được chữ. Không can đảm giáp lại mặt một người cách xa nhiều quá, y chỉ lo mai mốt đây, ông Huấn bị hành hình[33] mà không kịp xin được mấy chữ, thì ân hận suốt đời mất.

Một buổi chiều lạnh, viên quản ngục tái nhợt người đi sau khi tiếp đọc công văn. Quan Hình bộ Thượng thư[34] trong Kinh bắt giải ông Huấn Cao và các bạn đồng chí vào Kinh. Pháp trường[35] lập ở trong ấy kia. Ngày mai, tinh mơ, sẽ có người đến giải tù đi.

Viên quản ngục vốn đã tin được thầy thơ lại, cho lính gọi lên, kể rõ tâm sự mình. Thầy thơ lại cảm động nghe xong chuyện, nói : "Dạ bẩm, ngài cứ yên tâm, đã có tôi" rồi chạy ngay xuống phía trại giam ông Huấn, đấm cửa buồng giam, hớt hơ hớt hải kể cho tử tù nghe rõ nỗi lòng viên quản ngục, và ngập ngừng báo luôn cho ông Huấn biết việc về Kinh chịu án tử hình.

thuongmaitr

Ông Huấn Cao lặng nghĩ một lát rồi mỉm cười : "Về bảo với chủ ngươi, tối nay, lúc nào lính canh về trại nghỉ thì đem lụa, mực, bút và cả một bó đuốc xuống đây ta cho chữ. Chữ thì quý thực. Ta nhất sinh[36] không vì vàng ngọc hay quyền thế mà ép mình viết câu đối bao giờ. Đời ta cũng mới viết có hai bộ tứ bình[37] và một bức trung đường[38] cho ba người bạn thân của ta thôi. Ta cảm cái tấm lòng biệt nhỡn liên tài[39] của các người. Nào ta có biết đâu một người như thầy quản đây mà lại có những sở thích[40] cao quý như vậy. Thiếu chút nữa, ta đã phụ mất một tấm lòng trong thiên hạ".

Đêm hôm ấy, lúc trại giam tỉnh Sơn chỉ còn vẳng có tiếng mõ trên vọng canh, một cảnh tượng xưa nay chưa từng có, đã bày ra trong một buồng tối chật hẹp, ẩm ướt, tường đầy mạng nhện, đất bừa bãi phân chuột, phân gián.

Trong một không khí khói tỏa như đám cháy nhà, ánh sáng đỏ rực của một bó đuốc tẩm dầu rọi lên ba cái đầu người đang chăm chú

trên một tấm lụa bạch còn nguyên vẹn lần hồ. Khói bốc tỏa cay mắt, làm họ dụi mắt lia lịa.

Một người tù, cổ đeo gông, chân vướng xiềng[41] đang đậm tô nét chữ trên tấm lụa trắng tinh căng trên mảnh ván. Người tù viết xong một chữ, viên quản ngục lại vội khúm núm cất những đồng tiền kẽm đánh dấu ô chữ đặt trên phiến lụa óng. Và cái thầy thơ lại gầy gò, thì run run bưng chậu mực. Thay bút con, đề xong lạc khoản[42], ông Huấn Cao thở dài, buồn bã đỡ viên quản ngục đứng thẳng người dậy và đĩnh đạc bảo :

– Ở đây lẫn lộn. Ta khuyên thầy Quản nên thay chốn ở đi. Chỗ này không phải là nơi để treo một bức lụa trắng với những nét chữ vuông tươi tắn nó nói lên những cái hoài bão tung hoành của một đời con người. Thoi mực, thầy mua ở đâu mà tốt và thơm quá. Thầy có thấy mùi thơm ở chậu mực bốc lên không?... Tôi bảo thực đấy, thầy Quản nên tìm về nhà quê mà ở đã, thầy hãy thoát khỏi cái nghề này đi đã, rồi hãy nghĩ đến chuyện chơi chữ. Ở đây, khó giữ thiên lương[43] cho lành vững và rồi cũng đến nhem nhuốc mất cả đời lương thiện đi.

truongxua.vn

Lửa đóm cháy rừng rực, lửa rụng xuống nền đất ẩm phòng giam, tàn lửa tắt nghe xèo xèo.

Ba người nhìn bức châm[44], rồi lại nhìn nhau.

Ngục quan cảm động, vái người tù một vái, chắp tay nói một câu mà dòng nước mắt rỉ vào kẽ miệng làm cho nghẹn ngào : "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh"[45].

(*Tuyển tập Nguyễn Tuân*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1982)

Chú thích

(1) *Phiến trát* : công văn của quan trên gửi xuống. (2) *Sơn Hưng Tuyên* : tên gọi tắt của ba tỉnh Sơn Tây, Hưng Hóa, Tuyên Quang. Thời Nguyễn, ba tỉnh nhỏ này do một quan Tổng đốc đứng đầu. (3) *Đốc bộ đường* : dinh của quan Tổng đốc (đứng đầu tỉnh). (4) *Thơ lại* (hoặc *thư lại*) : người làm công văn giấy tờ ở các phủ huyện trước đây. (5) *Thầy bát* : người được phong hàm bát phẩm. Thời phong kiến, thứ bực của quan lại được chia thành cửu phẩm (chín cấp), cao hơn cả là nhất phẩm. (6) *Huấn* :

gọi tắt từ Huấn đạo (quan coi việc học ở phủ huyện). (7) *Ngục tốt :* lính coi ngục. (8) *Thập :* trước đây trong quân đội nhà Nguyễn, mười lính gọi là một thập. *Thập* chỉ người đứng đầu tốp lính mười người. (9) *Hèo :* gậy; *hèo hoa* là gậy có quấn tua trên đầu cho đẹp. (10) *Án thư :* bàn để sách vở hoặc để đọc, viết. (11) *Thu không:* xem chú thích (1) trong bài *Hai đứa trẻ*. (12) *Dầu sở :* dầu ép từ hạt quả sở. (13) *Tí Niết :* (*Niết :* pháp luật) dinh án sát coi việc pháp luật ở tỉnh. (14) *Tư lự :* lo nghĩ. (15) *Thuần khiết :* hoàn toàn trong sạch. (16) *Biệt đãi :* chăm sóc, đối đãi đặc biệt tốt. (17) *Cáo giác :* tố cáo với cấp trên. (18) *Gông :* hình cụ thời trước dùng để bắt phạm nhân có án nặng phải đeo vào cổ, làm bằng một khung gỗ hoặc tre có then đóng mở. (19) *Thước :* đơn vị cũ đo độ dài, bằng khoảng 0,425 mét. (20) *Thủ xướng :* đề ra, nêu ra đầu tiên và bằng hành động làm cho mọi người hưởng ứng làm theo. (21) *Ngạo ngược :* láo xược và ngang ngạnh, bất chấp công lí, đạo lí. (22) *Sinh bình* (hay *bình sinh*) *:* suốt cả cuộc đời. (23) *Khinh bạc :* coi chẳng ra gì một cách phũ phàng. (24) *Tiểu nhân :* kẻ tầm thường, hèn hạ (trái nghĩa với *quân tử*). (25) *Lĩnh ý :* vâng theo, nghe theo (từ ít dùng, nói theo lối trang trọng). (26) *Lời cung :* lời khai của người bị bắt trước cơ quan pháp luật. (27) *Tiểu lại :* viên chức nhỏ giúp việc cho các quan lại. (28) *Mãn nguyện :* thỏa mãn điều mong ước. (29) *Sách thánh hiền :* sách của Khổng Tử và các bậc danh nho ngày xưa. (30) *Sở nguyện :* điều hằng mong muốn. (31) *Khoảnh* (khẩu ngữ) *:* kiêu ngạo, làm cao, khó tính. (32) *Tri kỉ :* người hiểu mình. (33) *Hành hình :* giết để thi hành án tử hình. (34) *Hình bộ Thượng thư :* quan đứng đầu Bộ coi về pháp luật. (35) *Pháp trường :* nơi hành hình những người bị kết án tử hình. (36) *Nhất sinh :* một đời, suốt đời. (37) *Tứ bình :* bộ tranh (hoặc chữ) có bốn bức. (38) *Bức trung đường :* bức hoành phi (bằng gỗ hình chữ nhật, viết chữ Hán to) treo ở giữa nhà. (39) *Biệt nhỡn :* cái nhìn kính trọng đặc biệt; *liên tài :* quý mến người có tài. (40) *Sở thích :* ý thích riêng. (41) *Xiềng :* xích lớn, có vòng sắt ở hai bên để khóa chân hoặc tay. (42) *Lạc khoản :* dòng chữ nhỏ ở góc dưới bức tranh (hoặc bức trướng, câu đối, tấm bia) ghi ngày tháng, tên người viết hoặc vẽ. (43) *Thiện lương* (từ cũ) : bản tính tốt, tự nhiên của con người được trời phú cho. (44) *Bức châm :* bức ghi những lời răn có ý nghĩa khuyên răn đạo lí. (45) *Bái lĩnh :* vừa vái lạy vừa nhận.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Phân tích vẻ đẹp của nhân cách Huấn Cao với sự thống nhất giữa tài hoa, khí phách hiên ngang và cái tâm trong sáng. Qua hình tượng nghệ thuật này, có thể thấy quan niệm về cái tài, cái đẹp của nhà văn Nguyễn Tuân như thế nào?

2. Phân tích diễn biến tâm trạng của viên quản ngục (trước khi ông Huấn Cao bị giải đến, khi gặp ông Huấn Cao lần đầu, khi được

thuongmaitr

ông cho chữ và nghe ông dặn dò khuyên bảo). So sánh ý nghĩa câu "Kẻ mê muội này xin bái lĩnh" ở đoạn cuối với câu "Xin lĩnh ý" ở đoạn giữa. Qua đó cho biết nhân vật này có phẩm chất đáng quý nào khiến ông Huấn Cao cảm kích, coi là "một tấm lòng trong thiên hạ" và vui lòng cho chữ?

3. Đây là một truyện ngắn đầy kịch tính. Kịch tính ấy bộc lộ như thế nào? Thử phân tích kĩ cảnh viết chữ trong phòng giam, qua đó nêu nhận xét về nghệ thuật dựng cảnh, tả tình của Nguyễn Tuân. Tác giả coi đây là "một cảnh tượng xưa nay chưa từng có". Ý anh (chị) như thế nào?

*4. Trong bản in đầu tiên (**Tạp chí Tao đàn**, số 1, ngày 1-3-1939) ở đoạn kết có thêm những câu sau đây : "Viên quản ngục nhìn mặt chữ khô lần lần. Y sung sướng vì được dòng chữ quý. Y tự nhủ : Tất cả nghề nghiệp ta và có lẽ cả đời ta nữa, lãi chỉ ở chỗ xin được chút kỉ niệm này. Nhưng, một tình buồn mênh mông đã lẻn vào lòng sung sướng của quản ngục... Ít hôm nữa... Pháp trường trong Kinh...".*

*Đến lúc in thành sách (**Vang bóng một thời**), tác giả bỏ đi. Việc cắt bỏ đoạn văn này là đúng hay không nên? Hãy cho biết những lí lẽ cụ thể.*

tuongxua.vn

HẠNH PHÚC CỦA MỘT TANG GIA

(Trích *Số đỏ*)

VŨ TRỌNG PHỤNG

Tiểu dẫn

1. Vũ Trọng Phụng (1912-1939) quê ở làng Hảo (Bần Yên Nhân), huyện Mĩ Hào, tỉnh Hưng Yên, nhưng ông sinh ra, lớn lên và mất ở Hà Nội. Mồ côi cha từ thuở ấu thơ, gia đình nghèo, Vũ Trọng Phụng được bà mẹ tần tảo nuôi cho ăn học. Ông viết văn sớm, có truyện đăng báo từ 1930. Vũ Trọng Phụng viết nhiều thể loại nhưng nổi tiếng trên hai lĩnh vực phóng sự và tiểu thuyết. Những tác phẩm chính :

• Phóng sự : *Cạm bẫy người* (1933), viết về nạn cờ bạc bịp ở Hà Nội; *Kĩ nghệ lấy Tây* (1934), viết về cái "nghề" lấy Tây để nuôi thân; *Cơm thầy cơm cô* (1936), viết về cảnh đời những người đi ở, v.v...

• Tiểu thuyết : *Giông tố* (1936), *Vỡ đê* (1936), *Trúng số độc đắc* (1938)... trong đó tiểu thuyết trào phúng *Số đỏ* là một sáng tạo nghệ thuật độc đáo và đặc sắc hơn cả.

Dù lao động cật lực, ngòi bút của ông cũng không đủ nuôi gia đình. Ngày 18 tháng 10 năm 1939, Vũ Trọng Phụng mất trong cảnh túng quẫn vì bệnh lao phổi quá nặng, lúc mới 27 tuổi.

2. *Số đỏ* được đăng trên tờ *Hà Nội báo* năm 1936, in thành sách năm 1938.

Xuân, thường gọi là Xuân Tóc Đỏ là một đứa trẻ mồ côi, sống bằng đủ nghề mạt hạng (trèo me, trèo sấu, chạy cờ rạp hát, thổi loa quảng cáo các loại thuốc rởm...), hấp thụ lối sống bụi đời. Bị đuổi việc vì một hành động vô giáo dục, Xuân lại được bà Phó Đoan – một me Tây quá dâm đãng – giúp đỡ, kiếm việc làm ở tiệm may Âu hóa. Hắn được vợ chồng Văn Minh (cháu bà Phó Đoan) và những người thân khác của gia đình này, hoặc do cố ý, hoặc do hiểu lầm, tôn vinh lên làm "đốc tờ Xuân", nhà cải cách xã hội, "giáo sư quần vợt", nhà "chấn hưng Phật giáo". Xuân giao thiệp với toàn những bậc "thượng lưu" : đốc tờ Trực Ngôn, họa sĩ Típ phờ nờ (TYPN – tức Tôi yêu phụ nữ), nhà chính trị Giôdép (Joseph) Thiết, sư Tăng Phú – chủ nhiệm tờ báo *Gõ mõ*, v.v... Cả bà Phó Đoan lẫn Tuyết (em gái Văn Minh) đều phải lòng Xuân. Vinh quang tuyệt đỉnh đến với hắn : trong chuyến sang thăm Đông Dương, vua Xiêm cùng hoàng đế An Nam, toàn quyền Đông Dương tuần du Bắc Kì. Xuân Tóc Đỏ được cử ra đọ tài với nhà vô địch quần vợt Xiêm La (tức Thái Lan ngày nay). Cuộc đấu diễn ra sôi nổi. Vua Xiêm La tức giận vì đấu thủ của mình tỏ ra yếu thế. Xuân được lệnh phải thua để tránh cho hai nước thảm họa chiến tranh "núi xương sông máu" ! Hắn trở thành anh hùng cứu quốc, được công chúng hoan nghênh như một bậc vĩ nhân, được phủ toàn quyền thưởng cho Bắc Đẩu bội tinh và được cụ cố Hồng (bố Văn Minh) tuyên bố gả con gái yêu là cô Tuyết cho hắn.

3. Bằng ngòi bút trào phúng bậc thầy, Vũ Trọng Phụng đã lên án gay gắt cái xã hội tư sản thành thị đang đua đòi lối sống văn minh rởm, hết sức lố lăng đồi bại đương thời. Ông đả kích cay độc, đích đáng phong trào "Âu hóa", "thể thao", "giải phóng nữ quyền" đang rầm rộ lúc ấy. Những phong trào này nhân danh văn minh tiến bộ nhưng thực chất là giả dối, bịp bợm và nằm trong âm mưu bọn thực dân, dẫn mọi người đến lối sống hư hỏng, phi nhân bản và chà đạp lên đạo đức truyền thống.

4. Thế giới nhân vật của *Số đỏ* đông đảo, đa dạng : từ mụ me Tây đĩ thõa dơ dáng đến cô gái mới lãng mạn, hư hỏng một cách có lí luận; từ ông chủ hiệu may làm "cách mạng" bằng những mốt y phục lố lăng, khiêu dâm đến những chủ khách sạn kiêm vua thuốc lậu, từ bọn lang băm đến giới cảnh sát chỉ chăm chăm rình phạt, từ nhà sư hổ mang cổ động "chấn hưng Phật giáo" đến đại diện hội Khai trí tiến đức vốn cao đạo nhưng vẫn "gá tổ tôm một cách bình dân" để kiếm lời ! ... Bức tranh biếm họa này không từ cả các nhân vật chóp bu – tất nhiên tác giả phải dè dặt – như toàn quyền, thống sứ, vua ta, vua Xiêm... Với nghệ thuật viết già dặn, bút pháp

châm biếm đặc biệt sắc sảo, *Số đỏ* là một trong những thành tựu xuất sắc của văn xuôi Việt Nam hiện đại.

Dưới đây trích giảng Chương XV của tác phẩm. Nhan đề đoạn văn do người biên soạn đặt.

*

* *

Ba hôm sau, ông cụ già[1] chết thật.

Cả gia đình ấy đã nhao lên mỗi người một cách, đi gọi từ ông lang băm Tây cho tới ông lang băm Đông, già và trẻ, để thực hành đúng cái lí thuyết "nhiều thầy thối ma". Ông cụ già chết, danh dự của Xuân lại càng to thêm, vì cái lẽ rất chính đáng là luôn ba hôm nó đã trốn một chỗ nào không ai biết, đến nỗi bà cụ cho người đi tìm đâu cũng không thấy. Thiếu ông đốc tờ Xuân là thiếu tất cả, những ông thầy thuốc chính hiệu đã thất bại hoàn toàn. Về phần ông đốc tờ Trực Ngôn, thấy bạn đồng nghiệp Xuân của ông không chữa, cho đó là một bệnh nặng, nên cũng không dám nhận. Đó là một bài học cho những kẻ nào dám bảo một người như Xuân là con nhà hạ lưu, ma cà bông[2], vô học, vô lại[3], nhặt ban quần, vân vân... Người ta lại đi mời cả cụ lang Tì lẫn cụ lang Phế, nhưng vì quá giận, hai cụ đã từ chối chạy chữa cũng như những vị danh y biết tự trọng. Người ta đã nghĩ đến cả thuốc thánh đền Bia vừa mới chữa một người ho lao và một người cảm thương hàn bằng bùn đen và cứt trâu, công hiệu đến nỗi họ mất mạng, và quan trên lại điều tra ra rằng có một tụi cường hào tổ chức ra Thánh, mà tụi cường hào ấy lại ăn cắp tiền quỹ nữa, nên tự nhiên cũng hết thiêng... Những việc trắc trở như thế đã làm cho ông già hơn tám mươi tuổi phải chết một cách bình tĩnh. Trong lúc gia đình nhốn nháo, thằng bồi tiêm đã đếm được đúng một nghìn tám trăm bảy mươi hai câu gắt : "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi !" của cụ cố Hồng.

Cái chết kia đã làm cho nhiều người sung sướng lắm. Ông phán mọc sừng đã được cụ cố Hồng nói nhỏ vào tai rằng sẽ chia cho con gái và rể thêm một số tiền là vài nghìn đồng. Chính ông ta cũng không ngờ rằng giá trị đôi sừng hươu vô hình trên đầu ông ta mà lại

tongxua.vn

to đến như thế. Ông cho rằng Xuân có tài quảng cáo lắm, nói một lời là có vài nghìn bạc, nên sau khi được lời hứa quý hóa của ông bố vợ, ông trù tính ngay với Xuân một công cuộc doanh thương... "Thưa ngài, ngài là một người chồng mọc sừng !". Ông Xuân chỉ nói có thế mà làm cho ông thêm được vài ba nghìn bạc thì khi ông Xuân nói đại khái "Thưa ngài, thứ hàng này tốt nhất, buôn ở Tây phương" chắc phải có giá trị hơn nữa. Ông muốn gặp ngay Xuân để trả nốt năm đồng, trước khi buôn bán cũng phải giữ chữ tín làm đầu.

Cụ cố Hồng nhắm nghiền mắt lại để mơ màng đến cái lúc cụ mặc đồ xô gai, lụ khụ chống gậy, vừa ho khạc vừa khóc mếu, để cho thiên hạ phải chỉ trỏ :

– Úi kìa, con giai nhớn đã già đến thế kia kìa !

Cụ chắc cả mười phần rằng ai cũng phải ngợi khen một cái đám ma như thế, một cái gậy như thế...

Điều băn khoăn của con cụ, ông Văn Minh, chỉ là mời luật sư đến chứng kiến cái chết của ông nội mà thôi. Thế là từ nay mà đi, cái chúc thư kia sẽ vào thời kì thực hành chứ không còn là lí thuyết viễn vông nữa. Ông chỉ phiền nỗi không biết xử trí với Xuân Tóc Đỏ ra sao cho phải... Xuân tuy phạm tội quyến rũ một em gái ông, tố cáo cái tội trạng hoang dâm của một em gái khác nữa của ông, nhưng tình cờ đã gây ra cái chết của ông cụ già đáng chết. Hai cái tội nhỏ, một cái ơn to... làm thế nào? Ông phân vân, vò đầu rứt tóc, lúc nào mặt cũng đăm đăm chiêu chiêu[4], thành thử lại thành ra hợp thời trang, vì mặt ông thật đúng với cái mặt một người lúc gia đình đương là tang gia bối rối.

Mà bối rối thật. Người chết, sau khi được quan trên khám qua loa, đã được khâm liệm đến gần một ngày rồi, vậy mà chưa thấy cụ Hồng ra lệnh phát phục[5]. Phái trẻ, nghĩa là bọn dâu con, đã bắt đầu la ó lên rằng phái già chậm chạp. Cậu tú Tân thì cứ điên người lên vì cậu đã sẵn sàng mấy cái máy ảnh mà mãi cậu không được dùng đến. Bà Văn Minh thì sốt cả ruột vì mãi không được mặc đồ xô gai tân thời, cái mũ mấn trắng[6] viền đen – dernières créations[7]. Những cái rất

thuongmaitr

ăn với nhau mà tiệm Âu hóa một khi đã lăng-xê[8] ra thì có thể ban cho những ai có tang đương đau đớn vì kẻ chết cũng được hưởng chút ít hạnh phúc ở đời. Ông Typn[9] rất bực mình vì mãi không được thấy những sự chế tạo của mình ra mắt công chúng để xem các báo chí phê bình ra sao. Người ta đổ lỗi cho ông Văn Minh không khéo can thiệp để mọi việc phải trì hoãn, cụ cố Hồng cứ nhắm mắt lại kêu khổ lắm, cụ bà hay lề lối, vẽ chuyện lôi thôi. Kì thủy[10] sở dĩ chưa phát phục vì chuyện Tuyết, hay việc Xuân Tóc Đỏ đã gây ra cho Tuyết vậy.

Khi cụ phán bà ở nhà người vị hôn phu[11] của Tuyết ra về đến nhà mình thì, trước những cặp mắt ngơ ngác của một bầy con cháu chí hiếu chỉ nóng ruột đem chôn cho chóng cái xác chết của cụ tổ, cụ bà đã lẳng lặng ra hiệu cho Văn Minh theo mình lên gác với cụ ông. Lúc này, cụ ông đã hút xong điếu thuốc thứ sáu mươi nên thằng bồi tiêm đã lui đi chỗ khác để mặc cụ hưởng những dư vị mà thuốc phiện còn để lại trong phổi. Trông thấy cụ bà, cụ ông ngồi nhỏm dậy hỏi dồn :

– Thế nào hở bà? Chuyện trò ra làm sao? Người ta có hối hôn[12] không ?

truongxua.vn

Cụ bà lẳng lặng ngồi xuống cạnh. Văn Minh cũng kéo ghế đến gần sập. Nghe ngóng mãi, cụ bà mới thở dài mà rằng :

– Thật khó nghĩ quá. Người ta không hối hôn, mà cũng không ra làm sao cả mà người ta sắp đến phúng nữa, thế mới lạ chứ !

– Ô hay ! Thế sao bà không bảo người ta cưới chạy tang[13] đi có được không?

– Người ta cũng không muốn cưới chạy tang thì ông bảo tôi làm thế nào?

– Ô hay ! Thế muốn bỏ hay muốn theo đuổi? Nhất định có cưới con Tuyết hay đã chê nó hư hỏng? Ít ra, họ cũng phải có một thái độ rõ rệt chứ?

Cụ bà lại hỏi cụ ông :

– Như thế thì ông thử đoán xem bụng dạ người ta nghĩ ra làm sao?

Cụ ông nhăn mặt lại, gắt :

– Mình đã tranh lấy mà đi, rồi lại về hỏi vặn người nằm xó nhà !

Từ đấy trở đi, cụ ông, cụ bà cãi cọ nhau theo lối những cặp vợ chồng già, cổ điển của những gia đình nền nếp... những gia đình có những cặp vợ chồng không bao giờ ôn tồn với nhau trong mười lăm phút trò chuyện, bất cứ về vấn đề gì.

– Tôi ấy à? Tôi thì tôi cho là người ta chưa dám tin đích xác là con Tuyết đã hư hỏng.

– Thôi đi ! Tôi thì tôi cho là người ta đã muốn hối hôn rồi. Bà đừng bênh con.

– Sao người ta còn định phúng viếng? Sao ông nói dốt thế?

– Ấy thế họ mới xỏ ! Họ không hối hôn nhưng mà họ cứ để thế, để không ma nào dám hỏi con Tuyết nữa, rồi con gái bà sẽ chết già !

– Chưa chắc ! Dễ họ cũng phân vân như mình, vì đến chính ngay mình, mình cũng không biết rõ con gái mình hư hay không ! Cho nên khi tôi kêu rằng nên xin cưới chạy tang đỡ tốn kém, khỏi phải chờ đợi những ba năm, thì họ đáp rằng con giai họ cũng còn ít tuổi, lại đương ăn học, cũng chả vội gì mà phải cưới sớm, dù ba năm, chứ đến năm năm thì đợi cũng được.

– Thế bây giờ định thế nào? Như ý tôi thì hỏi ngay ông đốc Xuân xem ông ta có ưng không thì bảo ông ta cưới chạy tang cho xong chuyện đi.

Cụ bà cắn môi nghĩ ngợi. Cụ còn nhớ rõ lúc Xuân nói : "Tôi mà xấu thì cũng chẳng ai đẹp được" rồi sau khi ấy, bảo ngay vào mặt ông phán con rể cụ là mọc sừng cho con gái cụ phải ê trệ[14] một phen. Xuân nóng nảy như thế thật đáng sợ, giá cụ trông thấy Xuân, cụ vẫn phải xấu hổ. Có một ông rể quý như Xuân, kể cũng đáng sợ lắm. Không biết quyết đoán ra sao cả, cụ quay về, bảo ông con giai :

– Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà, phương ngôn nói thế. Mày làm con Tuyết phải hư hỏng, mày làm xấu mặt tao, bây giờ tao xin nhờ mày.

Cụ ông cũng gật gù mà rằng :

– Ừ ! Thế thì toa[15] nghĩ thế nào, hở toa. Có con gái nhớn thì nguy như chứa bom ở trong nhà, có phải thế không? Toa nên nghĩ cách nào tống khứ[16] nốt con bé thì nhà này không lo điều gì nữa.

Văn Minh ôm đầu ngẫm nghĩ hồi lâu đáp :

– Thế cũng không được. Người ta đang nghi cho nó phải lòng anh Xuân, bây giờ mình cũng gả chạy tang cho anh Xuân, như thế có khác gì thú nhận với người ta là con gái mình đã hư hỏng với Xuân? Chỉ còn cách là mặc kệ đấy, cứ việc ma chay cho xong chuyện đi rồi sau người ta xin cưới thì mình gả, bằng không thì hãy gả cho anh Xuân cũng chưa muộn.

Bà mẹ hỏi ngay :

– Dễ thế kia à? Sao hôm nọ, anh kêu chưa chắc người ta ưng thuận con bé.

Văn Minh đành phải chống chế :

uongxua.vn

– Nếu tôi nói thì chắc người ta cũng bằng lòng...

Về phần cụ Hồng, rất thích có được chàng rể như ông đốc tờ Xuân, thấy con giai nói thế thì cũng bằng lòng vậy, mặc dù giá xong việc ngay thì cụ sung sướng hơn nữa. Còn Văn Minh, trước tình hình nghiêm trọng ấy, đành phải bóp trán nghĩ những cách nay mai gột rửa bằng xà phòng thơm cho cái quá khứ của Xuân Tóc Đỏ để nếu cần, thì gả em cho một người như thế, ông cũng không đến nỗi xấu mặt. Trước kia ông bực mình về nỗi thiên hạ cứ nhầm mãi Xuân bao nhiêu, thì bây giờ ông lại mừng thầm cũng vì một điều ấy bấy nhiêu. Cũng như mọi kẻ tân tiến khác, sau khi gây ra một việc bậy thì xấu hổ lắm, không có gan nhận lỗi nữa, ông đành ép lòng tìm những cái gì còn cứu chữa được. Ông đứng lên hùng hồn mà rằng :

– Thôi được, me cứ yên tâm, bạ cứ yên tâm. Tôi sẽ làm thế nào cho con Tuyết lấy được chồng một cách danh giá thì thôi. Bây giờ xin cho phát phục, kẻo đã quá muộn.

Cả ba người yên lòng, xuống dưới nhà cắt đặt mọi việc. Bọn con cháu vô tâm ai cũng sung sướng thỏa thích... Người ta tưng bừng vui vẻ đi đưa giấy cáo phó, gọi phường kèn, thuê xe đám ma, vân vân... Tối hôm ấy, khách khứa đến hỏi thăm, phúng viếng, chia buồn tấp nập...

Sáng hôm sau, đúng 7 giờ thì cất đám. Hai viên cảnh sát thuộc bộ thứ 18 là Min Đơ và Min Toa[17] đã được thuê giữ trật tự cho đám ma. Giữa lúc không có ai đáng phạt mà phạt, đương buồn rầu như nhà buôn sắp vỡ nợ, mấy ông cảnh binh này được có đám thuê thì sung sướng cực điểm, đã trông nom rất hết lòng. Thành thử tang gia ai cũng vui vẻ cả, trừ một Tuyết. Tại sao Xuân lại không đến phúng viếng gì cả? Tại sao Xuân lại không đi đưa? Hay là Xuân khinh mình? Những câu hỏi ấy đã khiến Tuyết đau khổ một cách rất chính đáng, có thể muốn tự tử được. Tìm kiếm khắp mặt trong bọn người đi đưa đám ma cũng không thấy "bạn giai" đâu cả, Tuyết như bị kim châm vào lòng.

thuongmaitruongxua.vn

Hôm nay, Tuyết mặc bộ y phục Ngây thơ – cái áo dài voan mỏng trong có coócsê[18], trông như hở cả nách và nửa vú – nhưng mà viền đen, và đội một cái mũ mấn xinh xinh. Thấy thiên hạ đồn mình hư hỏng nhiều quá, Tuyết bèn mặc bộ Ngây thơ để cho thiên hạ phải biết rằng mình chưa đánh mất cả chữ trinh. Với cái tráp trầu cau và thuốc lá, Tuyết mời các quan khách rất nhanh nhẹn, trên mặt lại có vẻ buồn lãng mạn rất đúng mốt một nhà có đám. Những ông bạn thân của cụ cố Hồng, ngực đầy những huân chương như : Bắc Đẩu bội tinh, Long bội tinh, Cao Mên bội tinh, Vạn Tượng bội tinh, vân vân... trên mép và cằm đều đủ râu ria, hoặc dài hoặc ngắn, hoặc đen hoặc hung hung, hoặc lún phún hay rầm rậm, loăn quăn, nhiều ông tai to mặt lớn thì sát ngay với linh cữu, khi trông thấy làn da trắng thập thò trong làn áo voan trên cánh tay và ngực Tuyết, ai nấy cũng đều cảm động hơn những khi nghe tiếng kèn Xuân nữ[19] ai oán, não nùng.

Với một đám ma theo cả lối Ta, Tàu, Tây có kiệu bát cống[20], lợn quay đi lọng[21], cho đến lốc bốc xoảng[22] và kèn bú dích[23] và

vòng hoa, có đến ba trăm câu đối, vài ba trăm người đi đưa, lại có cậu tú Tân chỉ huy, những nhà tài tử chụp ảnh đã thi nhau như ở hội chợ. Thật là một đám ma to tát có thể làm cho người chết nằm trong quan tài cũng phải mỉm cười sung sướng, nếu không gật gù cái đầu... !

Khi đi được bốn phố, giữa lúc Typn và bà vợ, bà Phó Đoan và ông Joseph Thiết, và mấy người nữa đương lào xào phê bình thái độ của Xuân thì thấy cả đám phải đứng dừng lại như hàng đầu gặp phải một tai nạn xe cộ vậy. Giữa lúc ấy, sáu chiếc xe, trên có sư chùa Bà Banh, xe nào cũng che hai lọng, từ một ngả len vào chiếm chỗ sau năm lá cờ đen. Hai vòng hoa đồ sộ, một của báo *Gõ mõ*, một của Xuân, cũng len vào hàng đầu. Cậu tú Tân vội chạy lên bấm máy ảnh lách tách rồi xuống thưa với mẹ. Cụ bà hớt hải chạy lên, rồi cảm động hết sức, vì nó là phần của ông Xuân, ông Xuân đốc tờ, và ông Xuân cố vấn báo *Gõ mõ*, nên mới có sự long trọng như thế thêm cho đám ma. Cụ sung sướng kêu : "Ấy giá không có món ấy thì là thiếu chưa được to, may mà ông Xuân đã nghĩ hộ tôi !". Sư cụ Tăng Phú thì sung sướng và vênh váo ngồi trên một chiếc xe, vì sư cụ chắc rằng trong số thiên hạ đứng xem ở các phố, thế nào cũng có người nhận ra rằng sư cụ đã đánh đổ được Hội Phật giáo, và như thế thì là cuộc đắc thắng đầu tiên của báo *Gõ mõ* vậy.

Xuân Tóc Đỏ cắt đặt đâu vào đấy rồi mới xuống chỗ người đi đưa. Tuyết đã liếc mắt đưa tình cho nó để tỏ ý cảm ơn. Mọi người đã ngợi khen nó hoặc ghen ghét nó.

Đám ma đưa đến đâu làm huyên náo đến đấy. Cả một thành phố đã nhốn nháo lên khen đám ma to, đúng với ý muốn của cụ cố Hồng. Thiên hạ chú ý đặc biệt vào những kiểu quần áo tang của tiệm may Âu hóa như ý ông Typn và bà Văn Minh. Cụ bà sung sướng vì ông đốc Xuân đã không giận mà lại giúp đáp, phúng viếng đến thế, và đám ma như kể đã là danh giá nhất tất cả.

Đám cứ đi...

Kèn Ta, kèn Tây, kèn Tàu lần lượt thay nhau mà rộn lên. Ai cũng làm ra bộ mặt nghiêm chỉnh, song le sự thật thì vẫn thì thầm với nhau

thuongmaitruongxua.vn

chuyện trò về vợ con, về nhà cửa, về một cái tủ mới sắm, một cái áo mới may. Trong mấy trăm người đi đưa thì một nửa là phụ nữ, phần nhiều tân thời, bạn của cô Tuyết, bà Văn Minh, cô Hoàng Hôn, bà Phó Đoan, vân vân... Thật là đủ giai thanh gái lịch, nên họ chim nhau[24], cười tình với nhau, bình phẩm nhau, chê bai nhau, ghen tuông nhau, hẹn hò nhau, bằng những vẻ mặt buồn rầu của những người đi đưa ma.

Chen lẫn vào những tiếng khóc lóc, mỉa mai nhau của những người trong tang gia, người ta thấy những câu thì thào như sau này :

– Con bé nhà ai mà kháu thế? – Con bé bên cạnh đẹp hơn nữa ! – Ừ, ừ, cái thằng ấy bạc tình bỏ mẹ ! – Xưa kia vợ nó bỏ nó chớ? – Hai đời chồng rồi ! – Còn xuân chán ! – Gớm cái ngực, đầm[25] quá đi mất ! – Làm mối cho tớ nhé? – Mỏ vàng hay mỏ chì?[26] – Không, không hẹn hò gì cả? – Vợ béo thế, chồng gầy thế thì mọc sừng mất ! Vân vân ! ...

Và còn nhiều câu nói vui vẻ, ý nhị khác nữa, rất xứng đáng với những người đi đưa đám ma.

thuongmaitr

Đám cứ đi...

Đến huyệt, lúc hạ quan tài, cậu tú Tân luộm thuộm trong chiếc áo thụng trắng đã bắt bẻ từng người một, hoặc chống gậy hoặc gục đầu hoặc cong lưng, hoặc lau mắt như thế này, như thế nọ... để cậu chụp ảnh lúc hạ huyệt. Bạn hữu của cậu rầm rộ nhảy lên những ngôi mả khác mà chụp để cho ảnh khỏi giống nhau.

Xuân tóc đỏ đứng cầm mũ nghiêm trang một chỗ bên cạnh ông phán mọc sừng. Lúc cụ Hồng mếu máo và ngất đi thì ông này cũng khóc to "Hứt !... Hứt !... Hứt !...".

Ai cũng để ý đến ông cháu rể quý hóa ấy.

Ông ta khóc quá, muốn lặng đi thì may có Xuân đỡ khỏi ngã. Nó chật vật mãi cũng không làm sao cho ông đứng hẳn lên được. Dưới cái khăn trắng to tướng, cái áo thụng lòe xòe, ông phán cứ oặt người đi, khóc mãi không thôi.

– Hứt !... Hứt !... Hứt !...

Xuân Tóc Đỏ muốn bỏ quách tay ra thì chợt thấy ông phán dúi tay nó một cái giấy bạc năm đồng gấp tư... Nó nắm tay cho khỏi có người nom thấy rồi đi tìm cụ Tăng Phú lạc trong đám ba trăm người đương buồn rầu và đau đớn về những điều sơ suất của khổ chủ.

(*Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, tập III,
NXB Văn học, Hà Nội, 1988)

Chú thích

(1) *Ông cụ già :* chỉ bố cụ cố Hồng, ông nội của Văn Minh chồng và của Tuyết. (2) *Ma cà bông* (tiếng Pháp : vagabond) : kẻ lang thang đầu đường xó chợ. (3) *Vô lại :* kẻ bất lương. (4) *Đăm đăm chiêu chiêu :* dáng vẻ nghĩ ngợi, băn khoăn. (5) *Phát phục :* thay quần áo thường để mặc quần áo tang khi trong nhà có người bề trên qua đời. (6) *Mũ mấn :* mũ bằng vải trắng, hình phễu, người phụ nữ đội khi đưa ma bố mẹ hoặc chồng, theo phong tục cũ. (7) Tiếng Pháp (đọc là đéc-ni-e-rơ crê-a-xi-ông) : những sáng tạo cuối cùng, những sáng tạo mới mẻ nhất. (8) *Lăng-xê* (tiếng Pháp : lancer): tung ra, đưa ra để quảng cáo. (9) *Ông Typn :* chỉ người chuyên tạo mẫu ở tiệm may Âu hóa của vợ chồng Văn Minh. (10) *Kì thủy* (từ cũ) : lúc ban đầu, đầu tiên. (11) *Vị hôn phu :* chồng chưa cưới. (12) *Hồi hôn* : từ chối việc hôn nhân đã được ước hẹn với nhau từ trước. (13) *Cưới chạy tang :* cưới vợ khi gia đình có người bề trên (ông bà, bố mẹ) sắp chết (hoặc đã chết nhưng chưa phát tang) để việc cưới xin khỏi bị đình hoãn. (14) *Ê trệ* (có thể viết là *ê chệ* – khẩu ngữ) : xấu hổ, nhục nhã đến mức không còn dám nhìn mặt ai. (15) *Toa* (tiếng Pháp) : đại từ chỉ ngôi thứ hai, số ít. Lối xưng hô thân mật (mày, cậu,...). (16) *Tống khứ :* đuổi đi xa cho khuất mắt. (17) Tiếng Pháp : 1002 (min đơ), 1003 (min toa), chỉ số hiệu của hai người cảnh sát. (18) *Coócsê* (tiếng Pháp : corset) : áo nịt ngực của phụ nữ. (19) *Xuân nữ :* tên một bản nhạc được cử hành trong đám tang. (20) *Kiệu bát cống : kiệu* là đồ dùng để rước bài vị thần thánh, đồ thờ (được sơn son thiếp vàng) hoặc để khiêng người (có ghế ngồi và có mui che). *Kiệu bát cống* có tới tám đòn, 16 người khiêng, là loại kiệu sang trọng. (21) *Lọng* : đồ dùng lớn và sang trọng hơn ô, dù, dùng để che cho các bậc quyền quý hoặc để rước bài vị thần thánh. Ở đây, *lọng* được dùng để che cho lợn quay ! (22) *Lốc bốc xoảng :* thanh âm do một số nhạc cụ Tàu trong đám tang phát ra. (23) *Kèn bú dích :* kèn đồng của Tây (*bú dích* đọc chệch âm từ muy-dích (*musique*) *:* âm nhạc). (24) *Chim nhau* (khẩu ngữ) : ve vãn, tán tỉnh nhau. (25) *Đầm :* chỉ phụ nữ Tây phương. (26) *Mỏ vàng hay mỏ chì* (khẩu ngữ) : giàu có, lắm tiền (*mỏ vàng*) ; nghèo, tài sản không có gì (*mỏ chì*).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tìm đọc tác phẩm. Xác định vị trí của đoạn trích này trong tác phẩm. Với những học sinh yêu thích văn học, có thể làm thêm việc sau : ghi nhận xét về chủ đề, thành công và hạn chế của tác giả trong việc xây dựng bức tranh xã hội, xây dựng điển hình (đặc biệt chú ý đến nhân vật Xuân Tóc Đỏ), nghệ thuật tác giả gây cười để phê phán đả kích.

2. Phân tích ý nghĩa trào phúng của tiêu đề ***Hạnh phúc của một tang gia****. Tìm hiểu những "hạnh phúc" cụ thể của mỗi thành viên trong gia đình này.*

3. Tác giả rất thành công trong việc xây dựng "nhân vật đám đông" và cảnh đưa đám. Phân tích cảnh này. Những chi tiết nghệ thuật nào làm cho ta rõ tính cách và nhân cách của họ?

4. Hãy nhận xét nghệ thuật trào phúng, đả kích của tác giả về các phương diện : tình huống, chân dung, hành vi, ngôn ngữ, giọng điệu.

thuongmaitr

ĐỌC THÊM

MỘT BUỔI TIẾP KHÁCH

(Trích *Giông tố*)

VŨ TRỌNG PHỤNG

Tiểu dẫn

Tiểu thuyết *Giông tố*, đăng trên *Hà Nội báo* từ số 1 (ra ngày 1-1-1936) đến số 11 thì ngừng ; số 18 (ra ngày 6-5-1936) lại đăng tiếp nhưng mang tên mới : *Thị Mịch*. Được in thành sách lần đầu năm 1937, với tên cũ : *Giông tố*.

Giông tố đã dựng nên một bức tranh toàn cảnh rộng lớn về xã hội Việt Nam thuộc địa phong kiến đương thời, một xã hội hết sức bất công, thối nát, mọi thứ đều quay cuồng điên đảo... Trong tác phẩm, nhà văn đã tập trung sức bút để phơi trần bộ mặt gian ác, bỉ ổi của tầng lớp tư bản bản xứ cỡ lớn qua hình tượng nghị Hách – một điển hình nghệ thuật sinh động bất hủ. Vũ Trọng Phụng tha thiết đổi thay xã

hội; nhưng do nhận thức chính trị mơ hồ, thực chất là chưa vượt khỏi quan điểm cải lương, ông chỉ biết đặt hi vọng vào những cá nhân trí thức "học thức cao, nhân phẩm cao", dù đó là nhà "cách mạng quốc tế" hay là một quan huyện, thậm chí một công sứ thực dân... Mặt khác, tư tưởng hoài nghi, bi quan vốn nặng nề của Vũ Trọng Phụng cũng hạn chế phần nào giá trị nhận thức và sức mạnh tố cáo của tác phẩm.

Giông tố tuy có những chỗ yếu đây đó về nghệ thuật, vẫn cho thấy sức bút mãnh liệt và tài năng tiểu thuyết xuất sắc của tác giả. Nét nổi bật nhất trong tài năng đó là sức bao quát, tổng hợp lớn để phản ánh hiện thực phức tạp trên một phạm vi rộng, dựng nên cả một thế giới nhân vật sinh động, trong đó, có những hình tượng đầy sức sống.

Đoạn văn dưới đây trích trong Chương XXI của tác phẩm. Nhan đề đoạn văn do người biên soạn đặt.

*
* *

Tóm tắt cốt truyện : Mịch là một cô gái quê, con ông đồ Uẩn làng Quỳnh Thôn. Trong một đêm trăng đi gánh rạ về, cô bị lão nghị Hách – một triệu phú khét tiếng giàu có và dâm ác – lừa vào ô tô của lão để cưỡng dâm. Ông đồ và lí dịch làng Quỳnh Thôn không chịu được cái nhục này, đã đưa đơn kiện nghị Hách. Quan huyện trẻ tuổi, từng đỗ tiến sĩ luật ở Pari và có tư tưởng mới, có ý bênh vực người dân lành bị ức hiếp. Nhưng nghị Hách được quan Tổng đốc che chở, lại dùng thủ đoạn thâm hiểm để gieo họa cho làng Quỳnh Thôn, đã đánh bại đối thủ dễ dàng. Quan huyện trẻ phải từ chức, quan huyện già về thay, bênh nghị Hách ra mặt. Tú Anh là con trai cả nghị Hách, giám đốc một trường tư thục ở Hà Nội, một thanh niên trí thức "có học thức, có nhân phẩm", đã thương lượng thu xếp để Mịch lấy lẽ nghị Hách, đền bù "cho cuộc đời bị hại" của cô. Tú Anh lại thu xếp để Long – chồng chưa cưới của Mịch và chính là thư kí làm công cho Tú Anh – được lấy Tuyết, em ruột Tú Anh. Trong khi đó, nghị Hách, được sự ủng hộ của một công ti tư bản thực dân đang muốn "móc ngoặc" với lão để nắm độc quyền nước mắm, lại ra tranh cử nghị viên và còn nhắm cả ghế nghị trưởng. Một ông già bí mật xuất hiện, đến xem mạch đất và số tử vi cho nghị Hách, trở thành "thượng khách" của lão. Đó là Hải Vân, nguyên là bạn thuở hàn vi và cũng là nạn nhân của sự lừa đảo phản trắc của nghị Hách khi xưa. Nay ông là nhà "cách mạng quốc tế", đang hoạt động ở nước ngoài, trở về nước vì việc đảng. Ông đến với nghị Hách không để trả thù cũ mà chỉ để "giúp" lão và tống tiền cho quỹ đảng... Do ông bố trí, nghị Hách được chứng kiến cảnh vợ lão ngoại tình. Ông còn vạch cho nghị Hách biết : chính Long là con riêng của nghị Hách, do lão quyến rũ vợ ông rồi đẻ ra..., còn Tú Anh thì lại là con của ông !... Mặc dù "đau đớn về tinh thần ", nghị Hách vẫn lao vào những hoạt động tranh cử bằng những thủ đoạn cơ hội trắng trợn. Để được tiếng là có óc "bình dân" (lúc này là thời kì Mặt trận Bình dân đang thắng thế), lão phát chẩn cho dân nghèo và được tặng thưởng bội tinh. Trong bữa tiệc mừng có đủ mặt các quan chức Pháp và Nam, đại diện cho cả cái xã hội thượng lưu quý phái, nghị Hách đã đọc một bài

diễn văn hùng hồn, tuyên bố "giữ lòng trung thành với bình dân cho đến lúc chết !". Với sự trơ trẽn cao độ, lão cho biết đã quyết định gả con gái cho Long, "một đứa trẻ mồ côi vô thừa nhận", "một đại biểu của bình dân" – mà lão đã biết là con riêng của lão – để "tỏ lòng cảm hờn cái xã hội trưởng giả".

Một đêm "giông tố" mịt mùng trên bờ biển Móng Cái, ông già Hải Vân từ biệt con trai (Tú Anh) để lên đường. Ông khuyên con trai ở lại "cố gắng làm những việc hữu ích trong vòng pháp luật" và hãy chờ đợi ở thời cuộc đang sáng sủa... Đoạn kết : trong một đêm ăn chơi bốc giời ở xóm Khâm Thiên, Long đã cắt mạch máu tự tử. Có lẽ dù sống vung vãi tiền bạc, người con rể và cũng là con riêng của nhà triệu phú ấy không thể không tự ghê tởm và cảm thấy chán chường cực độ, không tìm thấy nghĩa lí sống ở đời...

*

* *

Sáng sớm hôm ấy, một ngày hè mây trời quang đãng, trong sân Tiểu vạn trường thành[1] có tám chiếc xe hơi... Mỗi năm hai kì, ấp phải đón tiếp sự tấp nập, là vì mỗi năm hai kì, việc doanh thương[2] của ông dân biểu[3] Tạ Đình Hách được đem ra tính sổ.

Trong phòng khách đợi, lúc ấy có ngót hai chục người ngồi chờ được tiếp, bọn người mà bề ngoài đủ tỏ ra vẻ doanh nghiệp, vẻ sắc sảo, vẻ gian hùng, ở những cái mũ cát két, ở những đôi giày ống, ở những cái kính cặp, ở những cái răng vàng, ở cái máy chữ xách được, ở cái cặp da to kếch sù, ở cái ống đựng nước giữ được nóng, lạnh trong 24 giờ, v.v... Bọn này thuộc vào lớp người mà do ai, xã hội được hoạt động, trông vào đâu, cũng thấy danh lợi, sống lên trên những cuộc tai họa hoặc những sự may mắn của người đời. Trước mắt bậc triết nhân hiền giả[4] họ là bọn sài lang[5] mà đối với gia đình của họ, thì họ là những bậc can trường[6] lỗi lạc.

Trong bọn ấy, có anh coi đời như canh bạc lớn, làm việc thiện là để quảng cáo cho mình, làm điều ác mà bắt mọi người phải nhớ ơn, đọc đủ cả các báo chí mà không biết gì về văn chương, mĩ thuật, tủ sách đầy những tập kỉ yếu[7] các hội ái hữu[8] nhưng kì chung[9] thật không có ai là bạn trên đời, cầm đến tờ nhật trình chỉ xem tin thương trường[10], tin gọi thầu, các đạo nghị định tin xuất cảng, nhập cảng, đã từng chủ tọa những cuộc ban giải văn chương, mà chưa hề đọc hết một cuốn tiểu thuyết. Lại có anh vừa cổ động[11] kịch liệt cho hội Phật giáo, lại vừa xây hàng dãy nhà săm[12], thấy tin ở đâu bị lụt lập tức hô hào mở cuộc lạc quyên[13], để đi cân gạo, thấy tin ông tổng trưởng thuộc địa[14] qua chơi, là viết ngay một bài báo than phiền về nạn hiếu danh và lên kể công doanh thương với quan đầu tỉnh, coi đời là một sự vô nghĩa lí, nhưng đầy tớ đánh vỡ một cái bát cũng bắt đền năm xu, giữa đám đông người thì cả mồm chửi những người tàn ác buôn đồng loại, nhưng ngồi một mình thì lại ca tụng mình đã làm được một việc

làm ác một cách có mĩ thuật. Có anh nữa, đã bị cáo trước vành móng ngựa hàng chục lần, mà vẫn chưa biết ông biện lí[15] ngồi ở chỗ nào, vào đâu cũng khoe mình giỏi pháp luật, khai ở sở liêm phóng[16] là vô nghề nghiệp nhưng, thật ra, không còn nghề gì là không làm, ban đêm đi tiêm thuốc phiện cho người quý quốc, ban ngày đi đòi tiền hộ các sở nặc nô[17], làm chủ đã ba bốn tiệm khiêu vũ, mà đánh con gái đến hộc máu về tội ăn mặc tân thời, cho vay lãi mười lăm phân thì xót xa, vì đã quá hi sinh cho đời, mà đem vi thành[18] quan trên bạc nghìn, vì đã được cái cửu phẩm[19] còn sợ mình là bội bạc. Lại có anh vừa là chủ hiệu xe đám ma, vừa là chủ dược phòng[20], bán tem cho hội bài trừ bệnh lao, lại bán cả thuốc lào mốc, chiếm kỉ lục về sự vô học, nhưng lại gọi ông Quỳnh, ông Vĩnh[21] là thằng, ấy vậy mà khóe[22] làm tiền, những cách đầu cơ, những ngón[23] lợi dụng, thì lại cừ hơn những kẻ có bằng thương mại chuyên môn... Nói tóm lại một câu, bọn người này là những mẫu hàng đặc biệt của công giới, và thương giới[24].

Bọn ấy đều hoặc là bạn hàng, hoặc là vây cánh, hoặc là tay sai của nghị Hách cả. Người thì lên xin thầu một dãy nhà, kẻ mong điều đình xong một tờ giao kèo[25], anh thì muốn bán lại một cái mỏ, anh thì đến yêu cầu một sở đại lí[26] độc quyền, anh thì đến bán một ít cổ phần[27] của một công ti đương tổ chức lại, hoặc sắp tan...

Trong phòng giấy, nghiệp chủ Tạ Đình Hách bảo người thư kí riêng :

– Anh ra xin lấy một lượt danh thiếp đã.

(...)

truongxua.vn

Người thư kí mang vào một cái khay đầy những danh thiếp[28] và nói :

– Bẩm lại vừa có một ông Tây vừa lên bằng xe hơi, kêu muốn được tiếp trước cả.

Nghị Hách mân mê cái danh thiếp trong tay, nghĩ một lúc rồi bảo người loong toong[29] :

– Anh ra thưa với các ông rằng đường sá xa xôi, ông chủ tôi có lưu các ông ở lại xơi bữa cơm trưa, xin các ông thuận cho.

Rồi quay sang người thư kí :

– Trong khi ấy, thì anh ra mời người Tây này vào trước.

Mấy phút sau, người Tây được dẫn vào. Người này, đã cao tuổi, nói tiếng Việt Nam rất thông, xem chừng đã ở thuộc địa này ít ra vài ba mươi năm.

– Tôi muốn ông nghị nói cho tôi hiểu rằng khóa này ông có ra tranh cử[30] nữa không...

Nghị Hách nghĩ mãi mới đáp :

– Điều ấy tôi cũng chưa quyết định.

– Nếu ngài ra tranh cử, thì nên quyết định ngay đi vì chỉ còn có hai tháng.

– Vâng, nhưng vì công việc doanh thương của tôi dạo này bận rộn lắm, có lẽ khóa này tôi thôi.

Người Tây trợn tròn hai mắt :

– Ngài thôi? Ngài nói?

– Phải, có lẽ tôi thôi.

– Ngài thôi vì công việc ngài đương tiến bộ?

– Vâng.

Người Tây cười nhạt một hồi rồi khẽ nói :

– Ngài nên nói vì ngài đầy túi rồi thì hơn.

Nghị Hách đứng lên nghiêm trang mà rằng :

– Tôi xin thề với ông rằng, tuy chính phủ có cho tôi xin hai trăm mẫu đồn điền thật, nhưng tôi mất theo vào cái ấy có đến sáu vạn bạc, mà vẫn chưa thu về một xu nào cả.

– Không phải vì thế mà ngài không thay mặt dân nữa.

– Vả lại, tôi cũng không giúp ích được dân điều gì.

Người Tây lại cười gằn một hồi lâu, rồi ghé vào tai nghị Hách :

– Khi mình làm nghị viên thì người ta hay nghĩ đến cách giúp ích cho mình trước đã.

Nghị Hách cũng cười trừ[31] và chìa tay ra bắt tay người Tây, sau khi nháy mắt mấy cái một cách ranh mãnh. Rồi tiếp :

– Tôi hỏi thật ông rằng : nếu tôi ra tranh cử nữa, thì có lợi hại gì cho ông không?

– Tôi cũng xin nói thật ngay rằng nếu ông tranh cử nữa, thì cả đôi ta sẽ cùng có lợi.

– Xin ông cắt nghĩa kĩ...

– Trước hết, tôi hãy nói cho ông biết rằng cách đây vài năm, tôi còn là một ông quan cai trị...

– Vâng.

– Tôi có cả Bắc Đẩu bội tinh (người ấy nói xong trỏ lên ve áo).

– Vâng, tôi đã rõ lắm...

– Thế nghĩa là tôi quen thuộc nhiều người quyền thế lắm. Trong khi tôi còn làm quan cai trị thì tôi đã để ý đến việc doanh thương rồi. Hiện giờ, tôi làm đại biểu cho một hội lí tài mới lập bên Pháp, vốn liếng có hai mươi triệu phật lăng[32], được hội cử đi tìm một việc gì có lợi. Tôi đã tìm ra được một cái độc quyền, là cái độc quyền nước mắm. Muốn đạt tới mục đích thì phải có vây cánh cho nên tôi muốn tìm ông.

– Vâng.

– Ông thử nghĩ xem? Một cái độc quyền nước mắm ở Bắc Kì và ở Trung Kì thì phải là một việc lợi lắm chứ?

thuongmaitr

– Phải, phải.

– Vậy thì năm trăm cổ phần để dành cho ông đó, nếu ông giúp tôi được việc.

– Tôi sẽ phải hành động thế nào?

– Ông sẽ ra tranh cử dân biểu, ông sẽ phải trúng cử cả ghế nghị trưởng nữa, để mà lên Đại hội nghị kinh tế.

Có tiếng gõ cửa, nghị Hách quát :

– Không vào được !

Rồi ngồi thừ ra ngẫm nghĩ. Hồi lâu mới nói :

– Chỉ sợ không đủ tài hùng biện(33)...

– Đã có người khác hùng biện.

– Thế thì tôi phải làm gì?

– Ông sẽ bỏ phiếu tín nhiệm một ủy ban vệ sinh cử đi xét nước mắm. Và ông sẽ ngồi im, không nói gì cả, không cãi gì cả, khi nào có một hội viên Pháp đem vấn đề nước mắm ra chất vấn chính phủ tại hội nghị.

– Chỉ có thế?

– Phải, mà có thế cũng đã nhiều lắm.

– Tôi hỏi thẳng thế này nhé : thế trong cuộc tranh cử ghế nghị trưởng thì liệu hội ông có thể giúp đỡ gì được tôi không?

– Chúng tôi sẽ giúp đỡ ông về phương diện tinh thần.

– Còn tiền tranh cử thì tôi phải bỏ ra?

– Phải, ta nên giao hẹn nhau đích xác như thế.

Nghị Hách ngồi thừ ra một lúc lâu mới tiếp :

– Như vậy thì khó khăn lắm.

Nhưng người Tây đứng lên, nghiêm trang mà rằng :

– Việc đời không bao giờ dễ cả. Tôi xin nói thẳng ngay rằng mỗi một cổ phần giá là hai nghìn phật lăng. Vậy thì năm trăm cổ phần về tay ông là bao nhiêu? Mà cái số lãi đồng niên(34) sẽ là bao nhiêu? Ông nghĩ kĩ mà xem ! Lãi nước mắm, cả Trung Kì lẫn Bắc Kì !

– Ông nói có lí lắm.

Người Tây vỗ vai nghị Hách, nói khẽ :

– Vả lại, cái ghế nghị trưởng cũng đất đến cái mề đay(35) Bắc Đẩu...

– Tôi chỉ sợ không tranh nổi cái ghế nghị trưởng, sẽ có năm bảy tờ báo chửi tôi là vô học...

Người Tây có vẻ cáu kỉnh mà rằng :

– Những đứa nào chê ông là vô học thì ông sẽ lấy giấy bạc dán vào mồm nó, cho nó câm đi ! Còn báo chí thì sợ gì? Ông chỉ việc kí vài cái

ngân phiếu[36] cho mấy thằng chủ báo ! Tôi sẽ đi điều đình với ông ! Ngoài ra, tôi cũng có mấy cơ quan ngôn luận bằng Pháp văn, sẵn sàng chửi cái anh nghị trưởng cũ là phản quốc, là tư bản, là bán đồng loại rồi kia mà !

– Những cơ quan ấy sẽ ca tụng tôi?

Người Tây cả cười :

– Ông thật thà quá ! Những cơ quan của tôi mua được vào dịp tranh cử sẽ không ca tụng ông, mà lại còn công kích ông kịch liệt ! Tôi sẽ thảo cho ông một chương trình cải cách vĩ đại về xã hội. Ông sẽ đòi quyền cho hạng lao động, cho nông dân... Những tờ báo kia sẽ chửi ông là cách mệnh... là cộng sản... Rồi thì mấy tờ nhật báo đăng tin chó chết, sẽ trích đăng những bài mà mấy tờ báo Tây chửi ông ! Với cái lối hành động như thế thì chức nghị trưởng, ông lấy dễ như bỡn vậy.

– Nếu đúng được thế thì hay lắm.

– Vậy ông có bằng lòng ra tranh cử nữa không?

– Đã thế, thì tôi phải ra nữa.

– Với cái chức nghị trưởng, ông còn làm được nhiều việc lợi khác.

– Có lẽ lắm.

– Vậy hứa đi. Ta nên lấy danh dự mà thề với nhau đi.

– Tôi xin thề.

– Thôi, thế tôi tạm biệt ông. Ta sẽ gặp nhau luôn. Tôi phải về hội quán Hà Nội, chiêu tập một kì hội đồng bất thường để bàn cách làm việc.

– Vâng.

– Ông cũng nên nghĩ ngay mọi cách làm việc. Kính chào ông.

– Chào ông !

(*Tuyển tập Vũ Trọng Phụng*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Tiểu vạn trường thành :* tên gọi của dinh thự nhà triệu phú Tạ Đình Hách, một nhân vật chính trong tiểu thuyết *Giông tố*. (2) *Doanh thương :* kinh doanh thương mại; kinh doanh. (3) *Dân biểu* (còn gọi là *nghị viên*) : người được bầu vào nghị viện, quốc hội, ở đây là Viện dân biểu Bắc Kì. (4) *Triết nhân hiền giả : triết nhân* (hay *triết gia*) là nhà triết học, cũng có nghĩa là người hiểu biết sâu rộng ; *hiền giả :* người hiền. (5) *Sài lang :* chó sói; kẻ độc ác, tàn bạo. (6) *Can trường* (*can :* gan, *trường :* ruột) : gan dạ, coi thường hiểm nguy (còn có nghĩa là *nỗi lòng*). (7) *Kí*

yếu : tập tài liệu ghi giữ lại những điều chủ yếu. (8) *Hội ái hữu* : hội những người cùng nghề, cùng ngành, cùng quê... – như Hội ái hữu thợ dệt, Hội ái hữu nhà báo... (9) *Kì chung* : cuối cùng. (10) *Thương trường* : chốn buôn bán. (11) *Cổ động* : hô hào, tuyên truyền, quảng cáo cho một việc gì. (12) *Nhà săm* : nhà có phòng ngủ cho thuê, thường là nơi chứa gái mại dâm. (13) *Lạc quyên* : quyên tiền của cho một việc nghĩa. (14) *Tổng trưởng thuộc địa* : bộ trưởng Bộ thuộc địa (trong chính phủ Pháp đương thời). (15) *Biện lí* (còn gọi là *công tố viên*) : người đứng ra điều tra, truy tố và kết tội kẻ phạm pháp trước tòa án. (16) *Sở liêm phóng* : cơ quan mật thám đương thời, chuyên đi dò xét, theo dõi. (17) *Nặc nô* : kẻ chuyên đi đòi nợ thuê. (18) *Vi thành* (thường nói chệch là *vi thiềng*) : nghĩa đen là lòng thành nhỏ mọn, thường dùng với nghĩa bóng là quà dâng biếu, đút lót quan trên. (19) *Cửu phẩm* : bậc thứ chín (bậc thấp nhất) trong chín phẩm trật thời phong kiến. (20) *Dược phòng* : phòng bán thuốc. (21) *Ông Quỳnh, ông Vĩnh* : Phạm Quỳnh và Nguyễn Văn Vĩnh, hai học giả thân Pháp nổi tiếng đương thời. (22) *Khóe* : mánh lới, thủ đoạn. (23) *Ngón* : như *khóe*, mánh khóe. (24) *Công giới* : giới kinh doanh công nghiệp; *thương giới* : giới thương nghiệp (các nhà buôn). (25) *Tờ giao kèo* : văn bản hợp đồng. (26) *Đại lí* : tổ chức đại diện cho một công ti kinh doanh để giao dịch, xử lí công việc. (27) *Cổ phần* : phần góp vốn vào một tổ chức kinh doanh để hưởng lãi. (28) *Danh thiếp* : tờ thiếp nhỏ in họ tên, thường ghi cả địa chỉ, nghề nghiệp, chức vụ, dùng để giao dịch. (29) *Loong toong* : người chạy giấy và làm những việc vặt trong một công sở. (30) *Tranh cử* : ra ứng cử tranh với những người khác trong một cuộc bầu cử. (31) *Cười trừ* : cười cốt để tránh trả lời. (32) *Phật lăng* (phiên âm tiếng Pháp *franc*, đọc là *phrăng*) : đồng tiền Pháp. (33) *Hùng biện* : nói hùng hồn, có lí lẽ, có sức thuyết phục cao. (34) *Lãi đồng niên* : lãi hằng năm. (35) *Mề đay* (tiếng Pháp : *médaille*) : huân chương, huy chương; *mề đay Bắc Đẩu* (Bắc Đẩu bội tinh) : một loại huân chương cao. (36) *Ngân phiếu* : phiếu tiền, là phiếu để nhận tiền ở ngân hàng hay ở bưu điện, hoặc phiếu do ngân hàng phát cho người gửi tiền để người đó tiện dụng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc phần Tóm tắt cốt truyện trong mục Tiểu dẫn ở trên để xác định vị trí đoạn văn trích và để có cơ sở hiểu rõ ý nghĩa đoạn văn.

2. Phân tích hình ảnh đám khách đợi được nghị Hách tiếp. "Những mẫu hàng đặc biệt của công giới và thương giới" đó có những nét đặc biệt gì? Anh (chị) có nhận xét gì về bút pháp của Vũ Trọng Phụng trong đoạn văn miêu tả đám người này?

NAM CAO
(1915 - 1951)

I – VÀI NÉT VỀ CUỘC ĐỜI VÀ CON NGƯỜI

Nam Cao tên khai sinh là Trần Hữu Tri. Ông sinh năm 1915[(*)], trong một gia đình nông dân làng Đại Hoàng, thuộc tổng Cao Đà, huyện Nam Sang, phủ Lí Nhân, tỉnh Hà Nam (nay thuộc xã Hòa Hậu, huyện Lí Nhân, tỉnh Hà Nam). Làng Đại Hoàng nằm trong vùng đồng chiêm trũng, nông dân khi xưa quanh năm nghèo đói, lại bị bọn cường hào ức hiếp, đục khoét tàn tệ.

Nam Cao là người con duy nhất – trong gia đình khá đông con – được ăn học tử tế. Học xong bậc thành chung, Nam Cao vào Sài Gòn[(1)] giúp việc cho một hiệu may. Thời kì này, ông bắt đầu sáng tác và mơ ước được đi xa, mở mang kiến thức, trau dồi tài năng, xây dựng một sự nghiệp văn học có ích. Nhưng rồi vì ốm yếu, Nam Cao lại trở về quê và thất nghiệp. Sau ông lên Hà Nội, dạy học ở một trường tiểu học tư thục, vùng Bưởi, ngoại ô. Nhưng cuộc đời "giáo khổ trường tư" đó cũng không yên : quân Nhật vào Đông Dương, trường của ông phải đóng cửa để làm chuồng ngựa cho lính Nhật. Nhà văn lại thất nghiệp, sống lay lắt bằng nghề viết văn và làm gia sư[(2)], trong khi gia đình ở quê đang càng ngày càng khốn khó. Năm 1943, Nam Cao tham gia Hội văn hóa cứu quốc do Đảng Cộng sản

tổ chức và lãnh đạo. Bị khủng bố gắt gao, ông về hẳn làng quê rồi tham gia cướp chính quyền ở địa phương và được bầu làm chủ tịch đầu tiên ở xã. Nhưng ngay sau đó ông được điều động lên công tác ở Hội văn hóa cứu quốc tại Hà Nội. Ông đã đi cùng một đoàn quân Nam tiến vào vùng Nam Trung Bộ đang kháng chiến năm 1946. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12-1946), Nam Cao về làm công tác tuyên truyền ở tỉnh Hà Nam; từ 1947, ông lên công tác ở ngành tuyên truyền, văn nghệ ở Việt Bắc, chủ yếu viết các báo *Cứu quốc*, *Văn nghệ*. Năm 1950, Nam Cao đã tham gia chiến dịch Biên giới. Truyện ngắn *Đôi mắt* (1948), nhật kí *Ở rừng* (1948), tập kí sự *Chuyện biên giới* (1950) của Nam Cao đều là những sáng tác đặc sắc, tiêu biểu của truyện, kí kháng chiến lúc bấy giờ. Tháng 11-1951, trên đường vào công tác vùng sau lưng địch thuộc Liên khu III, Nam Cao đã bị địch phục kích bắt được và bắn chết gần Hoàng Đan (thuộc tỉnh Ninh Bình khi đó). Nhà văn ngã xuống giữa lúc còn ấp ủ cuốn tiểu thuyết về làng quê của ông đang đứng lên trong cách mạng và kháng chiến.

uongxua.vn

Trước Cách mạng, Nam Cao thường mang nặng tâm sự u uất, bất đắc chí. Đó không chỉ là tâm sự người nghệ sĩ "tài cao, phận thấp, chí khí uất" (thơ Tản Đà), mà còn là nỗi bi phẫn của người trí thức giàu tâm huyết trong cái xã hội bóp nghẹt sự sống con người khi đó. Song Nam Cao không vì bất mãn cá nhân mà trở nên khinh bạc, trái lại ông có một tấm lòng thật đôn hậu, chan chứa yêu thương. Đặc biệt, sự gắn bó ân tình sâu nặng với bà con nông dân nghèo khổ ruột thịt ở quê hương là nét nổi bật ở Nam Cao. Chính tình cảm yêu thương gắn bó đó là một sức mạnh bên trong của nhà văn, giúp ông vượt qua những cám dỗ của lối sống thoát li hưởng lạc, tự nguyện tìm đến và trung thành với con đường nghệ thuật hiện thực "vị nhân sinh".

Bình sinh, Nam Cao thường day dứt, hối hận vì những sai lầm – có khi chỉ trong ý nghĩ – của mình. Người trí thức "trung thực vô ngần" (lời Tô Hoài) ấy luôn nghiêm khắc tự đấu tranh bản thân để vượt mình, cố thoát khỏi lối sống tầm thường, nhỏ nhen, khao khát hướng tới "tâm hồn trong sạch và mơ tới những cảnh sống, những con người

thật đẹp" (Nhật kí Nam Cao, ghi ngày 31-8-1950). Có thể nói, giá trị to lớn của sự nghiệp văn học của Nam Cao gắn liền với cuộc đấu tranh bản thân trung thực, dũng cảm trong suốt cuộc đời cầm bút của nhà văn.

Cuộc đời lao động nghệ thuật vì lí tưởng nhân đạo, lí tưởng cách mạng và sự hi sinh anh dũng của Nam Cao mãi mãi là tấm gương cao đẹp của một nhà văn – chiến sĩ. Năm 1996, Nam Cao đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).

II – QUAN ĐIỂM NGHỆ THUẬT

Trong cuộc đời cầm bút, Nam Cao luôn suy nghĩ về "sống và viết". Ban đầu, ông chịu ảnh hưởng sâu của phong trào lãng mạn đương thời, đã sáng tác những bài thơ, truyện tình lâm li dễ dãi. Nhưng ông đã dần nhận ra rằng thứ văn chương đó rất xa lạ với đời sống lầm than của đông đảo quần chúng nghèo khổ xung quanh. Và ông đã đoạn tuyệt với nó để tìm đến con đường nghệ thuật hiện thực "vị nhân sinh". Trong truyện ngắn *Trăng sáng* (1943), được coi là một tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao trước Cách mạng, ông viết : "Chao ôi ! Nghệ thuật không cần phải là ánh trăng lừa dối, không nên là ánh trăng lừa dối, nghệ thuật có thể chỉ là tiếng đau khổ kia, thoát ra từ những kiếp lầm than...". Theo Nam Cao, người cầm bút không được "trốn tránh" sự thực, mà hãy "cứ đứng trong lao khổ, mở hồn ra đón lấy tất cả những vang động của đời...".

Lên án văn chương thoát li, Nam Cao cũng không tán thành loại sáng tác "chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội". Trong truyện ngắn *Đời thừa* (1943), Nam Cao cho rằng một tác phẩm "thật giá trị" thì phải có nội dung nhân đạo sâu sắc : "Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn." Đồng thời, nhà văn đòi hỏi cao sự tìm tòi sáng tạo trong nghề văn và lương tâm người cầm bút. Ông viết : "Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp được những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa

thuongmaitr

có" (*Đời thừa*). Ông coi sự cẩu thả trong nghề văn chẳng những là "bất lương" mà còn là "đê tiện".

Sau Cách mạng, Nam Cao say mê, tận tụy trong mọi công tác phục vụ kháng chiến được giao, không nề hà lớn nhỏ, với ý nghĩ dứt khoát : lợi ích cách mạng, lợi ích dân tộc là trên hết. Khi thực dân Pháp quay trở lại xâm lăng Nam Bộ, nhà văn bứt rứt "muốn vứt cả bút đi để cầm lấy súng" (bút kí *Đường vô Nam*). Bước vào kháng chiến, Nam Cao tự nhủ "sống đã rồi hãy viết" và lao mình vào các công tác phục vụ kháng chiến. Tuy vẫn ấp ủ hoài bão sáng tác nhưng nhà văn chân thành nghĩ rằng "góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn" (nhật kí *Ở rừng*, 1948). Đó là thái độ đúng đắn, đẹp đẽ nhất của một nghệ sĩ chân chính khi đó.

III – SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

Nam Cao có sáng tác đăng báo từ 1936, nhưng sự nghiệp văn học của ông chỉ thật sự bắt đầu từ truyện ngắn *Chí Phèo* (1941). Sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng tập trung vào hai đề tài chính : cuộc sống người trí thức tiểu tư sản nghèo và cuộc sống người nông dân ở quê hương.

tuongxua.vn

Ở đề tài người trí thức tiểu tư sản, đáng chú ý là các truyện ngắn : *Những truyện không muốn viết, Trăng sáng, Mua nhà, Truyện tình, Quên điều độ, Cười, Nước mắt, Đời thừa...* và tiểu thuyết *Sống mòn* (1944). Trong những sáng tác này, Nam Cao đã miêu tả hết sức chân thực tình cảnh nghèo khổ, dở sống dở chết của những nhà văn nghèo, những "giáo khổ trường tư", học sinh thất nghiệp... Nhà văn đặc biệt đi sâu vào những bi kịch tâm hồn của họ, qua đó, đặt ra những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, vượt khỏi phạm vi của đề tài. Đó là tấn bi kịch dai dẳng, thầm lặng mà đau đớn của người trí thức có ý thức sâu sắc về giá trị sự sống và nhân phẩm, có hoài bão lớn về một sự nghiệp tinh thần, nhưng lại bị gánh nặng cơm áo và hoàn cảnh xã hội ngột ngạt làm cho "chết mòn", phải sống cuộc "đời thừa". Những tác phẩm đó đã phê phán sâu sắc xã hội phi nhân đạo bóp nghẹt sự

sống, tàn phá tâm hồn con người, đồng thời, đã thể hiện sự tự đấu tranh bên trong của người trí thức tiểu tư sản trung thực cố vươn tới một cuộc sống đẹp đẽ, thực sự có ý nghĩa, xứng đáng là cuộc sống con người.

Nam Cao để lại chừng hai chục truyện ngắn viết về cuộc sống tăm tối thê thảm của người nông dân đương thời. Những truyện đáng chú ý là : *Chí Phèo, Trẻ con không được ăn thịt chó, Mua danh, Tư cách mõ, Điếu văn, Một bữa no, Lão Hạc, Một đám cưới, Lang Rận, Dì Hảo, Nửa đêm...*

Ở đề tài nông dân, Nam Cao thường quan tâm tới những hạng cố cùng, những số phận hẩm hiu, bị ức hiếp nhiều nhất. Họ càng hiền lành, nhịn nhục thì càng bị chà đạp phũ phàng. Ông đặc biệt đi sâu vào những trường hợp con người bị lăng nhục một cách độc ác, bất công, mà xét đến cùng, chẳng qua chỉ vì họ nghèo đói, khốn khổ. Tuy giọng văn lắm khi lạnh lùng, nhưng kì thực, Nam Cao đã dứt khoát bênh vực quyền sống và nhân phẩm những con người bất hạnh, bị xã hội đẩy vào tình cảnh nhục nhã đó *(Chí Phèo, Một bữa no, Tư cách mõ, Lang Rận...)*. Viết về những người nông dân bị lưu manh hóa, nhà văn đã kết án sâu sắc cái xã hội tàn bạo tàn phá cả thể xác và linh hồn người nông dân lao động, đồng thời, ông vẫn phát hiện và khẳng định bản chất lương thiện đẹp đẽ của họ, ngay trong khi họ bị vùi dập tới mất cả hình người, tính người. Nhà văn đã đặt ra vấn đề phải xác định "đôi mắt" đúng đắn để nhìn nhận về quần chúng. Ông luôn có ý thức "cố mà tìm hiểu" cái "bản tính tốt" của người nông dân nghèo thường bị "che lấp", vùi dập. Trong nhiều tác phẩm, Nam Cao không những đã vạch ra nỗi khổ cùng cực của người nông dân mà còn thể hiện cảm động bản chất đẹp đẽ, cao quý trong tâm hồn của họ *(Lão Hạc, Một đám cưới, Dì Hảo...)*.

Có thể nói, dù viết về người trí thức nghèo hay về người nông dân cùng khổ, Nam Cao luôn day dứt tới đau đớn trước tình trạng con người bị xói mòn về nhân phẩm, thậm chí bị hủy diệt cả nhân tính, trong cái xã hội phi nhân đạo đương thời.

thuongmaitr

Cũng như các nhà văn tiểu tư sản khác chưa nắm được chân lí cách mạng, Nam Cao không thấy được khả năng đổi đời của những người khốn cùng và triển vọng của xã hội. Song trong truyện ngắn *Điếu văn* (1944), ông đã viết những dòng dự báo sôi nổi : "Sự đời không thể cứ mù mịt mãi thế này đâu. Tương lai phải sáng sủa hơn. Một rạng đông đã báo rồi !". Có thể coi đó là lời chào đón thắm thiết tia sáng rạng đông đang báo hiệu ở chân trời lúc bấy giờ.

Sau Cách mạng tháng Tám 1945, Nam Cao lao mình vào mọi công tác cách mạng và kháng chiến. Ông tự nguyện làm người cán bộ tuyên truyền vô danh của cách mạng và có ý thức tự rèn luyện, cải tạo mình trong thực tế kháng chiến. Truyện ngắn *Đôi mắt* (1948) là một thành công xuất sắc của văn nghệ kháng chiến chặng đầu khi đó. Nhìn vào hình ảnh một trí thức cũ đi tản cư theo kháng chiến nhưng vẫn giữ nguyên lối sống trưởng giả, nhởn nhơ và "đôi mắt" khinh bạc tệ hại đối với quần chúng – hình ảnh thật lạc lõng giữa cuộc sống kháng chiến lành mạnh sôi nổi lúc bấy giờ – người trí thức đi theo cách mạng càng thêm dứt khoát từ bỏ con người cũ, lối sống cũ và quyết tâm "cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt"(3), trở thành những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa. Nhật kí *Ở rừng* (1948) viết trong thời kì nhà văn công tác ở vùng rừng sâu Bắc Kạn và tập kí sự *Chuyện biên giới* (1950) viết khi ông đi chiến dịch Cao – Lạng, đều là những sáng tác giá trị của nền văn xuôi mới còn non trẻ bấy giờ. Nhà văn hi sinh giữa lúc tư tưởng và tài năng đang độ phát triển nhất trong thời đại mới, hứa hẹn những sáng tác có tầm vóc mới.

tuongxua.vn

Trong nền văn xuôi hiện đại nước ta, Nam Cao là nhà văn có tài năng xuất sắc và một phong cách độc đáo. Ngòi bút Nam Cao vừa tỉnh táo, sắc lạnh, vừa nặng trĩu suy nghĩ và đằm thắm yêu thương. Văn Nam Cao vừa hết sức chân thực – ông coi sự thực là trên hết, không gì ngăn được nhà văn đến với sự thực – vừa thấm đượm ý vị triết lí và trữ tình. Ông có sở trường diễn tả, phân tích tâm lí con người. Ngôn ngữ Nam Cao sống động, uyển chuyển, tinh tế, rất gần với lời ăn tiếng nói quần chúng. Với một tài năng lớn giàu sức sáng tạo, Nam Cao đã góp phần quan trọng vào việc cách tân nền văn xuôi Việt Nam theo hướng hiện đại hóa.

Chú thích

(*) Có tài liệu ghi năm sinh của Nam Cao là 1917. Ở đây, ghi theo lời thân nhân nhà văn (NBS).

(1) *Sài Gòn :* nay là Thành phố Hồ Chí Minh. (2) *Gia sư :* thầy dạy riêng cho học trò nhỏ trong nhà. (3) *Cách mạng hóa tư tưởng, quần chúng hóa sinh hoạt :* tư tưởng phải cách mạng, sinh hoạt phải gắn quần chúng (khẩu hiệu phấn đấu của giới trí thức văn nghệ sĩ kháng chiến khi đó).

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

Dựa vào bài, trả lời các câu hỏi sau :

1. Những đặc điểm nổi bật của con người Nam Cao?

2. Quan điểm nghệ thuật của Nam Cao trước Cách mạng? Anh (chị) hiểu như thế nào về những lời được coi là tuyên ngôn nghệ thuật trong truyện ngắn ***Trăng sáng*** *(được trích trong bài) của Nam Cao; về suy nghĩ của Nam Cao những ngày đầu kháng chiến : "Sống đã rồi hãy viết", "góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn"?*

3. Viết về người trí thức nghèo và về người nông dân, Nam Cao thường suy nghĩ day dứt nhất vấn đề gì?

4. Những nét đặc sắc nghệ thuật chủ yếu của ngòi bút Nam Cao?

ĐỜI THỪA

NAM CAO

Tiểu dẫn

Truyện ngắn *Đời thừa* được đăng trên tuần báo *Tiểu thuyết thứ bảy* (Hà Nội), số 490, ra ngày 4-12-1943. Truyện tập trung đi sâu vào tấn bi kịch tinh thần đau đớn, dai dẳng của người trí thức nghèo khao khát sống cuộc sống có ý nghĩa, ôm ấp một "hoài bão lớn" về sự nghiệp văn chương có ích cho xã hội, nhưng rút cục chỉ vì gánh

thuongmaitr

nặng cơm áo gia đình mà phải sống cuộc sống vô nghĩa, vô ích, một "đời thừa". Chẳng những thế, trong tâm trạng bế tắc đau khổ, con người có tấm lòng vô cùng nhân hậu và coi tình thương là trên hết ấy đã nhiều lần có thái độ phũ phàng thô bạo với vợ con, vi phạm vào lẽ sống tình thương của chính mình. *Đời thừa* đã toát lên lời tố cáo gay gắt cái xã hội ngột ngạt bóp chết mọi mơ ước, tước đi ý nghĩa cuộc sống chân chính của con người, đồng thời, đã đầu độc tâm hồn con người và mối quan hệ vốn đẹp đẽ giữa người và người. Mặt khác, tác phẩm cũng ghi lại cuộc đấu tranh tư tưởng của người trí thức trung thực trong hoàn cảnh bế tắc, cố vươn lên giữ vững lẽ sống nhân đạo. Chiều sâu nhân đạo của tác phẩm chính là ở đó. Ngoài ra, qua nhân vật nhà văn Hộ, Nam Cao đã phát biểu trực tiếp nhiều ý kiến tiến bộ, sâu sắc về quan điểm nghệ thuật nhân đạo của ông.

*

* *

Từ ngửng mặt lên nhìn Hộ ba lần. Ba lần, Từ muốn nói, nhưng lại không dám nói. Hắn đang đọc chăm chú quá. Đôi lông mày rậm của hắn châu đầu lại với nhau và hơi xếch lên một chút. Đôi mắt sáng quắc có vẻ lồi ra. Cái trán rộng hơi nhăn. Đôi lưỡng quyền[1] đứng sừng sững trên bờ hai cái hố sâu của má thì bóng nhẫy. Cả cái mũi cao và thẳng tắp cũng bóng lên như vậy. Cái mặt hốc hác ấy, nghiêng nghiêng bên trên quyển sách, trông khắc khổ đến thành dữ tợn. Từ thấy sợ ...

Từ yêu chồng bằng một thứ tình yêu rất gần với tình của một con chó đối với người nuôi. Từ bản tính rất dịu dàng, rất tận tâm. Vả lại Hộ đối với Từ, còn là một ân nhân nữa. Hộ đã cúi xuống nỗi đau khổ của Từ. Hộ đã cúi xuống và đã đưa một bàn tay cầm lấy cái bàn tay mềm yếu của Từ, giữa lúc Từ đau đớn không bờ bến : Từ bị tình nhân bỏ với một đứa con vừa mới đẻ. Gã tình nhân vô liêm sỉ[2] ấy, Từ đã yêu hắn bằng cả tấm lòng yêu lúc ban đầu. Từ đã tin như người ta tin một vị thần. Từ đã hiến mình một cách không dè dặt, tâm hồn và xác thịt. Và khi biết mình sắp có một đứa con, Từ không hề hối hận một mảy may : Từ rất bằng lòng. Ấy thế mà hắn đã phụ Từ, phụ một cách hèn nhát và khốn nạn, ngay chính vào lúc Từ cần đến hắn để bảo tồn sự sống và danh dự, lúc đứa con ra đời. Từ sửng sốt vô cùng. Từ không tin ở sự thật rành rành. Rồi khi sự sửng sốt qua thì Từ

khóc. Từ khóc như mưa, khóc tưởng chẳng bao giờ còn lặng được. Từ khóc, và ôm con ngồi nhịn đói, bởi vì Từ chẳng còn biết trông cậy vào ai, trừ bà mẹ già mù và quanh năm nay ốm, mai đau, mà Từ vẫn phải nuôi. Bà mẹ già biết làm sao? Bà chỉ còn một cách là còn được ít nước mắt nào thì rỏ cả ra mà khóc với con, và cả mẹ lẫn con chỉ có một cách là khóc cho đến khi nào bao nhiêu xương thịt đều chảy ra thành nước mắt hết, để rồi cùng chết cả. Giữa lúc ấy thì Hộ mở rộng đôi cánh tay, đón lấy Từ. Hộ nuôi Từ, nuôi mẹ già, con dại cho Từ. Hộ nhận làm bố cho đứa con thơ. Vì muốn yên ủi Từ và cứu lấy danh dự của Từ, Hộ đã chính thức nhận Từ làm vợ. Rồi Hộ đứng ra làm ma cho bà mẹ Từ, khi bà cụ mất. Biết bao nhiêu là ân nghĩa ! Từ có yêu Hộ đến đâu, có chịu khó đến đâu, có làm nô lệ cho Hộ suốt đời Từ nữa, thì cũng chưa đủ để đền ơn. Bởi thế, nên luôn mấy năm trời, Hộ thấy Từ là một người vợ rất ngoan, rất phục tùng, rất tận tâm. Và đáng lẽ thì Hộ phải sung sướng lắm.

Nhưng Hộ chỉ sung sướng được ít lâu thôi. Sau cái hành vi đẹp của hắn, và cái hành vi ấy được trả công bằng một tình yêu rất êm đềm, hắn chỉ còn nghĩ đến gia đình, chỉ cốt làm sao nuôi được gia đình. Hộ vốn nghèo. Hắn là một nhà văn, trước kia, với cách viết thận trọng của hắn, hắn chỉ kiếm được vừa đủ để một mình hắn sống một cách eo hẹp, có thể nói là cực khổ. Nhưng bấy giờ hắn chỉ có một mình. Đói rét không có nghĩa lí gì đối với gã trẻ tuổi say mê lí tưởng. Lòng hắn đẹp. Đầu hắn mang một hoài bão[3] lớn. Hắn khinh những lo lắng tủn mủn về vật chất. Hắn chỉ lo vun trồng cho cái tài của hắn ngày một thêm nảy nở. Hắn đọc, ngẫm nghĩ, tìm tòi, nhận xét và suy tưởng không biết chán. Đối với hắn lúc ấy, nghệ thuật là tất cả; ngoài nghệ thuật không còn gì đáng quan tâm nữa. Hắn băn khoăn nghĩ đến một tác phẩm nó sẽ làm mờ hết các tác phẩm khác cùng ra một thời... Thế rồi, khi đã ghép đời Từ vào cuộc đời của hắn, hắn có cả một gia đình phải chăm lo. Hắn hiểu thế nào là giá trị của đồng tiền; hắn hiểu những nỗi đau khổ của một kẻ đàn ông khi thấy vợ con mình đói rách. Những bận rộn tẹp nhẹp, vô nghĩa lí, nhưng không thể không nghĩ tới, ngốn một phần lớn thì giờ của hắn. Hắn

phải cho in nhiều cuốn văn viết vội vàng. Hắn phải viết những bài báo để người ta đọc rồi quên ngay sau lúc đọc. Rồi mỗi lần đọc lại một cuốn sách hay một đoạn văn kí tên mình, hắn lại đỏ mặt lên, cau mày, nghiến răng vò nát sách và mắng mình như một thằng khốn nạn... Khốn nạn ! Khốn nạn thay cho hắn ! Bởi vì chính hắn là một thằng khốn nạn ! Hắn chính là một kẻ bất lương ! Sự cẩu thả trong bất cứ nghề gì cũng là một sự bất lương rồi. Nhưng sự cẩu thả trong văn chương thì thật là đê tiện. Chao ôi ! Hắn đã viết những gì? Toàn những cái vô vị, nhạt phèo, gợi những tình cảm rất nhẹ, rất nông, diễn một vài ý rất thông thường quấy loãng trong một thứ văn bằng phẳng và quá ư dễ dãi. Hắn chẳng đem một chút mới lạ gì đến văn chương. Thế nghĩa là hắn là một kẻ vô ích, một người thừa. Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khơi những nguồn chưa ai khơi, và sáng tạo những cái gì chưa có... Hắn nghĩ thế và buồn lắm, buồn lắm ! Còn gì buồn hơn chính mình lại chán mình? Còn gì đau đớn hơn cho một kẻ vẫn khát khao làm một cái gì nó nâng cao giá trị đời sống của mình, mà kết cục chẳng làm được cái gì, chỉ những lo cơm áo mà đủ mệt? Hắn để mặc vợ con khổ sở ư? Hắn bỏ liều, hắn ruồng rẫy chúng, hắn hi sinh như người ta vẫn nói ư? Đã một vài lần hắn thấy ý nghĩ trên đây thoáng qua đầu. Và hắn nghĩ đến câu nói hùng hồn của một nhà triết học kia : "Phải biết ác, biết tàn nhẫn để sống cho mạnh mẽ". Nhưng hắn lại nghĩ thêm rằng : Từ rất đáng yêu, rất đáng thương, hắn có thể hi sinh tình yêu, thứ tình yêu vị kỉ đi; nhưng hắn không thể bỏ lòng thương; có lẽ hắn nhu nhược, hèn nhát, tầm thường, nhưng hắn vẫn còn được là người; hắn là người chứ không phải là một thứ quái vật bị sai khiến bởi lòng tự ái. Kẻ mạnh không phải là kẻ giẫm lên vai kẻ khác để thỏa mãn lòng ích kỉ. Kẻ mạnh chính là kẻ giúp đỡ kẻ khác trên đôi vai mình. Vả lại, hèn biết bao là một thằng con trai không nuôi nổi vợ, con thì còn mong làm nên trò gì nữa? ... Hắn tự bảo : "Ta đành phí đi một vài năm để kiếm tiền. Khi Từ đã có một số vốn con để làm ăn..." ! Nhưng chẳng bao giờ Từ có được một

uongxua.vn

số vốn con con để làm ăn ! Sự sinh hoạt lúc này chẳng dễ dàng đâu ! Từ khi đứa con này chưa kịp lớn lên, đứa con khác đã vội ra, mà đứa con nào cũng nhiều đẹn, nhiều sài, quấy rức, khóc mếu suốt ngày đêm và quanh năm uống thuốc. Từ săn sóc chúng đã đủ ốm người rồi, chẳng còn có thể làm thêm một việc khác nữa. Họ điên người lên vì phải xoay tiền. Hắn còn điên lên vì con khóc, nhà không lúc nào được yên tĩnh để cho hắn viết hay đọc sách. Hắn thấy mình khổ quá, bực bội quá. Hắn trở nên cau có và gắt gỏng. Hắn gắt gỏng với con, với vợ, với bất cứ ai, với chính mình. Và nhiều khi, không còn chịu nổi cái không khí bực tức ở trong nhà, hắn đang ngồi bỗng đứng phắt lên, mắt chan chứa nước, mặt hầm hầm, vùng vằng đi ra phố, vừa đi vừa nuốt nghẹn. Hắn đi lăng băng, không chủ đích gì. Rồi khi gió mát ở bên ngoài đã làm cái trán nóng bừng nguội bớt đi và lòng trút nhẹ được ít nhiều uất giận, hắn tạt vào một tiệm giải khát nào mà uống một cốc bia hay cốc nước chanh. Hắn tìm một người bạn thân nào để nói chuyện văn chương, ngỏ ý kiến về một vài quyển sách mới ra, một vài tên kí mới trên các báo, phác họa một cái chương trình mà hắn biết ngay khi nói là chẳng bao giờ hắn có thể thực hành, rồi lặng lẽ nghĩ đến cái tác phẩm dự định từ mấy năm nay để mà chán ngán. Hắn thừ mặt ra như một kẻ phải đi đày, một buổi chiều âm thầm kia, ngồi trong một làn khói nặng u buồn mà nhớ quê hương. Hắn cũng nhớ nhung một cái gì rất xa xôi... những mộng đẹp ngày xưa... một con người rất đáng yêu đã chẳng là mình nữa. Hắn lắc đầu tự bảo : "Thôi thế là hết ! Ta đã hỏng ! Ta đã hỏng đứt rồi". Và hắn nghĩ đến cái tên hắn đang mờ dần đằng sau những tên khác mới trồi ra, rực rỡ hơn... Rồi hắn ra về, thờ thẫn. Những sự bực tức đã chìm đi. Lòng hắn không còn sôi nổi nữa, nhưng rũ buồn...

*

* *

Ít lâu nay, mỗi lần ra đi, Hộ không chỉ trở về buồn bã mà thôi. Hắn say mềm. Thường thường hắn đã ngủ một nửa ngay từ khi còn ở dọc đường; và vừa về đến nhà, chưa kịp thay quần áo, tháo giày, đã đổ như một khúc gỗ xuống bất cứ cái giường nào, ngủ say như

chết. Từ phải chờ khi con ngủ mệt, rón rén lừa con, dậy lại tháo giày, cởi quần tây cho hắn, luồn một cái gối xuống gáy hắn, và cố nhấc chân, nhấc tay hắn, đặt cho hắn nằm ngay ngắn lại... Nhưng cũng có đêm hắn chưa ngủ vội. Hắn lảo đảo bước vào nhà, mắt gườm gườm, đôi môi mím chặt. Hắn đi thẳng lại trước mặt Từ. Hắn cúi xuống, quắc mắt nhìn Từ, gõ gõ một ngón tay trỏ vào trán Từ và dọa như người ta dọa trẻ con :

– Ngày mai... mình có biết không? ... Chỉ ngày mai thôi ! Là tôi đuổi tất cả mấy mẹ con mình ra khỏi cái nhà này... Tôi đuổi tất, không chừa một đứa nào, kể cả con bé Thảo là con ngoan nhất... Mấy đứa kia đều đáng vật một nhát cho chết cả ! Chúng nó chỉ biết ăn với hét ! Cả con mẹ nữa, con mẹ là mình ấy... cũng đáng vật một nhát cho chết cả ! Chúng nó chỉ biết ăn rồi ngồi ôm con như nhện ôm khư khư bọc trứng, không chịu làm thêm việc gì cho có tiền. Chỉ khổ thằng này thôi... Chỉ khổ thằng này thôi !

Hắn rít lên như vậy. Rồi hắn mím chặt môi, đôi mắt ngầu ngầu nhìn vào tận mắt Từ. Từ chẳng dám cãi nửa lời, chỉ lẳng lặng cúi mặt nhìn xuống, như một đứa trẻ con biết mình có lỗi khi nghe người ta quở phạt. Bởi vậy hắn trừng trợ một lúc rồi quay ra, loạng choạng cởi quần, cởi áo, hắn vất bừa bộn xuống giường. Rồi hắn tháo giày, quăng từng chiếc một vào một xó nhà. Có khi máy tay, hắn quăng cả những vật gì thấy trên bàn, rồi lải nhải mắng Từ về tội không biết thu dọn nhà cho gọn ghẽ. Hắn nói chán rồi đi ngủ. Bấy giờ Từ mới dám đứng lên, treo quần áo cho hắn lên mắc và thu dọn tất cả những thức hắn đã vứt lổng chổng ra đầy nhà.

tuongxua.vn

Lần đầu, Từ sửng sốt. Từ chẳng hiểu ra sao. Từ đoán chồng nghe ai nói nên ghen bóng, ghen gió chi đây. Từ khóc suốt đêm và dự định sẵn những câu để sáng hôm sau nói. Nhưng sáng hôm sau, hắn không để cho Từ phải nói. Hắn bẽn lẽn kêu mình đã quá chén hôm qua, hỏi Từ về những thủ đoạn vũ phu của mình rất buồn cười, rồi xin lỗi Từ, hôn hít các con như một người cha tốt. Hắn tuyên bố từ giờ chừa rượu và giữ được khá lâu, nhưng rồi lại uống và say như lần trước để làm những trò vừa buồn cười, vừa đáng sợ như lần trước. Cứ thế

mãi, Từ quen đi, không giận nữa. Nhưng Từ lờ mờ hiểu nỗi đau khổ mà có lẽ chính Từ đã gây ra cho chồng. Từ hiểu và Từ buồn lắm, buồn lắm lắm. Còn gì buồn cho bằng mình biết mình làm khổ cho người mà mình yêu? Nhưng Từ biết làm sao được? Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi. Đã nhiều lần, Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hi sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao ! Từ là vợ ! Từ là mẹ. Từ sống với những tình cảm thông thường của đàn bà. Từ rất yêu chồng và thường nhận ra rằng chồng Từ cũng yêu Từ, cũng muốn có Từ. Những khi Từ ốm đau chẳng hạn. Hộ lo xanh mắt và thức suốt đêm để trông coi thuốc thang cho vợ. Đối với các con cũng vậy. Chỉ xa chúng mấy ngày, Hộ đã nhớ và lúc về thấy các con chạy ra reo mừng và nắm lấy áo mình, thường thường Hộ cảm động đến ứa nước mắt. Hắn hôn hít chúng vồ vập lắm... Biết đâu hắn sẽ sung sướng khi không con, không vợ? Từ nghĩ thế. Vả lại, nếu không nghĩ thế thì Từ cũng chẳng dám tìm cách mà xa hắn. Mới nghĩ đến sự xa hắn, Từ đã phải thổn thức đến bật tiếng khóc ra được rồi... Từ đành chỉ cố ngoan ngoãn hơn, đáng yêu hơn. Từ nhịn mặc, nhịn ăn để bớt những món tiêu. Từ thu xếp cửa nhà ngăn nắp, sạch sẽ, gọn gàng. Nhất là Từ hết sức ngăn những tiếng khóc, tiếng nô đùa của lũ con. Từ sợ cả nói với chồng. Bởi vậy ba lần nhìn chồng để toan nói, Từ thấy chồng đang đọc sách chăm chú quá, không dám nói, lại cúi mặt xuống nhìn đứa con đang nằm trong lòng Từ.

Nhưng Hộ bỗng ngoảnh mặt lên. Hắn vừa gặp được một đoạn hay lắm nên ngừng đọc, ngẫm nghĩ và để cho cái khoái cảm ngân ra trong lòng. Đôi mắt hắn, tuy mới rời trang sách đã nhìn ngay lại phía Từ. Hắn mỉm cười, Từ cũng mỉm cười. Hắn bảo :

– Này, Từ ạ... Nghĩ cho kĩ, đời tôi không đáng khổ mà hóa khổ, chính tôi làm cái thân tôi khổ, tôi mê văn quá nên mới khổ. Ấy thế, mà tuy khổ thì khổ thật, nhưng thử có người giàu bạc vạn nào thuận đổi lấy cái địa vị của tôi, chưa chắc tôi đã đổi. Tôi cho rằng : những khi được đọc một đoạn văn như đoạn này, mà lại hiểu được tất cả cái hay, thì dẫu ăn một món ăn ngon đến đâu cũng không thích bằng. Sướng lắm ! Sao thiên hạ lại có người tài đến thế? Mình tính : người

ta tả cái cảnh một người nhớ quê hương chỉ mất có ba câu, đúng ba câu !... Mình có hiểu không?... Ba câu giản dị một cách không ngờ mà hay được đến như thế này...

Hắn đọc lại đoạn văn. Hắn dịch nghĩa để Từ nghe. Hắn giảng giải cho Từ. Tuy Từ chẳng hiểu được bao nhiêu, nhưng cũng tin lời hắn lắm. Từ giữ mãi nụ cười hiền dịu trong khi nghe hắn nói. Khi hắn ngừng nói đã được một lúc khá lâu, Từ mới làm như chợt nhớ :

– Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba tây rồi, mình nhỉ?

– À phải ! Hôm nay mồng ba... Giá mình không hỏi tôi thì tôi quên... Tôi phải đi xuống phố.

Từ nhắc khéo :

– Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...

Hộ sầm mặt lại :

– Tiền nhà... tiền giặt... tiền thuốc... tiền nước mắm... Còn chịu tất ! Tháng vừa rồi tiêu tốn quá, mới mồng mười đã hết tiền. May mà còn có đất mua chịu được.

uongxua.vn

Hắn nghĩ đến món tiền hắn đã tiêu phí mấy hôm đầu tháng. Mỗi lần hắn bực tức hay chán nản, hắn lại đi uống rượu, thành thử hết tiền sớm. Từ không hé môi phàn nàn nửa tiếng, nhưng cả tháng Từ ăn và bắt các con ăn kham khổ, thường thường đói nữa ! Quà sáng thì bỏ hẳn, có khi bữa tối cũng chịu nhịn cơm, ăn cháo. Hộ trông thấy thế, thương vợ, thương con quá, và ân hận vì mình đã tiêu quá trớn. Bởi vậy suốt từ mồng mười đến hết tháng, hắn không ra khỏi nhà để chẳng phải tiêu thêm tí gì...

Hắn vừa mặc quần áo, vừa nhắc thầm trong trí :

– Nhất định hôm nay không đi đâu cả... Lấy tiền xong là về ngay...

Nhưng Từ bảo :

– Mình đi phố thì đi ăn nhé. Còn có ít gạo chỉ đủ cho lũ trẻ. Em chả đong thêm nữa, để mai trả tiền rồi lấy thêm luôn một thể... Em không để cơm mình đâu đấy... Nhà chẳng còn gì ăn...

Hộ hơi cau mày. Bởi vì hắn sợ bước vào tiệm ăn lắm. Hắn có thể gặp ở đây một vài người bạn... và khi ấy thì... ôi thôi ! Mặc kệ gia đình và những cái gì còn lại !... Hắn sẽ uống rất khỏe, nói toàn những chuyện vá trời lấp biển, rồi đi la cà đến hết đêm mới về. Hắn nghĩ ngợi một chút rồi hắn bảo :

– Được ! Tôi sẽ mua cái gì về để cả nhà cùng ăn.

– Đừng phiền nữa ! Em cứ cho chúng nó ăn cơm trước rồi đi ngủ.

– Đừng ăn trước... Đợi tôi đem thức ăn về, ăn một thể. Tôi về sớm. Cả tháng chúng nó đói khát, khổ sở, hôm nay có tiền cũng nên cho chúng nó một bữa ăn ra hồn.

Từ mỉm cười :

– Vẽ chuyện !

Hắn mỉm cười, đáp lại. Hắn lại gần Từ, cúi xuống nắm lấy tay đứa bé và gọi nó. Mặt hắn và mặt Từ ghé sát. Hắn cố ý khẽ chạm môi mình vào má Từ một cái, Từ vờ giũ mấy cái bụi ở tay áo hắn. Vợ chồng nhìn nhau âu yếm. Hắn vuốt má Từ một cái rồi ra đi.

Ở tòa báo ra, Hộ đi thẳng tới một hiệu thịt quay. Hắn định mua mấy hào thịt, vài cái bánh tây, gói đem về. Lòng hắn sáng bừng. Hắn tưởng tượng ra cái cảnh lũ con háu ăn và đói khát, rón thịt bằng tay và ăn những miếng bánh thật to, miệng phụng phịu và môi bóng nhờn những mỡ. Cái cảnh thô tục và cảm động ! Hắn sẽ cười thỏa thích. Còn Từ sẽ ngồi bên hắn mà nhìn chúng, đôi mắt sung sướng và thương hại loang loáng ướt... Đến trước cửa hiệu thịt quay, Hộ dừng lại. Hắn cẩn thận nhìn trước, nhìn sau, trước khi vào. Một người quen có thể đi qua, và nếu họ bắt gặp hắn đang cố nhét một gói thịt vào túi áo !... Không ! Không có gì đáng ngại, ngoài đường phố... Nhưng trong hiệu, một thiếu nữ đẹp đang mặc cả... Hắn đành đợi vậy. Trong khi đợi, hai tay chắp sau lưng, hắn làm ra vẻ đợi một người bạn vừa vào một nhà nào gần đấy. Bỗng một bàn tay đập vào vai khiến hắn giật mình quay lại. Trung nhếch môi cười lặng lẽ và Mão cười ầm ĩ, cùng đưa tay cho hắn bắt :

– Mải ngắm nàng thơ nào mà ngây người ra thế?

Hộ ấp úng :

- À ! Các anh !...

– Không theo gót sen nào đấy chứ?

– Cái ấy không quan hệ ! Thi sĩ là người giữ được mình trẻ mãi và đến muôn năm cũng vẫn còn trinh bạch.

– Cũng may tôi lại cũng không là thi sĩ nốt.

– Nghĩa là chẳng theo nàng nào cả?

–Chẳng theo nàng nào cả !

– Thế thì đi theo hai thằng này !

Hộ nhìn Trung và Mão một thoáng rồi mới hỏi :

– Làm chi?

– Chẳng làm chi cả !

– Thế thì đệ kiếu. Đệ phải về kẻo hết tàu điện.

Trung cau mày nhìn Hộ một cách kinh ngạc và khinh bỉ :

– Sao lại có người điên đến thế? Về giữa lúc chiều thì đẹp mà phố thì vui thế này !

uongxua.vn

Hộ trở nên đứng đắn :

– Không đùa nữa... Thật ra thì tôi có việc phải về, thế thôi.

– Ờ ! Nói vậy còn dễ nghe. Thôi thế anh về nhé !... Nhưng mà... này ! Anh đã biết gì chưa?

Hộ đã toan đi, quay đầu lại nhìn Trung...

– *Đường về* sắp được dịch ra tiếng Anh đấy nhé ! Bản quyền(4) tác giả ba nghìn đồng.

Hộ trợn mắt lên. Người hắn bổi hổi. Một lúc lâu hắn mới hỏi được Trung :

– Có đích không?

– Đích xác rồi. Chính Quyền đưa cái thư điều đình cho chúng tôi xem.

Hộ có vẻ hoài nghi.

– Không mà lại !... Tôi biết lắm... Nhưng lại đằng này đã, về làm gì vội? Chúng mình làm cốc bia...

Hộ đã quên hẳn vợ con. Hắn chỉ còn háo hức muốn biết thêm về việc quyển *Đường về* của Quyền được dịch ra tiếng Anh. Hắn bám lấy Mão và Trung. Ba người vào một tiệm giải khát ở Bờ Hồ. Và chỉ độ nửa giờ sau, Mão và Trung đã thấy Hộ đỏ tai, giộng một cái vỏ chai bia xuống mặt bàn :

– Cuốn *Đường về* chỉ có giá trị địa phương thôi, các anh có hiểu không? Người ta dịch nó vì muốn biết phong tục của mọi nơi. Nó chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội. Tôi cho là xoàng lắm ! Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái(5), sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn. Như thế mới thật là một tác phẩm hay, các anh có hiểu không? Tôi chưa thất vọng đâu ! Rồi các anh xem... Cả một đời tôi, tôi sẽ chỉ viết một quyển thôi, nhưng quyển ấy sẽ ăn giải Nôben(6) và dịch ra đủ mọi thứ tiếng trên hoàn cầu !

thuongmaitr

Trung gật gù cười, vẫn cái cười lặng lẽ của y. Mão thì cười hô hố. Hộ không cười, mặt căng lên vì hứng khởi(7). Hắn nói say sưa lắm. Và đến lúc đèn phố bật, Trung và Mão muốn về, Hộ bảo luôn :

– Thong thả đã ! Đi đâu mà vội? Chúng mình đi uống rượu... Tôi có tiền...

*

* *

Sáng hôm sau. Hắn thức dậy trên cái giường nhà hắn. Hắn thấy mình mẩy đau như dần, đầu nặng, miệng khô và đắng. Cổ thì ráo và rát cháy. Hắn đưa tay với ấm nước ở trên bàn để uống. Ấm nước đầy và nước hãy còn ấm. Đó là sự ý tứ của Từ. Hộ hiểu thế, và lòng buồn nao nao. Bởi hắn lờ mờ nhớ ra rằng : hình như đêm qua hắn say rượu, đi la cà chán rồi về, lại gây sự với Từ; hình như hắn lại đánh cả Từ, đuổi Từ đi, rồi mới đóng cửa lại và đi ngủ... Hắn đột nhiên hoảng

sợ, nhổm dậy, mắt nhớn nhác tìm Từ. Nhưng không ! Từ vẫn còn nhà.. Chắc hẳn trong lúc quá say, hắn gài cửa nhưng chưa gài được, thành thử khi thấy hắn ngủ mệt rồi, Từ lại bế con vào. Bây giờ Từ đang thiếp đi trên võng, đứa con nhỏ nằm bên. Từ vốn dậy sớm quen. Sáng nay, chắc Từ mệt quá, vừa mới lịm đi, nên mới ngủ trưa như thế. Đầu Từ ngoẹo về một bên. Một tay Từ trật ra ngoài mép võng, sã xuống, cái bàn tay hơi xòe ra lỏng lẻo. Dáng nằm thật là khó nhọc và khổ não. Hắn bùi ngùi. Chao ôi! Trông Từ nằm thật đáng thương! Hèn chi mà Từ khổ cả một đời người! Cái tướng vất vả lộ ra cả đến trong giấc ngủ. Hộ nhớ ra rằng : một đôi lúc, nếu nhìn kĩ thì Từ khó mặt lắm. Đột nhiên Hộ nảy ra ý muốn lại gần Từ, nhìn kĩ xem mặt Từ lúc bây giờ ra sao? Hắn rón rén, đi chân không lại. Hắn ngồi xổm ngay xuống đất, bên cạnh võng và cố thở cho thật khẽ. Hắn ngắm nghía mặt Từ lâu lắm. Da mặt Từ xanh nhợt; môi nhợt nhạt; mi mắt hơi tim tím và chung quanh mắt có quầng, đôi má đã hơi hóp lại khiến mặt hơi có cạnh. Hộ khẽ thở dài và lắc đầu ái ngại. Hắn dịu dàng nắm lấy tay sã xuống của Từ. Cái bàn tay lủng củng rặt những xương ! Trên mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra, làn da mỏng và xanh trong, xanh lọc. Cái cổ tay mỏng mảnh. Tất cả lộ một cái gì mềm yếu, một cái gì ẻo lả, cần được hắn che chở và bênh vực... một vẻ bạc mệnh, một cái gì đau khổ và chật vật, cần được hắn vỗ về an ủi... Thế mà hắn đã làm gì để cho đời Từ đỡ khổ hơn? Hắn đã làm gì để cho Từ khỏi khổ? Nước mắt hắn bật ra như nước một quả chanh mà người ta bóp mạnh. Và hắn khóc... Ôi chao ! Hắn khóc! Hắn khóc nức nở, khóc như thể không ra tiếng khóc. Hắn ôm chặt lấy cái bàn tay bé nhỏ của Từ vào ngực mình mà khóc. Từ thức dậy, Từ hiểu ngay, không cần hỏi một câu nào cũng hiểu. Và Từ cảm động. Mắt Từ giàn giụa nước. Từ khẽ rút tay ra, vòng lên cổ chồng, nhẹ nhàng níu hắn vào, để hắn gục đầu lên cạnh ngực Từ. Hắn lại càng khóc to hơn và cố nói qua tiếng khóc :

– Anh ... anh ... chỉ là... một thằng... khốn nạn !...

– Không !... Anh chỉ là một người khổ sở !... Chính vì em mà anh khổ...

uongxua.vn

Từ bảo thế. Tay Từ níu mạnh hơn một chút. Ngực Từ thổn thức. Từ chực ngả đầu sát vào vai Hộ. Nhưng đứa con, bị giằng, khóc thét lên. Từ vội buông chồng ra để vỗ con. Tiếng vẫn còn ướt lệ, Từ dỗ nó :

- A ! Mợ đây ! Mợ đây mà ! Ôi chao ! Con tôi nó giật mình... Mợ thương...

Hộ đã tránh chỗ để Từ đưa võng... Từ vừa đưa, vừa hát :

"Ai làm cho khói lên giời,
Cho mưa xuống đất, cho người biệt li;
Ai làm cho Nam, Bắc phân kì,
Cho hai hàng lệ đầm đìa tấm thương..."

(In trong *Cười*, tập truyện ngắn của Nam Cao,
NXB Minh Đức, Hà Nội, 1946)

Chú thích

(1) *Lưỡng quyền* : hai gò má. (2) *Vô liêm sỉ* : không biết xấu hổ là gì; trơ trẽn. (3) *Hoài bão* : ấp ủ trong lòng ước muốn làm một điều lớn lao, tốt đẹp nào đó. (4) *Bản quyền* : quyền, quyền lợi của tác giả về tác phẩm của mình được pháp luật quy định. (5) *Bác ái* : lòng yêu thương rộng lớn. (6) *Giải Nôben* : giải thưởng quốc tế hằng năm, được đặt ra từ năm 1901, theo di chúc của nhà hóa học và công nghệ Thụy Điển Anphrết Nôben (1837 - 1896); ông đã dùng gia sản của mình để đặt giải thưởng cho những người có cống hiến xuất sắc đáp ứng những nhu cầu lớn của nhân loại (gồm một giải thưởng về vật lí, một giải hóa học, một giải y học, một giải hòa bình và một giải văn chương ; giải văn chương do Viện Hàn lâm Thụy Điển trao tặng vào ngày 10 tháng 12 hằng năm là kỉ niệm ngày mất của A. Nôben). (7) *Hứng khởi* : tâm trạng vui thích, nức lòng.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Vì sao nhà văn Hộ cảm thấy "đau đớn" vô hạn, cho mình là "một người vô ích", "người thừa", trong khi Hộ vẫn sáng tác và tác phẩm vẫn được in? Căn cứ vào nội dung truyện, hãy giải thích ý nghĩa hai chữ "đời thừa" được Nam Cao đặt tên cho truyện.

2. Trước tình trạng có mâu thuẫn không thể điều hòa giữa "hoài bão lớn", "lí tưởng" (sự nghiệp văn chương) và tình thương (đối với

vợ con), nhân vật Hộ đã xử lí ra sao? Cách xử lí đó cho thấy Hộ là con người như thế nào?

3. Hãy chép lại và giải thích vắn tắt những ý kiến có tính chất tuyên ngôn nghệ thuật của Nam Cao được phát biểu qua nhân vật Hộ.

4. Qua nhân vật Hộ, hãy chứng minh rằng ngòi bút Nam Cao có sở trường đi sâu miêu tả, phân tích tâm lí con người.

CHÍ PHÈO

NAM CAO

Tiểu dẫn

Truyện ngắn *Chí Phèo* nguyên có tên là *Cái lò gạch cũ*; khi in thành sách lần đầu (NXB Đời mới, Hà Nội, 1941), nhà xuất bản tự ý đổi tên là *Đôi lứa xứng đôi*. Đến khi in lại trong tập *Luống cày* (Hội văn hóa cứu quốc xuất bản, Hà Nội, 1946), tác giả đặt lại tên là *Chí Phèo*.

tuongxua.vn

Truyện khai thác từ nhiều người thật, việc thật ở làng quê tác giả, song được hư cấu sáng tạo để dựng nên một bức tranh xã hội chân thực với những điển hình nghệ thuật bất hủ, có ý nghĩa khái quát cao về đời sống nông thôn Việt Nam đương thời.

Với nội dung hiện thực phong phú, sâu sắc, tư tưởng nhân đạo mới mẻ và với trình độ nghệ thuật bậc thầy, *Chí Phèo* thật sự là một kiệt tác trong văn xuôi hiện đại Việt Nam.

*

* *

Hắn vừa đi vừa chửi. Bao giờ cũng thế, cứ rượu xong là hắn chửi. Bắt đầu hắn chửi trời. Có hề gì? Trời có của riêng nhà nào? Rồi hắn chửi đời. Thế cũng chẳng sao : đời là tất cả nhưng chẳng là ai. Tức mình, hắn chửi ngay tất cả làng Vũ Đại. Nhưng cả làng Vũ Đại ai cũng nhủ : "Chắc nó trừ mình ra !". Không ai lên tiếng cả. Tức thật ! Ờ ! Thế này thì tức thật ! Tức chết đi được mất ! Đã thế, hắn phải

chửi cha đứa nào không chửi nhau với hắn. Nhưng cũng không ai ra điều. Mẹ kiếp ! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hắn không? Không biết đứa chết mẹ nào lại đẻ ra thân hắn cho hắn khổ đến nông nỗi này? A ha ! Phải đấy hắn cứ thế mà chửi, hắn cứ chửi đứa chết mẹ nào đẻ ra thân hắn, đẻ ra cái thằng Chí Phèo ! Hắn nghiến răng vào mà chửi cái đứa đã đẻ ra Chí Phèo. Nhưng mà biết đứa nào đã đẻ ra Chí Phèo? Có mà trời biết ! Hắn không biết, cả làng Vũ Đại cũng không ai biết...

Một anh đi thả ống lươn, một buổi sáng tinh sương, đã thấy hắn trần truồng và xám ngắt trong một váy đụp để bên cái lò gạch bỏ không, anh ta rước lấy và đem cho một người đàn bà góa mù. Người đàn bà góa mù này bán hắn cho một bác phó cối[1] không con, và khi bác phó cối này chết thì hắn bơ vơ, hết đi ở cho nhà này lại đi ở cho nhà nọ. Năm hai mươi tuổi, hắn làm canh điền[2] cho ông lí Kiến, bây giờ là cụ bá Kiến ăn tiên chỉ làng. Hình như có mấy lần bà ba nhà ông lí còn trẻ lắm mà lại cứ hay ốm lửng bắt hắn bóp chân, hay xoa bụng, đấm lưng gì đấy. Người ta bảo ông lí ra đình thì hách dịch, cả làng phải sợ, mà về nhà thì lại sợ cái bà ba còn trẻ này. Người bà ấy phốp pháp, má bà ấy hây hây, mà ông lí thì hay đau lưng lắm; những người có bệnh đau lưng hay sợ vợ mà chúa đời là khỏe ghen. Có người bảo ông lí ghen với anh canh điền khỏe mạnh mà sợ bà ba không dám nói. Có người thì bảo anh canh điền ấy được bà ba quyền thu quyền bổ[3] trong nhà tin cẩn nên lấy trộm tiền trộm thóc nhiều. Mỗi người nói một phách, chẳng biết đâu mà lần. Chỉ biết có một hôm Chí bị người ta giải huyện rồi nghe đâu phải đi tù. Không biết tù mấy năm, nhưng hắn đi biệt tăm đến bảy, tám năm, rồi một hôm, hắn lại lù lù ở đâu lần về. Hắn về lớp này trông khác hẳn, mới đầu chẳng ai biết hắn là ai. Trông đặc như thằng *săng đá*[4] ! Cái đầu thì trọc lốc, cái răng cạo trắng hớn, cái mặt thì đen mà rất cơng cơng, hai mắt gườm gườm trông gớm chết ! Hắn mặc quần áo nái đen với cái áo tây vàng. Cái ngực phanh, đầy những nét chạm trổ rồng phượng với một ông tướng cầm chùy, cả hai cánh tay cũng thế. Trông gớm chết !

thuongmaitr

Hắn về hôm trước, hôm sau đã thấy ngồi ở chợ uống rượu với thịt chó suốt từ trưa đến xế chiều. Rồi say khướt, hắn xách một cái vỏ chai đến cổng nhà bá Kiến, gọi tận tên tục ra mà chửi. Cụ bá không có nhà. Thấy bộ điệu hung hăng của hắn, bà cả đùn bà hai, bà hai thúc bà ba, bà ba gọi bà tư, nhưng rốt cục chẳng bà nào dám ra nói với hắn một vài lời phải chăng. Mắc cái phải cái thằng liều lĩnh quá, nó lại say rượu, tay nó lại nhăm nhăm cầm cái vỏ chai, mà nhà lúc ấy toàn đàn bà cả... Thôi thì cứ đóng cái cổng cho thật chắc rồi mặc thây cha nó, nó có chửi thì tai liền miệng đấy, chửi rồi lại nghe ! Thành thử chỉ có ba con chó dữ với một thằng say rượu !... Thật là ầm ĩ ! Hàng xóm phải một bữa điếc tai, nhưng có lẽ trong bụng thì họ hả : xưa nay họ mới chỉ được nghe bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá chửi người ta, bây giờ họ mới được nghe người ta chửi lại cả nhà cụ bá. Mà chửi mới sướng miệng làm sao ! Mới ngoa ngoắt làm sao ! Họ bảo nhau : "Phen này cha con thằng bá Kiến đố còn dám vác mặt đi đâu nữa ! Mồ mả tổ tiên đến lộn lên mất". Cũng có người hiền lành hơn thì bảo : "Phúc đời nhà nó, chắc ông lí không có nhà ...". Ông lí đây là ông lí Cường, con giai cụ bá nổi tiếng là hách dịch, coi người như rơm như rác. Phải ông lí Cường thử có nhà xem nào ! Quả nhiên họ nói có sai đâu ! Đấy, có tiếng người sang sảng quát : "Mày muốn lôi thôi gì... cái thằng không cha không mẹ này ! Mày muốn lôi thôi gì?...". Đã bảo mà ! Cái tiếng quát tháo kia là tiếng lí Cường. Lí Cường đã về ! Lí Cường đã về ! Phải biết... A ha ! Một cái tát rất kêu. Ối ! Cái gì thế này? Tiếng đấm, tiếng đá nhau bình bịch, thôi cứ gọi là tan xương ! Bỗng "choang" một cái, thôi phải rồi, hắn đập cái chai vào cột cổng... Ồ hắn kêu... Hắn vừa chửi vừa kêu làng như bị người ta cắt họng. Ồ hắn kêu!

– Ối làng nước ôi ! Cứu tôi với... Ối làng nước ôi ! Bố con thằng Kiến nó đâm chết tôi ! Thằng lí Cường nó đâm chết tôi rồi, làng nước ôi !... Và họ thấy Chí Phèo lăn lộn dưới đất, vừa kêu vừa lấy mảnh chai cào vào mặt. Máu ra loe loét trông gớm quá ! Mấy con chó xông xáo quanh hắn, sủa rất hăng. Lí Cường hơi tái mặt, đứng nhìn mà cười nhạt, cười khinh bỉ. Hừ ! Ngỡ là gì, chẳng hóa ra nằm vạ ! Thì ra hắn định đến đây nằm vạ !

Người ta tuôn đến xem. Mấy cái ngõ tối xung quanh đùn ra biết bao nhiêu là người. Thật ồn ào như chợ. Bà cả, bà hai, bà ba, bà tư nhà cụ bá vững dạ vì có anh lí cũng xưng xỉa ra chửi góp. Thật ra, các bà muốn xem Chí Phèo làm ăn ra sao? Không khéo nó cố ý gieo vạ cho cụ ông phen này...

Nhưng kìa cụ ông đã về. Cụ cất tiếng rất sang hỏi : "Cái gì mà đông như thế này?". Chỗ này "Lạy cụ", chỗ kia "Lạy cụ", người ta kính cẩn đứng giãn ra, và Chí Phèo bỗng nằm dài, không nhúc nhích rên khẽ như gần chết.

Thoáng nhìn qua, cụ đã hiểu cơ sự rồi. Làm lí trưởng[5] rồi chánh tổng[6], bây giờ lại đến lượt con cụ làm lí trưởng, những việc như thế này cụ không lạ gì. Cụ hãy quát mấy bà vợ đang xưng xỉa chực tâng công với chồng :

– Các bà đi vào nhà; đàn bà chỉ lôi thôi, biết gì?

Rồi quay lại bọn người làng, cụ dịu giọng hơn một chút :

– Cả các ông, các bà nữa, về đi thôi chứ ! Có gì mà xúm lại như thế này?

thuongmaitr

Không ai nói gì, người ta lảng dần đi. Vì nể cụ bá cũng có, nhưng vì nghĩ đến sự yên ổn của mình cũng có : người nhà quê vốn ghét lôi thôi. Ai dại gì mà đứng ỳ ra đấy, có làm sao họ triệu mình đi làm chứng. Sau còn trơ lại Chí Phèo và cha con cụ bá. Bây giờ cụ mới lại gần hắn khẽ lay mà gọi :

– Anh Chí ơi ! Sao anh lại làm ra thế?

Chí Phèo lim dim mắt, rên lên :

– Tao chỉ liều chết với bố con nhà mày đấy thôi. Nhưng tao mà chết thì có thằng sạt nghiệp, mà còn rũ tù chưa biết chừng.

Cụ bá cười nhạt, nhưng tiếng cười giòn giã lắm; người ta bảo cụ hơn người cũng bởi cái cười :

– Cái anh này nói mới hay ! Ai làm gì anh mà anh phải chết? Đời người chứ có phải con ngóe đâu? Lại say rồi phải không?

Rồi, đổi giọng cụ thân mật hỏi :

– Về bao giờ thế? Sao không vào tôi chơi? Đi vào nhà uống nước.

Thấy Chí Phèo không nhúc nhích, cụ tiếp luôn :

– Nào đứng lên đi. Cứ vào đây uống nước đã. Có cái gì, ta nói chuyện tử tế với nhau. Cần gì mà phải làm thanh động[7] lên như thế, người ngoài biết, mang tiếng cả.

Rồi vừa xốc Chí Phèo, cụ vừa phàn nàn :

– Khổ quá, giá có tôi ở nhà thì có đâu đến nỗi. Ta nói chuyện với nhau, thế nào cũng xong. Người lớn cả, chỉ một câu chuyện với nhau là đủ. Chỉ tại thằng lí Cường nóng tính, không nghĩ trước nghĩ sau. Ai chứ anh với nó còn có họ kia đấy.

Chí Phèo chả biết họ hàng ra làm sao, nhưng cũng thấy lòng nguôi nguôi. Hắn cố làm ra vẻ nặng nề, ngồi lên. Cụ bá biết rằng mình đã thắng, đưa mắt nháy con một cái, quát :

– Lí Cường đâu! Tội mày đáng chết. Không bảo người nhà đun nước mau lên!

Cụ dắt Chí Phèo đứng dậy, giục thêm vài tiếng nữa, và Chí Phèo chịu đi; hắn chỉ cố khập khiễng cái chân như bị què. Là vì lúc ấy trong người hắn rượu đã hơi nhạt rồi, không còn kêu gào chửi bới, và không còn nghe kêu gào chửi bới, hắn thấy hình như không hăng hái nữa. Sự ngọt ngào làm mềm nhũn, vả lại, những người đứng xem về cả rồi, hắn thấy hắn hình như trơ trọi. Cái sợ cố hữu[8] trong lòng thức dậy, cái sợ xa xôi của ngày xưa, hắn thấy quả là táo bạo. Không táo bạo mà dám gây sự với cha con bá Kiến, bốn đời làm tổng lí[9]. Và nghĩ thế, hắn thấy hắn cũng oai. Hắn làm cái ông gì ở làng này? Không vây cánh, không họ hàng thân thích; anh em không có, đến bố mẹ cũng không... Ơ, thế mà độc lực[10] chọi nhau với lí trưởng, chánh tổng, bá hộ[11], tiên chỉ[12] làng Vũ Đại, chánh hội đồng[13], kì hào[14], huyện hào[15], Bắc Kì nhân dân đại biểu[16], khét tiếng đến cả trong hàng huyện. Thử hỏi đã có mặt nào trong cái làng hơn hai nghìn suất đinh này làm được thế? Kể làm rồi có chết cũng là cam tâm. Vậy mà không : cái cụ bá thét ra lửa ấy lại xử nhũn mời hắn vào nhà xơi nước. Thôi cũng hả, đã xử nhũn thì hắn vào. Nhưng bỗng hắn hơi ngần ngại : biết đâu cái lão cáo già này nó chả lại lừa

hắn vào nhà rồi lôi thôi? Ờ mà thật, có thể như thế lắm ! Này nó hãy lôi ngay mấy cái mâm, cái nồi hay đồ vàng, đồ bạc ra khoác vào cổ hắn, rồi cho vợ ra kêu làng lên, rồi cột cổ hắn vào, chần cho một trận om xương, rồi vu cho ăn cướp thì sao; cái thằng bá Kiến này, già đời đục khoét, còn đớn cái nước gì mà chịu lép như trấu thế? Thôi dại gì mà vào miệng cọp, hắn cứ đứng đây này, cứ lại lăn ra đây này, lại kêu toáng lên xem nào. Nhưng nghĩ ngợi một tí, hắn lại bảo : Kêu lên cũng không nước gì! Lão bá vừa nói một tiếng, bao nhiêu người đã ai về nhà nấy, hắn có lăn ra kêu nữa, liệu có còn ai ra? Vả lại bây giờ rượu nhạt rồi, nếu lại phải rạch mặt thêm mấy nhát thì cũng đau. Thôi cứ vào!...

Vào rồi, hắn mới biết những cái hắn sợ là hão cả. Bá Kiến quả có ý muốn dàn xếp cùng hắn thật. Không phải cụ đớn, chính thật cụ khôn róc đời[17], thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ hai sợ kẻ cố cùng liều thân. Chí Phèo không anh hùng, nhưng nó là cái thằng liều lĩnh. Liều lĩnh thì ai còn thèm chấp ! Thế nào là mềm nắn rắn buông? Cái nghề làm việc quan, nếu nhất nhất cái gì cũng đè đầu ấn cổ thì lại bán nhà đi cho sớm. Cụ vẫn bảo lí Cường như thế đấy. Vũ dũng như hắn mà làm được lí trưởng là nhờ có cụ. Cụ mà chết đi rồi, "chúng nó" lại không cho ăn bùn.

Tiếng vậy, làm tổng lí không phải việc dễ. Ở cái làng này, dân quá hai nghìn, xa phủ xa tỉnh, kể ăn thì cũng dễ ăn, nhưng không phải hễ mà làm lí trưởng thì cứ việc ngồi mà khoét. Hồi năm nọ, một thầy địa lí có bảo đất làng này vào cái thế "quần ngư tranh thực"[18], vì thế mà bọn đàn anh chỉ là một đàn cá tranh mồi. Mồi thì ngon đấy, nhưng mà năm bè bảy bối, bè nào cũng muốn ăn. Ngoài mặt thì tử tế với nhau nhưng thật ra trong bụng lúc nào cũng muốn cho nhau lụn bại để cưỡi lên đầu lên cổ. Ngay thằng Chí Phèo đến đây sinh sự biết đâu lại không có thằng nào ẩy đến? Nếu cụ không chịu nhịn, làm cho to chuyện có khi tốn tiền. Cái nghề quan bám thằng có tóc ai bám thằng trọc đầu? Bỏ tù nó thì dễ rồi; nhưng bỏ tù nó, cũng có ngày nó được ra, liệu lúc ấy nó có để yên mình không chứ? Cụ phải cái vụ thằng Năm Thọ, mãi đến giờ chưa quên.

(*Lược một đoạn :* Năm Thọ vốn là một gã ngang ngược từng kình nhau với lí Kiến. Hắn can dự vào một vụ cướp, lí Kiến ngấm ngầm vận động cho hắn vào tù. Nào ngờ, hắn vượt ngục về làng, vác dao đến nhà lí Kiến yêu cầu để có một cái thẻ mang tên người khác với một trăm bạc để đi trốn. Lí Kiến phải nghe theo và Năm Thọ đi mất tăm từ đó. Nhưng Năm Thọ vừa đi thì binh Chức ở đâu lần về. Binh Chức khi còn ở làng thì hiền như cục đất, "đứa nào vớ được nó cũng xoay, mà đứa nào xoay cũng chịu". Bực mình, hắn ra lính. Nhưng chị vợ còn trẻ vắng chồng ở nhà nghiễm nhiên trở thành món đồ chuyên đổi của bọn lí dịch trong làng. Ngay lí Kiến tuy đã ba vợ cũng không bỏ qua. Mỗi lần chị binh đi nhận tiền chồng gửi về đều phải có ông lí đi nhận thực, chẳng những cơm rượu, tiền túi mà còn ngồi xe chung và ở lại đêm trên tỉnh nữa. Mãn hạn lính, binh Chức vẫn không về, nhưng ít lâu sau, hắn đột ngột về làng, đem cả vợ con đến nhà lí Kiến nói rằng hắn can án giết người, nếu lí Kiến cho bắt giải đi thì hắn đâm chết vợ con rồi đi tù luôn thể. Lí Kiến phải che đậy cái án của hắn; thế là binh Chức cứ sống đàng hoàng ở làng và rất ngang ngược. Có lần hắn xách dao đến đòi lí Kiến số tiền lương hắn gửi về mà vợ hắn bảo là gửi cả ông lí, lí Kiến phải đưa hắn năm đồng. Từ đó, binh Chức nhận là chỗ đầy tớ tay chân ông lí. Đến năm ngoái thì hắn chết ...)

uongxua.vn

(...) Thì năm nay lại nở ra Chí Phèo. Lại một thằng hiền lành như đất – tội nghiệp cho hắn, có lần lí Kiến thấy hắn vừa bóp đùi cho bà ba vừa run run ! Bỗng nhiên vùng dậy, giở toàn những giọng uống máu người không tanh. Thì ra già néo đứt dây(19). Cụ tiên chỉ làng Vũ Đại nhận ra rằng : đè nén con em đến nỗi nó không chịu được phải bỏ làng mà đi là dại. Mười thằng đã ra đi thì chín thằng trở về với cái vẻ hung đồ, cái tính ương ngạnh học được từ phương xa. Một người khôn ngoan thì chỉ bóp đến nửa chừng. Hãy ngấm ngầm đẩy người ta xuống sông, nhưng rồi lại dắt nó lên để nó đền ơn. Hãy đập bàn, đập ghế, đòi cho được năm đồng, nhưng được rồi thì lại vứt trả lại năm hào "vì thương anh túng quá" ! Và cũng phải tùy mặt nữa : những thằng có máu mặt(20), vợ đẹp, con đàn, chính là những thằng sợ quan và dễ bóp; trái lại, những thằng tứ cố vô thân(21), giết chúng nó thì dễ, nhưng giết được, chỉ còn có xương; mà gây với chúng nó là mở một dịp tốt để cho các phe nghịch(22) xoay lại mình. Làng nào cũng có nhiều cánh, mỗi cánh kết bè đảng xung quanh một người : cánh cụ bá Kiến, cánh ông đội Tảo, cánh ông tư-Đạm, cánh ông bát

Tùng... Bằng ấy cánh đu lại với nhau để bóc lột con em, nhưng ngấm ngầm chia rẽ, nhè từng chỗ hở để mà trị nhau. Cụ lại nhận ra rằng : ở cái đất nhà quê, bọn dân hiền lành chỉ è cổ làm nuôi bọn lí hào[23] nhưng chính bọn lí hào nhiều khi lại phải ngậm miệng cung cấp cho những thằng cùng hơn cả dân cùng nên liều lĩnh, lúc nào cũng có thể cầm dao đâm người hay đâm mình.

Nhưng cụ không phải là một người ưa than thở. Than thở chẳng ích gì cho ai, cái bọn dân đinh suốt đời bị đè nén kia sở dĩ bị đè nén suốt đời chỉ vì khi bị đè nén chúng chỉ biết than thở chứ không biết làm gì khác. Cụ bá Kiến không cần than thở : trị không lợi thì cụ dùng. Cụ nghĩ bụng : cũng phải có những thằng đầu bò chứ? Không có những thằng đầu bò thì lấy ai trị những thằng đầu bò? Thế lực của cụ sở dĩ lấn át được các vây cánh khác, một phần lớn cũng bởi cụ biết mềm biết cứng, biết thu dụng những thằng bạt mạng[24] không sợ chết và không sợ đi tù. Những thằng ấy chính là những thằng được việc. Khi cần đến, chỉ cho nó dăm hào uống rượu, là có thể sai nó đến tác hại bất cứ anh nào không nghe mình. Gặp người bướng bỉnh, đanh thép thì nó lừa đốt nhà hay cho mấy lát dao, gặp người non mặt, thì nó quăng vào chai rượu lậu, hay là gây sự rồi lăn ra kêu làng. Có chúng nó sinh chuyện thì mới có dịp mà ăn, nếu không thì giữa đám dân hiền lành và yên phận này, khéo lắm chỉ bóp nặn được vào vụ thuế. Thuế một năm có một lần nếu chỉ trông vào đấy thì có bán cha đi, cũng không đủ để bù vào chỗ ba, bốn nghìn bạc chạy chọt để tranh triện đồng[25].

Vì thế, đêm hôm ấy, ở nhà bá Kiến ra về, Chí Phèo vô cùng hả hê! Bá Kiến đã không vu vạ gì cho hắn, lại còn giết gà mua rượu cho hắn uống, xong lại đãi thêm đồng bạc để về uống thuốc. Đồng bạc, làm gì đến thế? Hắn loạng choạng vừa đi vừa cười : hắn chẳng cần đến ba xu. Lúc ngồi tù, hắn có học mót được mấy bài thuốc dấu : chỉ vài nắm lá, là mặt hắn lại đâu vào đấy ngay. Còn đồng bạc lại để đi uống rượu...

*

* *

Hắn uống được có vừa ba hôm, hôm thứ tư thì hắn trợn mắt lên bảo con mẹ hàng rượu rằng :

– Hôm nay ông không có tiền; nhà mày bán chịu cho ông một chai. Tối ông mang tiền đến trả.

Mụ hàng rượu hơi ngần ngừ. Thế là hắn rút bao diêm, đánh cái xòe, châm lên mái lều của mụ. Mụ hoảng hốt kêu la om sòm, vội dập tắt được ngọn lửa vừa mới cháy. Rồi khóc khóc mếu mếu, mụ đưa ra chai rượu. Hắn hầm hầm, chĩa vào mặt mụ bảo rằng :

– Cái giống nhà mày không ưa nhẹ ! Ông mua chứ ông có xin nhà mày đâu ! Mày tưởng ông quyt hở ! Mày thử hỏi cả làng xem ông có quyt của đứa nào bao giờ không? Ông không thiếu tiền ! Ông còn gửi đằng cụ Bá, chiều này ông đi lấy về ông trả.

Mụ vừa kéo vạt áo lên quệt nước mũi, vừa bảo :

– Chúng cháu không dám chắc lép nhưng quả là ít vốn.

Hắn quát lên :

uongxua.vn

– Ít vốn, chỉ tối nay ông trả. Nhà mày đã chết ngay bây giờ hay sao? Rồi hắn xách chai ra về. Hắn về cái miếu con ở bờ sông, vì vốn từ trước đến nay không có nhà. Lúc đi đường, hắn đã vặn được ở nhà nào ba bốn quả chuối xanh, và bốc của một cô hàng xén một dúm con muối trắng. Bây giờ hắn uống rượu với chuối xanh chấm muối trắng và thấy rằng cũng ngon. Hắn uống rượu với cái gì cũng ngon.

Uống xong hắn chùi miệng, rồi ngật ngà ngật ngưỡng đến nhà bá Kiến. Gặp ai hắn cũng bảo : hắn đến nhà cụ bá Kiến đòi nợ đây ! Mới trông thấy hắn vào đến sân, bá Kiến biết hắn lại đến sinh sự rồi. Cái mắt thì ngầu lên, hai chân thì lảo đảo, cái môi bầm lại mà run bần bật. Cũng may, hắn không cầm vỏ chai, bá Kiến cũng dõng dạc hỏi :

– Anh Chí đi đâu đấy?

Hắn chào to :

– Lạy cụ ạ. Bẩm cụ ... Con đến cửa cụ để kêu cụ một việc ạ.

Giọng hắn lè nhè và tiếng đã gần như méo mó. Nhưng bộ điệu thì lại như hiền lành : hắn vừa gãi đầu gãi tai, vừa lải nhải :

– Bẩm cụ, từ ngày cụ bắt đi ở tù, con lại sinh ra thích đi ở tù; bẩm có thế, con có dám nói gian thì trời tru đất diệt[26], bẩm quả đi ở tù sướng quá. Đi ở tù còn có cơm để mà ăn, bây giờ về làng về nước một thước cắm dùi không có, chả làm gì nên ăn. Bẩm cụ, con lại đến kêu cụ, cụ lại cho con đi ở tù...

Cụ bá quát, bắt đầu bao giờ cụ cũng quát để thử dây thần kinh con người.

– Anh này lại say khướt rồi !

Hắn xông lại gần, đảo ngược mắt, giơ cái tay lên nửa chừng :

– Bẩm không ạ, bẩm thật là không say. Con đến xin cụ cho con đi ở tù mà nếu không được thì... thì... thưa cụ...

Hắn móc đủ mọi túi, để tìm một cái gì, hắn giơ ra : đó là một con dao nhỏ, nhưng rất sắc. Hắn nghiến răng nói tiếp :

– Vâng, bẩm cụ không được thì con phải đâm chết dăm ba thằng, rồi cụ bắt con giải huyện.

thuongmaitr

Rồi hắn cúi xuống, tẩn mẩn gọt cạnh cái bàn lim. Cụ bá cười khanh khách – cụ vẫn tự phụ hơn đời cái cười Tào Tháo[27] ấy – cụ đứng lên vỗ vai hắn mà bảo rằng :

– Anh bứa lắm. Nhưng này, anh Chí ạ, anh muốn đâm người cũng không khó gì. Đội Tảo nó còn nợ tôi năm mươi đồng đấy, anh chịu khó đến đòi cho tôi, đòi được tự nhiên có vườn.

Đội Tảo là một tay vai vế trong làng. Vây cánh ông ta mạnh, vẫn kình nhau với cánh nhà cụ bá mà cụ bá thường vẫn phải chịu bởi hắn là cựu binh, lương hưu trí nhiều, quen thuộc nhiều, lại ăn nói giỏi. Hắn vay cụ bá năm mươi đồng đã từ lâu, bây giờ đột nhiên trở mặt vỗ tuột[28], lấy cớ rằng số tiền ấy tính vào món tiền chè lí Cường ra làm lí trưởng, chưa tạ hắn. Cụ bá tức như chọc họng, nhưng chưa biết làm thế nào, bởi vì thằng binh Chức, đầy tớ tay chân của cụ, khả dĩ đương đầu với hắn được, chết năm ngoái rồi. Bây giờ cụ mới lại gặp

được Chí Phèo, có thể thay cho binh Chức. Cụ thử nói khích xem sao. Nếu nó trị được đội Tảo thì tốt lắm. Nếu nó bị đội Tảo trị thì cụ cũng chẳng thiệt gì, đằng nào cũng có lợi cho cụ cả.

Chí Phèo nhận ngay! Hắn tức khắc đến nhà đội Tảo, và cất tiếng chửi ngay từ đầu ngõ. Giá gặp phải hôm khác, thì có án mạng[29] rồi : đội Tảo cũng có thể đâm chém được, chưa bao giờ chịu hàng trước cuộc giao tranh. Nhưng phúc đời cho hắn, hay là cho Chí Phèo, hôm ấy hắn ốm liệt giường, không sao nhấc mình dậy được. Có lẽ hắn cũng không biết Chí Phèo chửi hắn. Vợ hắn, thấy Chí Phèo thở ra mùi rượu, và biết rõ đầu đuôi món nợ, lấy năm mươi đồng giấu chồng đưa cho người nhà đi theo Chí Phèo. Đàn bà vốn chuộng hòa bình : họ muốn yên chuyện thì thôi, gai ngạnh làm gì cho sinh sự. Vả lại, bà đội cũng nghĩ rằng : chồng mình đang ốm... chồng mình có nợ người ta hẳn hoi... Và năm chục đồng bạc đối với nhà mình là mấy, lôi thôi lại chả tốn đến ba lần năm chục đồng!

Vì thế Chí Phèo mới được vênh vênh ra về : hắn thấy hắn oai thêm bạc nữa. Hắn tự đắc : "Anh hùng làng này cóc thằng nào bằng ta!". Cụ bá thấy mình thắng bên địch mà không cần đến hội đồng làm biên bản chứng thích chi. Cụ đưa luôn cho anh đầy tớ chân tay mới luôn năm đồng :

– Anh Chí ạ, cả năm chục này phần anh. Nhưng nếu anh lấy cả thì chỉ ba hôm là tan nát hết. Vậy anh cầm lấy chỗ này uống rượu còn để tôi bán cho anh mảnh vườn; không có vườn có đất thì làm ăn gì?

Chí Phèo "vâng dạ" ra về. Mấy hôm sau, cụ bá bảo lí Cường cho hắn năm sào vườn ở bãi sông cấm thuế của một người làng hôm nọ. Chí Phèo bỗng thành ra có nhà. Hồi ấy hắn mới đâu hăm bảy hay hăm tám...

*

* *

Bây giờ thì hắn đã thành người không tuổi rồi. Ba mươi tám hay ba mươi chín? Bốn mươi hay là ngoài bốn mươi? Cái mặt hắn không

truongxua.vn

trẻ cũng không già; nó không còn phải là mặt người : nó là mặt của một con vật lạ, nhìn mặt những con vật có bao giờ biết tuổi? Cái mặt hắn vàng vàng mà lại muốn xạm màu gio; nó vằn dọc vằn ngang, không thứ tự, biết bao nhiêu là sẹo. Vết những mảnh chai của bao nhiêu lần ăn vạ kêu làng, bao nhiêu lần, hắn nhớ làm sao nổi? Bao nhiêu việc ức hiếp phá phách, đâm chém, mưu hại, người ta giao cho hắn làm! Những việc ấy là chính cuộc đời của hắn; cuộc đời mà hắn cũng chả biết đã dài bao nhiêu năm rồi. Bởi vì ngay đến cái thẻ có biên tên tuổi hắn cũng không có, trong sổ làng người ta vẫn khai hắn vào hạng dân lưu tán, lâu năm không về làng. Hắn nhớ mang máng rằng có lần hắn hai mươi tuổi rồi hắn đi ở tù, rồi hình như hắn hăm nhăm không biết có đúng không? Rồi từ đấy thì đối với hắn không còn ngày tháng nữa. Bởi vì từ đấy, hắn bao giờ cũng say. Những cơn say của hắn tràn cơn này sang cơn khác, thành một cơn dài, mênh mông, hắn ăn trong lúc say, ngủ trong lúc say, thức dậy hãy còn say, đập đầu, rạch mặt, chửi bới, dọa nạt trong lúc say, uống rượu trong lúc say, để rồi say nữa, say vô tận. Chưa bao giờ hắn tỉnh, và có lẽ hắn chưa bao giờ tỉnh táo, để nhớ rằng có hắn ở đời. Có lẽ hắn cũng không biết rằng hắn là con quỷ dữ của làng Vũ Đại, để tác quái[30] cho bao nhiêu dân làng. Hắn biết đâu hắn đã phá bao nhiêu cơ nghiệp, đập nát bao nhiêu cảnh yên vui, đạp đổ bao nhiêu hạnh phúc, làm chảy máu và nước mắt của bao nhiêu người lương thiện. Hắn biết đâu vì hắn làm tất cả những việc ấy trong khi người hắn say; hắn say thì hắn làm bất cứ cái gì người ta sai hắn làm. Tất cả dân làng đều sợ hắn và tránh mặt hắn mỗi lần hắn qua.

Vì thế cho nên hắn chửi hay là chẳng vì cái gì hắn cũng chửi, cứ rượu xong là hắn chửi. Hắn chửi như những người say rượu hát. Giá hắn biết hát thì có lẽ hắn không cần chửi. Khổ cho hắn và khổ cho người, hắn lại không biết hát. Thì hắn chửi, cũng như chiều nay hắn chửi...

(*Lược một đoạn* : Chiều nay, Chí Phèo lại chửi. Hắn chửi tất cả những đứa nào không chửi nhau với hắn ! Nhưng ai cũng im lặng, mặc cho hắn chửi ; vậy thì hắn phải vào một nhà nào để gây chuyện... Rồi trăng lên, trăng rằm

thuongmaitr

vành vạnh. Hắn đến ngõ nhà lão Tự Lãng, một lão vừa làm nghề thầy cúng vừa làm nghề hoạn lợn, giữa lúc lão Tự đang uống rượu một mình. Thế là Chí Phèo sà xuống, cùng uống ; chưa bao giờ hắn được uống thỏa thuê đến thế. Rồi Chí Phèo lảo đảo ra về, vừa đi vừa gãi. Hắn không về lều của hắn vội mà đi ra bờ sông gần nhà cho mát. Và Chí Phèo đã gặp thị Nở ăn mặc hở hang đang tựa lưng vào gốc chuối mà ngủ... Đó là một người đàn bà xấu xí, ngẩn ngơ, ế chồng trong xóm, hôm nay ra sông kín nước ngồi nghỉ rồi ngủ quên. Khi Chí Phèo đến bên thị, thị tỉnh ra và kêu làng. Nhưng Chí Phèo lại kêu to hơn. Họ ăn nằm với nhau và cùng ngủ say dưới trăng. Đến nửa đêm, Chí Phèo đau bụng và nôn mửa. Thị Nở dìu hắn vào trong lều, đặt hắn lên chõng, đắp chiếu cho hắn rồi ra về. Thị lên giường định ngủ nhưng không ngủ được, cứ nghĩ về việc lạ lùng tối qua...)

Khi Chí Phèo mở mắt thì trời đã sáng lâu. Mặt trời chắc đã cao, và nắng bên ngoài chắc là rực rỡ. Cứ nghe chim ríu rít bên ngoài đủ biết. Nhưng trong cái lều ẩm thấp vẫn mới chỉ hơi lờ mờ. Ở đây người ta thấy chiều lúc xế trưa và gặp đêm khi bên ngoài vẫn sáng. Chưa bao giờ Chí Phèo nhận thấy thế bởi chưa bao giờ hết say.

Nhưng bây giờ thì hắn tỉnh. Hắn bâng khuâng như tỉnh dậy sau một cơn say rất dài. Cũng như những người say tỉnh dậy, hắn thấy miệng đắng, lòng mơ hồ buồn. Người thì bủn rủn, chân tay không buồn nhấc. Hay là đói rượu? Nghĩ đến rượu, hắn hơi rùng mình. Ruột gan lại nôn nao lên một tí. Hắn sợ rượu cũng như những người ốm thường sợ cơm. Tiếng chim hót ngoài kia vui vẻ quá! Có tiếng cười nói của những người đi chợ. Anh thuyền chài gõ mái chèo đuổi cá. Những tiếng quen thuộc ấy hôm nào chả có. Nhưng hôm nay hắn mới nghe thấy... Chao ôi là buồn !

– Vải hôm nay bán mấy?

– Kém ba xu, dì ạ !

– Thế thì còn ăn thua gì !

– Có khéo co mới được một tấm năm xu.

– Thật thế đấy. Nhưng chẳng lẽ rằng lại chơi...

Chí Phèo đoán chắc rằng một người đàn bà hỏi một người đàn bà khác đi bán vải ở Nam Định về. Hắn lại nao nao buồn, là vì mẩu

tuongxua.vn

chuyện ấy nhắc cho hắn một cái gì rất xa xôi. Hình như có một thời hắn đã ao ước có một gia đình nho nhỏ. Chồng cuốc mướn cày thuê. Vợ dệt vải. Chúng lại bỏ một con lợn nuôi để làm vốn liếng. Khá giả thì mua dăm ba sào ruộng làm.

Tỉnh dậy hắn thấy hắn già mà vẫn còn cô độc. Buồn thay cho đời! Có lí nào như thế được? Hắn đã già rồi hay sao? Ngoài bốn mươi tuổi đầu... Dẫu sao, đó không phải tuổi mà người ta mới bắt đầu sửa soạn. Hắn đã tới cái dốc bên kia của đời. Ở những người như hắn, chịu đựng biết bao nhiêu là chất độc, đày đọa cực nhọc, mà chưa bao giờ ốm, một trận ốm có thể gọi là dấu hiệu báo rằng cơ thể đã hư hỏng nhiều. Nó là một cơn mưa gió cuối thu cho biết trời gió rét, nay mùa đông đã đến. Chí Phèo hình như đã trông trước thấy tuổi già của hắn, đói rét và ốm đau, và cô độc, cái này còn đáng sợ hơn đói rét và ốm đau.

Cũng may thị Nở vào. Nếu thị không vào, cứ để hắn vẩn vơ nghĩ mãi, thì đến khóc được mất. Thị vào cắp một cái rổ, trong có một nồi gì đậy vung. Đó là một nồi cháo hành còn nóng nguyên. Là vì lúc còn đêm, thị trằn trọc một lát, thị bỗng nhiên nghĩ rằng : cái thằng liều lĩnh ấy kể ra thì đáng thương, còn gì đáng thương bằng đau ốm mà nằm còng queo một mình. Giá thử đêm qua không có thị thì hắn chết. Thị kiêu ngạo vì đã cứu sống cho một người. Thị thấy như yêu hắn : đó là cái lòng yêu của một người làm ơn. Nhưng cũng có cả lòng yêu của một người chịu ơn. Một người như thị Nở càng không quên được. Cho nên thị nghĩ : mình bỏ hắn lúc này thì cũng bạc. Dẫu sao cũng đã ăn nằm với nhau ! Ăn nằm với nhau như "vợ chồng". Tiếng "vợ chồng" thấy ngường ngượng mà thinh thích. Đó vẫn là điều mong muốn âm thầm của con người khốn nạn ấy chăng? Hay là sự khoái lạc của xác thịt đã làm nổi dậy những tính tình mà thị chưa bao giờ biết?

Chỉ biết rằng thị muốn gặp Chí Phèo, gặp hắn mà nhắc lại chuyện đêm qua thì chắc buồn cười lắm. Gớm ! Sao lại có thứ người đâu mà lì quá thế ! Người ta ngồi đấy mà dám xán lăn ngay vào, nó chả

ngang ngược mà người ta kêu bé, nó lại làm to hơn. Mà kể thì cũng ngù ngờ. Cái thằng trời đánh không chết ấy, nó còn sợ ai mà hòng kêu. Nhưng mà đáng kiếp. Thổ trận ấy thật là phải biết. Cứ gọi là hôm nay nhọc đừ. Phải cho hắn ăn tí gì thì mới được. Đang ốm thế thì chỉ ăn cháo hành, ra được mồ hôi thì là nhẹ nhõm người ngay đó mà... Thế là vừa sáng thị đã chạy đi tìm gạo. Hành thì nhà thị may lại còn. Thị nấu bỏ vào cái rổ, mang ra cho Chí Phèo.

Thằng này rất ngạc nhiên. Hết ngạc nhiên thì hắn thấy mắt hình như ươn ướt. Bởi vì lần này là lần thứ nhất hắn được một người đàn bà cho. Xưa nay, nào hắn có thấy ai tự nhiên cho cái gì. Hắn vẫn phải dọa nạt hay là giật cướp. Hắn phải làm cho người ta sợ. Hắn nhìn bát cháo bốc khói mà bâng khuâng. Thị Nở thì chỉ nhìn trộm hắn rồi lại toe toét cười. Trông thị thế mà có duyên. Tình yêu làm cho có duyên. Hắn thấy vừa vui vừa buồn. Và một cái gì nữa giống như là ăn năn. Cũng có thể như thế lắm. Người ta hay hối hận về tội ác khi không đủ sức mà ác nữa. Thị Nở giục hắn ăn nóng. Hắn cầm lấy bát cháo đưa lên mồm. Trời ơi cháo mới thơm sao! Chỉ khói xông vào mũi cũng đủ làm người nhẹ nhõm. Hắn húp một húp và nhận ra rằng : những người suốt đời không ăn cháo hành không biết rằng cháo hành ăn rất ngon. Nhưng tại sao mãi đến tận bây giờ hắn mới nếm vị mùi cháo?

truongxua.vn

Hắn tự hỏi rồi lại tự trả lời : có ai nấu cho mà ăn đâu? Mà còn ai nấu cho mà ăn nữa ! Đời hắn chưa bao giờ được săn sóc bởi một bàn tay "đàn bà". Hắn nhớ đến "bà ba", cái con quỷ cái hay bắt hắn bóp chân mà lại cứ bắt bóp lên trên, trên nữa. Nó chỉ nghĩ đến sao cho thỏa nó chứ có yêu hắn đâu. Hồi ấy hắn hai mươi. Hai mươi tuổi, người ta không là đá, nhưng cũng không toàn là xác thịt. Người ta không thích cái gì người ta khinh. Vả lại bị một con đàn bà gọi đến mà bóp chân ! Hắn thấy nhục hơn là thích, huống hồ lại sợ. Quả thật, từ khi biết rằng con vợ chủ sai hắn làm một việc không chính đáng, hắn vừa làm vừa run. Không làm thì không được; mọi việc trong nhà, quyền bà ba. Chứ hắn, hắn còn lòng nào đâu! Đến nỗi người đàn bà phát cáu. Bà thấy xa xôi không được phải làm đến nơi. Bà bảo hắn

rằng : "Mày thực thà quá ! Con trai gì hai mươi tuổi mà đã như ông già". Hắn vẫn giả vờ không hiểu. Bà lẳng lơ bảo : "Chả nhẽ tao gọi mày vào chỉ để bóp chân thế này thôi ư?...". Và thấy hắn dùng dằng, bà mắng xơi xơi vào mặt. Hắn chỉ thấy nhục, chứ yêu đương gì. Không, hắn chưa được một người đàn bà nào yêu cả, vì thế mà bát cháo hành của thị Nở làm hắn suy nghĩ nhiều. Hắn có thể tìm bạn được, sao lại chỉ gây kẻ thù?

Bát cháo húp xong rồi, thị Nở đỡ lấy bát cháo và múc thêm bát nữa. Hắn thấy đẫm mình bao nhiêu mồ hôi. Mồ hôi chảy cả trên đầu, trên mặt, những giọt to như giọt nước. Hắn đưa tay áo quệt ngang một cái, quệt mũi, cười rồi lại ăn. Hắn càng ăn, mồ hôi lại càng ra nhiều. Thị Nở nhìn hắn, lắc đầu, thương hại. Hắn thấy lòng thành trẻ con. Hắn muốn làm nũng với thị như với mẹ. Ôi sao mà hắn hiền, ai dám bảo đó là cái thằng Chí Phèo vẫn đập đầu, rạch mặt mà đâm chém người? Đó là cái bản tính của hắn, ngày thường bị lấp đi. Hay trận ốm thay đổi hắn về sinh lí cũng thay đổi cả tâm lí nữa? Những người yếu đuối vẫn hay hiền lành. Muốn ác, phải là kẻ mạnh. Hắn đâu còn mạnh nữa. Và có lúc hắn ngẫm mình mà lo. Xưa nay hắn chỉ sống bằng giật cướp và dọa nạt. Nếu không còn sức mà giật cướp, dọa nạt nữa thì sao? Đã đành, hắn chỉ mạnh vì liều. Nhưng hắn mơ hồ thấy rằng sẽ có một lúc mà người ta không thể liều được nữa. Bấy giờ mới nguy ! Trời ơi ! Hắn thèm lương thiện, hắn muốn làm hòa với mọi người biết bao ! Thị Nở sẽ mở đường cho hắn. Thị có thể sống yên ổn với hắn thì sao người khác lại không thể được. Họ sẽ thấy rằng hắn cũng có thể không làm hại được ai. Họ sẽ lại nhận hắn vào cái xã hội bằng phẳng, thân thiện của những người lương thiện. Hắn băn khoăn nhìn thị Nở, như thăm dò. Thị vẫn im lặng, cười tin cẩn. Hắn thấy tự nhiên nhẹ người. Hắn bảo thị :

– Giá cứ thế này mãi thì thích nhỉ?

Thị không đáp, nhưng cái mũi đỏ của thị như càng bạnh ra. Hắn thấy thế cũng không có gì là xấu. Bằng một cái giọng nói và một vẻ mặt rất phong tình theo ý hắn, hắn bảo thị :

– Hay là mình sang đây ở với tớ một nhà cho vui.

Thị lườm hắn. Một người thật xấu khi yêu cũng lườm. Hắn thích chí, khanh khách cười. Lúc tỉnh táo, hắn cười nghe thật hiền. Thị Nở lấy làm bằng lòng lắm. Bây giờ thì mấy bát cháo ý chừng đã ngấm. Hắn thấy lòng rất vui. (...)[*]

Chúng sẽ làm thành một cặp rất xứng đôi. Chúng cũng nhận thấy thế và nhất định là lấy nhau. Như thế năm ngày chẵn, thị ở nhà hắn cả ngày lẫn đêm, trừ những lúc đi kiếm tiền. Hắn không còn kinh rượu nhưng cố uống cho thật ít. Để cho khỏi tốn tiền, nhưng nhất là để tỉnh táo mà yêu nhau. Đàn bà không có men như rượu nhưng cũng làm người say. Và hắn say thị lắm. Nhưng thị lại là người dở hơi. Đến hôm thứ sáu, thì thị bỗng nhớ rằng thị có một người cô ở đời. Người cô ấy nội ngày nay sẽ về. Thị nghĩ bụng : hãy dừng yêu để hỏi cô thị đã.

Thấy thị hỏi, bà già kia bật cười. Bà tưởng cháu bà nói đùa. Nhưng chợt nhớ ra rằng cháu bà vốn dở hơi. Bà bỗng trở nên hoảng hốt. Bà nhục cho ông cha nhà bà. Cũng có lẽ bà tủi cho thân bà. Bà nghĩ đến cái đời dài dằng dặc của bà, không có chồng. Bà thấy chua xót lắm. Bà uất ức, uất ức với ai không biết. Nhưng rồi đổ cái uất ức ngay lên cháu bà ! Người đàn bà đức hạnh thấy cháu bà sao mà đĩ thế ! Thật đốn mạt. Ngoài ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Ngoài ba mươi tuổi... ai lại còn đi lấy chồng ! Ai đời lại còn đi lấy chồng ! Ừ ! Mà có lấy thì lấy ai chứ?... Đàn ông đã chết hết cả rồi hay sao, mà lại đâm đầu đi lấy một thằng không cha. Ai lại đi lấy thằng chỉ có một nghề là rạch mặt ra ăn vạ. Trời ơi ! Nhục nhã ơi là nhục nhã ! Hỡi ông cha nhà bà ! Bà gào lên như con mẹ dại. Bà xỉa xói vào mặt cái con cháu gái ba mươi tuổi mà chưa trót đời. Bà bảo phắt nó :

– Đã nhịn được đến bằng này tuổi thì nhịn hẳn; ai lại đi lấy thằng Chí Phèo !

(*) Lược bỏ mấy dòng (NBS).

Thị nghe thấy thế mà lộn ruột. Nhưng thị biết cãi bà làm sao? Con người ấy có quyền nói thế, bởi con người ấy năm mươi tuổi rồi, năm mươi tuổi còn ai lấy chồng. Thị biết cãi làm sao? Mà không cãi được thì giận dữ nổi lên đùng đùng. Thị tức lắm! Thị tức lắm! Thị cần đổ cái tức ấy lên một người. Thị ton ton chạy lên nhà nhân ngãi(31). Thị thấy hắn đương uống rượu, và vừa uống vừa lầm bầm chửi thị về nhà lâu. Hắn không quen đợi; bởi phải đợi, hắn lại lôi rượu, và uống cho đỡ buồn. Uống vào thì phải chửi, quen mồm rồi! Nhưng thị làm gì mà hắn chửi? Mà hắn có quyền gì chửi thị? Ồ thị điên lên mất! Thị giẫm chân xuống đất rồi lại nhảy cẫng lên như thượng đồng(32). Hắn thú vị quá, lắc lư cái đầu cười. Lại còn cười ! Nó nhạo thị. Trời ơi ! Thị điên lên mất, trời ơi là trời ! Thị chống tay vào háng, vênh vênh cái mặt, và dớn cái môi vĩ đại lên, trút vào mặt hắn tất cả lời bà cô. Hắn nghĩ ngợi một tí rồi hình như hiểu, hắn bỗng nhiên ngẩn người. Thoáng một cái, hắn lại như hít thấy hơi cháo hành. Hắn cứ ngồi ngẩn mặt, không nói gì. Thị trút xong giận rồi. Cái mũi đỏ của thị dị xuống rồi lại bạnh ra. Thị hả hê lắm lắm. Thị ngoay ngoáy cái mông đít đi ra về. Hắn sửng sốt, đứng lên gọi lại. Ai mà thèm lại ! Còn muốn lôi thôi cái gì? Hắn đuổi theo thị, nắm lấy tay. Thị gạt ra, lại giúi thêm cho một cái. Hắn lăn khoèo xuống sân. Đã lăn ra thì hắn phải kêu : bao giờ chả thế. Hắn nhặt một hòn gạch vỡ, toan đập đầu. Nhưng hình như hắn chưa thật say. Vì hắn nghĩ : đập đầu ở đây chỉ thiệt; đập đầu ở đây, để mà nằm ăn vạ ai? Hắn tự phải đến cái nhà con đĩ Nở kia. Đến để đâm chết cả nhà nhà nó, đâm chết cái con khọm già nhà nó. Nếu không đâm được, lúc ấy hãy đập đầu ra kêu làng. Muốn đập đầu, phải uống thật say. Không có rượu, lấy gì làm máu cho nó chảy ! Phải uống thêm chai nữa. Và hắn uống. Nhưng tức quá, càng uống lại càng tỉnh ra. Tỉnh ra, chao ôi, buồn ! Hơi rượu không sặc sụa, hắn cứ thoang thoảng thấy hơi cháo hành. Hắn ôm mặt khóc rưng rức. Rồi lại uống. Rồi lại uống. Hắn uống đến say mềm người rồi hắn đi. Hắn ra đi với một con dao ở thắt lưng. Hắn lảm nhảm : "Tao phải đâm chết nó !". Nhưng hắn lại cứ thẳng đường mà đi. Cái gì đã làm hắn quên rẽ vào nhà thị Nở? Những thằng điên

thuongmaitr

và những thằng say rượu không bao giờ làm những cái mà lúc ra đi chúng định làm.

Trời nắng lắm, nên đường vắng. Hắn cứ đi, cứ chửi, cứ dọa giết "nó", và cứ đi. Bây giờ đến ngõ nhà cụ bá. Hắn xông xông đi vào. Cả nhà đi làm đồng vắng, chỉ có mình cụ bá đang nằm nghỉ trưa. Nghe tiếng hắn, cụ thấy sao bực mình ! Chính thật thì cụ đã đang bực mình. Bởi vì cụ thấy đầu hơi nhức. Cụ đang muốn có một bàn tay man mát xoa cái đầu. Cũng có lẽ, cụ chỉ muốn bà tư đừng đi lâu quá thế. Đi lâu thế, không biết rằng đi đâu? Sao bà ấy còn trẻ quá ! Gần bốn mươi rồi mà trông còn phây phây, còn phây phây quá đi nữa ! Cụ năm nay đã ngoài sáu mươi. Già yếu quá, nghĩ mà chua xót. Giá thế thì bà ấy chỉ cũng già cho xong. Bà ấy lại cứ trẻ, cứ phây phây, cứ đẹp như mới ngoài hai mươi tuổi, mà sao đa tình. Nhìn thì thích nhưng mà tưng tức lạ. Khác gì nhai miếng thịt bò lựt sựt khi rụng gần hết răng. Mắt bà, miệng bà, có duyên, nhưng trông đĩ lắm ! Hơi một tí thì cười toe toét, tít cả mắt lại, cái má thì hây hây. Mà thấy ghét những thằng trai trẻ, giá làm con bà không đáng, mà thấy bà đâu cũng đùa. Chúng đùa nhạt như nước ốc, chỉ được cái thô tục, mà gặp ai đâu cũng cười! Chẳng nghĩ gì đến địa vị cả, người đâu mà vô tâm! Tức lạ! Cụ chỉ muốn cho tất cả những thằng trai trẻ đi ở tù... Những lúc như thế, thì một người dẫu khôn ngoan cũng không bình tĩnh được. Nhất là khi trông thấy một thằng chỉ đến vòi tiền uống rượu như Chí Phèo. Tuy vậy, cụ cũng móc sẵn năm hào. Thà móc sẵn để tống nó đi cho chóng. Nhưng móc rồi, cụ cũng phải quát một câu cho nhẹ người :

– Chí Phèo đấy hở? Lè bè vừa vừa chứ, tôi không phải là cái kho.

Rồi ném bẹt năm hào xuống đất, cụ bảo hắn :

– Cầm lấy mà cút, đi đi cho rảnh. Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?

Hắn trợn mắt, chỉ vào mặt cụ :

– Tao không đến đây xin năm hào.

Thấy hắn toan làm dữ, cụ đành dịu giọng :

tuongxua.vn

– Thôi, cầm lấy vậy, tôi không còn hơn.

Hắn vênh cái mặt lên, rất là kiêu ngạo :

– Tao đã bảo tao không đòi tiền.

– Giỏi! Hôm nay mới thấy anh không đòi tiền. Thế thì anh cần gì?

Hắn dõng dạc :

– Tao muốn làm người lương thiện.

Bá Kiến cười ha hả :

– Ồ tưởng gì ! Tôi chỉ cần anh lương thiện cho thiên hạ nhờ.

Hắn lắc đầu :

– Không được! Ai cho tao lương thiện? Làm thế nào cho mất được những vết mảnh chai trên mặt này? Tao không thể là người lương thiện nữa. Biết không! Chỉ có một cách... biết không!... Chỉ còn một cách là... cái này! Biết không!...

Hắn rút dao ra, xông vào. Bá Kiến ngồi nhỏm dậy, Chí Phèo đã văng dao tới rồi. Bá Kiến chỉ kịp kêu một tiếng. Chí Phèo vừa chém túi bụi vừa kêu làng thật to. Hắn kêu làng, không bao giờ người ta vội đến. Bởi thế khi người ta đến thì hắn cũng đã đang giãy đành đạch ở giữa bao nhiêu là máu tươi. Mắt hắn trợn ngược. Mồm hắn ngáp ngáp, muốn nói, nhưng không ra tiếng. Ở cổ hắn, thỉnh thoảng máu vẫn còn ứ ra.

*

* *

Cả làng Vũ Đại nhao lên. Họ bàn tán rất nhiều về vụ án không ngờ ấy. Có nhiều kẻ mừng thầm. Không thiếu kẻ mừng ra mặt. Có người nói xa xôi : "Trời có mắt đấy, anh em ạ !". Người khác thì nói toạc : "Thằng nào chứ hai thằng ấy chết thì không ai tiếc ! Rõ thật bọn chúng giết nhau, nào có phải cần đến tay người khác đâu". Mừng nhất là bọn kì hào ở trong làng. Họ tuôn đến để hỏi thăm, nhưng chính là để nhìn lí Cường bằng những con mắt thỏa mãn và khiêu khích. Đội Tảo, không cần kín đáo, nói toang toang ngay ngoài chợ

thuongmaitr

trước mặt bao nhiêu người : "Thằng bố chết, thằng con lớp này không khỏi người ta cho ăn bùn". Ai chả hiểu "người ta" đó là chính ông. Bọn đàn em thì bàn nhỏ : "Thằng mọt già ấy chết, anh em mình nên ăn mừng". Những người biết điều thì hay ngờ vực; họ chép miệng nói : "Tre già măng mọc, thằng ấy chết, còn thằng khác, chúng mình cũng chẳng lợi tí gì đâu".

Bà cô thị Nở chỉ vào tận mặt cháu mà đay nghiến :

– Phúc đời nhà mày, con nhé. Chả ôm lấy ông Chí Phèo.

Thị cười và nói lảng :

– Hôm qua làm biên bản, lí Cường nghe đâu đã tốn gần một trăm. Thiệt người lại thiệt của.

Nhưng thị nghĩ thầm :

– Sao có lúc nó hiền như đất.

Và nhớ lại những lúc ăn nằm với hắn, thị nhìn trộm bà cô, rồi nhìn nhanh xuống bụng :

tuongxua.vn

– Nói dại, nếu mình chửa, bây giờ hắn chết rồi, thì làm ăn thế nào?

Đột nhiên thị thấy thoáng hiện ra một cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua...

(*Nam Cao – Tác phẩm*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1977*)

Chú thích

(*) Có tham khảo *Đôi lứa xứng đôi*, in lại trong *Nam Cao - đời văn và tác phẩm*, Hà Minh Đức, NXB Văn học, Hà Nội, 1998.

(1) *Phó cối :* người làm nghề đóng (hoặc sửa chữa) cối xay ở nông thôn (*phó* là tiếng thường dùng để gọi người làm trưởng một nhóm thợ ở nông thôn hoặc không làm trưởng nhưng có tay nghề cao : *phó may, phó mộc, phó nề*...). (2) *Canh điền :* người cày ruộng, thợ cày; thường nói về người đầy tớ nhà giàu khỏe mạnh, chuyên đi cày. (3) *Quyền thu quyền bổ* (cũng như *quyền thu quyền phát*) : nắm quyền thu chi, quyền sử dụng tiền của. (4) *Săng đá* (hoặc *sắng đá*) : có lẽ từ tiếng Pháp *xônđa* (*soldat* : người lính); có thể hiểu là lính tẩy. (5) *Lí trưởng :* người đứng đầu chính quyền trong làng, xã. (6) *Chánh tổng :* người đứng đầu chính quyền một tổng (đơn vị hành chính nông thôn, gồm nhiều làng, xã dưới cấp huyện). (7) *Thanh động :* làm

ồn ào. (8) *Cố hữu* : vốn có sẵn từ trước rất lâu. (9) *Tổng lí* : nói khái quát đám người chức quyền trong làng, tổng. (10) *Độc lực* : sức một mình. (11) *Bá hộ* : phẩm hàm do chính quyền tặng cho hào lí hoặc kẻ giàu có ở nông thôn ngày xưa. (12) *Tiên chỉ* : người đứng đầu ngôi thứ trong một làng. (13) *Chánh hội đồng* : người đứng đầu hội đồng hương chính trong làng (thường gọi tắt là *chánh hội*). (14) *Kì hào* : những người có địa vị, thế lực ở làng xã. (15) *Huyện hào* : chức vị người chánh tổng đứng đầu hàng chánh tổng trong một huyện (có nơi, chức này gọi là *cán huyện*). (16) *Bắc Kì nhân dân đại biểu* : nghị viên trong Viện dân biểu Bắc Kì (một thứ nghị viện bù nhìn do thực dân Pháp bày đặt ra), trước đó gọi là Bắc Kì tư vấn nghị viên. (17) *Róc đời* : hết sức khôn ngoan trong đối xử ở đời. (18) *Quần ngư tranh thực* : đàn cá tranh ăn. (19) *Già néo đứt dây* (tục ngữ) : làm căng quá, không chịu nhân nhượng, thì sẽ hỏng việc. (20) *Có máu mặt* : chỉ người có của, có thế. (21) *Tứ cố vô thân* (thành ngữ) : nhìn bốn bề không người thân thích. (22) *Phe nghịch* : phe đối địch. (23) *Lí hào* (hoặc *hào lí*) : những người có chức quyền trong làng xã. (24) *Bạt mạng* : liều mạng. (25) *Triện đồng* : con dấu bằng đồng (ban đầu, con dấu thường khắc chữ Nho kiểu chữ triện). Ở đây, nói *tranh triện đồng* có nghĩa là tranh chức lí trưởng, chánh tổng. (26) *Trời tru đất diệt* : trời đất tiêu diệt để trừng phạt. (27) *Tào Tháo* : nhân vật thời Tam quốc (Trung Hoa), khét tiếng gian hùng. (28) *Vỗ tuột* : phủ nhận trắng trợn một trách nhiệm, lời hứa, món nợ... (29) *Án mạng* : vụ phạm tội làm chết người. (30) *Tác quái* : làm điều ngang ngược quá quắt tới quái gở. (31) *Nhân ngãi* : như *nhân tình*. (32) *Thượng đồng* : lên đồng (một nghi lễ mê tín), lúc hồn người chết (hoặc thần linh) nhập vào con đồng, con đồng thường múa may và phán truyền điều này điều nọ.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

*1. Nỗi khổ gì của người nông dân trong xã hội đương thời được Nam Cao đi sâu thể hiện trong **Chí Phèo**? So với **Tắt đèn** của Ngô Tất Tố (đã học ở lớp 8), **Chí Phèo** có gì mới trong việc phản ánh số phận đau thương của người nông dân bị áp bức?*

2. Trong truyện có một đoạn kể về các nhân vật ngang ngược ở làng Vũ Đại (Năm Thọ, binh Chức) trước khi Chí Phèo xuất hiện; truyện lại kết thúc bằng chi tiết : thị Nở khi nghe tin Chí Phèo chết đã "nhìn nhanh xuống bụng" và đột nhiên "thấy thoáng hiện ra cái lò gạch cũ bỏ không, xa nhà cửa, và vắng người lại qua...". Những chi tiết đó nói lên điều gì?

3. Việc gặp gỡ thị Nở đã có ý nghĩa như thế nào đối với Chí Phèo? Những gì đã diễn ra trong tâm hồn Chí Phèo sau cuộc gặp gỡ đó?

Phân tích tâm trạng Chí Phèo sau khi bị thị Nở từ chối đã uống rượu xách dao đi giết chết bá Kiến và tự sát. Vì sao Chí Phèo có hành động dữ dội bất ngờ đó?

4. Qua hình tượng Chí Phèo và bá Kiến, hãy tìm hiểu nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nam Cao (chú ý việc khắc họa cá tính và diễn tả tâm lí nhân vật).

5. Đặc sắc của ngòi bút Nam Cao trong việc tổ chức, sắp xếp, dẫn dắt truyện và trong sử dụng ngôn ngữ (ngôn ngữ kể chuyện của tác giả và ngôn ngữ nhân vật).

ĐỌC THÊM

MỘT ĐÁM CƯỚI

NAM CAO

uongxua.vn

Tiểu dẫn

Truyện ngắn *Một đám cưới* in lần đầu trên báo *Tiểu thuyết thứ bảy* loại mới, số 3, tháng 8–1944. Với câu chuyện rất mực chân thực, cảm động về một đám cưới chạy... đói ở nông thôn đương thời, Nam Cao đã làm nổi bật lên tình cảnh khốn cùng của người nông dân lao động triền miên trong bần cùng hóa, đang đứng trước vực thẳm của nạn đói. Đồng thời, truyện cũng toát lên vẻ đẹp tâm hồn giản dị mà cao quý của những con người đói rách ấy, tiêu biểu nhất là nhân vật Dần. Truyện mang không khí ảm đạm buồn thảm của đói kém, chia lìa, nhưng lại có cái ấm áp cảm động của tình yêu thương đùm bọc trong một gia đình nông dân nghèo, của sự chia sẻ cảm thông giữa những người nghèo trong cơn vận hạn.

Một đám cưới là một trong những truyện tiêu biểu của nhà văn Nam Cao.

*

* *

Dần thức dậy thì trong nhà còn tối om. Đêm tháng chạp trời lâu sáng. Thật ra thì gà gáy đã lâu. Tiếng gà gáy xôn xao. Và óc Dần còn lưởng vưởng một ý nhớ mơ hồ, giống như khi người ta nhớ lại những chốn mình đã qua trong một giấc chiêm bao : Dần chưa tỉnh hẳn ra, Dần đã thấy những

tiếng gà gáy rất mong manh, rất xa xôi vẳn lên trong giấc ngủ nửa mê nửa tỉnh. Rồi thì Dần tỉnh hẳn. Có lẽ do một tiếng gáy ngắn nhưng đã vang động lắm. Ấy là một con gà có sức, Dần phác lại trong tưởng tượng cái hình dung lộc ngộc của nó, lắc cắc và vụng dại như một anh con trai mười sáu tuổi, đôi chân cao, cái cổ trần ngất nghểu, cái mào đỏ khè mới hơi nhu nhú, cái đuôi cụt ngủn. Anh chàng rất hay sang nhà nó tãi gio, tãi rác, khiến nó bực mình đã mấy lần toan vụt chết.

Dần nhỏm dậy. Nó sờ soạng ra khỏi cái ổ rơm rồi đi thẳng ra ngoài. Bên ngoài mịt mù sương. Khí lạnh sắc như dao. Dần rùng mình và hắt hơi mấy cái luôn. Nó thấy cần phải động đậy ngay, cần phải làm ngay một việc gì cho nóng người : đã rét mà lại còn đứng co ro thì chỉ càng tổ rét. Nó mải mốt vơ lấy cái chổi để quét sân, quét ngõ. Việc quét tước ấy, chẳng sáng nào nó quên làm, dù sân nhà có bẩn hay không. Ấy là một thói quen cũng như cái thói quen dậy từ lúc hãy còn đêm. Nết chăm chỉ ấy, nó học được mấy năm đi ở.

Dần đi ở từ năm chửa mười hai. Khi ấy, đầu nó còn để hai trái đào. Nó mới biết cầm vững cái chổi để quét nhà và thổi một niêu cơm con con không sống, không khê. Mẹ nó vốn nghèo từ trong trứng nghèo ra, nên hay liệu, hay lo. Thị nghĩ rằng : con mình đã lớn rồi, phải uốn nắn ngay đi; nhà mình vườn ít, ruộng không, cửi vải cũng không, nghĩa là công việc chẳng có gì; nó ở nhà cũng chỉ chơi; để mặc nó lêu lổng chạy ra ngoài đường, đánh chắt, đánh ô[1], rồi nó hư thân; chi bằng cho nó đi ăn đi ở với người ta, để người ta bắt nó cất nhắc việc nọ, việc kia cho nó quen tay; có việc làm rồi mới biết việc mà làm, chỉ nhông nhổng chơi quen, đến lúc phải làm tất gờ guộng chân tay[2] chẳng đánh đổ cái này cũng đánh vỡ cái kia, cái thứ con gái mà cầm đến cái gầu không biết tát làm sao, đưa cho đám mạ không biết cấy thế nào, bảo ngồi lên khung cửi nhắc lấy cái thoi thì lúng ta lúng túng, là thứ con gái đáng cho hùm ăn thịt. Thị nhất định cho Dần đi ở để học cho quen công việc cửi vải, ruộng vườn, sau này độ cái thân[3] : ấy là cái lợi xa xôi. Nhưng lại còn cái lợi nhãn tiền[4] : nhà đỡ một miệng ăn. Nếu bớt được mỗi ngày vài lẻ gạo, thì ít ra các em Dần cũng được no hơn. Rồi có được đồng công nào cũng là hay. Mà chẳng được thì mỗi năm người ta cũng thí bỏ cho cái quần, cái áo. Bố mẹ, nếu chẳng được nhờ con thì cũng chẳng còn phải lo lắng gì vào thân nó.

Dần đi ở. Nó ở cho nhà bà Chánh Liễu. Nhà bà Chánh dệt chín mười khung cửi. Bà thuê Dần, với hai con bé nữa, để chúng dọn vặt và trông nom ống suốt. Năm đầu, công cả năm có một đồng, với một cái áo cánh vải to, một cái quần sồng[5], một cái thắt lưng. Nhưng nếu chịu khó và ngoan thì bà sẽ cho hơn. Còn cái sự ăn (bà giao hẹn cả với người ta vì tính bà rất phân minh)[6] thì bà cũng không dám nói chắc rằng đói hay no; bởi vì tiếng rằng giàu, nhưng nhà bà cũng cơm chia : sáng mỗi người một lùm; trưa, ba

lượt thật đầy; tối, củ khoai, củ ráy, bụng trẻ con, như vậy, thì có lẽ cũng không phải đói. Mẹ Dần cho như thế đã là hậu quá. Bởi vì thật ra, ở nhà Dần, Dần có được ăn ba bữa thế đâu? Mỗi ngày, chỉ bữa trưa. Mà hiếm họa lắm mới có bữa được mỗi người ba vực chặt[7]. Thường thường là hai vực, hơn hai vực. Có khi một. Cũng có khi chẳng vực nào, phải ăn ráy, ăn khoai trừ bữa. Thế mà Dần chịu được, thì vào nhà bà Chánh, cố nhiên là Dần chịu được. Dần sung sướng là khác nữa. Con người ta, có cơm vào là có da, có thịt ngay. Chẳng lâu đâu. Người mẹ nghĩ và mừng. Thị chắc chỉ vài ba tháng sau, nếu Dần được một ngày rỗi rãi về chơi với các em, cả nhà sẽ ngạc nhiên thấy nó béo như con cun cút[8]. Mà trắng, mà đẹp, mà lành lặn, ra phết cô con gái lắm !...

Mơ ước hão! Bởi vì ít lâu nay, Dần có về thật, nhưng nó vẫn gầy như một cái que. Nó khóc hu hu. Nó đòi ở nhà với các em, muốn cho ăn thế nào thì cho, muốn bắt làm gì thì bắt, chỉ đừng bắt nó ở cho nhà bà Chánh nữa. Cơm nhà giàu khó nuốt. Ăn của họ mà không làm lợi cho họ được thì họ làm cho đến phải mửa ra mà giả họ. Dần chân yếu tay mềm lắm. Nó thà nhịn đói mà ở cửa, ở nhà còn hơn. Mẹ Dần nhất định không nghe. Thương con thì để bụng. Nuông con thà giết con đi. Trẻ con, đứa nào chả thích ở nhà với bố, với mẹ để chẳng người nào động đến thân? Đi ở cho nhà người ta, ăn cơm của người ta, lấy công của người ta, thì cố nhiên là phải làm cho đáng cơm, đáng công của người ta. Làm không được, người ta thiệt thì người ta xót. Người ta xót thì người ta phải nói. Nói, mình nghe thì chớ, không nghe thì người ta phải chửi, phải đánh. Người ta đánh chửi cho là phúc nhà mình đấy: không đánh, không chửi, sao có nên thân người được?... Thị bảo Dần: "Mày có hư thì người ta mới đánh; đánh thế chứ đánh nữa tao cũng không thương chút nào; mày muốn sống thì về nhà bà Chánh mà ở, không về thì đi đâu mặc kệ! Tao không chứa, tao không lấy gì nuôi được mày...".

Hỡi ôi! Người mẹ rất đáng thương của Dần chết đến hôm nay đã quá một năm rồi. Nghĩ đến mẹ lúc nào, Dần cũng ngậm ngùi. Bởi vì bà nói thế, nhưng bà chẳng nghĩ thế đâu. Khi đã cố làm ra mặt hắt hủi để cho Dần chịu đi rồi, bà ôm mặt khóc hu hu. Bà bảo chồng rằng : "Nghĩ đến con lúc nào thì thương con đứt ruột. Nhưng biết làm sao? Trời bắt tội mình nghèo. Nó ở nhà mình thì ăn cũng chẳng bao giờ được bữa no. Đã đành ăn không no, nó cũng còn sướng hơn ở nhà bà Chánh, được ăn no. Nhưng mình liệu có nuôi được nó suốt đời không? Rồi chỉ vài ba tuổi nữa, có ai thương đến nó, xin nó cho con nhà người ta, mình đừng gả hay sao? Về nhà chồng thổi cơm không chín, quét nhà chẳng nên thì liệu người ta có khỏi đào ông, bới cha không? Và lại cái đời nó còn dài. Không bắt nó ép mình, ép xác[9] cho quen, rồi khổ ngay vào chính cái thân của nó. Mình nghĩ đến nó nhiều chứ có phải bắt nó đi ở để hòng được lợi mỗi năm một vài đồng bạc công đâu?".

tuongxua.vn

Bố Dần chẳng nói sao. Ông chỉ thở dài. Nhưng ông cũng ngơ ngẩn hàng ngày, hàng buổi như nhớ con lắm. Về sau, các em Dần lại kể với Dần như thế, nên Dần mới biết. Dần không muốn làm khổ cha mẹ nữa, nên khổ đến chết cũng đành cắn răng mà chịu, không dám khóc lóc đòi về. Lâu dần rồi nó cũng quen đi. Cái sự khổ thì bao giờ cũng thế thôi. Nhưng khi người ta đã nhất định chịu, thì khổ thế nào mà không chịu được.

Dần ở cho nhà bà Chánh Liễu đúng hai năm. Nó mới về nhà từ dạo đầu giêng. Vụ mùa năm ngoái, mẹ Dần đi tả mấy cơn, rồi lại không chịu kiêng khem, cứ đi làm; mưa nắng nhiễm vào người – mà sức một người vừa mới ốm xong còn được bao nhiêu? – thị phải lại[10] một trận kịch liệt rồi thì chết. Thành thử nhà chỉ còn một bố, là đàn ông, với hai đứa trẻ con, vắt dỉ mũi chưa được sạch[11] : chúng nó chưa biết làm gì cả. (Hai đứa áp với Dần, giá trời để cho chúng nên người thì bây giờ đã đứa thổi được nồi cơm, đứa quét được cái nhà; nhưng một năm xưa, hai đứa lên đậu cách nhau có vài ngày, rồi chết, cũng cách nhau có vài ngày). Bố Dần cố đợi hết năm, đến nói với bà Chánh Liễu xin cho con gái mình về. Dần ở nhà coi sóc các em, chăm mấy sào vườn bòn bán, nhặt nhạnh để cho bố đi làm. Bốn bố con lịu nhịu nuôi nhau. Con nhà nghèo thường sớm biết, sớm khôn. Dần mới mười lăm mà đã quán xuyến[12] được mọi việc trong nhà, biết suy tính, biết liệu lo, chẳng kém gì một người nội trợ đã sành sỏi lắm.

Nhưng ông trời hình như không muốn cho bố con Dần ngóc đầu lên. Cuộc sống mỗi ngày một khó thêm. Gạo kém, thóc cao[13]. Ngô, khoai cũng khó chuốc[14] được mà ăn. Thậm chí đến hạt muối cũng sinh ra hiếm nốt : mua một vài xu chẳng hàng nào chịu bán. Đồng tiền thành ra rẻ quá. Công làm tuy có cao hơn, nhưng chẳng thấm vào đâu. Trước kia, mỗi người làm mỗi ngày được hào rưỡi thì đã gần đủ cả nhà ăn; bây giờ mỗi ngày được ba hào, tiền gấp hai, nhưng nếu đem đong gạo thì chưa bằng một góc ngày xưa, thành thử một người ăn cũng hết. Ngày làm đã vậy, còn ngày nghỉ : có phải ngày nào cũng có người thuê đâu? Đã thế lại còn bão, lại còn lụt, rồi lụt chán, đến vụ chiêm lại giở trò đại hạn. Rồi những nhà giàu, chúng không thể chôn bạc giấy, nhất định để thóc mọc mầm trong nhà chứ không chịu bán. Gạo cứ mỗi ngày một giá. Không biết rồi làm gì ra tiền mà đong?

Một đêm, sau khi đã than thở với con hết quá một trống canh rồi, bố Dần thở dài bảo con rằng :

– Cơ cực này, nếu còn ở nhà, rồi đến chết đói cả lũ mà thôi. Bây giờ mà còn thế, đến tháng hai, tháng ba này còn khổ đến đâu? Bố con mình có thân thì phải liệu dần đi. Cũng chẳng còn mấy ngày nữa mà đã tết, thôi thì ta cũng cố mà chịu vậy qua giêng rồi sẽ tính.

– Thầy bảo : con tính thế nào? Nhà mình thì chỉ cố làm thuê. Thời vụ[15] lại hết rồi. Qua giêng, con chắc mười ngày nghỉ, chưa chắc có một ngày có việc.

thuongmaitr

– Ấy thế mình mới lại càng cần phải tính. Nếu có việc thì còn phải lo gì nữa? Chẳng được cơm thì cũng được cháo, miễn là không chết lả... Nhưng không có việc !... Cho nên tao định lên rừng một chuyến.

– Eo ôi !

– Việc gì mà "eo ôi?". Bây giờ người ta đi như đi chợ. Nghe nói trên ấy làm ăn còn dễ. Làng ta, về cánh nhà ông trương Huấn đấy, họ đi tất cả bằng ấy anh em, mà anh nào về cũng có tiền.

– Tiền rừng, bạc bể chả dễ nuốt được đâu. Vô phúc mà ngã nước[16] một chuyến thì lại được !...

– Thì chỉ đến chết là cùng, chứ gì? Còn hơn ngồi nhà mà chết đói. Thế mày bảo : không liều thân đi như thế, thì còn xoay xấp gì để kiếm ra tiền được nữa, nào?

Ồ, mà đúng như vậy thật. Dần chẳng còn biết đáp sao được nữa. Nó đành lẳng lặng. Câu chuyện ngắt ra vài phút. Trong khi ấy, cả hai đều nghĩ ngợi. Dần bỗng hỏi :

– Cả chúng con cũng đi à?

– Không. Tao hãy đi một mình trước, xem sao.

Dần vội kêu lên :

– Chịu thôi ! Chúng con chả dám ở nhà đâu. Đêm hôm có ba đứa trẻ ranh !...

uongxua.vn

Nó sợ nắm gạo hay củ ráy, củ khoai cũng không giữ được mà ăn. Nhưng thầy nó bảo :

– Tao đã liệu chỗ ấy rồi. Vườn đất với các em, tao sẽ nhờ chú Lữ trông nom. Bòn bán thế nào chẳng đủ cho hai đứa chúng nó ăn. Mà không đủ thì tao đến...

Còn nó? Chắc thầy nó lại định cho nó đi ở cho nhà bà Chánh Liễu hay nhà nào khác đây. "Thì cũng được ! ...", Dần nghĩ vậy. Cái thân nó, nào nó có cần gì? Nhưng nghĩ đến cảnh nhà tan tác mà buồn. Rồi đây bố một nơi, con một nẻo, chị em mỗi đứa nhờ vả một người... Nó đã sắp nói một lời gì để can cha, thì cha đã bảo :

– Còn mày thì tao cho người ta cưới.

Chuyện cưới xin khiến Dần thẹn thẹn. Thành thử nó lại không tìm được câu gì để nói. Vẫn người bố nói :

– Thôi thì trước sau cũng một lần. Có rùi gắng[17] cũng chẳng rùi gắng được bao nhiêu. Mắc cái người ta xin cưới mấy lần rồi. Tao khất mãi để cho hết tang bu mày đã; nhưng người ta nhất định xin lo trước. Chết cái con gái người ta cũng sắp cưới rồi : nhà người ta cũng neo người; không cưới mày về thì ngay đứa sai vặt cũng không có nữa. Vả lại chỗ người ta

với mình, không lẽ thế nào? Người ta ăn ở phải thì mình cũng phải ăn ở phải. Thấy người ta nói mãi, tao cũng nể.

Dần tức tối :

– Nể! Nể cái gì! Thầy cứ bảo rằng : mẹ con chết đi rồi, hai em thì còn dại, chỉ có con hơi lớn một tí phải ở nhà để thổi cơm, nấu nước.

– Thì tao vẫn bảo người ta thế. Nhưng người ta không chịu.

– Không chịu là không chịu thế nào? Quyền còn ở mình...

– Thì vẫn là quyền còn ở mình! Cho nên người ta có dám bắt mình đâu? Người ta chỉ cố nài. Người ta nói khó với mình. Tao thề với mày : hai ba lần bà ấy không khóc với tao, tao chết ! Rồi bà ấy lạy. Bà ấy bảo : "Thế này này, ông ạ : ông cũng khổ, nhưng tôi còn khổ hơn ông, thầy cháu chết đi, tôi chỉ được có mình cháu là con trai, ông cố thương tôi...". Như thế thì tao còn biết từ chối người ta thế nào cho tiện?

Rồi thầy Dần nói nhỏ :

– Mấc cái lúc mẹ mày nằm xuống(18), nhà không còn một đồng xu nào, không còn vớ víu vào đâu được, tao đã nhận của người ta hai mươi đồng bạc cưới. Ý người ta định đưa tiền trước thế, rồi xin cưới ngay cuối năm, năm ngoái. Tao phải khất. Nhưng không lẽ khất lần người ta mãi? Người ta lại tưởng mình có ý lừa lọc gì người ta chăng. Hôm nọ người ta lại đến xin lần nữa. Họ xin đến tháng giêng... Nhưng từ giờ đến tháng giêng có là bao? Đằng nào mày cũng phải đi, mà mày đi thì tao không làm thế nào vừa trông coi các em mày vừa đi làm được. Cho nên tao nhất định mang gửi chúng nó, rồi lên rừng một chuyến. Kiếm ăn được, tao sẽ đem chúng nó đi. Định thế, nên tao bảo người ta :"Nếu bà nhất định lo, thì tôi cho lo ngay dạo trong năm". Người ta có hỏi tao : "Ông đã thương... trước nữa là thương cháu, sau nữa là thương tôi, mà rộng cho như thế, thật cũng là phúc nhà chúng tôi lắm lắm. Tình cảnh nhà tôi, chắc ông cũng chẳng còn lạ gì. Chúng ta cùng là cái chỗ nghèo hèn, thì con cái chúng ta lại làm bạn với nhau. Vậy ông định may vá cho cháu thế nào, ăn tiêu thế nào, thì ông cho chúng tôi biết để chúng tôi lo". Tao nghĩ nát ruột cũng không biết trả lời thế nào cho tiện. Vải giấy như vải giấy năm nay!... Xin ít thì không biết may gì. Chỉ một bộ quần áo cánh vải to cũng phải non ba chục. Mà xin nhiều thì mang tiếng; với lại người ta lấy gì mà đưa cho mình được? Vay công vay nợ lắm vào thì về sau lại chỉ khổ chúng mày. Tao phải bảo người ta : muốn may cho mày thế nào thì may lấy, tao không dám nhận. Bà ta bảo : "Ta với ta, chẳng nói gì ông cũng rõ : cái lúc khó khăn thế này, mười nhà họa mới có một nhà có tiền mà may mặc, còn thì chỉ quần manh, áo vá, đeo dây, quấn rợ; chắc ở nhà ông thì cũng thế, mà nhà tôi thì cũng vậy. May quần chùng áo dài cho cháu, bất quá, chỉ mặc một ngày cưới mà thôi, rồi cũng bằng để đấy, cảnh nhà chúng ta thì còn hội hè đình đám gì mà phải sắm

quần chùng áo dài kia chứ?... Vậy ông đã dạy thế, thì tôi xin may cho cháu một bộ quần áo vải, quần áo cánh thôi, để cháu nó mặc đi làm ấy; còn hôm cưới, nếu cháu nó chưa có áo chùng, thì tôi xin đưa cái áo chùng của tôi cho nó mặc, cho nó qua cái ngày ấy, kẻo cháu nó là trẻ con nó lại tủi thân chăng. Rồi từ hôm sau mà đi lại cứ quần áo đụp, đem ra mà mặc. Cái áo dài lại cất đi. Ấy, nhà có một mẹ, một con, chỉ một cái áo dài là đủ chán! Mẹ đi đâu mẹ mặc; con đi đâu con mặc. Việc may mặc cho cháu thế cũng là tàm tạm được. Còn ý ông định ăn uống thế nào, xin cho biết". Người ta nói thế là có ý hỏi mình có cần cau, rượu, tiền nong gì nữa hay không? Tao nghĩ cũng chẳng nên xin thêm nữa. Mình cất lấy hai chục đồng bạc của người ta, hơn một năm, có đến năm rưỡi trời rồi. Vả lại còn đang có trở[19] bu mày, cũng nên làm vụng làm trộm, miễn là xong việc thì thôi. Vậy họ đương[20], anh em, tao nhất định chẳng bảo ai. Đằng nhà trai cũng vậy. Bà ấy đã thú thật rằng : phải biện[21] năm, ba cỗ thế nào, về đằng họ nhà gái, thì xin biện; chứ đằng họ nhà bà ấy, tịnh không mời người nào cả. Bởi việc phải lo thì lo, chứ thật ra một tí gì cũng vào công nợ cả. Công nợ lắm thì về sau chỉ chết chúng mày, chứ chết ai? Vì thế, nên tao bảo : "Bà ạ, dẫu rằng "Vui thì vui cả triều đình, Chẳng vui, vui thể một mình vui chi?". Đằng nhà trai, bà còn không muốn bảo ai, thì đằng nhà gái bây giờ đang còn tang mẹ cháu, tôi cũng chẳng bảo ai sất cả. Vậy bà định ngày nào cứ một mình bà với chồng nó đến, tôi cũng chỉ cho hai em nó đưa nó về. Thế cũng xong. Ai cưới đến hạng nhà chúng ta? Còn như sự tiền nong... đáng lẽ tôi chẳng nên xin thêm đồng nào nữa mới phải (hồi mẹ cháu mất, tôi cất lấy hai chục đồng bạc của bà, là tôi phải nghĩ), nhưng phương ngôn[22] dạy rằng : giàu bán chó, khó bán con; tôi cũng còn đồng công, đồng nợ, tất cả độ mươi đồng, kể cái sự bắt bà trả cả thì không dám bắt, nhưng tôi cũng xin thêm dăm đồng nữa để trang trải những chỗ tôi vay mượn để lo cho bu cháu, hồi bu cháu mất. Như thế cũng như là tiền của cháu, cháu bỏ ra để trả nghĩa cho bu cháu. Tôi không dám tơ hào[23] gì vào đấy". Ấy là tao cũng nói dối bà ấy thế, chứ công nợ tao cũng chưa trả vội; tao nắm lấy dăm đồng ấy, để ra giêng đi lên rừng...

uongxua.vn

Câu chuyện đêm hôm ấy, Dần đang thầm nhắc lại, trong khi đưa đẩy cái chổi cùn trên mặt cái sân con. Bởi vì hôm nay chính là ngày bà mẹ chồng sẽ đến rước Dần đi. Đêm hôm qua, đợi hai đứa bé ngủ rồi, hai cha con lại thở dài, thở ngắn với nhau. Dần khóc đến quá nửa đêm, rồi thiếp đi lúc nào, chẳng biết. Sáng dậy, Dần có cảm tưởng như nó mới chợp mắt đi một tí. Nó thấy người mỏi mệt. Dù vậy, nó cũng chạy ra ngoài quét tước.

Dần quét xong thì ở đằng đông, mặt trời đã nhô lên. Những tia sáng đầu tiên, chọc thủng tấm màn sương, rồi xé toạc mãi ra. Ánh sáng tràn đi. Trong khoảnh khắc, trở nên quang hẳn... Dần ra ao, rửa mặt. Lúc trở về nhà, nó thấy bố và hai em đã dậy rồi. Hai đứa con, mỗi đứa ôm một đùi cha. Người

cha ngồi lử thử, lừ thừ. Đôi mi mắt trông có vẻ hơi sưng. Dần cúi mặt, bởi nó đoán rằng đêm hôm qua cha cũng khóc. Nó vờ tìm cái chổi, tuy nó biết nhà không còn cái chổi nào nữa, ngoài cái nó vừa quét và để ngoài đầu chái...

Thầy nó bảo :

– Hôm nay mày phải xuống chợ một tí đi, con ạ.

– Mua bán gì mà đi chợ?

– Mua mấy xu chè tươi, với mấy quả cau. Người ta đến, cũng phải có bát nước, miếng trầu tươm tất chứ.

– Chào !.. Vẽ chuyện !

– Sao lại vẽ chuyện? Không có, không coi được.

Dần cười tủm tỉm. Thằng em lớn, tì một tay lên đùi cha, múa may tay kia và nhún nhảy người, giễu chị :

– Lêu lêu ! Lêu lêu ! Có người sắp được đi lấy chồng... lêu lêu !...

Dần khoặm mặt, lườm em. Người cha sợ con gái xấu hổ, củng vào đầu con trai một cái và mắng nó :

– Im thằng này !... Để cho người ta dặn nó. Mua độ hai xu chè...

– Rầy hai xu, hàng chè nó chả bán thì sao...

Dần kêu lên thế và cố cười to để cho khỏi thẹn. Người cha cũng cười và hỏi :

– Hai xu không bán, thì mấy xu mới bán?

– Thì mua cả năm xu. Mua ít nó không có tiền trả lại.

– Ít nhất là năm xu vậy. Năm xu thì nấu được mấy ấm?

– Một ngàn ấm... Ông lão cả đời không đi chợ, cứ tưởng chè rẻ lắm. Quen với ngày xưa, độ một xu một ấm. Bây giờ năm xu, nấu đặc chỉ được một ấm là hết xoẳn.

Thấy Dần lè lưỡi ra :

– Eo ! Mẹ ơi !...

– Thật... Không có thế, cứ cổ con mà chặt ! Muốn mua thì mua, chẳng mua thì đừng, chứ cái sự đắt thì ngang ngang với nhân sâm[24].

– Đắt thì cũng phải mua. Năm xu chè, với hai quả cau ngon ngon một tí.

– Cau ngon phải tám, chín xu một quả.

– Vị chi đi ba xu một miếng trầu?

– Đúng thế : không kém ba xu một miếng.

– Trời đất ạ !... Có đời nào như vậy? Cái thổ tả[25] gì cũng đắt... ! Cho nên tao vẫn bảo : cái lúc này chẳng nên giở giang ra làm gì. Mọi đồng mọi tốn. Giá làm độ mười lăm cỗ, chắc mất đến năm chục bạc. Miếng bùi chui

thuongmaitr

qua cổ; mình ăn một bữa có no được bằng đời đâu, mà người ta phải chạy cỗ cho họ đương nhà mình thì khổ. Thà bất nhược[26] là ta chước[27] hết !...

– Ấy thầy thì chỉ thế !... Cái gì cũng chước ! Thành thử ra con mình chỉ theo không.

– Theo không cũng được. Mẹ mày ngày xưa cũng chỉ theo không tao đấy. Thế mà cũng ăn ở với nhau được mãi, sinh con đẻ cái, mà lại còn thương yêu nhau bằng tám những cặp vợ chồng cưới linh đình. Mẹ kiếp ! Lắm đám cưới linh đình, mà rồi lại bỏ nhau ùn ùn ra đấy à?

Dần lại cười tủm tỉm. Bởi nhắc đến vợ, thầy nó bỗng nhớ ra một điều...

– Tí nữa quên ! Con nhớ mua mấy nén hương... Hôm nay là ngày cưới con, cỗ bàn đã chả có thì thôi, mấy nén hương cũng không có nốt thì phải tội...

Cái ý ấy – sự nhớ tưởng đến người đã khuất – khiến cả hai bố con cùng buồn bã. Mắt rơm rớm nước, thầy nó thở dài rồi bùi ngùi bảo :

– Biết vậy, tao cũng bảo bà ấy biện một mâm để cúng bu mày. Người sống, chẳng có thì thôi, nhưng người chết...

Dần thổn thức. Nó sợ còn đứng đấy, thì nó sẽ khóc òa lên mất. Nó cố bảo : – "Thôi ! Con đi chợ..." rồi chạy ra. Ra đến sân nó mới nghe thấy thầy nó bảo :

– Ừ, con đi.

tuongxua.vn

Xế chiều hôm ấy, bà mẹ chồng và chồng Dần mới đến. Cả hai cùng mặc quần áo cánh. Bà mẹ khoác một cái áo nâu dài đã bạc ở trên vai. Chú rể xách một chẽ cau, chừng một chục quả. Vào đến nhà, y lúng túng không biết đặt đâu. Bà mẹ trông thấy bảo Dần :

– Cho bu mượn cái đĩa đi, con!

Mặt Dần đã đỏ bừng. Hai đứa em nó, trông thấy, cười rúc rích. Nó lợi dụng câu sai của mẹ chồng, để chạy tót ra chái đứng. Một lúc lâu nó cũng không vào. Thầy nó phải đỡ lấy chẽ cau ở tay bà mẹ chồng, đặt lên giường thờ mẹ nó. Rồi thầy nó nói thật to :

– Đi nấu nước đi con!

Không thấy con gái thưa, ông phải bảo thằng con trai lớn :

– Chạy ra bảo chị đun ấm nước.

Rồi ông thân hành đi lấy chìa vôi ra để têm trầu. Bà mẹ chồng có lời ngay :

– Thưa ông, ông đã có lòng thương đến cháu, mà xét ra, như thế này thì thật ông thương quá, thương mọi nhẽ, cái gì ông cũng châm chước đi cho cả, khiến chúng tôi cảm tạ cái bụng ông mà lại lấy làm xấu hổ về cái cách chúng tôi xử lắm. Chúng tôi xử thế này thật quả là không phải. Nhưng lạy

Trời, lạy Đất! ... Chúng tôi cũng muốn nghĩ thế nào kia nhưng ông trời ông ấy chỉ cho nghĩ đến thế thôi, thì cũng phải rầu lòng mà chín bỏ làm mười, chứ như ông thì thật một bỏ làm mười, mà không được một cũng bỏ làm mười. Có vậy thì công việc của cháu mới xong xuôi được. Giá phải bố vợ như bố vợ nhà khác, nhất nhất cái gì cũng bắt đủ lề lối, thì nhà như chúng tôi lấy gì mà lo được? Ít là cháu suốt đời không có vợ. Nhưng phúc làm sao, lại gặp được ông bố vợ thương con rể như ông, thì có phải ông trời ông ấy cũng còn thương nhà chúng tôi lắm lắm không?

Thôi thì bây giờ mọi sự ông đã thương cho cháu cả rồi, hôm nay tiện được ngày, tôi cũng biện cơi trầu đến kêu với ông để ông cho cháu được lễ các cụ – trước là lễ gia tiên[28], sau là lễ bác nhà ta, sau nữa ông lại cho cháu lễ sống ông, (chẳng có tiền bạc gạo lợn, hay mâm cao cỗ đầy thì cũng phải lấy đầu làm lễ gọi là chút lòng thành của con, cháu các cụ) – rồi xin phép ông để chúng tôi đưa cháu về nhà làm ăn.

Đáp lại bao nhiêu lời bóng bẩy, xa xôi ấy, ông bố vợ chỉ trả lời gọn thon lỏn một câu :

– Vâng ! Mời bà cứ ngồi chơi thư thả xơi nước, xơi trầu đã.

Rồi ông lại cất cao giọng, bảo con :

– Hễ được nước thì bắc lên đây, con nhé !

thuongmaitr

Rồi ông ngồi lử thử. Bởi vì ông buồn lắm. Chỉ lát nữa là người ta rước Dần đi. Đêm hôm nay, chỉ còn mình ông với hai đứa trẻ con. Nhà sẽ vắng ngắt vắng ngơ, chẳng khác gì ngày vợ ông mới chết đi. Rồi chỉ mươi bữa, nửa tháng là ông đã phải bỏ nốt hai đứa con trai để ngược... Chao ôi ! Buồn biết mấy?... Ông đờ đẫn cả người. Ông nghĩ bụng rằng : giá Dần không phải về nhà người ta, thì có lẽ chẳng đời nào ông phải lên rừng; ông cứ ở nhà với ba con, bố con đùm bọc lấy nhau, bây giờ bỏ lại hai đứa bé mà đi, ông thương chúng nó quá... À, thì ra ông phải đi nơi khác làm ăn, chẳng phải vì có gì khác mà chỉ vì Dần phải đi lấy chồng, Dần đi lấy chồng, không ai trông coi vườn đất, nhà cửa, con cái cho ông nữa... Ông buồn quá. Ông đáp lại những câu rất dài dòng của bà thông gia bằng những câu ngắn ngủn. Bà thông gia, trái lại nhiều lời lắm. Bà vui vẻ. Bà nói luôn. Bởi tài ăn nói của người ta, một đời mới có dịp dùng đến độ vài lần. Bà thì chỉ một lần thôi, bởi vì bà có mỗi một mống con trai. Lấy một con vợ cho con, có dễ đâu? Nhất là mình lại không có nhiều tiền. Công việc phải qua mấy mươi nấc, mấy mươi cầu [29]. Chưa cưới được vợ về cho con, thì còn là đi lại mỏi chân, van ông lạy bà sái hàm răng... Công việc của bà, mười phần xong đến chín phần rồi. Còn một tí chút nữa mà thôi. Tội gì không ngọt ngào với người ta cho yên ổn cả? Người ta gả con gái, đã chẳng được gì thì cũng phải được lời nói mát lòng, mát ruột cho hả dạ...

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vẻn vẹn có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nốt. Ông đành kéo mấy cành rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần sồng cộc xẵng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phếch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bố cõng. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dần uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm (Dần vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lặng lẽ ăn. Người cha ăn cố vài lượt cơm, rồi buông bát đũa, ngồi xỉa răng, đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kẻo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị nghẹn mấy lần. Khi cả hai con đã thôi cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dần để ra về. Ông dắt thằng lớn và cõng thằng bé trên lưng. Dần đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo :

uongxua.vn

– Thôi ! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nấc lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa.

Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngây mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con :

– Mẹ chúng mày !...

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi. Dần chạy theo cha, nức nở :

– Thầy !... Thầy...

– Mẹ mày !... Nín đi cho thầy về.

– Thầy đừng... đi... lên rừng !

Người cha thấy lòng thổn thức và đáp liều :

– Ừ, thì thôi... Mẹ mày !

1942

(*Nam Cao – Tác phẩm*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1977)

Chú thích

(1) *Đánh chắt, đánh ô* : hai trò chơi phổ biến của trẻ em nông thôn. (2) *Gò guộng chân tay* : động tác vụng về chậm chạp. (3) *Độ cái thân* : nuôi thân qua ngày. (4) *Nhãn tiền* : trước mắt, rất rõ ràng, thấy ngay. (5) *Sồng* : loại cây có lá, vỏ có thể nhuộm vải màu nâu sẫm ; cũng có nghĩa là vải thô nâu sẫm. (6) *Phân minh* : rõ ràng, rành mạch. (7) *Vực* : lượng chứa vừa đầy dụng cụ đong (bát, thùng...); *ba vục chặt* : ba miệng bát cơm xới chặt. (8) *Cun cút* : loại chim nhỏ, hơi giống gà đuôi ngắn, chân thấp, béo và chạy nhanh. (9) *Ép mình, ép xác* : khép mình vào lối sống khắc khổ. (10) *Phải lại* : bị ốm trở lại. (11) *Vắt di mũi chưa được sạch* (khẩu ngữ) : quá non dại, chưa biết gì. (12) *Quán xuyến* : trông nom, đảm đương mọi việc. (13) *Gạo kém, thóc cao* (như *thóc cao, gạo kém*) : giá cả thóc gạo lên cao, chỉ thời buổi kinh tế khó khăn. (14) *Chuốc* : cố làm sao có được. (15) *Thời vụ* : thời gian thích hợp trong năm để hoạt động sản xuất. (16) *Ngã nước* : bệnh sốt rét. (17) *Rùi gẩng* : nấn ná, kéo dài thời gian, ý chờ đợi. (18) *Nằm xuống* : chết (nói giảm nhẹ). (19) *Có trở* : có tang. (20) *Họ đương* : cùng nghĩa với *họ hàng*. (21) *Biện* : lo liệu, sắm sửa lễ vật hoặc bữa cỗ mời. (22) *Phương ngôn* : ở đây có nghĩa như *tục ngữ*. (23) *Tơ hào* : lấy của người khác làm của mình dù rất ít, không đáng kể (thường dùng với ý phủ định). (24) *Nhân sâm* : dược liệu thảo mộc quý, củ hình người. (25) *Cái thổ tả* (khẩu ngữ) : cái chẳng ra gì, cái tồi tệ (*thổ tả* : bệnh dịch tả). (26) *Bất nhược* : chi bằng, chẳng bằng. (27) *Chước* : miễn (hoặc giảm) điều đáng ra phải làm. (28) *Gia tiên* : tổ tiên của gia đình. (29) *Nấc, cầu* : một giai đoạn trong tiến trình làm một công việc.

thuongmaitr

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc diễn cảm truyện, cố gắng có giọng điệu phù hợp. Chú ý những đoạn độc thoại nội tâm và đối thoại nhân vật, sao cho thật tự nhiên, sinh động và phù hợp với từng nhân vật.

2. Phân tích nhân vật Dần. Chú ý : cuộc đời khổ cực từ tấm bé của Dần và hình ảnh Dần trong cái đám cưới buồn thảm; những phẩm chất đẹp đẽ, cảm động của cô bé nhà nghèo đó (chịu thương chịu khó, thương bố thương mẹ, giàu đức hi sinh, đảm đang lo liệu quán xuyến việc nhà, cùng bố chèo chống đưa gia đình vượt qua nạn đói sắp ập xuống...).

3. Phân tích cảnh đám cưới (từ "Dần quét xong thì ở đằng đông..." đến hết). Chú ý : tình cảnh cùng khổ, vẻ tiều tụy thảm hại và không khí buồn thảm bao trùm đám cưới nghèo ở nông thôn thời buổi đói kém; tâm trạng các nhân vật (ông bố, Dần, bà mẹ chồng...); cảnh bố con Dần chia tay nhau ở cuối truyện...

4. Tìm hiểu những đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm. Chú ý : cách dẫn dắt truyện tự nhiên, hấp dẫn, hiện tại và hồi tưởng đan xen nhau; tài năng đi sâu thể hiện tâm lí nhân vật; ngôn ngữ kể chuyện và ngôn ngữ nhân vật (cả trong đối thoại và độc thoại nội tâm) đều rất tự nhiên, sinh động, đậm đà, rất gần với lời ăn tiếng nói hằng ngày của quần chúng.

MẤT CÁI VÍ

NGUYỄN CÔNG HOAN

Tiểu dẫn

Nguyễn Công Hoan (1903 – 1977) quê ở làng Xuân Cầu, huyện Văn Giang, tỉnh Bắc Ninh (nay là huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên), xuất thân trong một gia đình quan lại Nho học thất thế. Trước Cách mạng, ông là giáo học, từng đi dạy ở nhiều nơi; bắt đầu viết truyện từ 1920. Tập truyện ngắn *Kép Tư Bền* (1935) khi ra đời được dư luận nhiệt liệt hoan nghênh và tác phẩm đã châm ngòi cho cuộc tranh luận sôi nổi nhiều năm về "nghệ thuật vị nghệ thuật" hay "nghệ thuật vị nhân sinh". Nguyễn Công Hoan có tới vài trăm truyện ngắn và vài chục truyện dài; ông đặc biệt sở trường về truyện ngắn trào phúng. Ông được coi là một trong những tên tuổi hàng đầu của trào lưu hiện thực tiến bộ trước Cách mạng.

Sau Cách mạng, Nguyễn Công Hoan tiếp tục sáng tác phục vụ cách mạng và kháng chiến. Khi Hội Nhà văn được thành lập (1957), Nguyễn Công Hoan được bầu làm Chủ tịch Hội. Năm1996, Nguyễn Công Hoan đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (đợt I).

tuongxua.vn

Tác phẩm chính :

Trước Cách mạng : Các tập truyện ngắn *Kép Tư Bền* (1935), *Hai thằng khốn nạn* (1934), *Đào kép mới* (1937), *Sóng vũ môn* (1938), *Người vợ lẽ bạn tôi* (1939), *Ông chủ báo* (1940)...; tiểu thuyết : *Tắt lửa lòng* (1933), *Lá ngọc cành vàng* (1935), *Ông chủ* (1935), *Cô giáo Minh* (1935), *Bước đường cùng* (1938), *Thanh đạm* (1943), *Cái thủ lợn* (1945)...

Sau Cách mạng : *Nông dân với địa chủ* (tập truyện ngắn – 1955), *Tranh tối tranh sáng* (tiểu thuyết – 1956), *Hỗn canh hỗn cư* (tiểu thuyết – 1961), *Đống rác cũ* (tiểu thuyết nhiều tập, tập I : 1963), *Đời viết văn của tôi* (hồi kí – 1971), *Con trai người bạn đọc ấy* (tiểu thuyết – 1976)...

Mất cái ví, đăng báo *Nhật tân*, số 3, ra ngày 16-3-1933, là truyện ngắn khá tiêu biểu cho phong cách truyện ngắn của Nguyễn Công Hoan. Ở đây, bằng một lối dẫn chuyện hấp dẫn giàu kịch tính, cách kết thúc đầy bất ngờ, bằng tiếng cười trào phúng hóm hỉnh mà sâu cay, tác giả đã phơi trần bộ mặt bất nhân bất nghĩa của hạng người trưởng giả đương thời mà ông Tham là một nhân vật tiêu biểu.

*

* *

Ông Tham[1] nhà ta hôm nay mất cái ví trong đựng bốn mươi đồng bạc. Ngài làm dữ quá ! Dữ đến nỗi giá không có ông cụ cậu ruột ngài là người

có thế lực, can thiệp vào mà phát gắt lên, thì việc này quyết ra đến tận xăng tan[2] chứ chẳng chơi ! Thằng xe, thằng bếp, con vú[3], sợ xanh mắt, suýt phải trận đòn sống cũng thành tật. Mà khốn nạn, ở trong bếp, đứa nọ đổ cho đứa kia, đứa thì xin đi thề, đứa thì quyết đi trình mật thám[4]. Đứa nào cũng không muốn để chủ ngờ oan mình.

Ông Tham, bà Tham thấy chúng nó quả quyết, cũng không biết xử trí[5] ra sao. Nhưng vẫn không sao bỏ được lòng ngờ.

– Rồi tao không để yên cho chúng bay !

– Vâng nếu việc này không ra, thì chúng con tức lắm.

– Chúng bay làm gì mà to mồm thế, nói khẽ cho cụ ngủ. Hôm qua cụ thức khuya.

Cụ đây, tức là ông cụ cậu ruột ông Tham, ngủ ngay ở cái giường kê cạnh đấy. Thằng xe muốn đổ riệt cho con vú, bèn nói :

– Thật chúng con từ sáng đến giờ chưa đứa nào bước chân ra khỏi cửa. Mà một mất mười ngờ, chúng con lấy làm bực lắm. Xin ông bà cho phép chúng con khám lẫn nhau. Chắc của vẫn còn ở trong nhà, thì còn tìm thấy được.

Bà Tham nói :

– Ừ, rồi đến lúc ra trước cửa quan mới hối. Chúng bay sấp mặt thật !

– Ấy, mợ khẽ để ông ngủ, đêm qua ông lủng củng mãi, mới chợp mắt đấy.

Nhưng họ làm điếc cả tai. Ông cụ có ngủ được đâu ! Ông cụ vẫn để ý đến những lời nói của vợ chồng ông Tham, nhất là ông Tham, thì lấy làm giận lắm.

"Mình chẳng ra gì cũng là cậu ruột nó, em mẹ nó, mà sao nó không biết nể mặt. Chẳng biết nó có dám ngờ mình hay không, mà sao nó nói lắm câu nghe trái tai quá".

Rồi ông cụ nghĩ lại cái địa đồ[6] nhà ông cháu để tự xét đoán việc mất bạc này thế nào.

"Ngoài nhà ngoài có cái giường mình nằm, thông với buồng trong của vợ chồng nó. Nhưng hôm qua, nó ngủ ở ngoài này với mình. Thế rồi đến cửa ra sân, chính tay mình đóng và gài then. Mà trước khi đi ngủ, nhà Tham nó còn soi các then cửa cẩn thận. Thế thì chỉ có thể nghi con vú em ăn cắp được, vì thằng bếp, thằng xe ngủ cả dưới nhà dưới, cạnh bếp. Vậy chỉ truy con vú này là ra ngay".

Đương nghĩ thế, bỗng cụ nghe thấy ông Tham nói :

– Tao thì tao không ngờ cho con vú em đâu. Nếu nó có tính tắt mắt[7], thì tao mất nhiều lần rồi. Mọi khi tao ngủ để bừa bãi cả tiền nong ra bàn,

nhưng sáng dậy vẫn còn nguyên, một chinh[8] cũng không suy suyển. Hai chúng bay liệu hồn !

Ông cụ vừa nghi cho vú em, nghe thấy ông Tham nói thế, nên càng phân vân.

"Ừ, hay là nó ngờ cho mình thật, mà không dám nói ra? Trên nhà trên chỉ có vợ chồng nó, con vú em và con nó. Ngoài ra khách lạ, chỉ có mình mà thôi. Nhưng chẳng có lẽ. Hay là nó ngờ thằng bếp, thằng xe, sáng sớm dậy, có đứa nào lên nhà trên, rồi thấy cái ví ấy để chỗ nào, mà lấy chăng?".

– Bẩm lạy ông bà, hai anh em con ngủ dưới nhà mà trên nhà trên thì khóa cửa. Sáng ngày, chúng con mới dậy. Cửa trên này chưa mở, con đã thấy ông bà kêu mất tiền. Lúc ấy, ông mới gọi chúng con lên. Xin ông bà xét cho chúng con chỗ ấy. Hay ông đi chơi tối hôm qua, mà đánh rơi đâu chăng?

– Tao nhớ rằng khi tao đi nằm, tao còn mở ví ra để đếm lại giấy bạc, rồi tao gối ở đầu giường, chỗ này. Tao nằm bên cạnh cụ. Vì thức khuya nói chuyện, nên tao mệt, tao ngủ say lúc nào không biết. Tao chắc lúc tao đếm tiền, có đứa nào trông thấy.

Ông cụ nghe cháu nói câu ấy, thì thở dài, cựa mình một cái.

– Lạy ông bà, chúng con có biết cái ví tiền của ông mặt ngang mũi dọc thế nào, thì chúng con cứ chết một đời cha ba đời con !

"À, nếu nó đổ riệt cho thằng bếp, thằng xe, sao nó không đánh, không tra, không trình báo gì cả? Quyết là nó nói xa xôi cho mình hiểu đây. Hay là nó nghi mình đồng tình với lũ kia, vì thấy mình lạ nhà không ngủ được, phải xì xục suốt đêm, hết hút thuốc lại uống nước, rồi mở cửa ra sau đi tiểu. Nếu thế thì thực nó chó đểu quá !".

Nghĩ thế, ông cụ thấy khó chịu, lại quay mình nằm lại. Cụ muốn ngồi hẳn dậy mà bộc bạch[9] tâm sự, rồi "đông đủ cả nhà, mình thề độc mấy câu cho nó đỡ nghi. Nhưng chắc đâu? Lỡ mình đoán lầm thì oan vợ chồng nó".

– Lạy ông bà xét lại, chỉ có người trên nhà, chứ thực chúng con không biết đấy là đâu.

Ông Tham quát :

– Chúng bay bảo tao ngờ cho ai? Ngờ cho bà à?

Ông cụ nằm yên, hơi tức đầy đến ngực, không chịu được, lại trở mình lượt nữa.

"Thôi, đích lắm rồi. Chỉ là nó không dám nói đến nơi mà thôi".

– Lạy ông bà, chúng con đâu dám nghĩ thế.

– Thế thì chúng bay bảo tao ngờ cho cụ à? À, quân này láo thật!

– Chết, sao cậu ăn nói càn làm vậy!

truongxua.vn

Câu bà Tham vừa nói dứt, thì tự nhiên như có cái gì nó giật nhổm ông cụ ngồi dậy. Cụ hỏi dồn :

– Cái gì? Cái gì? Thế nào? Thế nào?

Ông Tham dịu ngay nét mặt lại, nói :

– Không ạ.

Rồi ông bảo bọn người nhà :

– Cho chúng mày xuống nhà.

Mục đích ông cụ là muốn giải tỏ khúc lòng, rồi mắng thằng cháu vô phúc mấy câu cho hả dạ. Chứ nó ăn nói cục súc, vô ý thế, mà mình cứ giả điếc, thì nó cho mình không biết gì. Nhưng thấy vợ chồng ông Tham muốn dập chuyện đi, thì cơn tức lại đè lên đến cổ. Nên cụ cố gắng hỏi :

– Không. Tôi xem trong nhà như mất cái gì kia mà?

Bà Tham nói :

– Không ạ. Cháu mất đồng xu, nhưng đã tìm thấy rồi ạ.

– Không phải. To hơn kia.

– Thế thì ông chiêm bao đấy ạ.

– Rõ ràng tôi vừa tỉnh dậy, thấy anh Tham gắt gì to lắm kia mà.

Ông Tham nói :

– Không ạ. Đó là cháu mắng chúng nó từ nay thấy tiền nong, không cứ là của ai, cũng không được tơ hào.

Ông cụ càng ngờ là cháu nói cạnh, bèn hỏi :

– Anh mắng ai?

– Những đứa kia đấy ạ.

– Những đứa kia là đứa nào? Anh đừng láo !

Bà Tham thấy ông cụ gắt gỏng to tiếng, bèn can chồng :

– Tôi đã bảo cậu mà !

– Thì tôi đã muốn im đi, sao mợ còn cứ xui tra xui tấn.

– Tôi không dám, cậu mợ dạy quá lời, tôi đã hiểu cả rồi.

– Cháu lạy ông, vợ chồng cháu có thất thố[10] điều gì xin ông bỏ quá đi, ông đừng để bụng. Thôi, không nói đến chuyện ấy nữa. Hôm nay phiên chợ Đồng Xuân mời ông lên chơi chợ.

Ông cụ càng muốn làm lớn, thì cứ bị cháu dập đi cho nên càng không chịu được.

"Bây giờ nó bảo mình đi chợ Đồng Xuân, thì rõ ràng nó nói cạnh mình là kẻ cắp[11]. À, quân này thâm thật. Mới dính tí Hà Nội, đã học lối ăn nói ba que[12] !".

– Anh nghi cho ai lấy tiền của anh?

– Kìa ! Tiền nong gì, thưa ông?

– Tôi nằm đây, tôi thức, tôi nghe hết từ đầu đến cuối. Anh nghi cho ai, anh cứ nói.

– Kìa ! Cậu nói đầu đuôi ông nghe, kẻo chả mấy khi ông ra chơi, ông thấy thế này, ông lại giận.

– Bẩm ông nguyên thế này : Cháu có bốn mươi đồng bạc để vào trong cái ví. Mọi khi bao giờ trước khi đi ngủ, cháu cũng bỏ ví vào tủ có khóa. Vì hôm qua đi xem hát với ông về khuya, nên cháu không muốn vào buồng lấy thìa khóa tủ, cháu cứ để ví trong túi. Nhưng sau, thấy nằm cứ cộm lên, cháu mới lấy ví ra, kiểm lại số tiền, rồi để gối đầu giường. Lúc ấy ông cũng biết.

– Phải, sao nữa?

– Rồi sáng hôm nay, cháu thấy mất.

- Phải, sao nữa?

– Bẩm có thế thôi.

– Thế anh nghi cho ai?

– Cháu nghi cho thằng bếp, thằng xe.

– Sao anh không nghi cho con vú.

– Tại nó thực thà, xưa nay cháu biết nó.

– Anh nghi thế là vô lí lắm. Tôi hiểu rồi, chính anh nghi cho tôi !

Bà Tham vội nói :

truongxua.vn

– Chết ! Lạy ông, con cháu nào dám thế ! Sao ông nghĩ vẩn vơ làm vậy?

– Thôi, tôi xin bà đừng nói khéo. Tôi biết ông ấy từ thuở để cái chỏm[13] chỏe bằng ngần này, nên tôi hiểu cả giọng nói. Này, tôi bảo cho anh biết, tôi tuy nghèo thật, nhưng tôi lấy của anh để tôi phải tội lòi mắt ra à?

- Khổ quá ! Cháu không biết nói thế nào bây giờ được. Tự ông đổ cho ông đấy.

– Không phải tôi đổ cho tôi. Vì những câu anh nói cạnh nói khóe từ nãy đến giờ, nên chẳng phải bảo đến nơi tôi cũng hiểu ý cả. Đây, tôi cũng dẫn lòng cho anh khám.

– Chết ! Sao ông lại làm thế?

– Nhưng tức lắm !

Nói đoạn, ông cụ chạy đến mắc áo, giật cái áo trắng dài và cái áo the[14] xuống, rồi rũ rõ kĩ. Rồi cởi tuột cái áo cộc ra, lộn các túi. Xong rồi, lại tháo cả thắt lưng, đưa cho ông Tham xem. Giá có tiện, có lẽ cụ cũng tụt phăng cả cái quần ra nốt, cho cháu tin rằng tất cả trong mình không giấu giếm cái ví vào chỗ nào cả. Nhưng cụ cũng cứ lấy hai tay, nắn bóp khắp hai đùi thật kĩ, từ trên đến dưới.

Ông Tham thấy cậu làm đùng đùng sôi nổi, biết là cậu giận lắm, nên cứ ngồi yên như phỗng[15]. Bà Tham thì lạy van hoài. Nhưng vẫn không ăn thua gì. Tự khám mình xong ông cụ phân bua :

– Đấy nhé, anh chị đã tin chưa? Tôi không ngờ đâu bây giờ anh chị lại khinh người làm vậy. Cậu cũng như mẹ mà anh nghi cho tôi ăn cắp, anh nghĩ đã phải chưa? Từ ngày anh đi làm, đã hơn hai năm nay, bất quá tôi đến chơi lần này là lần thứ bốn ! Tôi thấy anh ở xa thì nhớ, nên đến thăm, chứ nào tôi có xin xỏ, bòn đãi(16) cái gì? Chẳng qua anh mất mấy bữa cơm và suất tàu là cùng.

Nói xong, cụ súc miệng, và rửa quàng cái mặt, rồi đội khăn, mặc áo. Ông Tham thấy vậy, hỏi :

– Thưa ông, cháu có lòng nào như thế ! Ông đừng tưởng vậy mà oan cháu. Bây giờ ông đi đâu?

– Tôi đi về. Ông bà xử với tôi thế này thì tôi còn mặt mũi nào mà ở nữa !

– Khổ lắm ! Vợ chồng cháu có điều gì không phải, thì ông là người trên, ông cứ mắng chửi, sao ông lại để tâm làm vậy?

– Thôi tôi xin quan ông quan bà đừng nói khéo. Đồ đểu ! Tao thề rằng từ nay tao không họ hàng gì với vợ chồng nhà mày nữa !

Nói đoạn, ông cụ hầm hầm, cắp ô đi.

Vợ chồng ông Tham nhất định nằn nèo cho ông cụ ở lại. Nhưng ông cụ nói dỗi :

– Thôi kẻ cắp chả dám ở chung với người ! Để tôi lên chợ Đồng Xuân tôi ở.

Nói xong, cút thẳng.

Vợ chồng ông Tham rầu rầu nét mặt, trở vào, im lặng nhìn nhau mà thở dài. Một lát, bà Tham ra dáng ân hận, gắt với chồng :

– Chỉ tại cậu lơ đễnh, đánh mất ví tiền, nên mới sinh ra lắm cái rắc rối.

Ông Tham ung dung, tủm tỉm cười, đáp :

– Thì đã làm sao?

– Thế sao cậu lại ngờ cho ông làm vậy?

– Tôi vờ thế, chứ ví đây này, có mất đếch đâu !

Vừa nói, ông móc trong túi quần, quẳng cái ví đánh bẹt xuống mặt phản.

Bà Tham, trố mắt nhìn chồng :

– Rõ khéo khỉ, thế có phải là ông giận không.

– Mợ không hiểu. Tôi chỉ cốt làm thế để bận sau ông đừng ra chơi nữa. Tốn kém lắm !...

(*Tuyển tập Nguyễn Công Hoan*, tập I,
NXB Văn học, Hà Nội, 1983)

Chú thích

(1) *Tham* : *tham sự* hoặc *tham tá* (gọi tắt), công chức bậc trung thời Pháp thuộc. (2) *Xăng tan* (tiếng Pháp : *central*) : vốn nghĩa là trung tâm, trung ương, ở đây có nghĩa là nhà ngục trung ương ở phố Hỏa Lò (Hà Nội) thời bấy giờ. (3) *Xe* : đầy tớ

thuongmaitr

kéo xe tay; *bếp* : đầy tớ nấu ăn; *vú* : người phụ nữ đi ở vú (nuôi con nhỏ cho chủ). (4) *Mật thám* : người cơ quan an ninh chuyên dò xét, điều tra, trong chính quyền thực dân Pháp. (5) *Xử trí* : giải quyết một việc cụ thể nào đó. (6) *Địa đồ* : bản đồ. (7) *Tắt mắt* : thói hay ăn cắp vặt. (8) *Chinh* : đơn vị tiền tệ giá trị nhỏ nhất thời trước, bằng nửa xu. (9) *Bộc bạch* : giãi bày, thổ lộ thành thật rõ ràng. (10) *Thất thố* : có điều sơ suất, sai phạm trong lời nói, hành vi. (11) *Kẻ cắp* : kẻ ăn cắp. Thành ngữ đương thời : "Kẻ cắp chợ Đồng Xuân". (12) *Ba que* : xảo trá, đểu giả. (13) *Chỏm* : mớ tóc để chừa lại giữa đỉnh đầu sau khi cạo trọc của trẻ con (theo tục cũ); *thuở để chỏm* : thuở còn bé, đầu còn có chỏm. (14) *The* : thứ hàng dệt bằng tơ, mặt thưa, mỏng, thường may áo dài mặc ngoài hoặc làm màn che. (15) *Phỗng* : tượng người bằng đất, đá, đặt ở đền, chùa, để đứng hầu; cũng còn để gọi hình người bằng sứ, gỗ... làm đồ chơi trẻ em. (16) *Bòn đãi* : thu nhặt, lấy dần từng tí.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Đọc diễn cảm truyện. Nhận xét về nhân cách nhân vật ông Tham qua việc ông ta dựng nên màn kịch mất ví tiền. Anh (chị) đã đọc những truyện ngắn nào của Nguyễn Công Hoan châm biếm hạng người chỉ biết có tiền, sẵn sàng vứt bỏ đạo lí, tình nghĩa?

2. Phân tích nghệ thuật viết truyện ngắn trào phúng của Nguyễn Công Hoan trong Mất cái ví (chú ý cốt truyện hấp dẫn mang tính kịch, có "thắt nút", "cởi nút", kết thúc bất ngờ gây cười...; ngôn ngữ nhân vật linh hoạt, sống động, gần lời ăn tiếng nói hằng ngày...).

uongxua.vn

MỢ DU

NGUYÊN HỒNG

Tiểu dẫn

1. Nguyên Hồng (1918-1982) tên khai sinh là Nguyễn Nguyên Hồng, quê ở thành phố Nam Định. Nhà rất nghèo, mới học hết tiểu học, ông cùng mẹ ra Hải Phòng, kiếm sống ở những xóm lao động (xóm Cấm, xóm chùa Đông Khê). Ngay từ 1936, ông đã tham gia phong trào Mặt trận Dân chủ, hoạt động trong các tổ chức quần chúng của Đảng (Đoàn thanh niên Dân chủ...). Từ 1943 ông hoạt động trong Hội Văn hóa cứu quốc. Sau Cách mạng tháng Tám, ông tiếp tục hoạt động sôi nổi trong lĩnh vực văn học. Ông mất tại xã Quang Tiến, huyện Tân Yên, tỉnh Bắc Giang, ngày 2-5-1982.

2. Nguyên Hồng là nhà văn có sức sáng tạo dồi dào, thành công trong cả hai giai đoạn sáng tác trước và sau Cách mạng tháng Tám, cả về truyện ngắn và tiểu thuyết. Ông hiểu sâu sắc đời sống thợ thuyền, dân nghèo thành thị – những lớp người thuộc loại cùng khổ nhất của ngày trước và đã thể hiện một cách xúc động phẩm chất trong sáng, cao đẹp cũng như số phận bi kịch của họ.

Tác phẩm của ông thấm đượm tinh thần nhân đạo. Nguyên Hồng thành công ngay từ những tác phẩm đầu tay (tiểu thuyết *Bỉ vỏ* – 1937). Các tác phẩm chính : *Những ngày thơ ấu* (hồi kí – 1938), *Bảy Hựu* (tập truyện – 1940), *Quán Nải* (tập truyện – 1942), *Hơi thở tàn* (tiểu thuyết – 1944). Sau Cách mạng tháng Tám, tác phẩm quan trọng nhất của Nguyên Hồng là bộ tiểu thuyết *Cửa biển* (4 tập – 1961, 1967, 1975, 1976).

Truyện ngắn *Mợ Du* tuyển dưới đây trích trong tập *Hai dòng sữa*.

*

* *

– An ! An !

Tiếng gọi vừa dứt, một bàn tay nắm chặt cánh tay tôi và lôi tôi đi. Tôi mở to mắt nhìn người đàn bà này.

– Kìa mợ Du ! Mợ Du ! Mợ mới ở Vinh về.

Tụi trẻ con đương chơi với tôi ngơ ngác nhìn tôi và người đàn bà. Còn tôi, càng nhìn vẻ mặt hốt hoảng của mợ Du, tôi càng hồi hộp và nóng lòng chờ một câu hỏi của mợ ta. Đến đầu phố, mợ mới dừng lại, ghé miệng vào tai tôi :

– Thằng em Dũng đâu hở con? Con đi tìm nó cho mợ. Con bảo nhỏ thằng em Dũng chứ ! Nếu nó ở trong nhà thì con chờ nó ra ngoài đường rồi hãy gọi.

Đoạn mợ ta ẩy mạnh tôi :

– Mau lên con ! Mợ đứng chờ con và em Dũng ở bên vườn ông Hào ấy!

Mợ Du ! Mợ Du ! Một người đàn bà mà hiện giờ tôi còn nhớ từng nét mặt, từng tiếng nói. Mợ có một gương mặt trắng mát, gò má hơi cao, mắt có quầng thâm và lúc nào cũng ướt át, lờ đờ. Tiếng nói của mợ nhẹ và ấm. Mợ là người bạn buôn bán thân nhất của mẹ tôi. Nhưng ngày mợ bỏ cậu Du, tôi ít thấy mẹ tôi chuyện trò với mợ, cho đến ngày nghe đâu mợ vào Vinh cùng một người thợ may tây(1) rồi đẻ con với người ấy.

Mợ Du bỏ chồng ! Mợ Du phải bỏ chồng vì bị mẹ chồng và em chồng bắt được quả tang tình tự với anh thợ may trai trẻ, có duyên. Và như những người lớn, tôi đã ghét và khinh mợ mỗi khi nghe nhắc đến mợ với cái tội không thể tha thứ ấy.

thuongmaitr

Nhưng sau một đêm kia, đối với mợ Du, tôi bỗng đổi ra thành lòng thương và mến. Rồi từ đêm ấy trở đi, tôi căm tức vô cùng trước những kẻ bêu riếu mợ hay ra vẻ ghê tởm thằng Dũng con mợ.

Đêm ấy là một đêm trăng, tôi không nhớ về tháng tám hay tháng chín, chỉ nhớ là một đêm trăng sáng lắm. Mợ Du cũng bỗng hiện ra trước mặt tôi và nắm chắc cánh tay tôi :

– An ! An ! Con giúp mợ việc này rồi mợ cho con xu nhé.

Tôi chau mày lại nhìn người đàn bà đã vắng mặt ở phố tôi và không biết đi đâu đã sáu bảy tháng nay.

– Tôi chịu thôi ! Mợ nhờ đứa nào thì nhờ.

Mợ Du giọng ngọt ngào van lơn :

– Con chịu khó một chút mà ! Chóng ngoan ! Đây mợ cho con hai hào đây.

Đồng hào đôi sáng loáng dúi vào tay tôi có ngay một hiệu lực rất mạnh. Tôi không còn thấy khó chịu vì sự nhờ vả của mợ, và tôi không còn nghĩ đến cái tai tiếng không ra gì của mợ khiến mợ trở nên một người chịu đựng sự khinh bỉ và nguyền rủa của cả các gia đình.

Tôi vẫn làm bộ khó khăn, nhìn mợ bằng cặp mắt do dự. Mợ Du liền kéo tôi vào một hàng hiên. Mợ hỏi nhỏ, giọng càng run run :

– Con vào nhà rủ thằng em Dũng ra đường chơi với mợ. Con đừng cho ai biết ! Và con rủ nó sang vườn ông Hào đằng đầu phố ấy.

Tuy nhỏ tuổi, nhưng chỉ nghe mợ Du nói ngần ấy câu, tôi nhận thấy ngay tại sao có sự gặp mặt vụng trộm giữa hai mẹ con này, và tôi cảm thấy rõ ràng sự lo lắng và đau khổ của một người đàn bà đã bị đuổi ra khỏi cửa một gia đình, nay lẩn lút trở về để được thăm nom con giây phút.

– Ừ, con – tôi đổi tiếng xưng hô – con đi gọi thằng Dũng cho mợ, nhưng nhỡ nó đương đọc sách cho cậu nó nghe trong khi cậu nó hút thuốc phiện thì sao?

Mợ Du chớp mắt rồi lờ đờ nhìn về một cửa hàng đã đóng cửa. Trong bóng tối dưới hàng hiên, cặp mắt mợ Du bỗng long lanh như hai viên ngọc :

– Thì con chịu khó ngồi bên nó rồi thừa cơ bấm nó và bảo nó ra ngoài.

Tôi liền gật đầu, chạy vút đi.

May quá ! Tôi vừa tới cửa nhà cậu Du thì thằng Dũng ở trong nhà đâm xổ ra gọi hàng mía. Nó không để tôi nói thêm với nó một lời, chạy theo tôi ngay và luôn luôn bắt tôi đưa xem đồng hào đôi mới.

Chúng tôi vừa mới đến cổng vườn nhà ông Hào, mợ Du ở một bụi râm bụt lao sầm ra, ôm chặt lấy thằng Dũng vừa nức nở kêu tên Dũng.

– Dũng ! Dũng ! Dũng có nhớ mợ không? Bà có đánh Dũng không? Cậu có bênh Dũng không? Dũng có nhớ mợ không? Có thương mợ không?

Dũng không đáp, ngả đầu vào vai mẹ mếu máo :

– Hự, hự... mợ về nhà với con cơ !

Mợ Du hôn rối rít vào má, vào trán, vào cằm Dũng rồi khóc nức nở :

– Trời ơi ! Trời ơi ! Mợ chết mất ! Dũng ơi ! Dũng ơi !

Ánh trăng vằng vặc đã gội tràn trề xuống hai gương mặt đầm đìa nước mắt áp lên nhau và hai mớ tóc ngắn dài trộn với nhau. Hương hoa cau và hoa lí sáng và ấm đã xao xuyến lên bởi những tiếng khóc dồn dập vỡ lở ở một góc vườn rì rì tiếng dế.

Tôi dần thấy nghẹn ở cổ. Tôi phải bưng lấy mặt và quay đi chỗ khác : "Mợ ơi ! Mợ ơi !".

Tiếng khóc của Dũng và cả chính tiếng khóc của tôi càng xé lòng tôi ra.

Chợt mợ Dũng đứng vùng lên, hất mạnh mớ tóc xõa ra đằng sau. Thoáng cái, mắt mợ quắc lên sáng ngời, và gương mặt của mợ tái hẳn đi. Mợ cắn chặt môi dưới, lắc mạnh đầu luôn mấy cái. Ánh trăng càng cuồn cuộn chảy trong những đợt tóc đen ánh trở nên hung hung dài chấm gót của mợ Dũng.

Mắt người mẹ khốn nạn, mắt đứa con đày đọa và mắt tôi đấm vào nhau không biết trong bao nhiêu phút, yên lặng và tê mê[2]...

Một lúc sau, mợ Dũng dắt Dũng ra ngoài vườn. Tôi chực chạy ra hè trước, mợ vội chạy theo, kéo tôi lại. Mợ, một tay nắm tay Dũng, một tay xoa đầu tôi, giọng khàn khàn và vẫn nghẹn ngào :

– An và em Dũng về nhà nhé. Mấy hôm nữa mợ lại về. Mợ đã dặn ông Hào rồi đấy. An và em Dũng muốn ăn thức ăn gì thì ăn.

Nói đoạn, mợ cúi xuống lại hôn hít vào trán, vào má, vào cổ, vào gáy Dũng.

Toàn thân tôi lại rung chuyển trước sự quyến luyến này.

Nhìn sự chia lìa đau xót của hai mẹ con Dũng, tôi đã cảm tưởng chính tôi là Dũng, và tôi đã có ý muốn ôm ghì lấy mợ Dũng, ôm ghì mãi mãi, ôm ghì lấy rồi dù chết cũng cam tâm...

Từ bấy trở đi, mỗi lần mợ Dũng ở Vinh về là tôi đi gọi Dũng. Tôi không còn nhớ rõ tôi đã gọi Dũng tất cả bao nhiêu lần. Chỉ biết rằng, trong một thời gian khá dài – hơn ba năm – lần nào sự gặp gỡ của hai mẹ con Dũng cũng làm tôi sung sướng, và lần nào sự chia lìa của mẹ con Dũng cũng thấm cả nước mắt tôi và làm tôi bùi ngùi trong sự thương tiếc mênh mông như cái bàng bạc của đêm thu đầy trăng.

...Bẵng đi 17, 18 năm, tôi không một lần nào gặp Dũng và người mẹ của Dũng đã một thời kì lừng[3] tai tiếng. Dũng, tôi gần quên hẳn. Vả lại, dẫu

chúng tôi có gặp mặt nhau, tôi cũng khó nhận ra Dũng sau bao năm đằng đẵng có thể là một nửa đời người non yểu này[4].

Nhưng, tôi đã gặp mợ Du. Thì đó lại là lần cuối cùng, cuối cùng của cả một đời tất mãi mãi và cuối cùng của những dòng chữ viết về một người.

Ấn tượng của cái kỉ niệm này không bát ngát, bàng bạc như xưa kia nó hằn vào tâm hồn tôi trong cái đêm trăng sáng, hương hoa cau, hoa lí ngát không khí. Trưa hôm ấy nắng. Ánh nắng vàng rực. Các vật ngoài trời đều chói lòa trong những tiếng rào rào của ánh sáng bị gió thổi cuồn cuộn như sóng.

Sau đấy, nhất là giờ đây, bất cứ một hình sắc gì của mợ Du trong cái cảnh buổi chiều ấy đều ngùn ngụt[5] trước mặt tôi qua một thứ lửa tê tái tỏa ra cả ở trong da thịt tôi.

Lúc đó khoảng hai giờ, hầu hết những người đi làm đã đến sở mình.

Ngoài phố, những ngã ba, ngã tư, sự ồn ào trào lên chỉ ở từng khu và cảnh tấp nập không lầm bụi, rối loạn như trưa nay. Nắng trong dần đi. Sắc xanh pha lê trên cao bao la thêm. Những cảnh xuân ở thành thị vẫn không rõ rệt tươi tốt bằng ở nhà quê với những cánh đồng lúa, những đình chùa, những con đường đất nổi lên nhịp nhàng dưới vùng trời khoáng đãng, và, với tiếng cười nói gọi hỏi của người ta cứ vang vang trong gió. Đây vẻ xuân ăn chơi, vui quên chỉ còn sót lại ở mấy phố ta trong những nhà cửa vôi mới quét lại hơn hở lên vì nắng, trong mấy hiệu tạp hóa và trong những đám xúc xắc[6], xóc đĩa đường[7], họ lén lút với những đám trẻ con bẩn thỉu mà tôi, thằng bé An xưa kia, hễ có tiền là sống chết cũng sục vào.

Tôi đương viết tập cho một đứa cháu thì thấy có tiếng xào xạc và đứa cháu tôi không nhìn trộm ra ngoài nữa mà chạy hẳn ra. Bà ở chung nhà với tôi, đi vào, lắc đầu :

– Thế mà chết rồi !...

Trước nét mặt nhăn nhó có vẻ buồn cười của bà ta tôi bật lên hỏi :

– Thưa bà ai thế? Sao thế?

Bà ta càng làm ra bộ ảo não :

– Cái người mới đến ở nhờ bà cụ Kì bên kia, bán quả ở gần rạp hát và đầu ngõ ấy mà.

Tôi vẫn không thể nhớ ra là ai. Thấy tôi băn khoăn, bà ta vừa gắt vừa cười :

– Cái người một hôm cậu bảo tôi gọi lại mua chuối ấy. Tôi gọi ba bốn lượt, nhưng chị ta cứ đi lùi lũi làm cậu tức mình, đến tối chị ta rao bán, cậu không mua mà cho các cháu đi mua hàng khác.

truongxua.vn

Tôi "à" lên một tiếng, gật gật đầu. Bà nọ cho thế là đã thỏa cái công việc tò mò của mình và trọn cái sự cổ động lòng thương xót một kẻ xấu số rồi, lại ngồi xuống chẻ củi chan chát vừa quát tháo chỉ bảo người nhà. Xong hai trang viết tập cho đứa cháu, tôi giở sách ra đọc tiếp. Một dòng, hai dòng... năm dòng, mười dòng... rồi hết một trang, sang trang bên. Những chữ in nhỏ ấy trước còn từ từ đi vào tâm trí tôi, hơi chập chờn, lộn xộn với những nghĩa không đằm thấm mấy. Sau, tôi càng trấn tĩnh bao nhiêu, để hết cảm tưởng vào những hình ảnh, những tình tứ trong truyện, thì chỉ thấy đầu óc càng bừng bừng. Tất cả những cái tôi đọc để nghiền ngẫm chỉ là một sự rối loạn khô khan.

Tôi đành phải để sách xuống, mắt lim dim, chân tay duỗi mềm mại, mặc bất cứ cái gì đến trong tâm trí. Những câu nói trên của bà cùng nhà với tôi bỗng trở lại bên tai tôi rành mạch từng tiếng. Theo liền những tiếng thì thầm này, một dáng người co ro[8], những mảnh quần áo vá víu và một mẹt quà lèo tèo[9] hiện ra, mờ mờ, lạnh lạnh. Tôi thấy lòng nao nao[10] và sau thì khó chịu vì sự vơ vẩn này. Tôi cau mày, định cầm sách lên đọc nốt để còn làm mấy việc khác.

Một người ở nhờ ở vả chết đột nhiên, và cô độc không ai thân thích ma chay, một người khốn nạn như thế nhan nhản ra, muốn xem lúc nào chả có. Đằng sau nhà tôi, trong những xóm nhà lá của những đám người tha phương cầu thực[11] kia thường nổi lên những tiếng khóc lóc, rền rĩ về sự chết chóc, mà người chết tuy không một thân một mình, nhưng cũng chỉ được đến cỗ ván mỏng, bát cơm, quả trứng, vài thẻ nhang và bốn người khiêng đi vùn vụt như chạy trốn, họ chuyên sống với cái nghề này và uống rượu...

Tôi đã nghĩ như thế. Tâm trí tôi dần trở nên sáng sủa, tỉnh táo. Đọc hết cuốn sách, tôi đi thong thả ngoài sân, khoan khoái lâng lâng.

Bọn người chuyện trò vang vang, ra vào nhà có người đàn bà chết đã ngớt. Bà cụ chủ nhà mượn được cái mành[12] bèn che chắn ngay lấy chỗ người chết nằm. Trời vẫn nắng to. Sau bức mành lọc nhẹ đi, làn ánh sáng vàng rực, cái chõng và thi hài, chăm chú trông lại rõ hơn. Tôi thấy cả những đợt khói lừ lừ tản ra trên đầu người chết và những đốm lửa nhang rung rung khi gió nổi lên thổi tan tác những mảnh nắng ở ngoài trời và loạn xạ những cát bụi trong cái khoảng mành che cho người chết. Không tiếng kêu tỉ tê, không tiếng khóc kể lể rền rĩ, không nồng mùi bồ kết đốt với mùn cưa, cái tử khí đây kia thăm thẳm, chứa đầy những độc ác, như của một nơi mà các người chung quanh không còn ai sống...

Bất giác[13] tôi sang sân vào nhà bà cụ. Thoạt thấy tôi, bà cụ và mấy người đàn bà sang hỏi thăm, ra đón :

– Cậu sang chơi ! Đấy ! Cậu xem có khổ không, nhà chị ta cắp thúng định đi chợ mua thêm hàng, nhưng ra khỏi cửa lại về nằm lịm đi một lúc,

thế mà đã chết rồi. Tôi chẳng họ hàng gì mà phải làm ma đấy. Các bà ấy cứ trách tôi dễ dãi quá, nhưng thôi, mình cứ ăn ở cho hết cái tình cái nghĩa đối với những kẻ bơ vơ, khốn khó, còn thì mặc giời kiêng cho.

Thấy tôi chăm chú nghe, bà lại kể tiếp, giọng rất trơn tru, nào người đàn bà nọ không có chồng con gì cả, nào đi buôn bán mãi Vàng Danh, Cẩm Phả về ốm yếu quá, định về đây lần hồi[14], nào bà cụ thương tình cho ở nhờ hẳn một nửa gian, giường chiếu, bát đĩa của bà tha hồ dùng, nào bao người nằn nỉ thuê nhà bà cụ không được vì các con cái bà cụ đi làm xa, bà cụ chỉ cần có người sạch sẽ chịu khó và hiền lành bầu bạn với cụ và các cháu bé của cụ cho vui thôi.

Bà cụ sai cháu trải chiếu cạp điều[15] ra trường kỉ[16] và rót nước thân mời tôi. Chè hột có gừng ủ trong bình, tuy còn nóng sôi nhưng tôi vẫn thấy lờm lợm[17]. Tôi chỉ nhấp qua rồi sau một lúc yên lặng, đứng dậy đến chỗ người chết nằm. Bà cụ lại bỏ khách đi theo tôi. Khi chúng tôi đứng sát cái chõng, bà cụ trỏ vào người chết :

– Chị ta chỉ có mấy cái quần áo mặc theo đi ấy là lành lặn thôi, còn mấy cái kia rách mướp mườm mượp, tôi còn để đấy mà cũng chẳng ai muốn lấy cả. Một bà trong ngõ phải mua lại cái chăn của phu xe gán ngoài hàng cơm để liệm với cái chiếu của tôi. Sáng mai, một bà cho cỗ ván nữa là xong.

Để chứng thực sự ngay thẳng và lòng ăn ở khác thường của mình, bà cụ kéo ở xó cửa đằng kia ra một cái thúng. Bà cụ lật vỉ buồm lên, chìa ra trước mặt tôi từng cái xống áo cũ rách một. Chợt bà kêu lên, quát gọi đứa cháu gái lớn :

truongxua.vn

– Khổ quá mày ơi ! Những thứ chuối chăn, kẹo bỏng kia, mày còn để đây làm gì? Cho người ta không lấy thì vứt đi chứ !

Cả tôi cũng phải cau mày lại trước những quả chuối đã đen nhũn, lấm tấm những lỗ ngó ngoáy và những kẹo vừng, bỏng bấp ướt át, kiến bâu chi chít. Những đồ hàng cuối cùng của người đàn bà ! Nếu y bán rẻ đi thế nào chẳng hết. Nhưng đời nào y chịu lỗ vào cái vốn nghèo ngặt sống còn của mình. Chẳng phải y, bất kì người đầu đường cuối chợ buôn thúng bán bưng nào cũng thế hết trong sự làm ăn bát cơm đổi bằng bát mồ hôi của mình. Và đến phút hấp hối, người đàn bà nọ vẫn không thể tin được mình chết. Ở cái buổi sáng tưng bừng hôm ấy đầy những hình ảnh của sự cố gắng, mải miết để được sống, ai mà không bíu lấy sự tin tưởng tốt đẹp?!

Những người trong xóm đi chợ đã lác đác về. Họ đi từng tốp, chuyện ríu rít, rủ nhau tối nay tắm rửa sạch sẽ để đi lễ đền chùa. Xuyên qua bọn họ, những người gánh nước làm nhóp nháp[18] thêm cái lối vào xóm chật hẹp mấp mô tách ra hàng mười ngõ. Bên trong, ở những vườn rau diếp, rau cải, xà lách và những vườn trồng hoa bán trên phố tây, những thùng tưới cứ rào rào đưa trên những luống đất nhỏ tơi, kín sắc xanh mượt và những

sắc hồng, tím, vàng, nhung, trắng, tươi mọng... Nắng và gió tỏa ra lênh láng. Ánh sáng trong suốt luôn luôn reo lên trên những cây cỏ nảy nở như thổi.

Đứng trong này, tôi đã thấy lòng run run. Tôi nghĩ đến cái giây vừa thở hắt ra vừa quằn quại của một con người cách tôi không đầy chục thước mà tôi và cả mọi kẻ chung quanh đều không hay biết. Tâm trí tôi lắng sâu hơn nữa. Tôi nghĩ đến cả cái kiếp người kia chắc chỉ toàn những sự đày đọa, cái kiếp làm thân đàn bà không chồng con, không thân thích, đâu có kẻ thân mến là quê hương, gia đình mình, và cả sự no ấm chỉ trông cậy vào sức mình, sự chịu khó của mình.

Tôi hồi hộp nhấc cái vuông khăn tay ròng rọc phủ mặt người đàn bà lên. Tôi lặng đi, tê tái nhìn cái bộ xương hốc hác, gồ ghề, xám xịt. Thay cho gối, tóc y cuốn thành một mớ dày, vẫn còn đen nhánh, giá cắt đi làm một cái đuôi gà thì phải dài, óng ả lắm.

– Cậu này ! Cậu xem cái giấy gì và hình gì thế này?

– Vâng ! Vâng !

Tôi phải quay lại với bà cụ. Tôi vội vàng đón lấy mấy tờ giấy đã nhàu nát, nhòe nhoẹt và tấm hình nhỏ tí bà cụ đưa cho. Không !... Không !... Không phải là những miếng giấy vứt đi, mà là bốn bức thư. Bức chữ viết ngòng ngoèo, bức đã thẳng dòng, bức đã có những câu chấm gãy gọn với những dấu chấm than và bức chữ lại nguệch ngoạc nhưng rắn rỏi và lời lẽ gay gắt như trong một bài báo tranh biện. Tất cả dưới đều kí tên Dũng. Từ những nét ngây ngô trở nên những nét sắc trơn. Tôi đã suýt kêu lên, nhưng cổ họng nghẹn hẳn. Tôi giơ hẳn tấm hình ra ngoài cửa xem.

Tấm ảnh chụp hai mẹ con kia rõ ràng là mợ Du và thằng Dũng. Người mẹ ấy đôi mắt vẫn sáng, và cái sống mũi dọc dừa, cái cằm thon trong gương mặt vẫn đầy tươi trẻ, tinh anh. Còn thằng nhỏ thì, bế nâng lên trước mặt người mẹ, một tay y bịt lấy rốn nó, mặt hơi cúi xuống với nó nhưng mắt vẫn ngước lên như trỏ các sự vật đằng trước cặp mắt bỡ ngỡ của nó cho nó cười thêm. Dưới tấm ảnh mà tôi không thể nào lầm lẫn được ấy lại có thêm dòng chữ này : "Kỉ niệm ngày con Dũng của mợ lên hai nhưng mới được tám tháng". Và ở một góc có hai dòng chữ nhỏ như kim : "Dũng ơi ! Con của mẹ ơi ! Biết đến bao giờ mẹ mới được gặp con?".

*

* *

Mợ Du đã chết rồi?! Người mẹ khốn nạn kia bị người chồng sau tình phụ[19], hay vì y chết, mợ sa sút và cho mình đã phạm một trọng tội, mợ đành sống lén lút, để khỏi dây dính đến Dũng? Hay mợ đã tìm đến Dũng nhưng không được nhìn nhận? Hay Dũng cũng chết rồi? Hay những giấy má, hình ảnh kia chỉ là của người đàn bà chết bất được?!

thuongmaitu

Tôi đã nhiều lần tự hỏi nhưng chỉ thấy thêm rằng chắc chắn mợ Du đã chết và những cảm tưởng về mợ chỉ càng thấm thía, tê tái trong tâm hồn tôi, thằng bé An xưa kia không còn những dòng nước mắt tràn trề để khóc nữa.

1939-1943
(In trong tập *Hai dòng sữa*,
NXB Hàn Mặc, Hà Nội, 1944)

Chú thích

(1) *Thợ may tây :* thợ may âu phục. (2) *Tê mê :* trạng thái tạm thời mất hết cảm giác do chịu một tác động nào đó. (3) *Lừng :* vang xa, ai cũng biết. (4) *Yểu :* có tuổi thọ rất ngắn. (5) *Ngùn ngụt :* bốc mạnh lên thành ngọn lớn. (6) *Xúc xắc* (hay *súc sắc*) : khối nhỏ hình vuông có sáu mặt, chấm từ một đến sáu chấm đỏ hoặc đen. Một loại cờ bạc, để con xúc xắc vào đĩa, úp kín và lắc. Ai đoán trúng số sẽ được cuộc. (7) *Xóc đĩa :* một lối chơi cờ bạc trước đây, dùng bốn đồng tiền (bằng đồng hoặc kẽm) xóc mạnh trong một cái đĩa úp kín, ai đoán trúng có mấy đồng sấp, mấy đồng ngửa thì được. (8) *Co ro :* thu mình thật nhỏ lại, vì sợ sệt hoặc cho đỡ rét. (9) *Lèo tèo :* rất ít, gây cảm giác buồn tẻ, nghèo nàn. (10) *Nao nao :* cảm thấy có những xao động về tình cảm. (11) *Tha phương cầu thực :* đi làm ăn kiếm sống ở những nơi xa lạ. (12) *Mành :* đồ đan, kết (bằng tre, trúc, v.v...), để che cửa hoặc trang trí, có thể cuốn lên, buông xuống hoặc rẽ ra hai bên. (13) *Bất giác :* cảm xúc, ý nghĩ, hành động chợt đến thình lình, ngoài ý muốn. (14) *Lần hồi :* dần dà qua ngày tháng. (15) *Chiếu cạp điều :* chiếu viền xung quanh bằng vải đỏ. (16) *Trường kỉ* (hay *tràng kỉ*) : ghế dài, thường bằng gỗ, có lưng tựa và tay vịn ở hai đầu. (17) *Lờm lợm :* cảm thấy khó chịu, buồn nôn. (18) *Nhớp nháp :* bẩn thỉu và ướt át, gây cảm giác khó chịu. (19) *Tình phụ :* phụ bạc, ruồng bỏ vợ, chồng hoặc người yêu.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Một người mẹ trẻ mắc phải sai lầm trong cuộc sống riêng. Hậu quả chị phải gánh chịu to lớn gấp bội so với lỗi lầm của mình. Gia đình hắt hủi, dư luận khinh rẻ. Đau khổ hơn cả, chị phải suốt đời sống xa lánh đứa con mà chị yêu thương.

Đoạn văn ghi lại cảnh mợ Du – người mẹ khốn khổ ấy phải lén lút tìm gặp con thơ để vừa khóc vừa "hôn rối rít vào má, vào trán, vào cằm Dũng" và "Ánh trăng vằng vặc đã gội tràn trề xuống hai gương mặt đầm đìa nước mắt áp lên nhau và hai mớ tóc ngắn dài trộn với nhau" đã làm người đọc xúc động.

tuongxua.vn

Truyện ngắn như một bài thơ ca ngợi tình mẹ và như nhắc nhở chúng ta gắng góp phần xây dựng một mặt bằng nhân ái sâu xa cho những mối quan hệ giữa con người với nhau.

2. Phân tích tư tưởng nhân đạo của Nguyên Hồng thể hiện trong truyện ***Mợ Du.***

3. Nhận xét nghệ thuật kể chuyện của Nguyên Hồng qua tác phẩm.

CHIỀU SƯƠNG

BÙI HIỂN

Tiểu dẫn

1. Bùi Hiển (sinh năm 1919), quê ở làng Phú Nghĩa Hạ, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Thuở nhỏ học ở Vinh. Trước Cách mạng, dạy học tư, làm viên chức. Ông có truyện ngắn đăng báo từ 1940, đã tập hợp một số trong tập *Nằm vạ* (1941).

Bùi Hiển được chú ý chủ yếu ở mảng truyện viết về con người và phong tục sinh hoạt của dân chài vùng biển Nghệ An quê ông. Đó là những người lao động hồn nhiên, chất phác, yêu đời, cần cù, dũng cảm trong cuộc sống lao động cực nhọc nguy hiểm ngoài biển khơi. Nhà văn cũng viết một số truyện có nhiều dư vị về cuộc sống còm cõi, tẻ nhạt của người viên chức, anh học trò tỉnh lẻ.

Sau Cách mạng, Bùi Hiển công tác chủ yếu ở ngành báo chí, tuyên truyền, văn nghệ. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, ông hoạt động ở chiến khu Bình Trị Thiên và ở cơ quan văn nghệ Liên khu IV. Sau 1954, ông công tác ở các cơ quan báo chí, văn nghệ trung ương, vẫn bám sát cuộc sống lao động xây dựng và cuộc chiến đấu chống đế quốc Mĩ ở miền Bắc. Ông thường xuyên có mặt ở tuyến lửa Hà Tĩnh, Quảng Bình trong những năm đánh Mĩ cứu nước và viết về cuộc chiến đấu anh hùng của quân dân ta khi đó.

Bùi Hiển chuyên viết truyện ngắn, bút kí, tỏ ra có biệt tài về truyện ngắn. Tác phẩm chính của Bùi Hiển : *Nằm vạ* (tập truyện ngắn - 1941), *Gặp gỡ* (tập truyện ngắn - 1957), *Ánh mắt* (tập truyện ngắn - 1961), *Trong gió cát* (truyện và kí - 1965), *Đường lớn* (truyện và kí - 1966), *Những tiếng hát hậu phương* (tập truyện ngắn - 1970), *Hoa và thép* (tập truyện ngắn - 1972), *Ý nghĩ ban mai* (truyện và kí - 1980), *Ngơ ngẩn mùa xuân* (truyện ngắn - 1992)...

2. Truyện ngắn *Chiều sương* in lần đầu trên tờ *Hà Nội tân văn*, ngày 1-3-1941, sau in trong tập *Nằm vạ* (1941) của tác giả.

*

* *

Vào một chiều trung tuần tháng giêng, chàng trai ấy lang thang trong những ngõ hẻm làng. Chàng đi không mục đích, hồn lặng thấm cái êm ả lắng tự vòm trời trắng hơi biêng biếc như giát bạc, cái êm ả của những cuối ngày thôn dã. Chàng đi và nghĩ đến trăm điều vu vơ, những ý nghĩ thoáng qua trong trí rồi vỗ cánh bay đi, như những con bướm đa tình vội hôn đóa hoa này để đến với hoa kia.

Chàng đi lơ đãng, đến nỗi sương tỏa xuống mù trời, từ bao giờ mà chàng không biết. Sương bạc đã tỏa rất nhanh một cách bất ngờ. Thấy ấm lạnh trên đầu và có hơi nước đọng trên mi, chàng mới ngơ ngác nhìn lên.

Cảnh vật, như dưới một đũa tiên mầu nhiệm, đã tan biến trong giây phút. Chỉ còn trơ lại quanh mình những nét thâm thâm của vài nhánh cây khẳng khiu và những vuông xám mờ của các túp tranh. Những bụi xương rồng và râm bụt chạy hai bên đường đẫm sương, óng ánh, xanh tươi lại. Vài mạng nhện mắc giữa hai cành yếu, trắng toát như dệt bằng những sợi tơ bạc li ti.

Trời không lạnh lắm, nhưng hơi sương ngấm vào mình; chàng trai lẳng lặng trong tâm hồn, buồn cái buồn tê tái và mang mang, cái buồn ôm trùm, như kết bằng những sầu thảm nào mơ hồ và đã xa xôi lắm, tưởng tượng hay là thực, chàng cũng không biết nữa. Hơi ẩm đọng trên mi, chàng tưởng nước mắt rưng rưng.

Chàng đi lang thang, mặc hồn lang thang... Sương bay từng luồng, hạt sương bám khẽ vào da mặt như một làn phấn bụi.

truongxua.vn

Những tiếng người trao đổi trong sương, như gần như xa, lãng đãng. Ngoài sông mờ, bóng một chiếc thuyền chài sửa soạn ra khơi : sương mù đã tới báo mùa cá thu. Chàng rẽ vào nhà một ông bạn già. Chàng thấy lão đang ngồi xổm đan lưới, hai chân co trước ngực, mình quàng trong một manh chiếu vuông buộc túm một đầu để khoanh lấy cổ, thứ áo tơi và áo rét của dân chài.

Chàng chào, và lão Nhiệm Bình với dáng điệu giản dị của những người chất phác, vỗ vai người bạn nhỏ, bảo ngồi trên phản. Chàng hỏi :

– Cố[1] không đi biển à?

– Không, chú ạ. Già rồi, không năng đi được nữa.

– Cố kể chuyện đi chài nghe đi.

Chàng nói thế bằng cái giọng nũng nịu của đứa cháu vòi bà. Chàng thường đến đánh bạn với lão chài, và ông lão, đối với chàng trai mới lớn, có một tình yêu thương che chở, tốt quá mức đến cưng chiều, như tình yêu thương của tất cả những người già đùm bọc trẻ con. Lão cười đáp :

– Còn chuyện gì mà kể nữa ! Chú nghe hết cả chuyện của tôi rồi.

– Không ... Cố phải kể đi... À, cố kể chuyện ma đi. Cố đi chài có bao giờ gặp ma không?

Lão Nhiệm Bình có một nụ cười hồn hậu nhuốm vẻ độ lượng của kẻ không biết từ chối bao giờ.

– Chuyện ma à? Tôi cũng ít khi thấy ma lắm... Có vài lần thuyền neo ngoài khơi, tôi ngồi câu đêm, thấy giằng mạnh ở câu, vội kéo lên. Ái chà, sao nặng khiếp. Mà lạ, chỉ thấy nặng thôi, như có tảng đá trì giữ lại, chứ không thấy giật giật vùng vẫy như con cá to. Tôi nghĩ thầm : khéo lại cái *nố ta*[2] rồi, hắn muốn trêu mình đây... Quả nhiên ! Tôi vừa kéo câu lên khỏi mặt nước, thấy hắn xòa một cái, xanh lè cả nước biển, mình hết hồn. Nhìn lưỡi câu, con mực mồi vẫn còn nguyên.

Đó, tôi chỉ gặp vài lần như vậy thôi. Đêm khuya lạnh lẽo, vắng vẻ, chắc cu cậu buồn tình, bày chuyện phá mình tí cho vui.

Có người họ kể, đêm ở ngoài khơi, trời êm biển lặng, mọi người đang neo ngủ, thấy các chú bơi lù lù rồi trèo lên ngồi dăng dăng hai bên mạn thuyền; họ nói : "Thôi mà, anh em mình cả, trêu nhau làm gì?", thế là cả bọn nhảy ùm xuống, bơi đi.

Mồ ma ông cụ Bỉnh khi xưa, dạn khiếp. Nửa đêm, ông ta đi lưới về, qua dưới cây đa trước miếu, một bầy hắn bíu lấy tay. Không thấy người đâu, nhưng nghe tiếng hắn léo nhéo xin cá. Ông ta đáp : "Chà, xin với xỏ, được mấy con cá về cho vợ con đây !". Thấy nhẹ trong rổ, sờ vô thì cá đã biến mất. Ông ta nạt : "Đồ quỷ, cứ nghịch thôi !". Thế là tiếng cười bật lên ríu rít, lát sau lại thấy nặng rổ.

thuongmaitr

Lão chài kể như vậy, giọng bình thường như nói chuyện người dương gian[3], tay vẫn thoăn thoắt đưa que đan qua mắt lưới. Chàng trai khẽ rùng mình thích thú. Chàng vốn không tin ma quỷ; chắc chắn đó chỉ là điều huyễn tưởng[4], nảy sinh từ một khung cảnh, một tâm trạng nào đó; nhưng có thể nào không tin ở cái giọng kể từ tốn hiền hòa của ông lão ! Trong ý nghĩ lão chài, chàng đoán, âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít. Mấy chú ma, hồn của những người dân chài đã bỏ mình trong bão tố, trở về lặng lẽ trên mạn thuyền, chắc hẳn chỉ để tìm lại chút hơi ấm cuộc đời, vì cảm thấy lòng biển quá mênh mông, lạnh lẽo. Và tuy đã tìm thấy cái chết trong tai ương[5] bi thảm và dữ dội, không phải bao giờ hồn họ cũng ngậm giữ oán hờn; họ còn biết nghịch ngợm đùa trêu người sống, và chàng trai tưởng nghe, vẳng từ sương mù dày đặc, tiếng cười giòn ríu rít của những cái bóng vô hình, cạnh cây đa già miếu cổ...

– Có bao giờ người ta thấy một cái thuyền ma, hay cả một đoàn thuyền ma không, cố?

Chàng trai lại cất tiếng hỏi.

– Thuyền ma à? ... À... có một lần, đã lâu lắm, chính mắt tôi thấy. Hồi ấy tôi còn trẻ lắm, tôi còn đi trai dưới thuyền mồ ma[6] ông Phó Nhụy... Ở,

cũng trời sương mù mịt như thế này, thuyền thì vừa tháo tố xong, thoát nạn chết này, lại đâm liền vô nạn chết khác...

Bữa đó thuyền ra lạch...[7]

*

* *

Sáng hôm ấy, một buổi sáng thanh quang[8]. Bình minh dát ánh vàng trên những dải mây bông thoáng nhẹ. Các bác chài tay đưa chèo theo nhịp đều đặn, ngước nhìn trời, lòng không ý nghĩ, không lo lắng. Nhưng khi thuyền chạy ngang nha Thương chính[9], một chiếc xuồng do hai đứa con nít chèo bỗng lướt ngang trước mũi. Mọi người chửi rủa chúng ầm ĩ : dân chài rất kiêng kị "ngáng đường" như thế, và ông lái hơi nhăn trán lại.

Ra khỏi lạch, thuyền kéo buồm cất cơn gió tây nam chạy thẳng ra khơi. Chiếc thuyền dáng hơi nặng nề, lừ đừ tiến, hai mắt tròn trân trân nhìn về trước. Khi một ngọn sóng kéo đến, nó chồm dậy rồi đâm chúi xuống, làm tung tóe một làn nước bạc xóa. Càng xa bờ, sóng càng bớt mạnh, chỉ còn là những cái lượn, lưng cong và rộng, kéo lừ đừ nhưng hùng cường. Những mảng nước lớn thốc vào dưới mũi thuyền khiến bọt trắng tung tóe, rồi tự rẽ đôi chảy róc rách hai bên mạn. Các bác chài đã gác chèo ngồi bện dây neo, quai chèo, hay tán chuyện, có vẻ không biết đến sự nhồi lắc của sóng.

ruongxua.vn

Gió lên lồng lộng, thuyền chạy phăng phăng, để lại sau một vạch phẳng lì, vì nước đã bị khối nặng của thuyền dàn ra. Nhưng chẳng bao lâu, những làn sóng lô nhô hai bên mép tiến vào và xóa mất vạch phẳng.

Càng xa bờ, gió càng mạnh, như dậy từ bốn phương của khoảng rộng. Nắng vàng và gay gắt thêm. Khi mặt trời đứng bóng, biển biếc ngả sang màu lục.

Ông Phó Nhụy, nhà nghề và chạy lái, ra lệnh bỏ neo[10]. Đoạn người ta tháo dây neo cho thuyền trôi tới gần chỗ đã thả bóng hôm trước. Bóng là một cái lồng tròn lớn và đan thưa, thả lưng chừng nước, trong có lót lá tre làm chỗ êm mát rủ cá lội vào. Cạnh bóng, người ta cột vài ba cây gẩy, một loại tre vầu. Cá tìm thấy ở đó một nơi nghỉ, tới nhóng xung quanh, có khi hàng đàn lớn.

Hai bác chài, lặng lẽ và nhanh nhẹn, ngồi đầu mũi thả lưới, trong khi thuyền, dưới mái chèo, nhẹ tiến tới. Sau một lát chờ đợi, thuyền lùi lại, và hai bác, có thêm người trợ lực, kéo dần lưới lên. Những con cá mắc đầu vào mắt lưới, giãy đành đạch làm lóe những ánh bạc biêng biếc. Vài con cá nhỏ nhảy lanh tanh trong đám rong rêu lẫn những hạt tròn nhớt và trong, mà người ta gọi là trứng nước. Bình hồi ấy còn là một chú trai quèn, túm từng mảng lưới hất mạnh cho cá bật vào rổ rồi đổ dần cá xuống khoang. Từ khoang bốc lên một mùi tanh mặn và man mác, mùi của biển cả. Những

con cá trích, cá đốm, lẫn cá thu, cá hồng, mắt tròn mở trân trân, há miệng méo xệu một cách tuyệt vọng cố hớp không khí, trong tiếng lách tách của vây cứng.

Thuyền nặng dần, đè ép sức lắc nhồi của sóng. Chú trai đã đi thổi cơm. Xế trưa, thuyền nghỉ để dùng bữa. Trên mâm gỗ, lỏn thỏn hai bát cá đầy và một bát muối; cạnh mâm, một rá cơm và một xanh canh cá. Cơm xới trong bát đầy có ngọn, các bác chài và rất nhanh như chèo đua cho chóng xong bữa. Chợt một bác kêu :

– Nhìn kìa !

Và chỉ ra phía bên trái, chỗ mặt nước lăn tăn báo có đàn cá đi qua. Mọi người vội vàng bỏ đũa, kẻ chạy đến chèo, kẻ chạy đến lưới.

Họ mê mải trong công việc trong khi trời đã ngả về chiều. Mặt trời, lúc còn ba con sào, bỗng khuất sau đám mây. Bác Hoe Trăn nhìn lên và kêu :

– Coi kìa ! Trời đổ ráng ngoài.

Mọi người nhìn theo, lo ngại. Ông nhà nghề, hơi rụt đầu trong cổ béo, quay ngó xung quanh, cũng kêu theo :

– Sắp có tố[11] đến nơi !

Họ vừa nhận thấy điềm báo không thể nhầm lẫn. Trời đã đột ngột đổ ráng ba phương đỏ rực : ráng ngoài, nơi chân trời, và phía trong bờ, hai ráng Lò (Cửa Lò), ráng Cương (Cương Gián). Mặt các bác chài đỏ cháy lên trong ánh phản chiếu. Ông nhà nghề ra lệnh :

– Kéo lưới lên ! Giương buồm !

Chân người chạy trên sạp rầm rập. Các bác chài co chân đu mình trên dây để kéo buồm, miệng "dô hò" lấy nhịp. Một bác hỏi :

– Gió gì?

Người khác đáp :

– Gió trong. Khó tháo kịp.

Gió từ bờ thổi ra, thuyền cố vát[12]. Sóng vùng lên, cuốn réo, đuổi dồn nhau, va vào nhau tóe bọt, ngụp xuống, trồi lên, đã lấy một sức mạnh hỗn độn và bất ngờ trong gió vừa cuồng lộng[13] thổi. Buồm vát không ăn gió, xương buồm đánh cành cạch lên cột, có khi cọ vào gỗ rít ghê tai. Hình như thuyền trôi lùi ra khơi. Nhìn vào bờ để lấy cữ, ông Phó Nhụy kêu :

– Mưa đến rồi !

Phía bờ đã mờ mịt sau màn mưa trắng bệch, mặt sóng trong kia thâm sẫm lại. Mưa tiến ra khơi rất nhanh phát thành tiếng ào ào, một giây sau, các bác chài, ngồi co mình trong tơi chiếu, đã vuốt mặt không kịp.

Một bác bảo :

– Bỏ neo thôi, không lại bạt mãi ra ngoài khơi đông xích để cho mà coi.

thuongmaitr

Neo buông xuống nước. Trong khi dây neo tụt xuống vùn vụt, thuyền trôi lùi về sau, đoạn giật nẩy mình, chúi hẳn mũi : dây đã tháo hết. Người ta hạ buồm. Nhưng từ đó, thuyền cứ hục hặc với dây neo như một con trâu dữ bị buộc. Sóng đánh té tát, khi mũi thuyền chúi xuống thì vội thừa dịp nhảy chồm, nước tóe trang lang đến tận sau lái. Nhưng rồi chiếc thuyền, rất khỏe, lại hếch cái mũi ướt sướt mướt, chờ mảng nước khác. Ông nhà nghề nhảy tới ngồi phục ở mũi thuyền, tay lăm lăm cầm con dao rựa. Những giọt nước lớn ném vào mặt ông như vốc đá cuội, khiến rát bỏng da.

Một lần, thuyền tì lại nặng quá. Nước thốc từng mảng lớn, thuyền dốc đứng tưởng như cứ thế mà đâm thẳng xuống đất sâu như một cái dùi. Các bác chài, miệng há ngờm ngợp vì bị nước đánh tối tăm mặt mũi, rời chỗ vịn, lăn trên sạp lông lốc. Ông nhà nghề bị ngụp trong mảng nước. Không trì hoãn được nữa ! Một tay bám cọc chèo lấy thế, ông vội giơ cao con dao rựa, phăm phăm bổ xuống. Dây neo đứt phựt. Con thuyền hết ràng buộc quay mình trôi phăng phăng. Các bác chài vội nhảy đến đầu mũi giúp sức ông nhà nghề hất xuống nước cái neo sắt còn lại, mà ông này vừa chặt cánh gỗ đi. Không còn cánh, mỏ neo không cắm, nằm bẹt trượt trên nền đáy biển như một hòn sắt nặng. Như thế, thuyền không bị giằng lại, mà cũng chỉ trôi từ từ, kéo cái neo sắt rê trên đáy cát.

Nhưng gió vun vút lên mãi, mưa bay ngang chích vào mặt dày đặc thêm, sóng giận dữ gầm réo, nổi lên như núi. Mặt người nào người nấy tái mét; tay cố tới che, quần áo họ ướt mèm dính vào da, và vải đã bở sẵn, khi thấm nước rách toạc nhiều chỗ. Chú trai, lúc nãy bị sóng đánh lăn xuống khoang, ở luôn dưới ấy tát nước, tay lia lịa đưa cái mu sam[14]. Hai bác chài tới giúp sức, chuyền cho nhau những thùng nước đầy để trút ra ngoài. Thuyền giảm, ít bị nhồi lắc, nhưng sóng dễ tràn lên; nước trong khoang nhiều đến nỗi cá nổi lềnh bềnh. Theo lệnh ông lái, người ta xúc cá đổ bớt ra ngoài; nhưng sóng biển, trong một hằn thù mai mỉa, đánh vào thuyền, trả lại. Những con cá đập lên áo các bác chài và nằm trắng ràn rạt trên sạp, chờ một ngọn sóng tràn qua liếm đi và thay bằng lớp khác. Thuyền nhẹ bớt, nổi hơn, nhưng vì thế lại làm mồi thêm cho gió, trôi phăng phăng. Người ta bèn xổ buồm[15], buộc dây vào bốn góc, rồi thả xuống biển. Gặp nước, buồm mở tung như một chiếc diều mà đầu lèo[16] đã cột vào mũi thuyền. Nước cản tấm buồm rộng căng, làm cho thuyền bớt trôi.

Đoạn, mọi người lại ngồi im lặng, co ro, cho mưa dội, sóng nhồi, gió táp. Màn mưa xám càng lúc càng sẫm thêm, rồi bóng tối ăn loang khắp không gian. Ông nhà nghề bảo :

– Anh em có ai đói, bốc nhúm gạo mà nhai.

Nhưng không ai trả lời. Họ ngồi thu mình, run run trong cái lạnh của nước ngấm vào da thịt.

truongxua.vn

Chừng quá nửa đêm – họ chỉ đoán vậy, và không còn một ý niệm nào về thời gian – sóng bớt gầm réo và bớt nhồi lắc, gió hạ dần, nhưng mưa vẫn rơi liên miên. Con thuyền mệt nhọc xang đưa[17] lừ đừ. Và khi một ánh trắng xám ló nơi chân trời, thì biển đã lặng hẳn. Các bác chài, tai còn đầy cái huyên náo hồi đêm, nghe trong đó ù ù như điếc. Họ không còn đủ sức để tỏ niềm vui mừng; một cảm giác mỏi mệt và co rút hầu như làm tê liệt các bắp thịt.

Màu trắng sữa liếm dần bóng tối của vòm trời, và mưa đã ngớt hẳn. Nhưng trên mặt biển, ùn ùn từ đâu đến – dân chài bảo từ Thủy phủ[18] đùn lên – một đám sương mù dày đặc, mang vị mặn và hơi lạnh thấm thía. Người ta kéo cái neo sắt lên, đeo cánh mới lắp vào, rồi neo thuyền cho đứng yên. Mỗi người góp một câu để đoán vị trí của thuyền. Họ chắc ở ngang Thanh Hóa, vì trong cơn bão, gió chướng[19] thổi từ phía tây nam. Nhưng còn cách bờ bao xa thì không ai đoán được. Một bác chài đo được hơn năm mươi sải nước và họ biết là đã bị giạt ra ngoài khơi xa lắm.

Đột nhiên, không ai bảo ai, tất cả im lặng : họ vừa ngửi thấy một mùi kì dị, một mùi nhạt và ẩm ướt, tanh lợm như mùi rong rêu. Rồi một bóng đen dài hiện trong sương, phía trước mặt. Một người đoán :

– Chết, mình trôi đến cồn đá. Ra nãy giờ neo rê.

Một người khác đáp :

– Neo rê thì biết liền chứ. Đó là cái thuyền, nhìn kĩ mà coi.

Quả nhiên trong sương bóng đen rõ dần thành một chiếc thuyền, trên đó lố nhố những bóng người chèo. Họ chèo lặng lẽ dị thường, tưởng như thuyền lướt trên biển dầu. Một bác chài bắc loa miệng hỏi :

– Ai đó?

Thuyền bên kia có người đáp :

– Thuyền Xin Kính đây. Có phải thuyền ông Phó Nhụy bên ấy không?

Ông Phó Nhụy hỏi bạn chài :

– Tiếng ai nhỉ? Nghe giọng lạ gớm. Mà sao họ biết thuyền mình?

Đoạn cất cao tiếng :

– Tôi Phó Nhụy đây. Thuyền bên ấy cũng vừa tháo tố đó phải không? Có biết đây là đâu không?

Bên kia đáp :

– Ngang Cương Gián. Giờ phải đi xế lên mà vô lạch.

Trên thuyền ông Phó Nhụy, người bàn cãi lao xao. Gió thổi từ phía nam, sao thuyền lại giạt xuống ngang Hà Tĩnh được? Ông Phó Nhụy lại hỏi to :

– Sao mà biết?

Bên kia có một câu trả lời kì quặc mà bí mật :

thuongmaitr

– Sao lại không biết... A kìa, nồm vừa thổi đó, ta bắt ngọn gió này mau mà lên lạch.

Trong nháy mắt đã thấy thuyền bên kia giương buồm. Chẳng hiểu sao mà họ làm nhẹn và lặng lẽ được đến thế. Ông Phó Nhụy, tuy bụng phân vân, sai kéo buồm chạy theo. Trong lúc tâm trạng đang bơ vơ và còn in dấu vết sự hãi hùng vừa qua, người ta không muốn rời bỏ bạn đồng hành đã gặp tình cờ.

Gió quá nhẹ, buồm không ăn gió đập phần phật. Sương tạt từng luồng như một cơn mưa trắng. Thuyền đi trước vẫn chỉ nom thấy dáng mờ mờ ảo ảo như trong giấc mơ, với quãng cách không thay đổi.

Chợt chú trai kêu :

– Có ai như người trôi kìa?

Một bác dùng sào khều cái vật trôi lềnh bềnh đen thui và nói :

– Người thật.

Họ cúi vớt người kia lên. Tay anh ta co quắp còn cặp chặt trong nách một cái chèo ngắn; mặt anh ta tái nhợt, mắt nhắm nghiền, hai hàm răng cắn khít.

Một người bảo :

– Hà hơi, hà hơi đi, hình như còn thở thoi thóp.

truongxua.vn

Từ bên kia thuyền Xin Kính, tiếng người hỏi :

– Vớt được ai đó?

Mọi người cúi nhìn tận mặt kẻ bị nạn, nhưng không nhận ra ai. Mặt anh ta co rút nhăn nhúm đến nỗi đã méo dệch hẳn đi. Chú trai góp ý kiến :

– Giống như anh Hoe Chước.

Ông Phó Nhụy nói to sang thuyền kia :

– Hoe Chước !

Nhưng ông lại chợt nhớ ra. Sao thế được nhỉ? Hoe Chước đi bạn[20] trên thuyền ông Xin Kính kia mà? Ông hỏi to :

– Có Hoe Chước bên ấy không?

Thuyền bên kia có một sự im lặng kì quặc. Chú trai, thính tai nhất trong đám, nghe như bên kia đang bàn cãi gì láo nháo. Chú bỗng kêu lên :

– Ơ kìa, đâu mất rồi?

Thuyền ông Xin Kính vừa biến đi, như vụt chìm xuống đáy biển. Cái bóng cả thuyền lẫn buồm, đen nhờ nhờ, chỉ còn để lại một khoảng trống không trắng toát, khoảng trắng ấy nhòa dần vào màu sương phơn phớt xám. Trên thuyền ông Phó Nhụy, mọi người câm lặng, tim bóp chặt trong một lo âu ghê rợn, mở to mắt nhìn trân trân.

Chú trai lại kêu :

– Có tiếng gì om om lạ gớm?

Cùng một lúc, tất cả ai nấy đều nhận ra quả có tiếng sóng đánh phòm phọp âm âm như vỗ vào hang hốc. Ngay trước mặt, một khối to đen đồ sộ vụt xuất hiện, chỉ cách thuyền vài chục thước. Tức thời, ông lái nhảy bổ tới, túm lấy lèo, giằng riết. Chiếc thuyền quật mũi về bên trái, có một phút do dự rồi tiến theo ngả mới. Các bác chài vội vàng chạy đi tra chèo, ráng sức chèo tới. Cái khối đen mờ dần trong sương, rồi biến đi. Ông Phó Nhụy thở phào : thuyền ông vừa suýt đâm phải núi đá.

Khi thuyền ông Phó Nhụy, sau một buổi chạy vờ vật ngoài khơi, lần về tới lạch, thì anh Hoe Chước hơi tỉnh. Anh kể rằng trong cơn bão, thuyền ông Xin Kính bị sóng đánh giạt vào núi đá vỡ tan tành, và có lẽ chỉ mình anh sống sót, vì đã vớ được một cây chèo nhảy trước xuống biển. Những người kia, sau đó, nếu có nhảy khỏi thuyền cũng đã muộn và bị sóng quật vào lèn đá(21) đến rã xương.

Vợ họ nay vẫn sống trong góa bụa. Và cái hi vọng mong manh một ngày trở về của người thân cũng đã tắt trong họ từ lâu.

(*Tuyển tập Bùi Hiển*,
NXB Văn học, Hà Nội, 1987)

thuongmaitr

Chú thích

(1) *Cố :* tiếng dùng gọi người già. (2) *Cái nố ta :* lũ chúng. (3) *Dương gian :* cõi dương (đối lập với cõi âm), thế giới người sống. (4) *Huyễn tưởng :* mơ tưởng, ý tưởng viển vông, không có thực (gần giống như *ảo tưởng*). (5) *Tai ương* (như *tai họa*) : điều rủi ro, gây nên tổn thất, đau khổ lớn. (6) *Mồ ma :* thời còn sống của một người nào đó đã mất. (7) *Lạch :* đường nước chảy hẹp, thông ra sông, biển. (8) *Thanh quang* (ít dùng) : trong trẻo, sáng sủa. (9) *Nha Thương chính* (từ cũ) : sở kiểm soát buôn bán, sở đoan, hải quan. (10) *Neo :* vật nặng buộc vào dây thả chìm dưới nước để giữ cho tàu, thuyền đỗ lại, không trôi. (11) *Tố :* gió mạnh đổi chiều đột ngột xảy ra trong cơn giông. (12) *Vát :* lệch, xiên chéo. (13) *Cuồng lộng :* gió thổi rất mạnh ở nơi trống trải. (14) *Mu sam :* mu con sam, cứng và lõm, có thể dùng làm gầu múc nước. (15) *Xở :* gỡ; *xở buồm :* gỡ buồm. (16) *Lèo :* dây buộc từ cánh buồm đến chỗ lái để điều khiển buồm. (17) *Xang đua :* đưa qua đưa lại; đung đưa. (18) *Thủy phủ* (như *Thủy cung*) : nơi ở của Thủy thần, Long vương. (19) *Gió chướng :* gió ngược, thổi từ phía tây (trái quy luật thông thường của gió biển phía Nam vịnh Bắc Bộ). (20) *Đi bạn :* người đi làm thuê cho từng vụ, việc. (21) *Lèn đá :* núi đá có vách dựng đứng.

HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM

1. Cuộc lao động kiếm sống trên biển khơi vô cùng nhọc nhằn, đầy nguy hiểm của người dân chài được tác giả thể hiện như thế nào? Những đức tính của họ biểu lộ trong cuộc lao động vật lộn quyết liệt đó. Tình cảm và thái độ của tác giả trước cuộc sống lao động ấy, trước những con người gan góc ấy.

2. Nhân vật ông lão chài nghĩ như thế nào về những hồn ma, những người đã chết trong cuộc vật lộn dữ dội với sóng gió biển khơi? Anh (chị) hiểu và suy nghĩ gì về ý nghĩ của người dân chài chất phác : "... âm dương không phân ranh giới rõ ràng, cõi sống và cõi chết nương nhau vấn vít"?

*Có người nhận xét rằng : "**Chiều sương** là truyện ma quái mà không hề rùng rợn, trái lại, thật ấm áp nhân tình, thấm đượm một tư tưởng nhân đạo lớn lao, một tinh thần lạc quan khỏe khoắn chỉ có ở những người lao động dũng cảm trên biển khơi". Hiểu thế nào về ý kiến đó?*

3. Nhận xét về nghệ thuật viết truyện đặc sắc của tác giả. Chú ý : nghệ thuật dựng cảnh, miêu tả (cảnh vật lộn dữ dội của người dân chài với sóng gió biển khơi được miêu tả cụ thể, sống động, gợi không khí; cảnh gặp thuyền ma như thật như hư...) ; ngòi bút tinh tế, chân xác khi thể hiện tâm lí người lao động miền biển; ngôn ngữ trần thuật giản dị, điềm đạm mà sinh động, gợi cảm...

ruongxua.vn

HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

(Phần văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945)

1. Văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 đã tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh xã hội, văn hóa như thế nào? Hoàn cảnh xã hội văn hóa đó khác với hoàn cảnh xã hội, văn hóa mà văn học thời trung đại đã tồn tại mà phát triển ra sao?

2. Nói đến văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là nói đến một nền văn học đã được hiện đại hóa. Vậy :

a) Nguyên nhân dẫn đến sự hiện đại hóa văn học là gì?

b) Công cuộc hiện đại hóa văn học một cách rất mau lẹ đó đã diễn ra như thế nào qua ba bước mà sách giáo khoa đã nêu lên?

thuongmaitr

3. Sự phân hóa phức tạp thành nhiều xu hướng trong quá trình phát triển của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 là như thế nào? Những nét chính của mỗi xu hướng đó là gì?

4. Nội dung yêu nước và nhân đạo đã được thể hiện và kết tinh nghệ thuật trong văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 như thế nào? So với nội dung yêu nước và nhân đạo trong văn học trung đại, có gì là kế thừa, có gì là phát triển mới? (Chú ý dựa vào những tác phẩm tiêu biểu của mỗi thời kì văn học để phân tích, chứng minh).

5. Những giá trị tư tưởng thẩm mĩ cơ bản nhất trong sáng tác của Phan Bội Châu, Tản Đà, Hồ Biểu Chánh, Xuân Diệu, Thạch Lam, Vũ Trọng Phụng, Nam Cao, Nguyễn Tuân là gì? (Giới hạn trong phạm vi các tác phẩm được học nhưng có cả những tác phẩm đọc thêm ngoài chương trình càng tốt).

6. Hãy lập bảng tổng kết về *tên tác phẩm, tên tác giả, thời gian sáng tác, nội dung chính, thể loại của các tác phẩm đã học* theo mẫu sau đây :

Tác phẩm	Tác giả	Thời gian sáng tác	Nội dung chính	Thể loại

uongxua.vn

MỤC LỤC

Tên bài	Người biên soạn	Trang
PHẦN HAI **VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN HẾT THẾ KỈ XIX** (Tiếp theo chương trình lớp 10)		
• *Kiêu binh nổi loạn* (Trích *Hoàng Lê nhất thống chí* của Ngô gia văn phái)	Đặng Thanh Lê	3
• *Bài ca ngất ngưởng* (Nguyễn Công Trứ)	–	16
• *Dương phụ hành* (Cao Bá Quát)	–	19
ĐỌC THÊM		
– *Mộng vong nữ* (Cao Bá Quát)	Nguyễn Đình Chú	21
• Nguyễn Đình Chiểu (1822 - 1888)	–	22
• *Lẽ ghét thương* (Trích *Lục Vân Tiên* của Nguyễn Đình Chiểu)	–	28
• *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc* (Nguyễn Đình Chiểu)	–	31
• *Xúc cảnh* (Trích *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu)	–	36
ĐỌC THÊM		
– *Thà đui mà giữ đạo nhà* (Trích *Ngư Tiều y thuật vấn đáp* của Nguyễn Đình Chiểu)	–	38

thuongmaitr

Tên bài	Người biên soạn	Trang
• Nguyễn Khuyến (1835 - 1909)	Nguyễn Lộc	40
• *Khóc Dương Khuê* (Nguyễn Khuyến)	–	45
• Chùm thơ thu : *Thu vịnh, Thu điếu, Thu ẩm* (Nguyễn Khuyến)	–	48
ĐỌC THÊM		
– *Cuốc kêu cảm hứng* (Nguyễn Khuyến)	–	51
– *Hỏi thăm quan tuần mất cướp* (Nguyễn Khuyến)	–	52
• *Mồng hai tết viếng cô Kí* (Trần Tế Xương)	Phạm Văn Phúc	53
• *Thương vợ* (Trần Tế Xương)	–	55
ĐỌC THÊM		
– *Đất Vị Hoàng* (Trần Tế Xương)	–	56
– *Áo bông che bạn* (Trần Tế Xương)	Nguyễn Đình Chú	58
• *Hương Sơn phong cảnh ca* (Chu Mạnh Trinh)	Phạm Văn Phúc	59
• Hướng dẫn ôn tập	Nguyễn Đình Chú	62
PHẦN BA **VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ XX ĐẾN CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945**		
• Khái quát về văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945	Nguyễn Đăng Mạnh	63
• *Xuất dương lưu biệt* (Phan Bội Châu)	Nguyễn Đình Chú	82

uongxua.vn

Tên bài	Người biên soạn	Trang
• *Bài ca chúc tết thanh niên* (Phan Bội Châu)	Nguyễn Đình Chú	85
ĐỌC THÊM		
– *Tỏ mặt anh thư* (Trích *Trùng Quang tâm sử* của Phan Bội Châu)	–	87
– *Côn Lôn túc cảnh* (Phan Châu Trinh)	–	95
– *Điếu Dương Trường Đình* (Phan Châu Trinh)	–	97
– *Bài ca lưu biệt* (Huỳnh Thúc Kháng)	–	98
• *Thề non nước* (Tản Đà)	Phạm Văn Phúc	100
ĐỌC THÊM		
– *Tống biệt* (Tản Đà)	–	104
– *Thăm mả cũ bên đường* (Tản Đà)	–	106
• *Cha con nghĩa nặng* (Hồ Biểu Chánh)	Trần Hữu Tá	109
• Xuân Diệu (1916 - 1985)	Hoàng Như Mai	118
• *Thơ duyên* (Xuân Diệu)	–	129
• *Đây mùa thu tới* (Xuân Diệu)	–	130
• *Vội vàng* (Xuân Diệu)	–	132
ĐỌC THÊM		
– *Nguyệt cầm* (Xuân Diệu)	–	134
– *Tỏa nhị Kiều* (Xuân Diệu)	–	136

thuongmaitr

Tên bài	Người biên soạn	Trang
• *Tràng giang* (Huy Cận)	Nguyễn Hoành Khung	142
• *Đây thôn Vĩ Dạ* (Hàn Mặc Tử)	Nguyễn Đăng Mạnh	144
• *Tống biệt hành* (Thâm Tâm)	Hoàng Như Mai	147
ĐỌC THÊM		
– *Tiếng sáo Thiên Thai* (Thế Lữ)	–	149
– *Tương tư* (Nguyễn Bính)	Trần Hữu Tá	151
• *Hai đứa trẻ* (Thạch Lam)	–	153
ĐỌC THÊM		
– *Dưới bóng hoàng lan* (Thạch Lam)	–	162
• *Chữ người tử tù* (Nguyễn Tuân)	–	168
• *Hạnh phúc của một tang gia* (Trích *Số đỏ* của Vũ Trọng Phụng)	–	177
ĐỌC THÊM		
– *Một buổi tiếp khách* (Trích *Giông tố* của Vũ Trọng Phụng)	Nguyễn Hoành Khung	188
• Nam Cao (1915 - 1951)	–	196
• *Đời thừa* (Nam Cao)	–	202
• *Chí Phèo* (Nam Cao)	–	215
ĐỌC THÊM		
– *Một đám cưới* (Nam Cao)	–	237
– *Mất cái ví* (Nguyễn Công Hoan)	–	249
– *Mợ Du* (Nguyên Hồng)	Trần Hữu Tá	255
– *Chiều sương* (Bùi Hiển)	Nguyễn Hoành Khung	264
• Hướng dẫn ôn tập	Nguyễn Đình Chú	274

tuongxua.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản :
Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THỤY

Biên tập :
KIM ANH – HOÀNG PHÙNG

Biên tập tái bản :
NGUYỄN THANH HẢI

Biên tập kĩ - mĩ thuật :
LƯU CHÍ ĐỒNG

Trình bày bìa :
TRẦN TIỂU LÂM

Sửa bản in :
TRẦN MAI ĐAN – LÊ NHƯ HÀ

Chế bản :
PHÒNG CHẾ BẢN (NXB GIÁO DỤC)

thuongmaitr

uongxua.vn

DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11

1.	Văn học 11, tập 1	*Tái bản*
2.	Văn học 11, tập 2	*Tái bản*
3.	Làm văn 11	*Tái bản*
4.	Dàn bài Tập làm văn 11	*Tái bản*
5.	Tiếng Việt 11	*Tái bản*
6.	Bài tập Tiếng Việt 11	*Tái bản*
7.	Đại số và Giải tích 11	*Tái bản*
8.	Bài tập Đại số và Giải tích 11	*Tái bản*
9.	Hình học 11	*Tái bản*
10.	Bài tập Hình học 11	*Tái bản*
11.	Lịch sử 11	*Tái bản*
12.	Địa lí 11	*Tái bản*
13.	Tài liệu Giáo dục công dân 11	*Tái bản*
14.	Sinh học 11	*Tái bản*
15.	Vật lí 11	*Tái bản*
16.	Hóa học 11	*Tái bản*
17.	Kĩ thuật 11 (Cơ khí)	*Tái bản*
18.	Kĩ thuật 11 (Trồng trọt)	*Tái bản*
19.	English 11	*Tái bản*
20.	Tiếng Anh 11 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
21.	Tiếng Pháp 11 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
22.	Tiếng Pháp 11 (Hệ 7 năm)	*Tái bản*
23.	Tiếng Nga 11 (Hệ 3 năm)	*Tái bản*
24.	Bài tập Vật lí 11	*Tái bản*
25.	Bài tập Hóa học 11	*Tái bản*
26.	Bài tập Sinh học 11	*Tái bản*
27.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 11 (Cơ khí)	*Tái bản*
28.	Bài tập thực hành Kĩ thuật 11 (Trồng trọt)	*Tái bản*

thuongmaitruongxua.vn

8 934980 503942

VĂN HỌC 11 - TẬP 1

Mã số: 3H101T5

In 50.000 bản (08GK), khổ 14,3 x 20,3 cm.
In tại Công ty cổ phần in Nam Định.
Số in: 15. Số xuất bản: 1374/471-04.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 01 năm 2005.

Giá: 6.300đ